HƯỚNG DẪN HỌC & LUYỆN THI

LỊCH SỬ

- DÙNG CHO HỌC SINH 12
- LUYỆN THI ĐẠI HỌC & CAO ĐẲNG

ĐHQG Hà Nội

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI

HƯỚNG DẪN HỌC & LUYỆN THI

LỊCH SỬ

- DÙNG CHO HỌC SINH 12
- ÔN LUYỆN THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến !

Kể từ năm học 2001-2002 đến nay, Bộ GD và ĐT đã cải tiến cách ra đề thi vào Đại học, Cao đẳng. Để làm tốt bài thi môn Lịch sử, các em cần có một vốn kiến thức vừa sâu sắc, chắc chắn, vừa bao quát toàn bộ nội dung chương trình.

Ngoài việc nắm vững kiến thức từng bài, trong chương trình Lịch sử lớp 12, các em còn phải biết vận dụng những kiến thức đã học để làm bài thi. Để giúp các em thực hiện được điều đó, chúng tôi biên soạn sách "HƯỚNG DẪN HỌC VÀ LUYỆN THI LỊCH SỬ"

Sách có hai phần:

- Phần I: Lịch sử Việt Nam gồm

+ *Kiến thức cần nắm* giúp các em nắm vững nội dung của từng bài một cách cô đọng và chắc chắn.

+ *Câu hỏi ôn tập* giúp các em vận dụng kiến thức đã học và sự hiểu biết của mình để làm các đề thi.

- Phần II: Lịch sử thế giới chúng tôi cung cấp những kiến thức cơ bản, phù hợp với yêu cầu của đề thi Đại học, Cao đẳng môn Lịch sử.

Hi vọng với cuốn sách này, các em học sinh lớp 12 và Luyện thi Đại học có một tài liệu, sát hợp với chương trình thi Cao đẳng, Đại học hiện nay để vững tin bước vào các kì thi trước mắt.

Chúc các em thành công.

TÁC GIẢ

Chương I
VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 1
NHỮNG BIẾN CHUYỂN VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1930

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

1. Chương trình khai thác thứ hai của thực dân Pháp

*** Nguyên nhân:***

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), đế quốc Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế sa sút nghiêm trọng. Thêm vào đó, cuộc khủng hoảng kinh tế trong thế giới tư bản chủ nghĩa càng gây khó khăn cho nền kinh tế Pháp.

Nhằm hàn gắn vết thương chiến tranh, bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra, khôi phục và củng cố địa vị trong thế giới tư bản chủ nghĩa đế quốc Pháp một mặt tăng cường bóc lột nhân dân trong nước, mặt khác đẩy mạnh khai thác bóc lột thuộc địa. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai mà thực dân Pháp tiến hành ở Đông Dương là nằm trong ý đồ đó.

*** Quá trình khai thác***:

Để tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, Pháp tăng cường đầu tư vốn vào Việt Nam với quy mô và tốc độ nhanh gấp nhiều lần so với trước chiến tranh. Chỉ trong vòng 6 năm (1924-1929) tổng số vốn đầu tư vào Việt Nam tăng gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh (1898 -1918).

Với số vốn đó, Pháp tập trung khai thác các lĩnh lĩnh vực sau:

- *Về nông nghiệp:* Thực dân Pháp đẩy mạnh việc cướp đất, lập đồn điền, chủ yếu là đồn điền cao su. Tính đến năm 1930, diện tích đồn điền do chủ người Pháp nắm giữ lên tới 1,2 triệu héc ta đất đai, bằng ¼ tổng diện tích đất canh tác ở Việt Nam. Nhiều Công ty lớn phục vụ cho việc khai thác cũng lần lượt ra đời: Công ty Đất đỏ, Công ty Mi sơ Lanh, Công ty trồng cây nhiệt đới...

- *Về công nghiệp:* Thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than). Nhiều Công ty than mới ra đời: Công ty than Hạ Long, Đồng Đăng, Công ty than Đông Triều...

Ngoài ra, tư bản Pháp còn mở thêm một số cơ sở công nghiệp không có khả năng cạnh tranh với công nghiệp Pháp, chủ yếu là công nghiệp chế biến.

- *Về thương nghiệp:* Để nắm chặt hơn thị trường Việt Nam và Đông Dương, Pháp ban hành đạo luật đóng thuế nặng hàng ngoại nhập nhất là hàng Trung Quốc và Nhật Bản.

- *Về giao thông vận tải:* Pháp tăng cường đầu tư mở thêm nhiều tuyến đường nhằm phục vụ đắc lực cho việc chuyên chở nguyên vật liệu cũng như lưu thông hàng hoá trong nội địa và với nước ngoài.

**** Tác động của cuộc khai thác đến kinh tế:***

Quá trình khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến theo hướng tư bản. Chính sự thâm nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dẫn tới sự tan rã dần của nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc ở nông thôn. Nền kinh tế hàng hoá, do đó, có điều kiện để phát triển.

Tuy nhiên, do mục đích của thực dân Pháp biến Việt Nam thành thị trường cung ứng nguyên vật liệu và tiêu thụ hàng hoá, nên tác dụng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập vào cũng chỉ hạn chế.

Mặt khác, Pháp vẫn tiếp tục duy trì quan hệ sản xuất phong kiến ở Việt Nam, tiếp tục sử dụng giai cấp địa chủ phong kiến. Vì vậy, Việt Nam không còn là nước độc lập và không thể có nền kinh tế dân tộc phát triển bình thường lên tư bản chủ nghĩa, mà trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Hay nói tóm lại, nền kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ là nền kinh tế đan xen tồn tại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và phương thức sản xuất phong kiến. Và suy cho cùng đó là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.

2. Các chính sách về chính trị, văn hoá-giáo dục:

**** Về chính trị:***

Thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế triệt để, chúng nắm mọi quyền hành, bọn vua quan Nam triều chỉ là bù nhìn tay sai.

Mọi quyền tự do dân chủ của nhân ta bị tước đoạt, mọi hành động yêu nước bị chúng thẳng tay đàn áp, khủng bố.

Thực dân Pháp còn thực hiện chính sách "chia để trị". Chia Việt Nam thành ba kì và chia Đông Dương thành năm xứ để dễ cai trị.

**** Về văn hóa -giáo dục:***

Thi hành chính sách văn hóa nô dịch, nhằm gây tâm lí tự ti, vong bản, ra sức khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan.

Trường học chủ yếu phục vụ cho việc đào tạo đội ngũ tay sai cho thực dân Pháp.

Sách báo cũng được chúng lợi dụng vào việc tuyên truyền chính sách "khai hóa" của thực dân.

3. Xã hội Việt Nam bị phân hóa sâu sắc hơn sau chiến tranh

Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam bị phân hoá sâu sắc. Bên cạnh những giai cấp cũ vẫn còn, giờ đây đã xuất hiện các giai cấp mới. Mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội có địa vị và quyền lợi khác nhau, nên có thái độ chính trị khác nhau trong cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp.

**** Đối với giai cấp cũ:***

- *Giai cấp địa chủ phong kiến:* Tiếp tục bị phân hoá và chia ra hai bộ phận, mỗi bộ phận có thái độ chính trị khác nhau trước kẻ thù và trong cuộc đấu tranh dân tộc.

Bộ phận nhỏ là đại địa chủ, giàu có lên nhờ dựa vào Pháp, chống lại cách mạng, chúng trở thành đối tượng thù địch của cách mạng.

Bộ phận lớn là trung nông và tiểu địa chủ, bị Pháp chèn ép, đụng chạm tới quyền lợi, nên ít nhiều có tinh thần chống đế quốc, tham gia phong trào yêu nước khi có điều kiện.

- *Giai cấp nông dân:* Nước ta vốn dĩ là một nước nông nghiệp, nên nông dân chiếm 90% dân số. Họ là nạn nhân của chính sách chiếm đoạt ruộng đất, chính sách sưu thuế, địa tô, phu phen, tạp dịch dưới chế độ phong kiến. Họ tiếp tục bị bần cùng hoá và bị phá sản trên quy mô rộng lớn.

Do bị áp bức, bóc lột nặng nề bởi thực dân và phong kiến nên nông dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, có tinh thần chống đế quốc và phong kiến, là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

**** Đối với các giai cấp và tầng lớp mới:***

- *Giai cấp tư sản:* Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời vào những năm đầu sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam phân hoá thành hai bộ phận: Một bộ phận là tư sản mại bản có quyền lợi gắn với đế quốc, nên cấu kết chặt chẽ về chính trị với chúng. Một bộ phận khác là tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập, phát triển kinh tế dân tộc, nên ít nhiều có tinh thần dân tộc; dân chủ chống đế quốc và phong kiến, nhưng lập trường của họ không kiên định, dễ dàng thoả hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.

- *Tầng lớp tiểu tư sản:* Ra đời cùng thời gian với giai cấp tư sản. Tầng lớp tiểu tư sản cũng bị đế quốc bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh, gặp nhiều khó khăn, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp. Tầng lớp tiểu tư sản nhạy bén với tình hình chính trị, có tinh thần cách mạng, hăng hái đấu tranh và là một lực lượng quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta.

- *Giai cấp công nhân:* Ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp: từ 14 vạn (1914) lên đến 22 vạn (1929). Công nhân Việt Nam cũng chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột nên cuộc sống của họ vô cùng khốn khổ.

Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng:

+ Bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, nên có tinh thần cách mạng cao nhất.

+ Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

+ Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng bất khuất của dân tộc.

+ Đặc biệt, vừa lớn lên, giai cấp công nhân Việt Nam đã tiếp thu ngay chủ nghĩa Mác – Lê-nin, ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh.

Giai cấp công nhân Việt Nam với hoàn cảnh ra đời và phát triển, cùng với những đặc điểm của mình, là giai cấp yêu nước, cách mạng, cùng với giai cấp nông dân trở thành hai lực lượng chính của cách mạng, trong đó: giai cấp công nhân Việt Nam nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

4. Các mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam

Do tác động về kinh tế và những biến đổi sâu sắc về xã hội trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam nẩy sinh hai mâu thuẫn cơ bản:

- Mâu thuẫn dân tộc, giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
- Mâu thuẫn giai cấp, giữa giai cấp nông dân với bọn địa chủ phong kiến.

Hai mâu thuẫn này vừa là nguồn gốc vừa là động lực làm nảy sinh và thúc đẩy mọi phong trào yêu nước chống thực dân, phong kiến ở nước ta.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Tại sao đế quốc Pháp lại tiến hành khai thác Việt Nam ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? Chương trình khai thác Việt Nam lần thứ hai của đế quốc Pháp có điểm gì mới?

*** Hướng dẫn trả lời:**

+ ***Tại sao?*** (Xem phần nguyên nhân (trang 5).

+ ***Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai:***

- Tập trung vốn nhiều nhất vào nông nghiệp (chủ yếu là đồn điền cao su) và khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than).
- Pháp còn đầu tư vốn vào công nghiệp nhẹ và thương nghiệp.
  + Lập Ngân hàng Đông Dương để nắm quyền chỉ huy kinh tế.
  + Đặt ra các thứ thuế mới như: thuế rượu, thuế muối, thuế thuốc phiện...

Tuy vậy, kinh tế Việt Nam về cơ bản vẫn không có gì thay đổi, Pháp hết sức hạn chế phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng, nhằm cột chặt kinh tế Đông Dương lệ thuộc vào kinh tế Pháp và biến Đông Dương thành thị trường độc chiếm của Pháp.

Câu 2: Các thủ đoạn về chính trị, văn hoá - giáo dục của đế quốc Pháp sau Chiến tranh có những đặc điểm gì và nhằm mục đích gì?

*** Hướng dẫn trả lời:**

(Xem mục 2. *Các chính sách về chính trị, văn hóa – giáo dục* (trang 6))

Câu 3: Tình hình phân hoá xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? Thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau chiến tranh?

***Hướng dẫn trả lời:**

(Xem mục 3. *Xã hội Việt Nam bị phân hóa sâu sắc hơn sau chiến tranh* trang 6))

Câu 4: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp có tác động như thế nào đối với nền kinh tế Việt Nam?

****Hướng dẫn trả lời:***

(Dựa vào "Tác động của cuộc khai thác đến kinh tế" để trả lời)

Câu 5: Lập bảng so sánh cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 -1914) với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 -1929) của thực dân Pháp ở Việt Nam (hoàn cảnh lịch sử, mục đích, quy mô, hệ quả và tác động đến kinh tế, xã hội Việt Nam?)

****Hướng dẫn trả lời:***

	Cuộc khai thác lần thứ nhất	*Cuộc khai thác lần thứ hai*
Hoàn cảnh lịch sử	Sau khi thực hiện xong việc bình định về quân sự, thực dân Pháp bắt đầu khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914).	Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), thực dân Pháp tiếp tục khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam.
Mục đích	- Khai thác nguồn tài nguyên phong phú. - Bóc lột nguồn nhân công rẻ mạt. - Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Pháp.	Giống như cuộc khai thác lần thứ nhất.
Nội dung	Pháp đầu tư vào các ngành kinh tế: - Nông nghiệp: Tiến hành cướp ruộng đất của nông dân để lập đồn điền. - Công nghiệp: Chủ yếu khai thác mỏ, nhất là mỏ than. Ngoài ra, bắt đầu hình thành những cơ sở công nghiệp hàng tiêu dùng. - Giao thông vận tải: Chú ý phát triển để phục vụ cho công cuộc khai thác và mục đích quân sự. - Thương nghiệp: Độc quyền xuất nhập khẩu. Hàng hoá Pháp ở thị trường Việt Nam chiếm 37% số	Quy mô khai thác gấp nhiều lần so với lần thứ nhất, đầu tư vào các ngành: - Nông nghiệp: Vốn đầu tư cho nông nghiệp tính đến năm 1927 là 64 triệu france. Đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất, tính đến 1930, Pháp chiếm 850.000 ha để lập đồn điền cao su. - Công nghiệp: chủ yếu là khai thác mỏ than, sản lượng khai thác than tăng gấp nhiều lần so với trước chiến tranh. Ngoài ra Pháp

	lượng hàng nhập khẩu. Tổng số vốn của Pháp đầu tư vào Việt Nam gần 1 tỷ đồng.	còn chú ý đến công nghiệp tiêu dùng, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến. - Thương nghiệp: Độc chiếm thị trường Việt Nam, đóng thuế nặng vào các mặt hàng nhập từ Nhật Bản và Trung Quốc. Lập Ngân hàng Đông Dương. Tăng thuế đối với hàng hoá nội địa.
Hệ quả	Làm cho kinh tế Việt Nam bị què quặt, ngày càng lệ thuộc vào chính quốc.	Càng làm cho kinh tế nước ta bị cột chặt vào kinh tế nước Pháp. Đông Dương trở thành thị trường độc chiếm của Pháp.
Tác động	- Phương thức sản xuất TBCN bắt đầu du nhập vào Việt Nam tồn tại cùng với phương thức sản xuất phong kiến. - Xã hội Việt Nam bắt đầu phân chia ra những giai cấp mới.	- Phương thức sản xuất TBCN tiếp tục du nhập vào Việt Nam. Hình thái kinh tế chuyển đổi rõ rệt từ hình thái phong kiến chuyển sang hình thái TBCN. - Xã hội Việt Nam có sự phân hoá giai cấp rõ rệt.

Câu 6: Hãy nêu các mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất? Vì sao xuất hiện những mâu thuẫn đó?

***Hướng dẫn trả lời:**

+ Những mâu thuẫn cơ bản:

- Mâu thuẫn dân tộc, giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
- Mâu thuẫn giai cấp, giữa giai cấp nông dân với bọn địa chủ phong kiến.

Hai mâu thuẫn này vừa là nguồn gốc vừa là động lực làm nảy sinh và thúc đẩy mọi phong trào yêu nước chống thực dân, phong kiến ở nước ta.

+ Vì sao xuất hiện những mâu thuẫn đó:

- Do thực dân Pháp xâm lược, đàn áp, bóc lột, chà đạp lên đời sống của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đặc biệt trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai làm cho các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam bị điêu đứng về kinh tế, ngột ngạt về chính trị, ngu muội về văn hoá.
- Do bọn phong kiến cấu kết với thực dân Pháp ra sức bóc lột nông dân Việt Nam làm cho nông dân vốn đã khổ lại càng thêm khốn khổ.

Bài 2

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

1. Ảnh hưởng của tình hình thế giới đến Việt Nam sau chiến tranh

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga có ảnh hưởng sâu sắc đến cách mạng nước ta: Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, cùng với sự ra đời của nhà nước Xô-viết là một sự kiện lịch sử cách mạng mang tầm vóc thời đại to lớn. Nó đã có tác động mạnh mẽ đến phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam, tạo điều kiện cho cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản.

Quốc tế Cộng sản ra đời (3-1919), Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Trung Quốc lần lượt được thành lập. Phong trào công nhân và cộng sản ở phương Tây, phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông đang trên đà phát triển ngày càng gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Làn sóng cách mạng đang dâng cao trên thế giới, lan rộng từ Âu sang Á, từ Mĩ sang Phi, trong đó giai cấp vô sản các nước đã bắt đầu bước lên vũ đài chính trị.

2. Phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 – 1925)

a. Điều kiện ra đời và phát triển của phong trào

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) những làn sóng mới của phong trào dân tộc, dân chủ tiếp tục dâng lên mạnh mẽ. Giai cấp tư sản và tiểu tư sản xuất hiện, bước lên vũ đài quan trọng nhất. Lúc bấy giờ chủ nghĩa Mác – Lê-nin chưa được phổ biến sâu rộng ở Việt Nam thì tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đã chi phối không ít đến phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

b. Các phong trào đấu tranh

* *Phong trào giai cua cấp tư sản dân tộc:* giai cấp tư sản dân tộc nhân đà làm ăn thuận lợi, muốn vươn lên giành lấy vị trí khá hơn trong kinh tế Việt Nam sau chiến tranh.

Năm 1919, tư sản dân tộc tổ chức phong trào "Chấn hưng hàng nội hóa", "Bài trừ hàng ngoại hoá".

Năm 1923, họ châm ngòi đấu tranh chống độc quyền Cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kì của tư bản Pháp.

Cùng với hoạt động kinh tế, giai cấp tư sản dân tộc đã dùng báo chí để bênh vực quyền lợi của mình.

Một số tư sản và địa chủ lớn Nam Kì (đại biểu là Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long....) đứng ra tổ chức Đảng lập hiến để tập hợp lực lượng,

rồi đưa ra một số khẩu hiệu: Đòi tự do dân chủ để tranh thủ sự ủng hộ củ quần chúng, làm áp lực đối với Pháp. Nhưng khi được thực dân Pháp nhượn bộ cho ít quyền lợi, thì họ lại sẵn sàng thoả hiệp, vì vậy đã bị phong trà quần chúng vượt qua.

* *Phong trào của các tầng lớp tiểu tư sản:* Các tầng lớp tiểu tư sản đã th hiện lòng yêu nước của mình bằng nhiều cách. Ngoài việc tham gia vào cá phong trào yêu nước, dân chủ công khai lúc bấy giờ, họ đã tập hợp nhau lạ trong những tổ chức yêu nước mới, tiến hành đấu tranh có tổ chức.

Nhiều tổ chức chính trị yêu nước của tri thức Nhà văn, Nhà báo, Nhà giá‹ học sinh, sinh viên... đã ra đời như Tân Việt Thanh niên Đoàn (1923) Việ Nam Nghĩa Đoàn (1925) Hội Phục Việt (1925) Đảng Thanh niên (1926)...

Các tổ chức đã cho ra đời những tờ báo tiến bộ, như Chuông Rè, A Nam trẻ, Người nhà quê... lập ra nhưng nhà xuất bản tiến bộ, như Cườn học thư xã (Sài Gòn) Nam Đồng thư xã (Hà Nội)... Họ dùng sách báo làn phương tiện truyền bá tư tưởng yêu nước, tiến bộ, nêu quan điểm lậ trương chính trị của mình.

Trong cao trào yêu nước lúc bấy giờ có ba sự kiện tiêu biểu nhất: vụ Phạn Hồng Thái mưu sát toàn quyền Méc-lanh, vụ đòi thả Phan Bội Châu và vụ đ tang Phan Chu Trinh.

* Tháng 6-1924, toàn quyền Đông Dương là Méc-lanh sang Nhật v Trung Hoa, âm mưu cấu kết với chính quyền phản động hai nước này để ph hoại cách mạng Việt Nam. Tâm Tâm xã giao cho Phạm Hồng Thái nhiệm v trừ khử tên thực dân đầu sỏ. Cuộc mưu sát không thành, nhưng hành độn của Phạm Hồng Thái đã gây tiếng vang lớn ở trong và ngoài nước, giống nh "Cánh chim báo hiệu mùa xuân" vừa có tác dụng cổ vũ vừa thúc đẩy phon trào yêu nước.

* Phan Bội Châu là nhà yêu nước, hoạt động cách mạng từ đầu thế kỉ XX Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu tiếp tục hoạt động Trung Quốc. Giữa năm 1925 ông bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải và b mật đưa về nước giam ở Hoả Lò (Hà Nội) với âm mưu sát hại cụ. Nhân dâ cả nước đấu tranh buộc thực dân Pháp đưa cụ ra xét xử công khai, tha bổn và giam lỏng ở Huế cho đến khi mất (1940).

* Cùng hoạt động với Phan Bội Châu, đầu thế kỉ có Phan Châu Trinh Khi vụ chống thuế ở Nam kì xảy ra (1908) Phan Châu Trinh bị bắt và bị đà đi Côn Đảo ba năm. Đến ngày 24-3-1926, cụ Phan Châu Trinh qua đời sa một thời gian ốm nặng tại Sài Gòn. 14 vạn người đã xuống đường đưa cụ v nơi an nghỉ cuối cùng. Sau đám tang, khắp Bắc, Trung, Nam đều tổ chức l truy điệu.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc tuy th hiện lòng yêu nước nhưng mang tính chất thoả hiệp, cải lương và ngày xa rờ đi đến chỗ đối lập với quần chúng. Tiếng nói và hoạt động của tiểu tư sả

ạnh mẽ hơn nhiều, chứa đựng nhiều yếu tố tiến bộ, được quần chúng ủng ộ, song cũng không thể đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi, do thiếu đường lối hính trị đúng đắn.

. Phong trào công nhân (1919-1925)

a. Sự ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam

Cùng với cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, giai cấp công nhân 'iệt Nam ra đời và ngày càng lớn lên nhanh chóng. Trước chiến tranh số ượng công nhân mới chỉ có khoảng 5 vạn, sau chiến tranh tăng lên khoảng 0 vạn và đến năm 1929 lên đến 22 vạn.

Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng trưởng thành nhanh chóng rong những năm 20 của thế kỉ XX. Ngoài những đặc điểm chung của công hân quốc tế, công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng: Bị ba tầng ớp áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản người Việt Nam; có quan ệ tự nhiên gắn bó với nông dân; kế thừa truyền thống yêu nước, anh hùng ất khuất của dân tộc sớm tiếp thu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác Lê-nin. ì vậy, giai cấp công nhân Việt Nam có đủ khả năng hoàn thành sứ mệnh ảnh đạo cách mạng Việt Nam. Muốn lãnh đạo được cách mạng giai cấp công hân phải thành lập được một chính Đảng độc lập của mình, đảng đó phải heo chủ nghĩa Mác Lê-nin, có đường lối cách mạng đúng đắn, tổ chức chặt hẽ, kỉ luật nghiêm minh.

b. Phòng trào công nhân trong giai đoạn 1919 – 1925

Sinh ra ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, nên ngay từ đầu công hân Việt Nam đã bị bóc lột nặng nề, vì thế họ sớm bước lên con đường đấu ranh cách mạng.

Vào thời kì đầu (trước 1919) do số lượng còn ít, trình độ giác ngộ còn hấp nên những cuộc đấu tranh của công nhân chỉ diễn ra lẻ tẻ, rời rạc ở ừng xí nghiệp, từng kíp thợ. Mục đích đấu tranh chủ yếu đòi quyền lợi về inh tế như tăng lương, giảm giờ làm. Hình thức đấu tranh chủ yếu là đập há máy móc, đánh cai kí, chủ thầu, phá giao kèo, bỏ trốn tập thể.

Từ năm 1919 trở đi, phong trào ngày càng phát triển cao hơn.

Mở đầu là cuộc bãi công của công nhân thuỷ thủ Hải Phòng, Sài Gòn đòi hụ cấp giá sinh hoạt lên cao (1919).

Năm 1922 công nhân viên chức các sở Công thương của tư nhân ở Bắc ì bãi công đòi nghỉ ngày Chủ nhật có lương.

Sang năm 1924, nổ ra nhiều cuộc bãi công của công nhân các Nhà máy ệt, rượu, xay gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.

Đáng chú ý nhất là cuộc bãi công của hơn 1.000 công nhân xưởng máy a Son (sửa chữa và đóng tàu thuỷ của hải quân Pháp) ở cảng Sài Gòn, tháng -1925, cuộc bãi công với mục đích ngăn chặn không cho tàu chiến Pháp đưa nh sang đàn áp cách mạng ở Trung Quốc và thuộc địa Pháp ở Châu Phi.

Cuộc bãi công của công nhân Ba Son thắng lợi đánh dấu bước tiến mc của phong trào công nhân Việt Nam, mở đầu thời kì giai cấp công nhân côn nghiệp đi vào đấu tranh tự giác và tạo điều kiện cho tư tưởng cách mạn tháng Mười Nga thấm sâu vào Việt Nam.

Trong những năm 1919 - 1925, ở nước ta đã nổ ra 25 cuộc đấu tran riêng lẻ của công nhân, có quy mô tương đối lớn. Trong các cuộc đấu tranh ấ của công nhân đã sử dụng một hình thức đấu tranh mang đặc trưng của mìn là bãi công và dần dần đi vào tổ chức.

Nhìn chung phong trào công nhân trong thời kì này còn mang nặng tín chất tự phát. Tuy vậy phong trào công nhân cũng đã giữ một vị trí qua trọng trong phong trào yêu nước.

4. Nguyễn Ái Quốc và việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin v trong nước (1919-1925)

a. Cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc

** Vài nét về hoàn cảnh lịch sử*

Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19-5-1890 tại làng Kim Liên huyện Nar Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước trên quê hương giàu truyền thống cách mạng. Lớn lên trong hoàn cảnh nướ mất nhà tan, lại được chứng kiến sự thất bại của các phong trào yêu nước được tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng đương thời... Tất cả đã hun đúc tron Nguyễn Ái Quốc lòng yêu nước và ý chí quyết ra đi tìm đường cứu nước.

**Quá trình tìm đường cứu nước đến với Chủ nghĩa Mác – Lê-nin:*

Ngày 5-6-1911 Người lấy tên là Ba, xin làm phụ bếp trên tàu đô đô Latouche Trevile, rời bến cảng Nhà Rồng bắt đầu cuộc hành trình tìm đườn cứu nước.

Năm 1912, Người tiếp tục làm thuê cho một chiếc tàu khác, để từ Phá đi Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Tuynidi, Angiêri, Ghinê.....

Cuối năm 1912 Người đi Mĩ, cuối năm 1913 từ Mĩ trở về Anh.

Qua nhiều năm bôn ba ở hải ngoại, Người nhận rõ: "Giai cấp công nhâ và nhân dân các nước đều là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ thù Đó là cơ sở trực tiếp đầu tiên giúp Người dễ dàng tiếp thu quan điểm về gia cấp và đấu tranh giai cấp của Chủ nghĩa Mác - Lê-nin sau này.

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ và thắng lợi. Cuộc các mạng này đã làm rung chuyển thế giới, thức tỉnh các dân tộc phương Đông chuyển biến tư tưởng của nhiều nhà cách mạng.

Vào thời điểm này, Nguyễn Ái Quốc rời Luân Đôn (Anh) về Pari (Pháp Người tham gia hoạt động trong phong trào công nhân Pháp và tìm hiểu v Cách mạng tháng Mười Nga.

Năm 1919, các nước đế quốc thắng trận họp Hội nghị Vec-xai, Nguyễ Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước gửi bản yêu sách 8 điểi

ỉn Hội nghị đòi: quyền tự do dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết ân tộc. Đây là đòn trực diện đầu tiên giáng vào bọn trùm đế quốc, đã có iếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các ước thuộc địa Pháp. Tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc từ đó được nhiều người iết đến.

Tháng 7-1920 Người đọc được: "Sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề ân tộc và thuộc địa". Luận cương đã chỉ cho Nguyễn Ái Quốc con đường giải hóng dân tộc mình. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc quyết định đi theo Lê-nin đi heo Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội Tua vào tháng 12-1920 Người bỏ phiếu án thành Quốc tế thứ ba và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ ó, Người chọn con đường cách mạng vô sản trong đấu tranh giải phóng dân ộc, Người khẳng định "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con ường nào khác, ngoài con đường cách mạng vô sản".

Như vậy, sau nhiều năm bôn ba ở hải ngoại, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra on đường cứu nước đúng đắn đó là con đường, kết hợp độc lập dân tộc với hủ nghĩa xã hội, kết hợp tinh thần yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản. *Đây là công lao to lớn đầu tiên của Người.*

b. Nguyễn Ái Quốc với việc chuẩn bị về chính trị tư tưởng và tổ hức cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản.

Sau khi tiếp nhận Chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước úng đắn, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin vào trong nước. Quá trình này trải qua các thời kì sau:

** Thời kì ở Pháp (1920 - 1923)*

Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, ranh thủ sự ủng hộ của giai cấp công nhân Pháp đối với Việt Nam.

Người tham gia Hội "Những người yêu nước tại Pháp" vận động kiều bào ng hộ đấu tranh giải phóng dân tộc.

Người cùng một số nhà yêu nước ở các thuộc địa Pháp, sáng lập "Hội iên hiệp các dân tộc thuộc địa" (1921) để gây tình đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Người tham gia xây dựng báo "Le Paria" ("Người cùng khổ"), vào năm 922. Người còn viết nhiều bài đăng trên báo "Nhân đạo" "Đời sống công hân". Tiêu biểu nhất là cuốn "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Những sách báo do Người viết, một mặt, tố cáo tội ác của bọn đế quốc, nhất à đế quốc Pháp ở Đông Dương; mặt khác, khích lệ lòng yêu nước cho đồng bào, uyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin vận động quần chúng đấu tranh.

** Thời kì ở Liên Xô (1923 – 1924)*

Giữa 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân (10-1923). Sau đó, Người ở Liên Xô một thời gian ngắn để oạt động trong Quốc tế Cộng sản, học tập thêm về lí luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tiễn về Cách mạng tháng Mười Nga.

Trong thời gian này, Người viết nhiều bài đăng trên báo "Sự thật" C quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Liên Xô, "Thư tín quốc tế" cơ quan ngô luận của Quốc tế Cộng sản.

Tháng 7-1924 Người dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và đọc tham luậ tại Đại hội, trình bày quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạn thuộc địa, mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc v phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn củ giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian này chủ yếu trê mặt trận tư tưởng - chính trị nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nước ta. Những tư tưởng đó là:

+ Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp v sản và nhân dân các nước thuộc địa.

+ Xác định giai cấp công nhân có đủ khả năng lãnh đạo cách mạn thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

* *Thời kì ở Trung Quốc (1924 - 1927)*

Tháng 11-1924 Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quố để tập hợp những người yêu nước ở Việt Nam, truyền bá giáo dục cho họ ch nghĩa Mác - Lê-nin.

Đầu tiên Người tìm hiểu và cải tổ Tâm Tâm xã thành "Hội Việt Na Cách mạng Thanh niên" (6-1925). Người sáng lập báo "Thanh niên" (1925 Cùng với nhiều nhà cách mạng các nước, Người tham gia sáng lập "Hội Liê hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" để gây tình đoàn kết giữa cách mạn các nước trong khu vực.

Tại Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã mở nhiều lớp huấn luyện (192 - 1927) đào tạo được 75 cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Những bài giả của Người sau này tập hợp lại trong cuốn "Đường kách mệnh" được xuất bả ở Trung Quốc vào năm 1927.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có tác dụng quyết định tron việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính đản của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

c. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Năm 1929, ở Việt Nam xuất hiện ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộn sản đảng; An Nam Cộng sản đảng; Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Sự hoạ động riêng lẻ của ba tổ chức Cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiế trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Một yêu cầu cấp thiết là, cần phải hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thàn một Đảng Cộng sản duy nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đáp ứng yê cầu đó, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản chủ trì Hội nghị thàn lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930) tại Hương Cảng - Trung Quốc.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu1: Tình hình thế giới sau chiến tranh đã ảnh hưởng tới cách mạng Việt Nam như thế nào?

***Hướng dẫn trả lời:**

- Dưới tác động của tình hình thế giới, nhất là Cách mạng tháng Mười Nga làm cho cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kì mới:

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thành công (11-1917) có ảnh hưởng to lớn đối với các mạng thế giới.

+ Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông và phong trào công nhân ở các nước phương Tây có sự gắn bó mật thiết với nhau.

+ Giai cấp vô sản trẻ tuổi các nước bắt đầu bước lên vũ đài chính trị.

- Các tổ chức chính trị theo khuynh hướng vô sản lần lượt được thành lập: Quốc tế Cộng sản (2 -1919), Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921).

- Cách mạng tháng Mười Nga và sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới dã có tác động mạnh tới sự lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam.

- Tất cả tình hình trên có tác động mạnh mẽ đến cách mạng Việt Nam, hướng cho cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản.

Câu 2: Mục tiêu và tính chất đấu tranh trong phong trào yêu nước dân chủ công khai những năm 1919 - 1926? Những mặt tích cực và hạn chế của phong trào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

(Xem 2. *Phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 – 1925)* (trang 11))

****Những mặt tích cực và hạn chế của phong trào:***

- Phong trào của giai cấp tư sản dân tộc:

+ Tích cực: Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam đã có cố gắng trong việc dấu tranh chống sự cạnh tranh, chèn ép của tư sản nước ngoài.

+ Hạn chế: Các hoạt động của họ chỉ mang tính chất cải lương, giới hạn trong khuôn khổ của chế độ thực dân, phục vụ quyền lợi của các tầng lớp trên và nhanh chóng bị phong trào quần chúng vượt qua.

- Phong trào của tầng lớp tiểu tư sản:

+ Tích cực: Có tác dụng thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do dân chủ trong nhân dân, truyền bá những tư tưởng cách mạng mới.

+ Hạn chế; Họ chưa tổ chức thành chính đảng nên đấu tranh mang tính chất xốc nổi, ấu trĩ.

Câu 3: Những nguyên nhân nào đã làm cho phong trào công nhân nước ta phát triển lên một bước cao hơn từ sau chiến tranh?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Do sách báo tiến bộ và hoạt động của công nhân từ Pháp về.

- Hoạt động của Công hội do Tôn Đức Thắng thành lập ở Sài Gòn năm 1920

- Các cuộc đấu tranh của công nhân thuỷ thủ Pháp, công nhân thuỷ thủ Trung Quốc... đã cổ vũ, động viên công nhân Việt Nam hăng hái đấu tranh.

Câu 4: Tại sao lại cho rằng cuộc bãi công Ba Son (8-1925) là một cái mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân nước ta sau chiến tranh?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Tạo điều kiện cho tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga thấm sâu vào công nhân Việt Nam để công nhân Việt Nam hành động có ý thức hơn.

- Sự trưởng thành của công nhân Việt Nam: Là cuộc đấu tranh quan trọng đầu tiên của công nhân có tổ chức, lãnh đạo; đấu tranh không chỉ nhằm mục đích kinh tế mà còn vì mục tiêu chính trị; họ đã tỏ rõ sức mạnh giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản; đánh dấu công nhân Việt Nam bắt đầu đi vào đấu tranh tự giác.

Câu 5: Con đường tìm chân lí của Nguyễn Ái Quốc có gì là độc đáo khác với con đường truyền thống của lớp người trước?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Các bậc tiền bối mà tiêu biểu là Phan Bội Châu đã chọn con đường cứu nước đó là đi sang phương Đông chủ yếu là Nhật, vì ở đó đã từng diễn ra cuộc cải cách Minh Trị 1868 làm cho Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa vì Nhật đã đánh bại đế quốc Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905) và Nhật còn là nước *"đồng văn đồng chủng"* với Việt Nam. Đối tượng của Phan Bội Châu gặp gỡ là những chính khách Nhật để xin họ giúp Việt Nam đánh Pháp. Phương pháp của cụ là vận động, tổ chức giai cấp, cùng các tầng lớp trên để huy động lực lượng đấu tranh bạo động.

- Còn Nguyễn Ái Quốc lựa chọn hướng đi sang phương Tây, nơi được mệnh danh có tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, có khoa học kĩ thuật, có nền văn minh phát triển. Cách đi của Nguyễn Ái Quốc là đi vào tất cả các giai cấp, tầng lớp, đi vào phong trào quần chúng giác ngộ, đoàn kết họ đứng lên đấu tranh giành độc lập thật sự, bằng sức mạnh của mình là chính. Người luôn đề cao học tập, nghiên cứu lí luận và kinh nghiệm cách mạng mới nhất của thời đại để trên cơ sở đó bắt gặp chân lí Cách mạng tháng Mười Nga. Đây là con đường cứu nước duy nhất đúng đắn đối với dân tộc ta, cũng như đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc khác, vì nó phù hợp với sự phát triển của lịch sử.

Bài 3

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI (1925 – 1930)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN VÀ TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG RA ĐỜI

1. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tiền thân của chính đảng vô sản

Tháng 11-1924 Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng Châu (Trung Quốc). Người tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng Việt Nam có mặt ở đây, cùng một số thanh niên hăng hái thành lập "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" với hạt nhân Cộng sản Đoàn (6-1925) chuẩn bị điều kiện để thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

Hoạt động quan trọng đầu tiên của Hội là mở lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách để đào tạo thanh niên yêu nước Việt Nam trở thành cán bộ cách mạng. Từ năm 1925 đến năm 1927 có 75 người dự các lớp huấn luyện này. Một số được chọn đi học tiếp tại trường Đại học Phương Đông ở Liên Xô hoặc trường Quân sự Hoàng Phố ở Trung Quốc, còn phần lớn trở về nước hoạt động.

Những bài giảng trong các lớp đào tạo của cán bộ ở Quảng Châu, được tập hợp lại in thành sách "Đường Kách mệnh" (1927): Nội dung của tác phẩm

+ Nguyễn Ái Quốc vạch ra phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

+ Những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

+ Những quan điểm cơ bản được nêu lên:

• Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phải tổ chức, động viên, lãnh đạo quần chúng đứng lên đánh đổ các giai cấp bóc lột.

• Động lực chính của cách mạng là công nhân và nông dân, "công nông là gốc của cách mạng".

• Nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam là sự lãnh đạo của một đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

• Cách mạng Việt Nam cần đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới và là một bộ phận của cách mạng thế giới.

Trong những năm 1926 - 1927, cùng với tuần báo Thanh niên, tác phẩm "Đường Kách mệnh" được bí mật chuyển từ Trung Quốc về, góp phần to lớn truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Trong những năm 1928 - 1929 Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chủ trương "vô sản hoá" đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền....

cùng sống và lao động với công nhân để tự rèn luyện và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Phong trào "vô sản hóa" đã góp phần to lớn vào việc nâng cao tính "tự giác" của phong trào quần chúng, thúc đẩy quá trình kết hợp chủ nghĩa Mác Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, nhanh chóng thành lập một chính đảng cách mạng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

2. Tân Việt Cách mạng đảng và sự phân hóa của tổ chức đó

Khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời ở nước ngoài thì ở trong nước Tân Việt Cách mạng đảng cũng ra đời.

Tiền thân của Tân Việt Cách mạng đảng là hội Phục Việt (7-1925) sau đó đổi tên thành Hội Hưng Nam, Hội Hưng Nam lại tiếp tục đổi tên thành Việt Nam Cách mạng đảng (1926) rồi Việt Nam Cách mạng Đồng chí hội (1927) cuối cùng là Tân Việt Cách mạng đảng (14-7-1928).

Tân Việt Cách mạng là tổ chức chính trị của những trí thức nhỏ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

Quá trình hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng phân hóa theo hai khuynh hướng.

Một bộ phận tiên tiến của Tân Việt chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, bộ phận tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một Đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

II. VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG VÀ KHỞI NGHĨA YÊN BÁI

1. Việt Nam quốc dân đảng thành lập

Không bao lâu sau khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt Cách mạng đảng ra đời, Việt Nam Quốc dân đảng cũng ra đời (25-12-1927).

Cơ sở hạt nhân đầu tiên của Đảng là Nam Đồng thư xã, một nhà xuất bản tiến bộ do Phạm Tuấn Tài lập ra đầu năm 1927.

Việt Nam Quốc dân đảng lấy chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn làm tôn chỉ, mục đích.

Đây là Đảng cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu và Phó Đức Chính sáng lập. Mục tiêu của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi được thực dân Pháp, xoá bỏ ngôi vua, thực hiện nhân quyền.

Thành phần Đảng viên trong Việt Nam Quốc dân đảng phức tạp, kết nạp học sinh, sinh viên, công chức, tư sản dân tộc, phú nông, thân hào địa chủ và cả một số binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

Là một Đảng hoạt động bí mật nhưng tổ chức lỏng lẻo, kỉ luật thiếu nghiêm minh, kết nạp Đảng viên bừa bãi, thực dân Pháp lợi dụng sơ hở này đưa tay chân vào Đảng, theo dõi nắm bắt mọi hoạt động của Đảng và chờ dịp ra tay đàn áp.

2. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930)

* *Nguyên nhân bùng nổ:* Ngày 9-2-1929 tại Hà Nội xảy ra vụ ám sát tên trùm mộ phu Ba-danh. Thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc bắt bớ, tù đày, cả những người tình nghi có liên quan thuộc bất cứ tổ chức cách mạng nào, gây ra biết bao tổn thất cho phong trào cách mạng đang trên đà tiến lên. Việt Nam Quốc dân đảng bị thiệt hại rất nặng, có tới 1000 đảng viên bị bắt, cơ sở ở nhiều nơi bị phá vỡ, cán bộ của đảng từ Trung ương đến địa phương hầu hết bị sa lưới giặc. Đứng trước tình hình đó, các yếu nhân còn lại của đảng quyết định, dốc hết lực lượng còn lại cho một cuộc bạo động, với tinh thần "không thành công cũng thành nhân".

* *Diễn biến:* Đêm 9-2-1930 khởi nghĩa nổ ra trước tiên ở Yên Bái sau đó ở Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình, ở Hà Nội cũng có ném bom phối hợp.

Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp, nhưng không làm chủ được tỉnh lị nên hôm sau quân Pháp phản công và tiêu diệt. Ở các nơi khác, nghĩa quân chỉ tạm thời làm chủ mấy huyện nhỏ, sau đó đã nhanh chóng bị Pháp chiếm lại. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại nhanh chóng, Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của ông bị thực dân Pháp kết án tử hình, trước khi lên máy chém các ông đã hiên ngang hô to "Việt Nam vạn tuế".

* *Nguyên nhân thất bại:* Về khách quan, thực dân Pháp còn đủ mạnh để đàn áp mọ cuộc khởi nghĩa vừa cô độc vừa non kém như khởi nghĩa Yên Bái.

Về chủ quan, Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu về tổ chức và lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa lại nổ ra trong tình thế bị động, phong trào dân tộc, dân chủ theo khuynh hướng dân chủ tư sản, không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

* *Ý nghĩa:* Cuộc khởi nghĩa Yên Bái tuy thất bại, nhưng đã góp phần cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và bè lũ bán nước; được nhân dân trong nước và các lực lượng ngoài nước ủng hộ.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại kéo theo sự tan rã của Việt Nam Quốc dân đảng, đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của đường lối chính trị tư sản.

III. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN (1925-1929)

1. Sự chuyển hóa từ tự phát sang tự giác của phong trào công nhân

Hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin về nước của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được đẩy mạnh, nhất là phong trào "vô sản hoá" có tác động mạnh đến phong trào của quần chúng trong những năm 1925 - 1929, trước hết đến phong trào công nhân, chuyển dần sang tự giác, để đến năm 1930 thì hoàn toàn tự giác.

Ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong thời kì này còn có những sự kiện bên ngoài:

+ Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (7-1924) ở Matxcơva đề ra những Nghị quyết quan trọng về phong trào cách mạng của các nước thuộc địa.

+ Cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ với trung tâm ở Quảng Châu.

+ Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc cùng với những nhà cách mạng Việt Nam tại Quảng Châu từ năm 1925 đến năm 1927, chuẩn bị trực tiếp và toàn diện cho một chính đảng của giai cấp vô sản ra đời ở Việt Nam.

Tình hình trên đã tác động mạnh đến bộ phận tiên tiến trong lực lượng cách mạng nước ta, qua đó tác động đến sự giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân, làm cho phong trào đấu tranh của công nhân phát triển lên bước cao hơn.

Trong những năm 1926 - 1927 liên tiếp nổ ra nhiều cuộc bãi công của công nhân. Lớn nhất là cuộc bãi công của 1.000 công nhân Nhà máy Sợi Nam Định, của 500 công nhân đồn điền cao su Cam Tiên.

Trong hai năm 1928 - 1929 phong trào cách mạng phát triển mạnh, mang tính thống nhất toàn quốc. Có tới 40 cuộc đấu tranh của công nhân các miền, lớn nhất là cuộc bãi công của công nhân ở Nhà máy xi măng và Nhà máy sợi Hải Phòng, Nhà máy sợi Nam Định, Nhà máy diêm và cưa Bến Thuỷ, Nhà máy xe lửa Trường Thi (Vinh) Nhà máy đá Sài Gòn, đồn điền cao su Lộc Ninh.....

2. Đặc điểm của phong trào công nhân

+ Các cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra liên tục, rộng khắp, mang tính chính trị, bước đầu đã liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương. Nhiều nhà máy, xí nghiệp thành lập Công hội đỏ, đặc biệt Công hội Nam Kì đã bắt liên lạc Tổng Liên đoàn lao động Pháp.

+ Cuộc đấu tranh có sự lãnh đạo và phối hợp khá chặt chẽ. Khẩu hiệu đấu tranh ngày càng nâng dần lên: từ đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế chuyển sang đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

+ Trình độ chính trị của giai cấp công nhân đã được nâng lên rõ rệt. Giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

Phong trào công nhân ngày càng lên cao, đòi hỏi tổ chức, lãnh đạo cũng phải cao hơn mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng, từ đó dẫn tới sự tan rã của các tổ chức Thanh niên, Tân Việt và sự xuất hiện ba tổ chức cách mạng: Đông Dương Cộng sản đảng (6-1929); An Nam Cộng sản đảng (7-1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9-1929). Cuối cùng ba tổ chức hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

IV. BA TỔ CHỨC CỘNG SẢN NỐI TIẾP RA ĐỜI TRONG NĂM 1929

Cuối năm 1928 đầu năm 1929, phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản phát triển mạnh mẽ ở nước ta. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo cách mạng. Yêu cầu của cách mạng Việt Nam phải có Đảng Cộng sản để kịp thời lãnh đạo cách mạng.

Cuối tháng 3-1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc Kì đã họp ở nhà số 5D phố Hàm Long (Hà Nội) lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm 7 người, tích cực chuẩn bị tiến

ới thành lập một Đảng Cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam cách mạng hanh niên.

Tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên họp rong tháng 5-1929, ở Hương Cảng (Trung Quốc) khi kiến nghị của mình đưa a về việc thành lập Đảng Cộng sản không được chấp nhận, Đoàn đại biểu Bắc Kì lập tức bỏ về nước.

Ngày 17-6-1929, nhóm trung kiên cộng sản Bắc Kì họp và quyết định hành lập Đông Dương Cộng sản đảng, bầu Ban chấp hành Trung ương Lâm hời, thảo chương trình, điều lệ, dựa theo chương trình điều lệ của Quốc tế ộng sản, ra báo Búa liềm.

Sự ra đời và hoạt động của Đông Dương Cộng sản đảng có ảnh hưởng ích cực đến bộ phận còn lại của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Tháng -1929, nhiều hội viên tiên tiến ở Nam Kì, Nam Trung Kì và ở Trung Quốc giải thể tổ chức cũ để thành lập An Nam Cộng sản đảng.

Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản đảng đã ó tác động mạnh đến sự phân hoá của Tân Việt cách mạng đảng các Đảng viên tiên tiến của Tân Việt đứng ra thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn (9-1929) ở Trung Kì.

Như vậy, chỉ trong vòng không đầy 4 tháng ở Việt Nam ba tổ chức Cộng sản lần lượt ra đời đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân và hoạt động của nó thúc đẩy phong trào công nhân, phong trào yêu nước lên cao, là bước chuẩn bị tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Trình bày những nét chính về hoàn cảnh ra đời của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Hội?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Hoàn cảnh ra đời:

+ Tháng 11-1924 Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng Châu (Trung Quốc). Người tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng Việt Nam có mặt ở đây, cùng một số thanh niên hăng hái thành lập "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên".

+ Hoạt động quan trọng đầu tiên của Hội là mở lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách để đào tạo thanh niên yêu nước Việt Nam trở thành cán bộ cách mạng.

- Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:

+ Sáng lập và lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, lựa chọn thanh niên yêu nước đưa và Hội, vạch ra mục đích, chương trình của Hội.

+ Mở lớp huấn luyện chính trị, trực tiếp viết bài dạy, ra báo Thanh niên.

+ Qua hoạt động của Hội, Người thực hiện mục đích đào tạo những cán bộ cách mạng đem chủ nghĩa Mác – Lê-nin truyền bá vào trong nước. Đây chính là quá trình chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

Câu 2: Tân Việt Cách mạng đảng đã phân hóa như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

*** Hướng dẫn trả lời:**

(Xem mục 2. *Tân Việt Cách mạng đảng và sự phân hóa của tổ chức đó* (trang 20))

Câu 3: Các điều kiện dẫn tới việc thành lập Việt Nam quốc dân đảng và những non yếu của tổ chức đó về chính trị, tư tưởng tổ chức và phương thức họat động?

***Hướng dẫn trả lời:**

- Điều kiện thành lập:

Việt Nam quốc dân đảng ra đời (25-12-1927). Các điều kiện thành lập Việt Nam quốc dân đảng:

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư tưởng cách mạng tư sản tiếp tục dội vào Việt Nam, tiêu biểu là ảnh hưởng chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

+ Ảnh hưởng của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, giai cấp tư sản ra đời và ngày càng phát triển.

+ Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản những năm 1919 –1925 phát triển mạnh mẽ.

- Những non yếu:

+ Về chính trị, tư tưởng: Lấy chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, một trào lưu dân chủ tư sản thịnh hành ở Trung Quốc làm nền tảng chính trị, tư tưởng; nhưng những nguyên tắc, chính sách có tính cách mạng đã bị loại bỏ (Khẩu hiệu Bình quân địa quyền, chính sách Liên Nga, liên Cộng phù trợ công nông).

+ Tôn chỉ, mục đích: Còn chung chung không rõ ràng (nhằm đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, sau cùng thiết lập dân quyền).

+ Về tổ chức:

Đây là Đảng cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu và Phó Đức Chính sáng lập, chủ trương xây dựng thành 4 cấp từ trung ương: Tổng bộ, Kì bộ, Tỉnh bộ đến Chi bộ cơ sở nhưng chưa bao giờ trở thành hệ thống trong cả nước.

Thành phần Đảng viên trong Việt Nam Quốc dân Đảng phức tạp, kết nạp học sinh, sinh viên, công chức, tư sản dân tộc, phú nông, thân hào địa chủ và cả một số binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

Là một Đảng hoạt động bí mật nhưng tổ chức lỏng lẻo, kỉ luật thiếu nghiêm minh, kết nạp Đảng viên bừa bãi, thực dân Pháp lợi dụng sơ hở này đưa tay chân vào Đảng, theo dõi nắm bắt mọi hoạt động của Đảng và chờ dịp ra tay đàn áp.

+ Phương thức hoạt động: Chủ trương bạo động vũ trang, ít chú ý đến tuyên truyền vận động quần chúng. Không có cơ quan ngôn luận hoặc tài liệu văn kiện chính thức để giải thích tôn chỉ, mục đích. Không có lí luận làm cơ sở cho đường lối và phương pháp đấu tranh nên hoạt động thiên về quân sự, nặng về ám sát cá nhân.

Câu 4: Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- ***Nguyên nhân thất bại:***

+ *Khách quan:* Lúc này thực dân Pháp còn đủ mạnh để đàn áp một cuộc khởi nghĩa vừa cô độc vừa non kém như khởi nghĩa Yên Bái.

+ *Về chủ quan:* Việt Nam quốc dân Đảng còn non yếu về tổ chức và lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa lại nổ ra trong tình thế bị động, phong trào dân tộc, dân chủ theo khuynh hướng dân chủ tư sản, không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

- ***Ý nghĩa lịch sử:***

+ Góp phần cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và bè lũ bán nước; được nhân dân trong nước và các lực lượng ngoài nước ủng hộ.

+ Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho các phong trào đấu tranh sau này.

- ***Bài học kinh nghiệm:***

+ Bài học về việc vận động, tổ chức và tập hợp quần chúng đấu tranh.

+ Bài học về thời cơ khởi nghĩa.

+ Bài học về kết nạp đảng viên phải thận trọng.

Câu 5: Tại sao có sự đấu tranh giữa hai khuynh hướng khác nhau xung quanh vấn đề thành lập Đảng Cộng sản vào năm 1930?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Hai khuynh hướng khác nhau xung quanh vấn đề thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930 đó là: Một khuynh hướng cấp tiến, thấy cần thiết phải thành lập Đảng và một khuynh hướng cho rằng chưa cần thiết phải thành lập Đảng. Sở dĩ có hai khuynh hướng này vì:

- Do nhận thức khác nhau của các hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên về vấn đề thành lập đảng (Hội viên ở Bắc Kì thấy cần thiết phải thành lập ngay một Đảng Cộng sản, đại biểu các nơi khác thấy chưa cần thiết).

- Có những nhận thức khác nhau đó là do thực tế phong trào cách mạng đặc biệt là phong trào công nhân ở từng miền khác nhau (miền Bắc phong trào phát triển hơn nên các đại biểu Bắc Kì nhận thức được yêu cầu có Đảng sớm hơn để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đang trên đà phát triển).

Câu 6: Ý nghĩa của việc thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Là một xu thế tất yếu khách quan của lịch sử, đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Khẳng định bước nhảy vọt của cách mạng nước ta, chứng tỏ tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc.

- Đây là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930.

Câu 7: Lập bảng so sánh ba tổ chức yêu nước cách mạng (Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng) theo yêu cầu sau đây:

Nội dung	***Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên***	***Tân Việt Cách mạng đảng***	***Việt Nam Quốc dân đảng***
Thời gian			
Lãnh đạo			
Lực lượng			
Nhiệm vụ			
Xu hướng			

*** Hướng dẫn trả lời:**

Nội dung	***Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên***	***Tân Việt Cách mạng đảng***	***Việt Nam Quốc dân đảng***
Thời gian	6 - 1925 đến 2-1929	7-1927 đến cuối 1929	12-1927 đến đầu 1930
Lãnh đạo	Nguyễn Ái Quốc	Tầng lớp trí thức tư sản: Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt.	Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.
Lực lượng	Công nhân, trí thức, thanh niên yêu nước.	Tư sản, học sinh, sinh viên.	Phức tạp: tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, công chức, binh lính...
Nhiệm vụ	Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đào tạo cán bộ làm cách mạng vô sản	Đánh đuổi thực dân Pháp nhưng chưa rõ rệt.	Đánh đuổi đế quốc, xóa bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
Xu hướng	Làm cách mạng dân chủ, làm cách mạng vô sản.	Phân hóa theo hai hướng.	Đi theo con đường tư bản nhưng bị bế tắc, tan rã.

Câu 8: Từ sự chuyển hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sự phân hóa của Tân Việt, sự thất bại của Việt Nam Quốc dân đảng. Hãy tìm ra nguyên nhân chung dẫn đến quá trình đó?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Từ nửa sau những năm 20 của thế kỉ XX ở Việt Nam diễn ra một thực tế lịch sử:

+ Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin và những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về đường lối cách mạng trên lập trường vô sản ở Việt Nam do Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tiến hành. Nhưng chính sự phát triển đó lại vượt quá tầm lãnh đạo của Hội. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam lúc này, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã chuyển hóa thành hai tổ chức Cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng (6-1929) và An Nam Cộng sản đảng (7-1929).

+ Cũng chịu ảnh hưởng ngày càng sâu sắc của con đường cách mạng vô sản, nên Tân Việt Cách mạng đảng cũng có sự phân hóa: Một bộ phận tiên tiến của Tân Việt đã gia nhập vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; một bộ phận còn lại sau này tiến đến thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.

+ Tổ chức Việt Nam quốc dân đảng theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản. Đường lối cách mạng không đáp ứng yêu cầu của dân tộc, do vậy Việt Nam quốc dân đảng không xây dựng được cơ sở của mình trong các giai cấp cơ bản, không được quần chúng ủng hộ. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam quốc dân đảng khởi xướng và lãnh đạo. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại kéo theo sự tan rã của Việt Nam quốc dân đảng.

- Từ thực tế đó, ta có thể rút ra nguyên nhân chung dẫn đến sự chuyển hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sự phân hóa của Tân Việt và sự thất bại rồi tan rã của Việt Nam quốc dân đảng là: quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam, cũng là quá trình tuyên truyền những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về con đường giải phóng dân tộc trên lập trường vô sản ở Việt Nam. Con đường cách mạng trên lập trường vô sản đáp ứng được yêu cầu cơ bản của dân tộc và của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, con đường cách mạng vô sản, các tổ chức cách mạng trên lập trường vô sản được quần chúng nhân dân hậu thuẫn ngày càng chiếm ưu thế và đã giữ vai trò chủ đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam.

Câu 9: Hãy nêu những ảnh hưởng làm cho phong trào công nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong những năm 1926 –1929? Đặc điểm của phong trào công nhân trong thời kì này? Vị trí của phong trào công nhân đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

***Hướng dẫn trả lời:**

- Ảnh hưởng đến phong trào:

+ Hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin về nước của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được đẩy mạnh, nhất là phong trào "vô sản

hoá" có tác động mạnh đến phong trào của quần chúng trong những năm 1925 - 1929, trước hết đến phong trào công nhân, chuyển dần sang tự giác, để đến năm 1930 thì hoàn toàn tự giác.

+ Ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong thời kì này còn có những sự kiện bên ngoài:

Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (6-1924) ở Matxcơva đề ra những Nghị quyết quan trọng về phong trào cách mạng của các nước thuộc địa.

Cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ với trung tâm ở Quảng Châu.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc cùng với những nhà cách mạng Việt Nam tại Quảng Châu từ năm 1925 đến năm 1927, chuẩn bị trực tiếp và toàn diện cho một chính Đảng của giai cấp vô sản ra đời ở Việt Nam.

Tình hình trên đã tác động mạnh đến bộ phận tiên tiến trong lực lượng cách mạng nước ta, qua đó tác động đến sự giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân, làm cho phong trào đấu tranh của công nhân phát triển lên bước cao hơn.

Trong những năm 1926 - 1927 liên tiếp nổ ra nhiều cuộc bãi công của công nhân. Lớn nhất là cuộc bãi công của 1.000 công nhân Nhà máy Sợi Nam Định, của 500 công nhân đồn điền cao su Cam Tiên.

Trong hai năm 1928 - 1929 phong trào cách mạng phát triển mạnh, mang tính thống nhất toàn quốc. Có tới 40 cuộc đấu tranh của công nhân các miền, lớn nhất là cuộc bãi công của công nhân ở Nhà máy xi măng và Nhà máy sợi Hải Phòng, Nhà máy sợi Nam Định, Nhà máy diêm và cưa Bến Thuỷ, Nhà máy xe lửa Trường Thi (Vinh) Nhà máy đá Sài Gòn, đồn điền cao su Lộc Ninh.....

- Đặc điểm của phong trào đấu tranh của công nhân trong thời kì này là:

+ Các cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra liên tục, rộng khắp, mang tính chính trị, bước đầu đã liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.

+ Cuộc đấu tranh có sự lãnh đạo và phối hợp khá chặt chẽ. Khẩu hiệu đấu tranh ngày càng nâng dần lên: từ đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế chuyển sang đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

+ Trình độ chính trị của giai cấp công nhân đã được nâng lên rõ rệt. Giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

- Vị trí của phong trào công nhân:

+ Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, có ý thức chính trị rõ rệt (cùng với phong trào yêu nước) đòi hỏi có sự lãnh đạo của tổ chức đảng cách mạng tiên phong. Các tổ chức Cộng sản lần lượt ra đời và sau đó thống nhất thành đảng Cộng sản Việt Nam (3-2- 1930).

+ Phong trào công nhân là điều kiện bên trong, là mảnh đất màu mỡ để đón nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ ngoài truyền bá vào Việt Nam.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Phong trào công nhân là một nhân tố để hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 10: Sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam (từ 1919 đến 1930) và ý nghĩa của nó đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

* **Hướng dẫn trả lời:**

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước chiến tranh thế giới thứ nhất và phát triển nhanh chóng trong thời kì khai thác thuộc địa lần thứ hai, phần lớn tập trung ở các trung tâm kinh tế. Trước chiến tranh có 10 vạn, đến năm 1929 lên đến 22 vạn.

+ Ngay từ khi ra đời, công nhân đấu tranh dưới hình thức bỏ việc hoặc bãi công. Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra nhiều hơn.

* Từ năm 1919 – 1925: có khoảng 25 cuộc đấu tranh. Đấu tranh của công nhân viên chức cơ sở công thương tư nhân Bắc Kì, bãi công của công nhân thợ nhuộm Chợ Lớn... Tiêu biểu là bãi công của công nhân Ba Son (8-1925) đánh dấu bước phát triển mới của công nhân về ý thức chính trị.

Các cuộc đấu tranh trong thời kì này đã sử dụng hình thức đấu tranh riêng biệt của công nhân là bãi công, có yêu cầu riêng và quyền lợi cụ thể của giai cấp mình, bước đầu đã xuất hiện tính tổ chức và ý thức chính trị, song cơ bản vẫn ở trình độ tự phát.

* Từ 1926 – 1930: Trong điều kiện mới, sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, hoạt động sôi nổi của nó, chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá rộng rãi vào Việt Nam. Phong trào công nhân Việt Nam phát triển hơn về số lượng và chất lượng. Năm 1926 đến 1927 có 10 cuộc bãi công của công nhân; từ năm 1928 đến 1930, có khoảng 40 cuộc bãi công của công nhân.

+ Cùng với sự tăng tiến của các cuộc bãi công, chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá vào Việt Nam qua hoạt động của các tổ chức thanh niên và nhất là khi có phong trào vô sản hóa, phong trào công nhân càng lên cao, ý thức giai cấp biểu hiện rõ rệt. Công nhân Việt Nam đã vươn lên trình độ tự giác, và trưởng thành nhanh chóng khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930.

- Ý nghĩa:

+ Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc và thực sự trở thành một lực lượng chính trị độc lập, có sức thu hút các lực lượng xã hội khác.

+ Sự phát triển của phong trào công nhân đã thúc đẩy nhanh chóng việc hình thành các tổ chức cộng sản: Đông Dương cộng sản đảng; An Nam cộng

sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn để đến đầu năm 1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 11: Hãy trình bày những nét chính về quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam nửa sau 1929.

*** Hướng dẫn trả lời:**

Cuối tháng 3-1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc Kì đã họp ở nhà số 5D phố Hàm Long (Hà Nội) lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm 7 người, tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp trong tháng 5-1929, ở Hương Cảng (Trung Quốc) khi kiến nghị của mình đưa ra về việc thành lập Đảng Cộng sản không được chấp nhận, Đoàn đại biểu Bắc Kì lập tức bỏ về nước.

Ngày 17-6-1929, nhóm trung kiên cộng sản Bắc Kì họp và quyết định thành lập *Đông Dương cộng sản đảng*, bầu Ban chấp hành Trung ương Lâm thời, thảo chương trình, điều lệ, dựa theo chương trình điều lệ của Quốc tế Cộng sản, ra báo Búa liềm.

Sự ra đời và hoạt động của Đông Dương Cộng sản đảng có ảnh hưởng tích cực đến bộ phận còn lại của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tháng 7-1929, nhiều hội viên tiên tiến ở Nam Kì, Nam Trung Kì và ở Trung Quốc giải thể tổ chức cũ để thành lập *An Nam cộng sản đảng*.

Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng đã có tác động mạnh đến sự phân hoá của Tân Việt Cách mạng đảng các đảng viên tiên tiến của Tân Việt đứng ra thành lập *Đông Dương cộng sản liên đoàn* (9-1929) ở Trung Kì.

Như vậy, chỉ trong vòng không đầy 4 tháng ở Việt Nam ba tổ chức Cộng sản lần lượt ra đời đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân và hoạt động của nó thúc đẩy phong trào công nhân, phong trào yêu nước lên cao, là bước chuẩn bị tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất.

Chương II
CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

Bài 4
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930)

a. Hoàn cảnh lịch sử

Năm 1929, do tác động của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phong trào công nhân phát triển mạnh, ý thức giai cấp, ý thức chính trị ngày càng rõ rệt. Cùng với các phong trào đấu tranh yêu nước khác, kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc, dân chủ mạnh mẽ, trong đó giai cấp công nhân đã thực sự trở thành lực lượng tiên phong. Thực tiễn đó đòi hỏi cấp thiết sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ của một chính Đảng của giai cấp vô sản.

Trong khi đó, ở Việt Nam đã xuất hiện ba tổ chức cộng sản, ba tổ chức này lại nảy sinh mâu thuẫn, như tranh giành Đảng viên, tranh giành quần chúng, tranh giành ảnh hưởng, thậm chí còn bài xích lẫn nhau làm cho quần chúng không biết theo sự lãnh đạo của tổ chức nào. Tình hình ngày càng kéo dài, càng bất lợi cho cách mạng.

Trước tình hình ấy, được sự uỷ nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị gồm các đại biểu của các tổ chức cộng sản để bàn việc hợp nhất thành một Đảng, tại Cửu Long, cạnh Hương Cảng (Trung Quốc) từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930.

b. Nội dung Hội nghị:

- Nguyễn Ái Quốc đã phân tích tình hình trong và ngoài nước, phê phán những hành động thiếu thống nhất, nhận thức hẹp hòi giữa các tổ chức cộng sản và đề nghị các tổ chức cộng sản thống nhất thành một Đảng duy nhất.
- Nhờ có trình độ và uy tín cao của Nguyễn Ái Quốc, các đại biểu dự hội nghị đã nhất trí xoá bỏ mọi thành kiến, xung đột cũ, thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất: Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Hội nghị đã thảo luận và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.
- Hội nghị cũng đã vạch ra kế hoạch về nước tiến hành hợp nhất các tổ chức Cộng sản và cử ra Ban chấp hành Trung ương lâm thời.

Sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam là công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc và giai cấp.

c. Nội dung cơ bản của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt (Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng)

Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, tuy còn sơ lược, nhưng đã vạch ra vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam, đó là:

- Con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam trước tiên làm cách mạng tư sản dân quyền sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng đó liên tiếp nhau.

- Nhiệm vụ của cách mạng: đánh đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến, tư sản phản cách mạng. Làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng nên Chính phủ nông công binh, tổ chức ra quân đội công nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc, lấy ruộng đất của bọn đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo.

- Lực lượng cách mạng là công nhân và nông dân. Công nông là gốc của cách mạng, phải liên minh với tiểu tư sản, lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trong tiểu địa chủ và tư sản dân tộc nếu họ chưa ra mặt phản cách mạng.

- Vai trò lãnh đạo cách mạng là Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản Việt Nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, phải đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản quốc tế, nhất là giai cấp công nhân Pháp.

Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Tuy còn vắn tắt nhưng nó là cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn. Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

2. Luận cương chính trị năm 1930

- Tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa.

- Nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương: đánh đổ các thế lực cùng các tàn tích phong kiến, đánh đổ cách bóc lột theo lối tiểu tư sản, thực hành cách mạng thổ địa cho triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, đem lại ruộng đất cho dân cày và làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ đó quan hệ khăng khít với nhau.

- Động lực của cách mạng là công - nông. Đó chính là một trong những nhân tố đảm bảm thắng lợi của cách mạng.

- Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cốt yếu đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng, Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm nền tảng tư tưởng, có đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức nghiêm minh liên hệ mật thiết với quần chúng.

- Phải chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

- Cách mạng Đông Dương là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, phải thực hiện đoàn kết quốc tế.

Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng đã xác định được những vấn đề chiến lược trong đấu tranh đòi các quyền lợi trước mắt và lâu dài. Tuy nhiên luận cương còn có một số hạn chế nhất định, như chưa xác định mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, nên không nêu được vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà nặng về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Không đánh giá đúng khả năng cách mạng, lòng yêu nước chống Pháp của tư sản dân tộc và tiểu tư sản. Những hạn chế đó mang tính chất "tả khuynh" giáo điều. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng những nhược điểm đó mới dần dần được khắc phục.

3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930) là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong thời đại mới. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những thập niên đầu của thế kỉ XX. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ý nghĩa vô cùng to lớn.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng, giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về vai trò lãnh đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam, mở đầu thời kì cách mạng nước ta có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo tuyệt đối.

Từ đây cách mạng Việt Nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam nhận được sự ủng hộ của cách mạng thế giới, đồng thời cũng góp phần mình cho cách mạng thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định, cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam, đó là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Tại sao lại có Hội nghị thành lập Đảng 3 –2 –1930?

***Hướng dẫn trả lời:**

(Xem mục 1a, 1b trang 31)

Câu 2: Căn cứ vào đâu để khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn và sáng tạo?

*** Hướng dẫn trả lời:**

(Xem mục 1c trang 32). Cần lưu ý thêm.

- *Tính khoa học và đúng đắn thể hiện*: những nội dung của Cương lĩnh rất đúng với các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tiễn Việt Nam. Ngay từ đầu, Đảng ta đã thấu suốt con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam, đó là con đường kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, đường lối này đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và thắng lợi hoàn toàn.

- *Tính sáng tạo thể hiện:* những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin được Nguyễn Ái Quốc vận dụng sáng tạo vào hòan cảnh Việt Nam, ví như Cương lĩnh kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp, trong đó độc lập dân tộc là tư tưởng chủ yếu. Về lực lượng cách mạng, Cương lĩnh đã thể hiện được vấn đề đoàn kết dân tộc rộng rãi để đánh đuổi kẻ thù. Điều này rất đúng với hoàn cảnh một nước thuộc địa như Việt Nam.

Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Tuy còn vắn tắt nhưng nó là cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn. Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

Câu 3: Những quan điểm chủ yếu trong nội dung Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương? Trong nội dung Luận cương đó có một số nhược điểm hạn chế gì?

* *Những quan điểm chủ yếu:*

- Các giai đoạn của cách mạng Việt Nam: lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền (cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân) sau đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ phong kiến và đế quốc, hai nhiệm vụ này quan hệ khăng khít với nhau.

- Động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền: công nhân và nông dân, trong đó công nhân lãnh đạo.

- Phương pháp đấu tranh: tập hợp lãnh đạo quần chúng đấu tranh, võ trang bạo động, đánh đổ chính quyền của giai cấp thống trị.

- Vị trí của cách mạng Việt Nam: là một bộ phận của cách mạng thế giới, quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới.

- Điều cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng: sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản.

* *Một số nhược điểm:*

- Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng đã xác định được những vấn đề chiến lược trong đấu tranh đòi các quyền lợi trước mắt và lâu dài. Tuy nhiên luận cương còn có một số hạn chế nhất định, như chưa xác định mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, nên không nêu được vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà nặng về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Không đánh giá đúng khả năng cách mạng, lòng yêu nước chống Pháp của tư sản dân tộc và tiểu tư sản. Những hạn chế đó mang tính chất "tả khuynh" giáo điều. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng những nhược điểm đó mới dần dần được khắc phục.

Câu 4: Trình bày ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930) là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong thời đại mới. Đảng là sản

phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những thập niên đầu của thế kỉ XX.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng, giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về vai trò lãnh đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời làm cho cách mạng Việt Nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định, cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam, đó là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 5: So sánh một số điểm chủ yếu trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng với Luận cương chính trị năm 1930 để thấy rõ sự đúng đắn của văn kiện trước và sự hạn chế của văn kiện sau?

***Hướng dẫn trả lời:**

Nội dung	***Cương lĩnh***	***Luận cương***
Hai giai đoạn của cách mạng Việt Nam	Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.	Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
Nhiệm vụ cách mạng	Chống đế quốc, chống phong kiến	Đánh đổ phong kiến, đánh đổ đế quốc
Lực lượng cách mạng	Công – nông, liên lạc với trí thức, tiểu tư sản, trung nông	Công- nông.
Vai trò lãnh đạo của Đảng	Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.	Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
Vị trí của cách mạng	Là một bộ phận của cách mạng thế giới	Quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới
Phương pháp cách mạng		Tập hợp tổ chức quần chúng đấu tranh.

Qua bảng so sánh chúng ta thấy, Luận cương chính trị tiếp thu những vấn đề cơ bản của văn kiện thành lập Đảng và bổ sung thêm phương pháp cách mạng, song hai vấn đề nhiệm vụ và lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền còn hạn chế: *đặt nhiệm vụ chống phong kiến lên trên chống đế quốc và không thấy khả năng cách mạng của các tầng lớp khác trong xã hội Việt Nam*. Những hạn chế này phải trải qua một quá trình đấu tranh trong thực tiễn mới khắc phục được.

Câu 6: Vì sao nói rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Trước năm 1930, phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta diễn ra liên tục, sôi nổi và quyết liệt song đều bị thất bại vì khủng hoảng về đường lối. Đảng ra đời đã vạch ra đường lối chiến lược cho cách mạng. Đường lối đó là: Trước làm cách mạng dân tộc dân chủ rồi sau tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa. Từ nay cách mạng Việt Nam chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và có sự lãnh đạo đúng đắn để đi đến thắng lợi.

- Đảng ra đời, xây dựng được một lực lượng mới cho cách mạng mà chủ yếu là liên minh công nông. Trước 1930, các nhà cách mạng thường chỉ kêu gọi nhân dân ta chống Pháp, giành độc lập dân tộc, mà không kêu gọi chống phong kiến, giao ruộng đất cho dân cày, không chú ý đúng mức đến quyền lợi nông dân. Đảng ra đời đề ra hai khẩu hiệu chiến lược là: "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày". Hai khẩu hiệu này đáp ứng được nguyện vọng của đa số nhân dân, nhất là nông dân. Do đó, lôi cuốn được đông đảo nông dân đi theo cách mạng, xây dựng được khối liên minh công nông, tạo ra được một nhân tố cơ bản nữa, đảm bảo thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

- Đảng ra đời vạch ra được phương pháp cách mạng đúng đắn. Trước 1930 nhân dân ta chống Pháp rất anh dũng, nhưng thường sai lầm về phương pháp. Người thì dùng khởi nghĩa vũ trang (như các chiến sĩ Cần Vương) nhưng khởi nghĩa thường diễn ra lẻ tẻ từng nơi, dễ bị bao vây tiêu diệt. Người thì dùng vũ lực nhưng lại dựa vào sự cầu viện ở nước ngoài (như cụ Phan Bội Châu). Người thì dùng biện pháp cải lương "Cầu xin thực dân Pháp rủ lòng thương" (như cụ Phan Châu Trinh), không biết phải dựa vào sức mạnh của chính mình. Đảng ra đời đã vạch ra phương pháp đấu tranh mới. Đó là dùng phương pháp đấu tranh cách mạng bằng bạo lực của quần chúng theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhờ đó ta biết xây dựng và sử dụng hai lực lượng chính trị, vũ trang để tiến hành khởi nghĩa.

- Đảng ra đời xây dựng được bạn đồng minh mới. Trước năm 1930, nhiều nhà cách mạng Việt Nam ra nước ngoài, tìm lực lượng cứu nước nhưng chưa ai biết đoàn kết với lực lượng cách mạng thế giới. Đảng ra đời làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của thế giới. Nhờ vậy, từ đó đến nay, ta đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ to lớn của các lực lượng cách mạng thế giới, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng mọi kẻ thù.

Vì những lẽ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã mở ra một bước ngoặt lịch sử vĩ đại cho cách mạng Việt Nam.

Câu 7: Trình bày nội dung của Luận cương chính trị (10-1930).

***Hướng dẫn trả lời:**

(Xem mục *2. Luận cương chính trị năm 1930* (trang 32))

Câu 8: Tại sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong những năm 20 của thế kỉ XX?

***Hướng dẫn trả lời:**

- Chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá vào Việt Nam, trở thành nhân tố quan trọng dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa Mác- Lê-nin truyền bá vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau, trong đó con đường hoạt động của của Nguyễn Ái Quốc giữ vai trò quyết định nhất.

+ Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Từ năm 1921 đến năm 1930, Người đã tích cực hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê-nin vào Việt Nam. Nhờ những đóng góp thiết thực của Người: xuất bản báo chí, viết bài, báo cáo tham luận... đặc biệt là hai tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” và “Đường Kách mệnh” những tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã ngày càng được thâm nhập rộng rãi vào Việt Nam.

Thông qua việc sáng lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và các hoạt động của Hội, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện được việc truyền bá và giáo dục chủ nghĩa Mác – Lê-nin cho quần chúng lao động và giai cấp công nhân Việt Nam.

+ Qua đó vai trò của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã được thể hiện; những tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thức tỉnh những người Việt Nam hướng theo con đường cách mạng đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản; Đảng Cộng sản là lực lượng lãnh đạo cáchmạng dân tộc, dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; xác định đúng vấn đề động lực cách mạng, liên minh giai cấp; vị trí cách mạng thuộc địa, phương pháp cách mạng bạo lực... đó là cơ sở lí luận cho cương lĩnh cách mạng của Đảng sau này. Nhờ chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm cho phong trào công nhân có những bước phát triển mới: chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác.

- Phong trào công nhân là điều kiện cơ bản, quyết định dẫn tới sự ra đời của Đảng.

+ Từ đầu thế kỉ XX, giai cấp công nhân Việt Nam đã được hình thành và bước vào trận tuyến đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Trước chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào công nhân chưa trở thành lực lượng riêng biệt, còn hòa lẫn vào phong trào dân tộc.

+ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1925, giai cấp công nhân tăng lên về số lượng và chất lượng, phong trào công nhân đã trưởng thành, xuất hiện những cuộc bãi công lớn đòi các quyền kinh tế, chính trị, trở thành lực lượng riêng biệt và bước đầu xuất hiện những tổ chức sơ khai.

+ Từ năm 1926 –1930, do tiếp thu được chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phong trào công nhân đã phát triển dần lên trình độ tự giác với sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929. Sự thống nhất ba tổ chức cộng sản được đặt ra thành một yêu cầu cấp bách của cách mạng nước ta đồng thời đánh dấu bước trưởng thành và chín muồi của phong trào công nhân, làm cơ sở cho sự ra đời của một chính đảng vô sản duy nhất.

Như vậy, phong trào công nhân ngày một trưởng thành, đi từ tự phát đến tự giác là một trong những điều kiện tất yếu dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Phong trào yêu nước là cơ sở xã hội, là yêu cầu cho sự ra đời của Đảng.

+ Trong quá trình xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam chúng đã gặp phải tinh thần đấu tranh quyết liệt của nhân dân ta. Từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước đã xuất hiện, tiêu biểu là phong trào Cần Vương.

+ Từ năm 1919 đến 1930, phong trào yêu nước Việt Nam phát triển theo hai khuynh hướng: khuynh hướng tư sản và vô sản.

Khuynh hướng tư sản: bao gồm các phong trào của giai cấp tư sản và tiểu tư sản như: phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa, chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kì... những cuộc mít tinh, biểu tình của tầng lớp tư sản. Tiêu biểu là tiếng bom của Phạm Hồng Thái ném ở Sa Diện – Quảng Châu (Trung Quốc); phong trào đòi thả Phan Bội Châu; phong trào đòi để tang Phan Châu Trinh... và đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng. Các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi, anh dũng nhưng cuối cùng bị thất bại.

Khuynh hướng vô sản: do ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga và những hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin của Nguyễn Ái Quốc trong những năm từ 1920-1930, phong trào theo khuynh hướng vô sản ngày càng phát triển mạnh mẽ, điển hình nhất là các hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng.

Như vậy, đến cuối năm 1929 đầu 1930, cả ba yếu tố: chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước đã được kết hợp chặt chẽ với nhau. Sự kết hợp đó đặt ra yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi để Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Tất cả các yếu tố đó đều xoay quanh một con người, đó là hoạt động của Nguyễn Ái Quốc. Vì chính Người xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước ra đi tìm đường cứu nước, rồi truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê-nin vào Việt Nam làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

Câu 9: Tại sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử? Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

+ Tại sao:

- Trước năm 1930, phong trào yêu nước ở Việt Nam nổ ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại, do bị khủng hoảng về đường lối cách mạng. Tình hình đang đặt ra yêu cầu phải có đảng của giai cấp tiên tiến nhất với đường lối đúng đắn để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Từ năm 1919 đến 1929, thông qua hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng. Nguyễn Ái Quốc đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên để thông qua tổ chức này truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam.

- Những năm 1928 –1929, chủ nghĩa Mác –Lê-nin được truyền bá sâu rộng và Việt Nam, làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Đáp ứng yêu cầu đó ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Sự hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng Việt Nam, cần phải hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất.

- Trước tình đó, được sự ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc về Hương Cảng (Trung Quốc) chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

+ Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:

- Trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng Trung Quốc vào ngày 3-2-1930.

- Phê phán những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức cộng sản trong nước trong việc tranh giành quyền lãnh đạo, tranh giành quần chúng, tranh giành đảng viên.

- Đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hợp nhất các tổ chức cộng sản để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Viết và thông qua Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt. Đó chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã vạch ra những nét cơ bản về đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng Việt Nam.

- Đề ra kế hoạch để các tổ chức cộng sản về nước xúc tiến việc hợp nhất, rồi đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 10: Hãy phân tích vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930)?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam:

Sau một thời gian dài đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác –Lê-nin. Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (12-1920), Người đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; sau đó tích cực hoạt động để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin về trong nước, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng ta.

a. Thời kì ở Pháp (1920 –1923):

Người tham gia Hội "Những người yêu nước tại Pháp" vận động kiều bào ủng hộ đấu tranh giải phóng dân tộc.

Người cùng một số nhà yêu nước ở các thuộc địa Pháp, sáng lập hội "Liên hiệp các dân tộc thuộc địa" (1921) để gây tình đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Người tham gia xây dựng báo "Le Paria" (Người cùng khổ) vào năm 1922. Người còn viết nhiều bài đăng trên báo "Nhân đạo" "Đời sống công nhân". Tiêu biểu nhất là cuốn "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Những sách báo do Người viết, một mặt tố cáo tội ác của bọn đế quốc, nhất là đế quốc Pháp ở Đông Dương; mặt khác khích lệ lòng yêu nước cho đồng bào, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin vận động quần chúng đấu tranh.

b. Thời kì ở Liên Xô (1923 – 1924):

Giữa 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân (10-1923). Sau đó, Người ở Liên Xô một thời gian ngắn để hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, học tập thêm về lí luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tiễn về cách mạng tháng Mười Nga.

Trong thời gian này, Người viết nhiều bài đăng trên báo "Sự thật" Cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Liên Xô, "Thư tín quốc tế" cơ quan ngôn luận của Quốc tế Cộng sản.

Tháng 7-1924 Người dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và đọc tham luận tại Đại hội, trình bày quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian này chủ yếu trên mặt trận tư tưởng - chính trị nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào nước ta.

c. Thời kì ở Trung Quốc (1924 - 1927)

Tháng 11-1924 Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc) để tập hợp những người yêu nước ở Việt Nam, truyền bá giáo dục cho họ chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Đầu tiên Người tìm hiểu và cải tổ Tâm Tâm xã thành "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên" (6-1925). Người sáng lập báo "Thanh niên" (1925).

Cùng với nhiều nhà cách mạng các nước, Người tham gia sáng lập "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" để gây tình đoàn kết giữa cách mạng các nước trong khu vực.

Tại Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã mở nhiều lớp huấn luyện (1925 - 1927) đào tạo được 75 cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Những bài giảng của Người sau này tập hợp lại trong cuốn "Đường kách mệnh" được xuất bản ở Trung Quốc vào năm 1927.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có tác dụng quyết định trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

- ***Cuộc đấu tranh đưa đến thành lập Đảng:***

+ Hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc và những người cách mạng Việt Nam đã tạo ra sự chín muồi của các điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh, có ý thức chính trị rõ rệt đòi hỏi phải có chính đảng của giai cấp tiên phong lãnh đạo. Lúc này vai trò của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không còn đáp ứng được nữa. Cuộc đấu tranh để thành lập đảng mác xít đã bắt đầu diễn ra gay gắt trong nội bộ những người cách mạng Việt Nam. Đó là lí do dẫn tới sự ra đời của chi bộ cộng sản đầu tiên ở Bắc Kì, rồi lần lượt đến các tổ chức cộng sản ra đời năm 1929.

+ Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản đánh dấu bước phát triển vượt bậc của phong trào công nhân Việt Nam trên con đường tiến tới tự giác. Tuy nhiên, sự hoạt động riêng rẽ của các tổ chức này đã gây những tác động tiêu cực. Với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản tại Hương Cảng thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).Người đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt. Đây là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

NIÊN BIỂU – SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919-1930)

- 18-6-1919: "Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam" do Nguyễn Ái Quốc thay mặt nhóm người Việt Nam yêu nước tại Pháp, gửi đến Hội nghị Vec-xai của các nước đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, được công bố trên các báo ở Pari (Người lấy tên Nguyễn Ái Quốc từ trong "Yêu sách" này).

- 6-7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những "Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của Lê-nin đăng trên báo Nhân đạo, đã tìm thấy trong đó con đường cứu nước đúng đắn theo con đường cách mạng vô sản.

- 25-12-1920: Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội lần XVIII của Đảng xã hội Pháp họp ở Tua, đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

- 10-1921: Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pháp.

- 4-1922: Nguyễn Ái Quốc tham gia tham gia sáng lập tờ báo "Người cùng khổ" của Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pháp.

- 19-6-1924: Phạm Hồng Thái mưu sát tên toàn quyền Mec-lanh.

- 6-1925: Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc) sáng lập tờ báo "Thanh niên" cơ quan ngôn luận của Hội.

- 24-3-1926: Phan Châu Trinh mất tại Sài Gòn.

- 25-12-1927: Việt Nam Quốc dân đảng ra đời.

- 14-7-1928: Tân Việt Cách mạng Đảng ra đời (từ Hội Phục Việt ra đời 7-1925).

- 6-1929: Đông Dương Cộng sản đảng ra đời ở Bắc Kì.

- 7-1929: An Nam Cộng sản đảng ra đời ở Nam Kì.

- 9-1929: Đông Dương cộng sản liên đoàn ra đời ở Trung Kì.

- 3-2 đến 7-2-1930: Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng - Trung Quốc (trên cơ sở thống nhất các tổ chức cộng sản ra đời sau 1929).

- 9-2-1930: Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng.

Bài 5

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI (1929-1933)

1. Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế:

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) từ các nước tư bản đã lan nhanh sang các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam. Đế quốc Pháp tìm mọi cách trút khủng hoảng lên vai nhân dân Việt Nam.

Việt Nam là nước nông nghiệp nên khủng hoảng bắt đầu từ trong nông nghiệp. Giá lúa hạ xuống 68%. Ruộng đất bỏ hoang rất nhiều.

Công nghiệp cũng bị suy sụp. Xuất nhập khẩu đình đốn. Hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

Nhân dân lao động – đặc biệt là công nhân và nông dân, phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất. Công nhân không có việc làm, số người bị thất nghiệp ngày càng đông, số người có việc làm thì tiền lương ít. Nông dân tiếp tục bị bần cùng và bị phá sản trên quy mô lớn. Các tầng lớp khác cũng bị điêu đứng.

2. Nguyên nhân bùng nổ phong trào:

**** Về kinh tế:***

Do bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, thêm vào đó, từ 1929-1933 thế giới lại diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế của TBCN, làm cho đời sống của nhân dân ta vốn đã khốn khổ càng thêm khốn khổ. Mâu thuẫn xã hội càng gay gắt, khiến cho nhân dân ta nhận thấy chỉ còn một con đường vùng lên đấu tranh chống ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, mới mong thoát khỏi cuộc đời trâu ngựa.

**** Về chính trị:***

Đầu năm 1930 cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng bùng nổ và thất bại. Lợi dụng cơ hội này bọn đế quốc tiến hành khủng bố trắng đối với cách mạng. Hàng nghìn người bị bắt, tra tấn, tù đày. Tình hình đó làm cho không khí chính trị ở Đông Dương vốn đã căng thẳng lại càng thêm căng thẳng.

* Cũng vào đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đề ra hai khẩu hiệu chiến lược: "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày". Hai khẩu hiệu này đã đáp ứng nguyện vọng đại đa số nhân dân, nhất là nông dân. Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai giành độc lập, tự do.

Từ ba nguyên nhân ấy dẫn tới sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở nước ta. Trong ba nguyên nhân trên Đảng ra đời và lãnh đạo là nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào.

II. DIỄN BIẾN CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931

1. Phong trào trên toàn quốc

Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố của thực dân Pháp đã làm bùng lên phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Mở đầu là cuộc bãi công của 3.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (2-1930), tiếp đó là cuộc bãi công của công nhân Nhà máy sợi Nam Định, Nhà máy diêm và cưa Bến Thuỷ, Nhà máy xi măng Hải Phòng (3-1930); hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), đồn điền cao su Dầu Tiếng, xưởng đóng tàu Ba Son (4-1930).

Phong trào đấu tranh của nông dân nổ ra nhiều nơi, ở Thái Bình, Nam Hà, Nghệ An, Hà Tĩnh... Điểm mới là truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng xuất hiện trên các đường phố Hà Hội và một số địa phương khác.

Phong trào đặc biệt mạnh mẽ từ tháng 5. Nhân ngày Quốc tế Lao động 1-5-1930 lần đầu tiên giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tỏ rõ sức mạnh đoàn kết của mình và đoàn kết với vô sản thế giới. Trên khắp cả nước xuất hiện cờ Đảng, truyền đơn tố cáo kẻ thù, khẩu hiệu kêu gọi quần chúng đấu tranh, diễn ra các cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành.

Từ ngày 1-5-1930 làn sóng đấu tranh tiếp tục dâng cao. Riêng tháng 5 có đến 16 cuộc đấu tranh của công nhân, 34 cuộc đấu tranh của nông dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

2. Phong trào ở Nghệ – Tĩnh:

Nghệ – Tĩnh là nơi có truyền thống đấu tranh cách mạng, Vinh – Bến Thuỷ có cơ sở Đảng, Công hội mạnh. Vì vậy phong trào nổ ra mạnh mẽ nhất.

Ngày 1-5-1930 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Nghệ An, công nhân Vinh – Bến Thuỷ và nông dân các vùng lân cận biểu tình thị uy giương cao cờ đỏ búa liềm và khẩu hiệu đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm siêu thuế xuất hiện nhiều nơi. Cùng ngày 1-5-1930, 3000 nông nhân huyện Thanh Chương biểu tình phá đồn điền Kí Viễn lấy ruộng đất chia cho nông dân.

Ngày 1-8-1930, ngày kỉ niệm Quốc tế chống chiến tranh đế quốc, công nhân khu công nghiệp Vinh, Bến Thuỷ tổng bãi công, đánh dấu "Thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến".

Từ ngày 1-5 đến tháng 9-1930 ở nông thôn Nghệ – Tĩnh đã nổ ra hàng loạt cuộc đấu tranh của nông dân dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ.

Ngày 12-9-1930, để hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân các huyện và bãi công của công nhân Vinh – Bến Thuỷ, một cuộc biểu tình khổng lồ với 2 vạn người tham gia đã nổ ra ở Hưng Nguyên (Nam Đàn – Nghệ An) rồi định kéo về Vinh để đưa yêu sách. Thực dân Pháp đàn áp dã man làm 217 người chết, 126 người bị thương. Nhân dân vô cùng căm phẫn và đẩy mạnh đấu tranh.

Trong suốt tháng 9 và 10-1930 các huyện Thanh Chương, Diễn Châu, Hương Sơn... nông dân đã vũ trang khởi nghĩa. Công nhân Vinh, Bến Thuỷ đã bãi công lần thứ 3 trong hai tháng để ủng hộ phong trào nông dân.

Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, bộ máy chính quyền địch ở nông thôn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh hầu như tan rã. Ở những nơi đó, các ban chấp hành Nông hội dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng đứng ra quản lí mọi mặt dời sống chính trị, xã hội.

Ở nông thôn chính quyền cách mạng được thành lập theo kiểu Xô – viết, Xô viết Nghệ Tĩnh duy trì được 4 đến 5 tháng thì bị đế quốc và phong kiến tay sai đàn áp.

3. Xô Viết Nghệ – Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công nông ở nước ta.

Mặc dầu chỉ tồn tại trong thời gian ngắn nhưng chính quyền Xô viết Nghệ – Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân, vì dân. Bản chất cách mạng đó được thể hiện:

a. Về chính trị:

Thành lập chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo. Thực hiện các quyền tự do, dân chủ, lập các tổ chức quần chúng: Hội tương tế, Công hội, Nông hội, Hội phụ nữ giải phóng... tổ chức các cuộc mít tinh, hội nghị để tuyên truyền giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng.

b. Về kinh tế:

Chia ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, xoá nợ, bãi bỏ các thứ thuế vô lí.

c. Về quân sự:

Mỗi làng có một đội tự vệ vũ trang.

d. Văn hóa – xã hội:

Phát động phong trào thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan. Trật tự xã hội được đảm bảo, nạn trộm cướp không còn.

Hoảng sợ trước phong trào cách mạng của quần chúng, khoảng giữa 1931 thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp các Xô viết. Chúng giết hại hàng ngàn người, chúng dìm Xô viết trong bể máu. Vì thế phong trào lắng dần và chuyển sang một giai đoạn mới.

Tất cả những sự kiện trên chứng tỏ rằng: *Phong trào cách mạng 1930 – 1931 diễn ra với quy mô rộng lớn, mang tính chất cách mạng triệt để và có hình thức đấu tranh quyết liệt.*

III. Ý NGHĨA CỦA PHONG TRÀO

Phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô-viết Nghệ – Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Lần đầu tiên giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã vùng lên với một khí thế tấn công cách mạng chưa từng thấy, giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai.

Thực tiễn của phong trào cho thấy: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân và nông dân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến để xây dựng một cuộc sống mới.

Đó là cuộc diễn tập lần đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám của nhân dân ta vì:

+ Lần đầu tiên Đảng được tập dượt lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

+ Lần đầu tiên quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Phong trào đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho Cách mạng tháng Tám sau này.

+ Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

+ Bài học về xây dựng liên minh công – nông.

+ Bài học về phương pháp giành chính quyền và giữ chính quyền bằng bạo lực cách mạng.

+ Bài học về xây dựng chính quyền nhân dân, một hình thức chính quyền kiểu mới.

IV. SỰ PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG SAU KHỦNG BỐ TRẮNG CỦA ĐẾ QUỐC PHÁP

1. Chính sách mới của thực dân Pháp

Với hi vọng dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam, thực dân Pháp tăng cường chính sách khủng bố, hàng vạn chiến sĩ và đồng bào cả nước bị bắt. Các nhà tù chậtních chính trị phạm. Hàng trăm người bị kết án tử hình.

Mặt khác, thực dân Pháp dùng thủ đoạn mị dân nhằm lừa bịp quần chúng. Chính quyền thực dân thi hành một số biện pháp cải lương, tổ chức lại trường Cao đẳng Đông Dương, cho người "bản xứ" được nhập quốc tịch Pháp...

Thực dân Pháp cũng chú ý sử dụng các tổ chức, hình thức văn hóa – tư tưởng vào việc chống lại ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản.

2. Cuộc đấu tranh để phục hồi phong trào

Mặc dầu bị đàn áp dã man, quần chúng vẫn không nhụt chí đấu tranh, một lòng hướng theo cách mạng tin tưởng vào sự nghiệp lãnh đạo của Đảng, ra sức che chở, giúp đỡ Đảng và cách mạng. Đảng Cộng sản mặc dầu bị địch khủng bố vẫn không xa rời vị trí chiến đấu, đã bám sát và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống khủng bố, khôi phục và phát triển phong trào.

Trong nhà tù đế quốc, những Đảng viên cộng sản, những người yêu nước luôn luôn nêu cao khí phách kiên cường, bất khuất, đấu tranh kiên trì, bảo vệ lập trường, quan điểm cách mạng của Đảng, biến nhà tù thành trường học cách mạng và luôn tìm cách liên hệ với cơ sở bên ngoài.

Từ 1933 trở về sau, một số cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ đòi quyền lợi hàng ngày nối tiếp nổ ra ở Nam Kì, Tây Nguyên và những nơi khác. Đến cuối 1934 đầu 1935 hệ thống tổ chức Đảng trong nước, các xứ uỷ Bắc Kì, Trung Kì, nhiều đoàn thể quần chúng lần lượt được lập ra.

Phong trào dần dần được phục hồi trong cả nước để đến tháng 3-1935 Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) chuẩn bị cho một phong trào cách mạng mới.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 –1933) đã tác động đến tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam ra sao?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) diễn ra đầu tiên tại Mĩ sau đó lan rộng đến các nước tư bản chủ nghĩa, Pháp cũng bị thiệt hại nặng nề do khủng hoảng gây ra. Gánh nặng của khủng hoảng, thực dân Pháp đã trút lên đầu nhân dân ta, làm cho tình hình kinh tế và xã hội ở Việt Nam có nhiều biến đổi.

- *Về kinh tế:* Do Pháp tìm mọi cách trút gánh nặng của khủng hoảng lên vai nhân dân thuộc địa, kinh tế Việt Nam vốn phụ thuộc vào kinh tế Pháp đã phải chịu đựng những hậu quả nặng nề:

+ Về nông nghiệp: Giá lúa, nông sản hạ, ruộng đất bỏ hoang nhiều.

+ Về công nghiệp: Bị suy sụp.

+ Về thương nghiệp: Xuất khẩu bị đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

- *Xã hội:* Đời sống của mọi giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam đặc biệt là tầng lớp công nông hết sức khổ cực.

+ Nông dân: Mức thu nhập thấp do lúa gạo sụt giá, trong khi đó sưu thuế không ngừng tăng, tiếp tục bị bần cùng hóa và bị phá sản.

+ Công nhân: Thất nghiệp ngày càng đông, tiền lương giảm sút.

+ Tiểu tư sản thành thị: Điêu đứng vì các nghề thủ công bị phá sản, viên chức bị sa thải, học sinh ra trường không có việc làm.

+ Số đông tư sản dân tộc cũng gặp nhiều khó khăn.

Như vậy, cuộc khủng hoảng kinh tế và chính sách của đế quốc Pháp đã tác động đến tất cả các tầng lớp, các giai cấp trong xã hội Việt Nam.

Câu 2: Vì sao phong trào cách mạng trong nửa đầu năm 1930 của toàn quốc và riêng ở Nghệ – Tĩnh đã lên cao như vậy?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Nguyên nhân làm phong trào cách mạng bùng nổ mạnh mẽ trong toàn quốc

(Xem mục 2. *Nguyên nhân bùng nổ phong trào* (trang 43)

- Tại sao phong trào ở Nghệ – Tĩnh lên cao:

Bên cạnh những nét chung, Nghệ – Tĩnh có những nét riêng:

+ Chịu ách thống trị của đế quốc và phong kiến rất nặng nề và lại là vùng đất nghèo.

+ Nhân dân Nghệ – Tĩnh có truyền thống cách mạng.

+ Cơ sở công nghiệp Vinh- Bến Thủy là trung tâm kĩ nghệ lớn nhất Trung Kì, là điều kiện thuận lợi cho liên minh công nông.

+ Các tổ chức Cộng sản và cơ sở Đảng ở đây khá mạnh.

Câu 3: Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng Xô – viết Nghệ – Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công nông ở nước ta, và đó thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?

*** Hướng dẫn trả lời:**

(Xem mục 3 trang 44)

Câu 4: Cao trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô-viết Nghệ – Tĩnh đã cho ta những bài học kinh nghiệm gì?

*** Hướng dẫn trả lời:**

+ Bài học về sự lãnh đạo của Đảng: Qua phong trào, giai cấp vô sản Việt Nam mà đại biểu là Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của mình. Thực tiễn cho thấy tính chất đúng đắn của đường lối chiiến lược mà Đảng đề ra.

+ Bài học về xây dựng liên minh công – nông: Qua phong trào khối liên minh công nông được hình thành. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nông đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến xây dựng một cuộc sống mới.

+ Bài học về phương pháp giành chính quyền và giữ chính quyền bằng bạo lực cách mạng: Phong trào cho thấy rằng, khi quần chúng đã sục sôi căm thù đế quốc và phong kiến thì sẽ đứng lên dùng bạo lực cách mạng để đấu tranh giành chính quyền.

+ Bài học về xây dựng chính quyền nhân dân, một hình thức chính quyền kiểu mới: Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là chính quyền nhà nước. Phong trào sau khi đấu tranh giành thắng lợi ở một số địa phương thuộc Nghệ An và Hà Tĩnh đã xây dựng chính quyền theo kiểu Xô-viết ở Nga.

+ Bài học về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất: Trong thời kì này chưa có mặt trận dân tộc thống nhất nên chưa tập hợp được đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân nhằm đấu tranh chống thực dân và phong kiến. Đây là bài học mà Đảng ta rút ra để sau này đến thời kì cách mạng 1936 – 1939 chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 5: Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng phong trào cách mạng nước ta từ năm 1933 đã phát triển trở lại?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng 1930 – 1931, thực dân Pháp tiến hành đàn áp khủng bố làm cho phong trào tạm thời lắng xuống, Đảng ta phải rút vào hoạt động bí mật để củng cố lực lượng chuẩn bị cho thời kì cách mạng tiếp theo.

- Khi địch khủng bố, các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và địa phương bị phá vỡ. Song ở các nhà tù, các đảng viên cộng sản và những người yêu nước tiếp tục đấu tranh, những đảng viên còn lại ở bên ngoài tìm cách dựng lại các tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng. Năm 1932 theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong cùng với một số đảng viên Cộng sản hoạt động ở trong nước và nước ngoài đã tổ chức ra Ban lãnh đạo của Đảng. Một chương trình hành động của Đảng được đề ra với nội dung chủ yếu là đòi các quyền dân sinh, dân chủ, trả tự do tù chính trị, cấp thiết phải củng cố, phát triển các tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng.

- Từ năm 1933 phong trào phát triển trở lại, điều này được thể hiện:

+ Phong trào đấu tranh của quần chúng gồm: công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ nối tiếp nổ ra ở Nam Kì, Tây Nguyên...

+ Cuối năm 1933, các tổ chức Đảng được xây dựng và củng cố.

+ Cuối năm 1934 đầu năm 1935, các xứ ủy Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì lần lượt được lập lại.

+ Tháng 3-1935 Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) đã thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động quần chúng, bầu ra Ban chấp hành Trung ương... để chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

Câu 6: Qua thời kì cao trào cũng như thoái trào, vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện như thế nào?

* **Hướng dẫn trả lời:**

- Thời kì cao trào: Đảng là người phát động và lãnh đạo phong trào:

+ Phong trào được sự chỉ đạo thống nhất của Đảng nổ ra từ Bắc chí Nam, ở cả công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu.

+ Mục tiêu đấu tranh: Không chỉ đòi quyền lợi cho công nhân, nông dân, các tầng lớp khác mà còn tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới. Tiêu biểu là cuộc biểu tình ngày 1-5-1930.

+ Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cao trào đấu tranh đã nhằm vào hai kẻ thù chính của dân tộc là đế quốc Pháp và bọn phong kiến.

+ Hình thức đấu tranh: Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị là chủ yếu.

- Thời kì thoái trào:

Tuy bị thực dân Pháp đàn áp khủng bố dã man, phong trào tạm lắng xuống, các cơ sở Đảng bị phá vỡ, song sức sống của Đảng không thể bị tiêu diệt. Vai trò lãnh đạo của Đảng
vẫn được giữ vững và luôn đi đầu trong chống khủng bố, tuyên truyền giác ngộ, gây dựng lại cơ sở của Đảng và quần chúng.

+ Đấu tranh ở trong tù của các đảng viên Cộng sản.

+ Gây dựng lại cơ sở và phong trào quần chúng.

+ Lợi dụng các diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng theo các khẩu hiệu của Đảng.

+ Thành lập Ban lãnh đạo của Đảng và ra chương trình hành động để phát động quần chúng đấu tranh.

Câu 7: Chứng minh rằng phong trào cách mạng 1930 –1931 với đỉnh cao là Xô-viết Nghệ – Tĩnh diễn ra với quy mô rộng khắp, mang tính chất cách mạng triệt để và sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt?

* **Hướng dẫn trả lời:**

Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã phát động quần chúng đấu tranh chống thực dân, phong kiến để đòi dộc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày. Thực hiện mục tiêu đó, phong trào đã diễn ra với quy mô rộng khắp, mang tính chất cách mạng triệt để và sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt.

- ***Tính quy mô rộng khắp:***

+ Phong trào đã phát triển trên quy mô cả nước, kéo dài suốt gần hai năm (từ đầu năm 1930 đến cuối năm 1931).

+ Phong trào đã thu hút được sự tham gia đông đảo các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là quần chúng công nông, với hàng trăm cuộc đấu tranh lớn nhỏ, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân và nông dân Vinh – Bến Thủy vào ngày 1-5-1930, cuộc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân Thanh Chương ngày 1-9-1930 và cuộc biểu tình tuần hành của 6 vạn nông dân huyện Hưng Nguyên ngày 12-9-1930.

- ***Tính cách mạng triệt để:***

+ Phong trào đã nhằm vào hai kẻ thù cơ bản của nhân dân ta là bọn đế quốc và phong kiến tay sai.

+ Tại một số nơi thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, hệ thống chính quyền địch bị tan rã từng mảng, bọn quan lại và cường hào bỏ trốn, chính quyền công nông binh thành lập dưới hình thức Xô-viết.

- ***Sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt:***

+ Phong trào sử dụng hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, từ mít tinh biểu tình đến đốt huyện đường, phá nhà lao, kết hợp biểu tình thị uy với hoạt động nửa vũ trang để tiến công địch.

+ Trong tháng 9 và tháng 10-1930 phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa cướp chính quyền dịch thành lập chính quyền cách mạng.

Như vậy, phong trào cách mạng 1930–1931 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ Tĩnh là phong trào cách mạng rộng lớn đầu tiên của quần chúng công nông ở nước ta do Đảng lãnh đạo. Tính quy mô rộng lớn, tính chất cách mạng triệt để và hình thức đấu tranh quyết liệt của phong trào đã chứng minh bước phát triển nhảy vọt về chất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta một khi có Đảng lãnh đạo.

Câu 8: Tại sao nói phong trào cách mạng 1930 –1931 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ – Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Mặc dầu cuối cùng bị thất bại, song phong trào cách mạng 1930 –1930 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ – Tĩnh là thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển tiếp theo của cách mạng nước ta. Phong trào đã tạo ra những nhân tố đầu tiên bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp cách mạng.

Phong trào đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng. Qua phong trào này, uy tín của Đảng được xác lập trong quần chúng. Phong trào chứng tỏ đường lối cách mạng của Đảng là đúng đắn, đáp ứng được nguyện

vọng cơ bản của quần chúng nhân dân đó là: "Độc lập dân tộc" và " Ruộng đất dân cày".

Một kết quả to lớn nữa là, phong trào đã xây dựng được trong thực tế khối liên minh công nông.

Qua phong trào lần đầu tiên quần chúng đã sáng tạo ra một hình thức chính quyền mới, một mô hình xã hội mới ở nước ta.

Phong trào đã để lại những bài học kinh nghiệm quý giá: Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng; Bài học về thực hiện liên minh công nông; Bài học về sử dụng bạo lực cách mạng; Bài học về xây dựng chính quyền...

Chính vì những lẽ trên, phong trào cách mạng 1930 – 1931 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ – Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 9: Hãy trình bày những cuộc đấu tranh của công nhân trong phong trào cách mạng 1930 – 1931? Nêu nhận xét về các cuộc đấu tranh đó?

* **Hướng dẫn trả lời:**

- ***Những cuộc đấu tranh của công nhân:***

+ Từ tháng 2 đến tháng 3-1930: Có cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (2-1930), cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm và cưa Bến Thủy, xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè, đồn điền cao su Dầu Tiếng...

Những cuộc đấu tranh này đóng vai trò tiên phong, là màn đầu của cao trào cách mạng mới ở Việt Nam do Đảng Cộng sản tổ chức lãnh đạo.

+ Từ tháng 5 đến tháng 9-1930: Vào ngày 1-5 có các cuộc đấu tranh của công nhân trong nhiều xí nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh – Bến Thủy, Sài Gòn – Chợ Lớn... Riêng trong tháng 5-1930 có 16 cuộc đấu tranh của công nhân.

Vào ngày 1-8-1930, cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Vinh – Bến Thủy, đánh dấu một thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến.

Sang tháng 9-1930, phong trào đấu tranh của công nhân lên đến đỉnh cao. Vào ngày 12-9, công nhân Vinh – Bến Thủy đấu tranh để ủng hộ phong trào nông dân và phản đối chính sách khủng bố của địch. Đến năm 1931, phong trào tạm thời lắng xuống.

- ***Nhận xét:***

+ Phong trào diễn ra với quy mô rộng khắp từ Nam đến Bắc, ở tất cả các khu công nghiệp lớn.

+ Cuộc đấu tranh ngày càng mạnh mẽ, đạt đến đỉnh cao vào tháng 9-1930.

+ Khẩu hiệu đấu tranh kinh tế kết hợp với chính trị.

+ Phong trào công nhân đóng vai trò tiên phong của các giai cấp và tầng lớp trong sự nghiệp chống thực dân Pháp.

+ Qua phong trào đã hình thành trên thực tiễn khối liên minh công nông.

Câu 10: Hãy nêu vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kì thoái trào cách mạng?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Những năm tháng vô cùng khó khăn của cách mạng Việt Nam, của Đảng, đế quốc Pháp và tay sai đã giết chết hoặc tù đày hàng ngàn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn chiến sĩ yêu nước. Các cơ quan của Đảng từ Trung ương đến cơ sở đều bị địch đánh thiệt hại nặng. Phong trào cách mạng của quần chúng, lực lượng và vai trò lãnh đạo của Đảng có thể bị thủ tiêu nếu không vượt qua khủng bố trắng của kẻ thù, nếu không giữ vững được lập trường, quan điểm và ý chí chiến đấu. Thực tế sức sống và vai trò lãnh đạo của Đảng vẫn được bảo tồn, tuy bị tổn thất nặng nề.

- Cuộc đấu tranh để phục hồi lực lượng cách mạng, lực lượng của Đảng diễn ra lặng lẽ nhưng các chiến sĩ cộng sản phải hi sinh rất nhiều. Cuộc đấu tranh đó diễn ra rất phong phú về hình thức và nội dung, phù hợp với tình hình lúc bấy giờ. Đấu tranh trong nhà tù đế quốc, biến nhà tù của đế quốc thành trường học của những người cách mạng, đấu tranh công khai trên lĩnh vực báo chí, văn hóa nghệ thuật, tranh cử vào các hội đồng thành phố, thay đổi hình thức tổ chức và đấu tranh thích hợp, bí mật gây lại cơ sở chính trị của quần chúng và cơ sở Đảng.

- Nhờ đó hệ thống tổ chức của Đảng lần lượt được khôi phục từ cuối năm 1934 đầu 1935. Đó là cơ sở dẫn đến thắng lợi Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) vào tháng 3-1935, chuẩn bị để nhân dân ta bước vào thời kì đấu tranh mới.

- Cuộc đấu tranh này làm sáng ngời tinh thần bất khuất, ý chí cách mạng của Đảng và nhân dân ta, tôi luyện và tích lũy cho Đảng thêm nhiều bài học kinh nghiệm mới.

Bài 6

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936 – 1939

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ VÀ CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG

1. Hoàn cảnh lịch sử

a. Tình hình thế giới

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã gây nên hậu quả nghiêm trọng, nhất là các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

+ Tại các nước TBCN: Kinh tế suy sụp, mâu thuẫn xã hội gay gắt.

+ Một số nước tư bản đã giải quyết khủng hoảng bằng con đường phát xít hóa chế độ.

+ Chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật Bản đã trở thành nguy cơ đe dọa nền hòa bình và an ninh thế giới.

- Trước tình hình đó, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp ở Matxcơva (7-1935).

+ Xác định kẻ thù nguy hiểm, trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa Phát xít.

+ Chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân chống chủ nghĩa phát xít ở các nước.

- Thực hiện Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, nhiều nước thành lập Mặt trận nhân dân. Ở Pháp, đầu năm 1936 Mặt trận Nhân dân Pháp đã giành thắng lợi trong cuộc tuyển cử và lên cầm quyền. Chính phủ của Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban hành chính sách tiến bộ đối với các nước thuộc địa: thả tự do cho chính trị phạm; thành lập Ủy ban Điều tra tình hình thuộc địa, thi hành một số cải cách xã hội cho nhân dân lao động.

b. Tình hình trong nước

- Do những chính sách về tự do dân chủ của chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp mà ở Việt Nam một số tù chính trị được trả tự do và tìm cách hoạt động trở lại.

- Do cuộc khủng hoảng kinh tế, Pháp lại tiếp tục chính sách bóc lột, khủng bố và đàn áp làm cho đời sống của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam đều bị sa sút.

- Đảng ta và lực lượng cách mạng đã phục hồi, cách mạng có thêm điều kiện để chuyển sang thời kì đấu tranh mới.

2. Chủ trương của Đảng

Căn cứ tình hình thế giới, trong nước và vận dụng đường lối của Quốc tế Cộng sản. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất (7-1936) đã đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới.

- Xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương chưa phải là thực dân Pháp nói chung, mà là bọn thực dân phản động thuộc địa và tay sai của chúng, không chịu thi hành chính sách của chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp.

- Tạm gác khẩu hiệu "Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập" và khẩu hiệu: "Tịch thu ruộng đất của địa chủ cho dân cày", nêu nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là: Chống phát xít, chống chiến tranh, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi "tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình".

- Quyết định thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (7-1936) sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương (3-1938) nhằm tập hợp các giai cấp, tầng lớp, Đảng phái thực hiện các nhiệm vụ trên. Các tổ chức quần chúng của Mặt trận đều thay đổi cho phù hợp: Công hội, Nông hội được hay bằng Hội Cứu tế, Hội Ái hữu, Đoàn Thanh niên Cộng sản được thay bằng Đoàn Thanh niên Dân chủ.

- Hình thức về phương pháp đấu tranh là lợi dụng triệt để những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai để vận động

quần chúng. Bên cạnh hoạt động bí mật, lần đầu tiên trên Đảng điều một bộ phận ra hoạt động công khai.

Sơ đồ khái quát Phần I

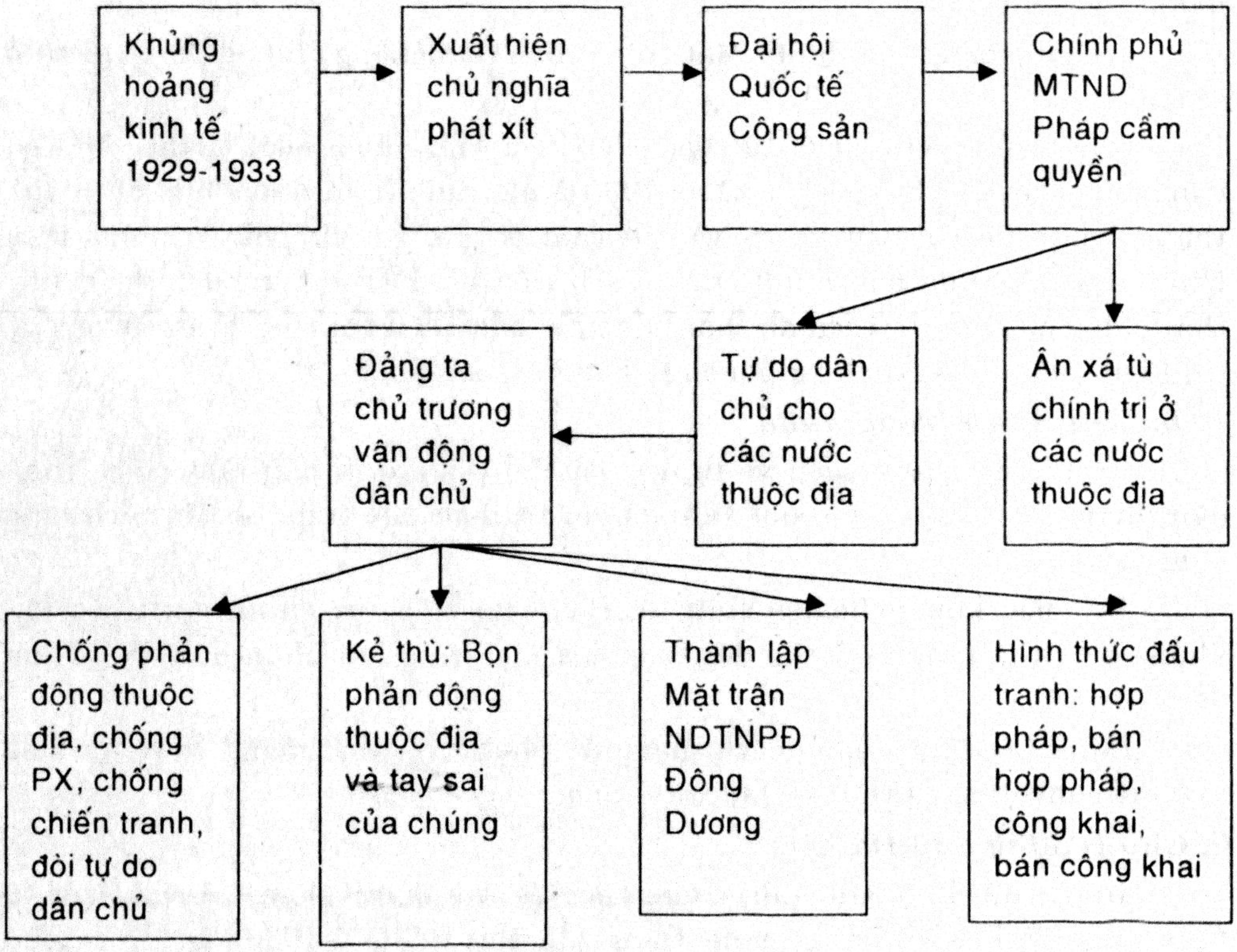

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI TỰ DO, DÂN SINH, DÂN CHỦ:

Chủ trương của Đảng đáp ứng nguyện vọng bức thiết của quần chúng, làm dấy lên phong trào đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ.

1. Phong trào đại hội Đông Dương

Giữa năm 1936, được tin chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử một phái đoàn sang điều tra tình hình ở Đông Dương, Đảng phát động phong trào đấu tranh công khai vận động thành lập "Ủy ban trù bị Đông Dương đại hội" nhằm thu thập nguyện vọng của nhân dân tiến tới Đại hội Đông Dương. Hưởng ứng chủ trương, các "Ủy ban hành động" nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước. Quần chúng sôi nổi tổ chức của các cuộc mít tinh, hội họp diễn thuyết để thu thập "dân nguyện".

2. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ

- Đầu năm 1937: có các cuộc mít tinh, biểu tình đưa dân nguyên nhân dịp phái viên của chính phủ Pháp và toàn quyền Đông Dương mới sang Việt Nam.

- Nhiều cuộc bãi công, bãi thị, bãi khoá, mít tinh, biểu tình tiếp tục diễn ra: tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân Công ty than Hòn Gai, ở Nhà máy xe lửa Trường Thi.

- Vào ngày 1-5-1938 tại Quảng trường Nhà Đấu Xảo Hà Nội, diễn ra cuộc mít tinh khổng lồ với hơn 2 vạn người tham gia, hô vang các khẩu hiệu: đòi tự do lập Hội ái hữu, nghiệp đoàn, thi hành luật lao động, đòi giảm thuế, chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc ủng hộ hòa bình.

3. Đấu tranh trên lĩnh vực sách báo

- Hàng loạt tờ báo được in và phát hành rộng rãi: "Tin tức", "Thời mới", "An nam trẻ", "Tiền phong", "Dân chúng", "Lao động". Có tờ in cả tiếng Việt và tiếng Pháp.

- Cuốn sách "Vấn đề dân cày" của Qua Ninh và Vân Đình (Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp) có tác dụng to lớn trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ trương chính sách của Đảng.

4. Đấu tranh nghị trường

Cuộc vận động đưa người Đảng và của Mặt trận vào Hội đồng quản hạt ở Nam Kì và Viện Dân biểu ở Bắc Kì và Trung Kì đã diễn ra sôi nổi. Một số đại biểu trúng cử đã dùng tiếng nói của mình để hạn chế những chính sách phản động của bọn thực dân.

Như vậy, tất cả những sự kiện trên chứng tỏ rằng phong trào dân chủ 1936-1939 là một phong trào có quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, với hình thức đấu tranh rất phong phú.

Đến tháng 9-1939 khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, phong trào đấu tranh dân chủ ở Đông Dương chấn dứt hẳn để chuyển sang một thời kì đấu tranh mới.

III. KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA CỦA PHONG TRÀO

1. Kết quả:

- Phong trào đấu tranh công khai hợp pháp 1936-1939 đã làm cho trình độ chính trị và khả năng công tác của cán bộ, Đảng viên được nâng cao.

- Qua lãnh đạo phong trào quần chúng, uy tín và ảnh hưởng của Đảng viên mở rộng và ăn sâu.

- Qua phong trào này, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ trương, chính sách của Đảng được phổ biến rộng rãi.

- Đã hình thành được đội quân chính trị của quần chúng hàng triệu người, cả ở thành thị và nông thôn.

2. Ý nghĩa:

- Phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp 1936-1939 thực sự là một cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ rộng lớn.

- Đây là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

- Phong trào đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá:

+ Bài học về vận động tổ chức quần chúng.

+ Bài học về hình thức đấu tranh và khẩu hiệu đấu tranh.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: So với thời kì 1930 –1931, chủ trương sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh trong thời kì này có gì khác? Vì sao?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Nội Dung	*1930 - 1931*	*1936 – 1939*
Kẻ thù	Đế quốc, phong kiến	Phản động Pháp và tay sai
Nhiệm vụ	Chống đế quốc, giành độc lập dân tộc Chống phong kiến, giành ruộng đất cho dân cày.	Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, phản động tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình.
Mặt trận		Mặt trận Nhân dân Phản đế Đông Dương sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
Hìnhthức phương pháp cách mạng	Bí mật, bất hợp pháp Bạo động vũ trang	Hợp pháp, công khai, bán công khai.

Như vậy so với thời kì 1930 –1931, chủ trương, sách lược và hình thức đấu tranh trong thời kì này đều có nét khác. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do hoàn cảnh lịch sử thay đổi so với trước. Đặc biệt, Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban hành các chính sách về tự do dân chủ và ân xá tù chính trị cho các nước thuộc địa. Lợi dụng cơ hội này Đảng ta chủ trương đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

Câu 2: Trong cao trào dân chủ 1936 –1939, có sự kiện nào tiêu biểu nhất?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Có hai sự kiện tiêu biêu nhất:

+ Giữa năm 1936, Đảng chủ trương phát động phong trào đấu tranh công khai, vận động thành lập "Ủy ban trù bị Đại hội Đông Dương" nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới Đại hội Đông Dương (6- 1936). Hưởng ứng chủ trương trên, các "Ủy ban hành động" nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước.

+ Đầu năm 1937, nhân việc đón phái viên của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp và viên Toàn quyền mới xứ Đông Dương là Gôđa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng khắp nơi trong nước, đông đảo và hăng hái nhất là công nhân và nông dân, biểu dương lực lượng qua các cuộc mít tinh, biểu tình đưa dân nguyện.

Câu 3: Hãy trình bày những chủ trương của Đảng trong cuộc vận động dân chủ 1936 –1939?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Căn cứ tình hình thế giới, trong nước và vận dụng đường lối của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất (7-1936) đã đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới.

- Xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương chưa phải là thực dân Pháp nói chung, mà là bọn thực dân phản động thuộc địa và tay sai của chúng không chịu thi hành chính sách của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp.

- Tạm gác khẩu hiệu "Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập" và khẩu hiệu: "Tịch thu ruộng đất của địa chủ cho dân cày", nêu nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là: Chống phát xít, chống chiến tranh, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi "tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình".

- Quyết định thành lập Mặt trận Nhân dân Phản đế Đông Dương (7-1936) sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương (3-1938) Nhằm tập hợp các giai cấp, tầng lớp, đảng phái thực hiện các nhiệm vụ trên. Các tổ chức quần chúng của Mặt trận đều thay đổi cho phù hợp: Công hội, Nông hội được hay bằng Hội Cứu tế, Hội Ái hữu, Đoàn Thanh niên Cộng sản được thay bằng Đoàn Thanh niên Dân chủ.

- Hình thức về phương pháp đấu tranh là lợi dụng triệt để những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai để vận động quần chúng. Bên cạnh hoạt động bí mật, lần đầu tiên trên Đảng diều một bộ phận ra hoạt động công khai.

Chủ trương của Đảng đáp ứng nguyện vọng bức thiết của quần chúng, làm dấy lên phong trào đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ.

Câu 4: Các phong trào cách mạng 1930-1931 và 1936-1939 đã chuẩn bị những gì cho Cách mạng tháng Tám 1945?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Phong trào cách mạng 1930 –1931:

Phải nói rằng, chưa bao giờ có cuộc đấu tranh mạnh mẽ như năm 1930, một số huyện, xã, chính quyền địch bị tan rã. Chính quyền cách mạng dưới hình thức Xô-viết được thành lập ở một số địa phương thuộc Nghệ – Tĩnh.

Qua phong trào này vai trò lãnh đạo của Đảng được khẳng định trong thực tiễn cách mạng. Khối liên minh công nông được hình thành trong thực tiễn đấu tranh. Đây là bước thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển về sau của cách mạng. Trực tiếp mà nói, không có những trận chiến đấu giai cấp rung trời chuyển đất những năm 1930 – 1931, trong đó công nông đã "vung ra nghị lực phi thường" của mình thì không thể có phong trào cách mạng 1936 – 1939.

Phong trào cách mạng 1930 –1931 là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

- Phong trào dân chủ 1936 –1939:

Đã thu được những thắng lợi cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng. Chính quyền thực dân buộc phải thả nhiều tù chính trị, ban hành luật báo chí, cải thiện một phần điều kiện lao động, lương bổng cho công nhân viên chức. Nhưng thắng lợi to lớn hơn cả là qua phong trào đấu tranh, quần chúng đã được tổ chức, giác ngộ về chủ nghĩa Mác- Lê-nin, nhiều cán bộ mới đã được đào tạo. Cán bộ đảng viên được tôi luyện kiên cường. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng sâu rộng trong quần chúng. Qua phong trào đấu tranh, đội quân chính trị của quần chúng hàng triệu người được Đảng tập hợp, xây dựng, giáo dục. Đảng đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, cả những bài học thành công và bài học thất bại. Đảng đã đề ra mục tiêu đấu tranh sát hợp, cương lĩnh Mặt trận đúng đắn, hình thức đấu tranh phong phú, linh hoạt; qua đó phát huy được sức mạnh của quần chúng; xây dựng lực lượng cách mạng cho Cách mạng tháng Tám sau này.

Phong trào dân chủ 1936 –1939 là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 5: Vì sao nói phong trào cách mạng 1936 - 1939 là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Nếu như phong trào cách mạng 1930 –1931 đã tạo ra những nhân tố cơ bản đảm bảo cho thắng lợi Cách mạng tháng Tám thì phong trào 1936-1939 lại tiếp tục bồi bổ và phát triển những nhân tố đó lên một bước mới cao hơn.

+ Thông qua phong trào này Đảng đã được trưởng thành thêm về tư tưởng và tổ chức. Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lê-nin càng ngày càng thêm thấm nhuần trong tư tưởng, hành động của các đảng viên cộng sản và ăn sâu, tỏa rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đảng đã xây dựng và phát triển được một đội ngũ cán bộ có năng lực và giàu kinh nghiệm, đồng thời phát triển thêm các tổ chức cơ sở, tăng cường mối dây liên hệ với quần chúng. Qua phong trào, nghệ thuật chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng, trình độ giác ngộ của đảng viên và uy tín của Đảng nâng lên một bước rõ rệt.

+ Cùng với sự trưởng thành của Đảng, lực lượng cách mạng cũng lớn mạnh không ngừng. Qua thực tiễn đấu tranh, Đảng đã xây dựng được một đội quân chính trị hùng hậu gồm hàng triệu người ở cả thành thị và nông thôn, tập hợp trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Cũng qua đấu tranh mà quần chúng cách mạng được tôi luyện và thử thách dày dạn.

+ Phong trào cách mạng 1936 –1939 còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho giai đoạn cách mạng sau. Đó là bài học về tổ chức tập hợp quần chúng đấu tranh; Bài học về sử dụng hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú.

+ Phong trào cách mạng 1936-1939 đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đưa Đảng* và quần chúng cách mạng bước vào thời kì đấu tranh trực tiếp giành chính quyền. Vì vậy đây là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 6: Hãy tìm những đặc điểm về hình thức đấu tranh, nhiệm vụ chính trị, hình thức tổ chức quần chúng, Mặt trận trong thời kì 1936 –1939?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Đặc điểm về hình thức đấu tranh: Đấu tranh công khai, hợp pháp, bán công khai, bán hợp pháp, bất hợp pháp và bí mật. Đây là thời kì sử dụng hình thức đấu tranh phong phú nhất. Chủ yếu là đấu tranh chính trị.

- Về nhiệm vụ chính trị: Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

- Về hình thức tổ chức quần chúng: Tập hợp quần chúng trong Mặt trận, đã lôi kéo lực lượng chính trị của quần chúng hàng triệu người đứng về phía cách mạng.

- Về công tác Mặt trận: Trước tiên thành lập Mặt trận Nhân dân Thống nhất Phản đế Đông Dương đến 3 - 1938 đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương cho phù hợp với mục tiêu đấu tranh.

Bài 7

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 – 1945)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ VÀ NỘI DUNG HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LẦN VI (11-1939)

1. Hoàn cảnh lịch sử:

a. Trên thế giới:

- Tháng 9-1939 Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tháng 6-1940 phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp, bọn phản động Pháp hoàn toàn đầu hàng và chính phủ tay sai Pêtanh lên cầm quyền ở Pháp.

- Ở Viễn Đông, phát xít Nhật đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Trung Quốc và tiến sát biên giới Việt – Trung.

b. Trong nước:

Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng. Mặt khác, chúng thỏa hiệp với Nhật áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời rút vào hoạt động bí mật chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

2. Nội dung của Hội nghị lần thứ VI (11-1939)

Trong điều kiện lịch sử mới, Hội nghị TW Đảng lần VI (11-1939) đã xác định:

- Kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương là chủ nghĩa đế quốc, phát xít.

- Nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc, phát xít Pháp – Nhật và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách. Các nhiệm vụ khác (cả nhiệm vụ chống phong kiến) phải nhằm giải quyết nhiệm vụ đó.

- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương nhằm đoàn kết rộng rãi dân tộc, thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng.

- Hội nghị quyết định thay đổi hình thức và phương pháp đấu tranh cho phù hợp: Từ đấu tranh đòi dân sinh dân chủ đến đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc, tay sai, từ hoạt động hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang.

- Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", mà chỉ đề ra khẩu hiệu: "tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân nghèo".

Như vậy, Hội nghị Trung ương lần VI (11-1939) đánh dấu sự chuyển hướng đầu tiên nhưng vô cùng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng, mở đường cho thắng lợi của cách mạng tháng Tám.

Hội nghị thể hiện sự nhạy bén chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

II. NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA VŨ TRANG BÁO HIỆU THỜI KÌ ĐẤU TRANH MỚI:

1. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940)

- Ngày 22-9-1940, Nhật đánh úp Lạng Sơn, Pháp thua rút chạy qua châu Bắc Sơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương nhân dân đã vùng dậy tước vũ khí của Pháp tự vũ trang cho mình, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27-9-1940)

- Mấy hôm sau Nhật – Pháp thỏa hiệp với nhau. Pháp tập trung lực lượng đàn áp nhân dân Bắc Sơn rất dã man.

- Từ 27-9 đến 20-10-1940, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Bắc Sơn đấu tranh chống khủng bố, trừng trị bọn tay sai địch, tịch thu tài sản của đế quốc và tay sai chia đều cho dân nghèo, đồng thời thành lập đội du kích Bắc Sơn.

- Ngày 20-10-1940, Pháp củng cố lực lượng tấn công và đàn áp cách mạng, đánh úp Vũ Lăng. Đội du kích Bắc Sơn rút vào rừng tiếp tục hoạt động. Đây là lực lượng vũ trang đầu tiên của ta.

2. Khởi nghĩa Nam Kì (23-11-1940)

Quân Thái Lan với sự đỡ của Nhật lợi dụng cơ hội quân Pháp bại trận ở châu Âu và yếu thế ở Đông Dương, tiến hành khiêu khích xung đột biên giới Lào, Campuchia. Để chống lại, thực dân Pháp bắt lính người Việt ra mặt trận chết thay cho chúng. Nhân dân, nhất là binh lính người Việt, rất bất bình và sôi sục khí thế đấu tranh.

Tình thế cấp bách nên Đảng bộ Nam Kì phải quyết định khởi nghĩa tuy chưa có sự chuẩn bị, lệnh đình chỉ khởi nghĩa của Đảng ngoài Bắc vào chậm. Trước ngày khởi sự, một số cán bộ chỉ huy bị bắt, kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, thực dân Pháp tìm cách đối phó.

Tuy vậy, khởi nghĩa vẫn nổ ra theo sự dự kiến vào đêm 22 rạng sáng ngày 23-11-1940 ở hầu hết các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ nhiều đồn bót giặc, phá tan nhiều chính quyền địch, thành lập chính quyền nhân dân và tòa án cách mạng ở nhiều địa phương. Cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện từ trong khởi nghĩa quần chúng.

Thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa. Chúng bắt đi đày hàng nghìn chiến sĩ yêu nước, xử bắn một số chiến sĩ ưu tú của Đảng bị bắt trước cuộc khởi nghĩa: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai.

Cơ sở Đảng bị tổn thất nặng, một số cán bộ và nghĩa quân bí mật rút vào rừng, chấn chỉnh đội ngũ chờ cơ hội hoạt động trở lại.

3. Binh biến Đô Lương (13-01-1941)

Phong trào cách mạng của quần chúng đã ảnh hưởng đến tinh thần của binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Tại Nghệ An, binh lính rất bất bình vì bị bắt sang Lào làm bia đỡ đạn cho Pháp chống Thái Lan.

Ngày 13-01-1941 dưới sự lãnh đạo của đội Cung (Nguyễn Văn Cung), binh lính kéo đến chợ Rạng (Đô Lương-Nghệ An) nổi dậy. Tối hôm đó, họ đánh chiếm đồn Đô Lương rồi định kéo về Vinh nhưng kế hoạch không thành. Đội Cung bị thực dân Pháp bắt và xử tử cùng 10 đồng chí của ông ta tại Vinh. Nhiều người khác bị kết án khổ sai và đem đi đày.

4. Ý nghĩa của ba sự kiện trên:

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và cuộc binh biến Đô Lương cuối cùng bị thất bại, do thực dân Pháp lúc đó còn mạnh, khởi nghĩa nổ ra chưa chín muồi, chưa đúng thời cơ. Mặc dầu bị thất bại, song ba sự kiện trên đã:

- Nói lên lòng yêu nước nồng nàn, thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc ta.

- Giáng một đòn chí tử vào thực Pháp, cảnh cáo nghiêm khắc phát xít Nhật vừa mới đặt chân lên đất nước ta. "Đó là những tiếng súng báo hiệu của cuộc khởi nghĩa toàn quốc".

- Để lại cho cách mạng nhiều bài học kinh nghiệm quý giá, nhất bài học về thời cơ khởi nghĩa. Riêng khởi nghĩa Bắc Sơn để lại cho cách mạng đội du kích Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì để lại cho cách mạng lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, sau này trở thành quốc kì – một biểu tượng thiêng liêng của đất nước.

Trung ương Đảng đã nhận định về ba cuộc khởi nghĩa vũ trang này như sau: "Những cuộc khởi nghĩa lại gây một ảnh hưởng rộng lớn toàn quốc. Đó là những tiếng súng báo hiệu cho khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương."

III. TÌNH HÌNH ĐÔNG DƯƠNG DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA PHÁP – NHẬT. HỘI NGHỊ TW LẦN THỨ VIII ĐẢNG (5-1941) VÀ VIỆC THÀNH LẬP MẶT TRẬN VIỆT MINH

1. Sơ lược quá trình xâm lược Đông Dương của phát xít Nhật

Đông Dương là một địa bàn rất quan trọng về chiến lược quân sự: từ Đông Dương có thể thông tới các Châu lục, Đại dương. Là nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, khoáng sản dồi dào, nguồn nhân lực lớn. Bởi vậy các đế quốc tìm cách chiếm đoạt.

Sau khi xâm lược Trung Quốc, Nhật đưa quân vào Đông Dương, dùng sức ép buộc Pháp phải kí một loạt các Hiệp ước bất bình đẳng, rồi lần lượt dâng Đông Dương cho Nhật.

+ Ngày 30-8-1940 Nhật buộc Pháp kí Hiệp định Tôkiô, gồm các nội dung:

- Nhật được sử dụng ba sân bay lớn ở Bắc Kì: Gia Lâm, Cát Bi, Phủ Lạng Thương.

- Nhật được đóng 6.000 quân ở phía bắc Sông Hồng.

- Nhật được sử dụng các con đường ở Bắc Kì để vận chuyển binh lính, vũ khí, lương thực....

+ Sau khi đổ bộ vào Đồ Sơn, đánh Hải Phòng, Lạng Sơn (22-9-1940), đến đầu tháng 7-1941 Nhật buộc Pháp kí Hiệp ước "Cam kết phòng thủ Đông Dương với Nhật". Thực tế là Nhật đã chỉ huy Pháp về mặt quân sự.

+ Tháng 12-1941 Nhật buộc Pháp kí Hiệp ước "Cam kết hợp tác toàn diện với Nhật"

- Tạo mọi sự dễ dàng cho việc hành binh của Nhật

- Cung cấp lương thực, bố trí doanh trại cho quân Nhật.

- Bảo đảm hậu phương an toàn cho quân Nhật. Như vậy về cơ bản Nhật đã làm chủ Đông Dương. Từ đó, Pháp Nhật cấu kết chặt chẽ với nhau trong việc bóc lột nhân dân Đông Dương. Nhân dân Đông Dương phải gánh chịu hai tầng xiềng xích Nhật - Pháp.

2. Tình hình Đông Dương dưới ách thống trị của Nhật Pháp.

a. Về phía Nhật:

Chính sách thống trị của Nhật ở Đông Dương chỉ là tiếp nối sự thống trị của Pháp trước đây và ngày càng phản động hơn.

* *Về chính trị:*

- Thẳng tay đàn áp cách mạng và những người yêu nước, bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân.

- Lập chính quyền bù nhìn "thân Nhật", do Trần Trọng Kim làm thủ tướng và bày trò trả "độc lập" giả hiệu để lừa bịp nhân dân ta.

- Chúng khuyến khích các tổ chức, đảng phái thân Nhật hoạt động để chống phá cách mạng Việt Nam, tiêu biểu là Đảng Đại Việt.

* *Về kinh tế:*

- Chúng thẳng tay bóc lột nhân dân ta bằng cách tăng thuế, bắt nhân dân ta đi phu xây dựng hầm hào, đồn bốt, kho tàng.

- Bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay, thầu dầu phục vụ cho công nghiệp chiến tranh.

Hậu quả của các chính sách phản động nói trên là: nạn đói khủng khiếp cuối năm 1944 đầu năm 1945 đã giết hại 2 triệu đồng bào ta.

* *Về văn hóa giáo dục:*

- Chúng dùng văn hóa nô dịch để đầu độc nhân dân ta. Khuyến khích mở trường dạy chữ Nhật để đào tạo bọn tay sai cho chúng. Chúng dùng sách báo, phim ảnh đồi trụy để đầu độc thanh thiếu niên.

- Chúng tuyên truyền cho khối "Đại Đông Á" "Thịnh vượng chung", chúng tuyên truyền văn hóa Nhật, sức mạnh của Nhật để gây tâm lí phục Nhật.

* *Về quân sự:*

- Chúng liên tiếp mở những cuộc hành quân càn quét, tấn công vào các căn cứ địa của ta, thành lập quân đội bù nhìn, biến Đông Dương thành căn cứ quân sự phục vụ chiến tranh của chúng.

Tất cả những chính sách của Nhật ở Đông Dương đều nhằm biến Đông Dương thành một thuộc địa, một căn cứ quân sự và là thị trường độc chiếm của Nhật, vì thế nhân dân Đông Dương rất căm thù chúng. Đó chính là nguyên nhân dẫn tới sự bùng nổ Cao trào kháng Nhật cứu nước.

b. Về phía Pháp:

* *Kinh tế:* Thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy" để nắm độc quyền nền kinh tế Đông Dương và vơ vét bóc lột nhiều hơn: tăng thuế, đặc biệt là các loại thuế gián thu (từ năm 1939-1945, thuế rượu, thuế muối, thuế thuốc phiện tăng lên 3 lần); thu mua lương thực, thực phẩm theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt, gây nên nạn đói khủng khiếp cuối năm 1944 đầu năm 1945 ở miền Bắc.

* *Chính trị:* Thi hành chính sách hai mặt: Một mặt, tiếp tục đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng, mặt khác dùng thủ đoạn chính trị lừa bịp hòng làm cho nhân dân ta tưởng lầm chúng là "bạn" chứ không phải là thù.

* *Về xã hội:* Dưới ách thống trị của Nhật lẫn Pháp đời sống các tầng lớp nhân dân Đông Dương vô cùng điêu đứng:

- Nông dân: Chịu điêu đứng nhất, đói rét nhất. Trong tổng số 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là nông dân.

- Công nhân: Bị thất nghiệp, bị tăng giờ làm, bớt tiền lương, bị cúp phạt, đánh đập.

- Các tầng lớp tiểu tư sản đời sống bấp bênh vì giá sinh hoạt cao, thất nghiệp, thua lỗ sập hiệu... luôn luôn chờ đón họ.

- Giai cấp tư sản, địa chủ (trừ một số có quyền lợi gắn với Pháp, Nhật cũng bị sa sút hoặc phá sản.

3. Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII (5-1941) và việc thành lập Mặt trận Việt Minh.

a. Hoàn cảnh lịch sử:

* *Thế giới:* Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước sang năm thứ ba sau khi chiếm phần lớn châu Âu, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc, chuẩn bị chiến tranh Thái Bình Dương.

* *Trong nước:* Nhân dân Đông Dương phải chịu hai tầng áp bức bóc lột của Pháp – Nhật, mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc, phát xít Pháp – Nhật phát triển gay gắt.

Nhân dân Đông Dương ngày càng cách mạng hóa, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940) Nam Kì (11-1940) và cuộc Binh biến Đô Lương (1-1941).

Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, ngày 28-1-1941 Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII, họp từ ngày 10 đến 19-5-1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng).

b. Nội dung hội nghị.

- Hội nghị xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương lúc này là đế quốc phát xít Pháp – Nhật và các lực lượng phản cách mạng tay sai của chúng.

Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc – phát xít là mâu thuẫn chủ yếu nhất, vận mệnh của các dân tộc Đông Dương nguy vong không lúc nào bằng. Nguyễn Ái Quốc nói: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được".

- Hội nghị quyết định giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc để đánh đuổi đế quốc, phát xít Pháp – Nhật.

- Hội nghị chủ trương tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất chỉ tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian, chia lại ruộng đất công giảm địa tô.

- Hội nghị khẳng định: Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta.

- Hội nghị quyết định đặt vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, song các dân tộc phải đoàn kết, cùng nhau chống kẻ thù chung là Pháp – Nhật, phải liên hệ mật thiết với Liên Xô và các lực lượng dân chủ

chống phát xít. Ở mỗi nước thành lập một mặt trận đoàn kết dân tộc. Ở Việt Nam là Việt Nam Độc lập Đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

- Hội nghị cử Ban chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng đã đề ra trong Hội nghị Trung ương lần thứ VI (11-1939). Nó có tác dụng quyết định trong việc vận động toàn Đảng, toàn dân chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

4. Hoạt động của Mặt trận Việt Minh và vai trò của nó đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945

a. Hoạt động của Mặt trận Việt Minh

Mặt trận Việt Minh thành lập ngày 19-5-1941 theo chủ trương của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, chỉ sau một thời gian ngắn đã có uy tín và gây ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân.

Ngày 25-10-1941 Mặt trận Việt Minh chính thức thông qua Tuyên ngôn trước quốc dân đồng bào.

Mặt trận Việt Minh cũng công bố chương trình cứu nước gồm các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm làm cho "Nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, nhân dân Việt Nam được sung sướng tự do".

Quá trình chuẩn bị của Mặt trận Việt Minh để tiến tới giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám:

** Xây dựng lực lượng chính trị:*

- Tại Bắc Sơn – Vũ Nhai: Lực lượng du kích thống nhất thành Cứu quốc quân và phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7-1941 đến tháng 2-1942) sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để gây cơ sở trong quần chúng.

- Tại Cao Bằng: Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942 khắp 9 châu đều có Hội cứu quốc, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến" để phát triển lực lượng cách mạng xuống các tỉnh miền xuôi.

- Ở các nơi khác: Đảng tranh thủ tập hợp nhân dân vào Mặt trận Cứu quốc, năm 1943 đưa ra "Bản đề cương văn hóa Việt Nam" và vận động thành lập "Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam".

** Xây dựng căn cứ địa cách mạng.*

- Tháng 8-1942 hai căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai và Cao Bằng nối liền nhau.

- Lực lượng cách mạng phát triển trong khu vực rộng lớn Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

- Đến tháng 6-1945 khu giải phóng Việt Bắc ra đời, là hình ảnh thu nhỏ của một nước Việt Nam mới.

** Xây dựng lực lượng vũ trang và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang:*

- Ngày 7-5-1944 Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" và kêu gọi nhân dân "sắm sửa vũ khí đuổi thù chung". Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sục sôi trong căn cứ.

- Ngày 22-12-1944 theo Chỉ thị của Hồ Chí Minh, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập và hai ngày sau đã hạ đồn Phay Khắt – Nà Ngần.

- Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, lập tức Chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Đảng, Mặt trận Việt Minh ra lệnh kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh Cao trào kháng Nhật cứu nước.

- Tháng 5-1945, sát nhập "Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân" với "Cứu quốc quân" thành "Việt Nam giải phóng quân".

Đến Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh đã phát triển rộng khắp, và đóng vai trò quan trọng trong khởi nghĩa giành chính quyền.

b- Vai trò của Mặt trận Việt Minh.

- Mặt trận Việt Minh đã tập hợp đông đảo quần chúng hình thành nên lực lượng chính trị cách mạng đông đảo dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên sức mạnh của cả dân tộc, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, phân hoá và cô lập kẻ thù.

- Trên cơ sở phát triển các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, lực lượng vũ trang cách mạng hình thành và phát triển, cùng với lực lượng quần chúng đông đảo tạo nên sức mạnh tổng hợp nổi dậy giành chính quyền.

Mặt trận Việt Minh là sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, là một điển hình trong công tác Mặt trận của Đảng.

IV. CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC (TỪ THÁNG 3 ĐẾN THÁNG 8 NĂM 1945)

1. Chủ trương của Đảng.

Ngay đêm 9-3-1945 Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp, phân tích tình hình và nhận định cuộc đảo chính Nhật – Pháp đã đưa đến hậu quả là gây ra cuộc khủng hoảng chính trị lớn đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện. Từ đó Hội nghị đi tới chủ trương phát động một Cao trào kháng Nhật cứu quốc mạnh mẽ trong toàn quốc, làm tiền đề cho một cuộc tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang hình thức tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

- Ngày 12-3-1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Nội dung của Chỉ thị:

+ Vạch rõ nguyên nhân và hậu quả của cuộc đảo chính Nhật – Pháp.

+ Xác định kẻ thù chính, duy nhất của nhân dân ta lúc bấy giờ là Nhật cùng bọn tay sai của chúng.

+ Kêu gọi quần chúng đứng lên kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

+ Phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh dưới nhiều hình thức, kể cả hình thức khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

+ Thay đổi mọi hình thức hoạt động, hình thức đấu tranh cho phù hợp với thời kì tiền khởi nghĩa. Thay khẩu hiệu: "Đánh đuổi Nhật – Pháp" bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" và đề ra khẩu hiệu "Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương".

Ngoài ra Chỉ thị còn chỉ rõ: do tình hình tương quan lực lượng giữa ta và địch ở mỗi nơi không giống nhau, cách mạng có thể chín muồi ở các địa phương không đều nhau, nên nơi nào thấy so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng thì tiến hành khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng bộ phận, rồi tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

Như vậy, Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" có giá trị, ý nghĩa như một ngọn cờ dẫn dắt toàn dân ta tiến hành Cao trào kháng Nhật cứu nước, tạo điều kiện cho sự sáng tạo của các địa phương trên cơ sở đường lối chung của Đảng.

2. Diễn biến của cao trào kháng Nhật cứu nước

Dưới ánh sáng Nghị quyết Thường vụ Trung ương Đảng (9-3-1945) và Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12-3-1945) cả nước dấy lên một Cao trào kháng Nhật cứu nước sôi nổi, mạnh mẽ.

Ngày 11-3-1945 tại Ba Tơ (Quảng Ngãi) một số tù chính trị thoát khỏi nhà lao, lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa, chiếm được đồn Ba Tơ, xây dựng căn cứ cách mạng Ba Tơ. Đây là cuộc khởi nghĩa từng phần đầu tiên giành được thắng lợi.

Tại vùng căn cứ địa, các lực lượng vũ trang của ta (Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Đội Cứu quốc quân) đã chặn đánh quân địch, chiếm đồn địch, tuyên truyền phát triển lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang. Nhiều nơi quần chúng đã thành lập được chính quyền cách mạng dưới hình thức UBND và Ủy ban cách mạng. Tiêu biểu nhất là sự ra dời khu giải phóng Việt Bắc (6-1945) gồm 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.

Tại các đô thị lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn - Chợ Lớn, liên tục nổ ra nhiều cuộc mít tinh, biểu tình chống Nhật, lôi cuốn hàng vạn người tham gia. Nhiều khẩu hiệu đấu tranh xuất hiện: "Bất hợp tác với giặc Nhật" "Không đi phu, đi lính cho Nhật", "Không đóng thuế cho Nhật"...

Tại các vùng nông thôn, "Phong trào phá kho thóc của giặc Nhật chia cho dân nghèo" đã được đông đảo quần chúng hưởng ứng, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh – nơi đang xảy ra nạn đói nghiêm trọng).

Từ những ngày đầu tháng 8-1945, Cao trào kháng Nhật diễn ra ngày càng sôi sục. Tại các thành phố lớn, truyền đơn, biểu ngữ, khẩu hiệu chống

Nhật, cờ đỏ búa liềm, cờ đỏ sao vàng bí mật xuất hiện khắp nơi, nhiều tên Việt gian bị trừ khử.

Nhìn chung, quần chúng đã sẵn sàng, chỉ còn chờ đón cơ hội là sẽ đứng lên tiến hành Tổng khởi nghĩa. Cao trào kháng Nhật cứu nước là bước phát triển vượt bậc của cách mạng nước ta. Qua cao trào, quần chúng được chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức để khởi nghĩa giành chính quyền, tạo tiền đề thúc đẩy thời cơ khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

V. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG TRONG CẢ NƯỚC, NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI (2-9-1945)

1. Nguyên nhân:

Cách mạng tháng Tám thành công, ngoài việc chuẩn bị chu đáo còn cần có thời cơ. Thời cơ là sự kết hợp nhuần nhuyễn những điều kiện bên trong và điều kiện bên ngoài (chủ quan và khách quan), trong đó điều kiện chủ quan giữ vai trò quan trọng nhất.

a. Chủ quan:

Đảng Cộng sản Việt Nam đã có quá trình chuẩn bị chu đáo cho thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám suốt 15 năm với ba cuộc diễn tập: 1930 – 1931; 1936 – 1939 và 1939 – 1945. Trong cao trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân chuẩn bị đầy đủ, chu đáo về mặt đường lối, lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng và bước đầu tập dượt cho quần chúng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Khi phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại, bọn Nhật ở Đông Dương hoang mang cực độ, mất hết tinh thần chiến đấu. Lúc này quân Đồng minh chưa kịp vào Đông Dương.

Qua cao trào kháng Nhật cứu nước, quần chúng đã chuẩn bị sẵn sàng, chỉ chờ lệnh khởi nghĩa.

b. Khách quan:

Thời cơ "ngàn năm có một" đã đến. Tháng 5-1945 phát xít Đức bị tiêu diệt, ngày 14-8-1945 phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại. Ngày 15-8-1945 Nhật chính thức đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.

Như vậy Cách mạng tháng Tám nổ ra trong điều kiện chủ quan, khách quan hoàn toàn chín muồi. Đó chính là thời cơ "ngàn năm có một", vì nó rất hiếm và rất quý, nếu bỏ qua thì sẽ không bao giờ thời cơ trở lại nữa. Nhận thức rõ thời cơ có một không hai này, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ "Đây là thời cơ ngàn năm có một cho dân tộc ta vùng dậy. Lần này dù có phải thiêu cháy dãy Trường Sơn cũng quyết giành độc lập cho đất nước".

2. Diễn biến của Cách mạng tháng Tám 1945

* Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình, Đảng đã tiến hành Hội nghị toàn quốc từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 (tại Tân Trào – Tuyên Quang).

Hội nghị quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa và ra Quân lệnh số 1, kêu gọi toàn dân nổi dậy. Hội nghị còn đề ra ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa: tập trung, thống nhất và kịp thời.

* Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa bế mạc, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Quốc dân đại hội Tân Trào – Tuyên Quang, trong 2 ngày 16 và 17-8-1945.

Tham dự Đại hội có 60 đại biểu đại diện cho nhân dân ba miền, Bắc – Trung – Nam, cho các dân tộc, các đảng phái, các tôn giáo dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh.

Đại hội đã biểu quyết tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng.

Đại hội quyết định: Quốc kì lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca. Đặt tên nước là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và cử Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh đứng đầu.

Đại hội đã quyết định những vấn đề hết sức quan trọng có liên quan đến vận mệnh của đất nước. Chuẩn bị những công việc cuối cùng cho tổng khởi nghĩa.

* Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào đã thể hiện sự đoàn kết, nhất trí quyết tâm giành độc lập tự do của toàn Đảng, toàn dân ta.

* Chiều 16-8, một đội quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã từ Tân Trào tiến về giải phóng Thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Tính đến ngày 18-8 đã có 4 tỉnh lị giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

* Giành chính quyền ở thu đô Hà Nội: Chiều 15-8 mệnh lệnh khởi nghĩa về tới Hà Nội, sáng 16-8 truyền đơn, biểu ngữ xuất hiện khắp mọi nơi, không khí khởi nghĩa ngày thêm sôi sục.

Mờ sáng ngày 19-8, hàng chục vạn quần chúng ngoại thành, kéo qua các cửa ô, tiến vào nội thành, phối hợp với quần chúng nội thành, tiến hành cuộc mít tinh khổng lồ tại sân Nhà hát lớn. Một rừng cờ đỏ sao vàng mọc lên, quần chúng hô vang các khẩu hiệu "Đả đảo Chính phủ bù nhìn" "Ủng hộ Việt Minh" "Việt Nam hoàn toàn độc lập".

Khoảng 11 giờ 30 cuộc mít tinh kết thúc, quần chúng chia thành nhiều toán, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, toả đi đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch như: Phủ Khâm sai, Toà Thị chính, Sở Cảnh sát...

Trước sức mạnh của quần chúng, bọn địch chống cự yếu ớt. Chính quyền về tay nhân dân. Cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội hoàn toàn thắng lợi.

* Giành chính quyền ở Huế: Sáng ngày 23-8 hàng vạn quần chúng ngoại thành phối hợp với công nhân, thanh niên và các tầng lớp lao động khác ở nội thành tiến hành cuộc biểu dương lực lượng cướp chính quyền.

Trước khí thế vùng dậy như nước vỡ bờ của quần chúng, bọn địch ở đây không dám chống cự. Cách mạng giành thắng lợi ở Huế.

Ngày 30-8-1945, tại cửa Ngọ Môn (Huế) dưới rừng cờ đỏ sao vàng, diễn ra cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân chứng kiến Bảo Đại, ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam đọc lời thoái vị và nộp ấn kiếm cho cách mạng.

* Tại Sài Gòn: Mờ sáng ngày 25-8-1945 từng đoàn quân khởi nghĩa của công nhân, nông dân ngoại thành phối hợp với hàng chục vạn quần chúng nội thành có vũ trang kèm theo, tiến hành biểu tình, thị uy đánh chiếm các công sở của địch. Kẻ địch ở đây không dám chống cự. Chỉ trong ngày 25-8 khởi nghĩa ở Sài Gòn đã thành công.

Các nơi còn lại ở Nam Bộ, kể cả Côn Đảo đến ngày 28-8 khởi nghĩa đã giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong phạm vi cả nước. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14 đến 28-8-1945) cuộc tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi trọn vẹn. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền cả nước về tay nhân dân.

3. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời:

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh lớn của hàng chục vạn nhân dân đủ các tầng lớp ở Thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

Nội dung của bản: "Tuyên ngôn Độc lập" gồm mấy điểm sau đây:

+ Nêu những quyền thiêng liêng không ai có thể xâm phạm được, đó là quyền bình đẳng giữa các dân tộc: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

+ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta gần một thế kỉ, đồng thời tố cáo sự cấu kết, áp bức bóc lột của Pháp – Nhật đối với nhân dân ta.

+ Khẳng định chủ quyền của nước ta trên hai phương diện pháp lí và thực tiễn: "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập !... và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập".

+ Cuối cùng Tuyên ngôn khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền của nhân dân ta: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

. Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện lịch sử trọng đại, và ngày 2-9-1945 mãi mãi ghi vào lịch sử Việt Nam là ngày hội lớn, vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Ngày tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám 1945

a. Ý nghĩa:

** Đối với dân tộc:*

- Cách mạng tháng Tám 1945 là một biến cố vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đã phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến tồn tại hàng ngàn năm trên đất nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ lên địa vị làm chủ nước nhà, đưa Đảng ta từ một Đảng hoạt động trong bí mật trở thành một Đảng cầm quyền.

- Cách mạng tháng Tám thành công mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

** Đối với thế giới:*

- Cách mạng tháng Tám 1945 là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhỏ yếu tự đứng lên giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới, nhất là đối với hai nước Lào, Campuchia.

b. Nguyên nhân thắng lợi:

Thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả tổng hợp của những nhân tố khách quan và chủ quan.

** Về khách quan:*

- Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai của bọn đế quốc đã làm cho chúng ngày càng thêm suy yếu. Tiếp đó là cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và lực lượng dân chủ đã từng bước làm thất bại lực lượng phát xít Đức – Italia – Nhật Bản. Tất cả đã tác động đến quá trình cách mạng thế giới, thúc đẩy các dân tộc thuộc địa đấu tranh giải phóng.

- Nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đã lợi dụng điều kiện khách quan thuận lợi đó dấy lên một phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Đến khi lực lượng Đồng minh và Liên Xô đánh bại phát xít Nhật ở châu Á – Thái Bình Dương vào ngày 14-8-1945 đã tạo nên thời cơ khách quan cho Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Đó là thời cơ "ngàn năm có một" được Đảng ta triệt để lợi dụng, kịp thời chớp lấy, phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa, và đã giành được thắng lợi mau lẹ ít đổ máu.

Tuy nhiên, điều kiện khách quan đó chỉ có thể được phát huy thông qua điều kiện chủ quan của ta.

** Về chủ quan:*

- Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất vì độc lập, tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì mọi người hăng hái hưởng ứng, nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

- Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn kịp thời. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nguyên nhân quyết định thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám còn là thắng lợi của việc xây dựng lực lượng cách mạng, trước tiên là lực lượng chính trị của quần chúng. Trên cơ sở lực lượng chính trị, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang. Đó là hai lực lượng hùng hậu được Đảng sử dụng hợp lí nhằm phát huy sức mạnh to lớn vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

c. Bài học kinh nghiệm:

Cách mạng tháng Tám 1945 để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá:

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp đúng đắn, sáng tạo nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đưa nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu, mhằm tập trung lực lượng để thực hiện cho kì được yêu cầu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc giành độc lập tự do cho dân tộc.

- Đánh giá đúng và biết kết hợp, tổ chức lực lượng các giai cấp cách mạng, trong đó công nông là đội quân chủ lực. Trên cơ sở khối công nông liên minh, biết khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

- Nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị; kết hợp chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn với đấu tranh chính trị và khởi nghĩa ở đô thị để khi có thời cơ thì phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính uyền.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai có gì mới?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Tháng 9-1939 Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tháng 6-1940 phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp, bọn phản động Pháp hoàn toàn đầu hàng và chính phủ tay sai Pêtanh lên cầm quyền ở Pháp.

- Ở Viễn Đông, phát xít Nhật đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Trung Quốc và tiến sát biên giới Việt – Trung.

Đứng trước hai nguy cơ: Cách mạng Đông Dương và sự đe dọa trắng trợn của phát xít Nhật, thực dân Pháp thi hành chính sách hết sức phản động đối với nhân dân ta.

* *Về chính trị:* thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, thủ tiêu các quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta giành được trong thời kì vận động dân chủ, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Mặt khác, chúng thỏa hiệp với Nhật để áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời rút vào hoạt động bí mật chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

* *Về kinh tế:* thi hành chính sách *"kinh tế chỉ huy"* để tăng cường vơ vét sức người sức của ném vào lò lửa chiến tranh.

Chính những việc làm đó đã gây mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai trở nên gay gắt.

Câu 2:. Phân tích các điều kiện dẫn tới sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Trong điều kiện lịch sử mới, trước nguy cơ xâm lược của phát xít Nhật, Pháp điên cuồng đàn áp cách mạng làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp đã sâu sắc, càng sâu sắc thêm. Đảng ta kịp thời rút vào hoạt động bí mật và triệu tập Hội nghị TW Đảng lần VI (11 - 1939) để chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã xác định:

- Kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương là chủ nghĩa đế quốc, phát xít.

- Nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc, phát xít Pháp – Nhật và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách. Các nhiệm vụ khác (cả nhiệm vụ chống phong kiến) phải nhằm giải quyết nhiệm vụ đó.

- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương nhằm đoàn kết rộng rãi dân tộc, thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng.

Câu 3: Nhiệm vụ cách mạng trung tâm của thời kì này là gì? Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã có quyết định gì mới?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Nhiệm vụ trung tâm của cách mạng lúc này là giải phóng dân tộc, đây là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách.

- Hội nghị có quyết định mới là chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng so với thời kì 1936 - 1939:

+ Nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc, phát xít Pháp – Nhật và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách. Các

nhiệm vụ khác (cả nhiệm vụ chống phong kiến) phải nhằm giải quyết nhiệm vụ đó.

+ Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương nhằm đoàn kết rộng rãi dân tộc, thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng.

+ Hội nghị quyết định thay đổi hình thức và phương pháp đấu tranh cho phù hợp: Từ đấu tranh đòi dân sinh dân chủ đến đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc, tay sai, từ hoạt động hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang.

+ Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", mà chỉ đề ra khẩu hiệu: "tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân nghèo".

Như vậy, Hội nghị Trung ương lần VI (11-1939) đánh dấu sự chuyển hướng đầu tiên nhưng vô cùng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng, mở đường cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Hội nghị thể hiện sự nhạy bén chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Câu 4: Tóm tắt diễn biến cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và cuộc binh biến Đô Lương?

* **Hướng dẫn trả lời:**

a. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940)

- Ngày 22-9-1940, Nhật đánh úp Lạng Sơn, Pháp thua rút chạy qua châu Bắc Sơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương nhân dân đã vùng dậy tước vũ khí của Pháp tự vũ trang cho mình, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27-9-1940).

- Ngày 20-10-1940, Pháp củng cố lực lượng tấn công và đàn áp cách mạng, đánh úp Vũ Lăng. Đội du kích Bắc Sơn rút vào rừng tiếp tục hoạt động. Đây là lực lượng vũ trang đầu tiên của ta.

b. Khởi nghĩa Nam Kì (23 -11- 1940)

- Thực dân Pháp bắt anh em binh lính người Việt làm bia đỡ đạn ở mặt trận Lào, Cam-pu-chia, đánh nhau với Thái Lan.

- Trước tình thế cấp bách, Đảng bộ Nam Kì phải quyết định khởi nghĩa tuy chưa có sự chuẩn bị, lệnh đình chỉ khởi nghĩa của Đảng ngoài Bắc vào chậm.

- Tuy vậy, khởi nghĩa vẫn nổ ra theo sự dự kiến vào đêm 22 rạng sáng ngày 23-11-1940 ở hầu hết các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ nhiều đồn bốt giặc, phá tan nhiều chính quyền địch, thành lập chính quyền nhân dân và tòa án cách mạng ở nhiều địa phương. Cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện từ trong khởi nghĩa quần chúng.

- Thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa. Chúng bắt đi đày hàng nghìn chiến sĩ yêu nước, xử bắn một số chiến sĩ ưu tú của Đảng bị bắt trước cuộc khởi nghĩa: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai.

c. Binh biến Đô Lương (13 - 01- 1941)

Ngày 13-01-1941 dưới sự lãnh đạo của đội Cung (Nguyễn Văn Cung), binh lính người Việt trong quan đội Pháp kéo đến chợ Rạng (Đô Lương-Nghệ An) nổi dậy. Tối hôm đó, họ đánh chiếm đồn Đô Lương rồi định kéo về Vinh nhưng kế hoạch không thành. Đội Cung bị thực dân Pháp bắt và xử tử cùng 10 đồng chí của ông tại Vinh. Nhiều người khác bị kết án khổ sai và đem đi đày.

Câu 5: Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa và binh biến trên?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- ***Nguyên nhân thất bại:*** Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và cuộc binh biến Đô Lương cuối cùng bị thất bại, do thực dân Pháp lúc đó còn mạnh, khởi nghĩa nổ ra chưa chín muồi, chưa đúng thời cơ.

- ***Ý nghĩa của ba sự kiện trên:***

+ Nói lên lòng yêu nước nồng nàn, thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc ta.

+ Giáng một đòn chí tử vào thực Pháp, cảnh cáo nghiêm khắc phát xít Nhật vừa mới đặt chân lên đất nước ta. "Đó là những tiếng súng báo hiệu của cuộc khởi nghĩa toàn quốc".

+ Để lại cho cách mạng nhiều bài học kinh nghiệm quý giá, nhất bài học về thời cơ khởi nghĩa. Riêng khởi nghĩa Bắc Sơn để lại cho cách mạng đội du kích Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì để lại cho cách mạng lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, sau này trở thành quốc kì – một biểu tượng thiêng liêng của đất nước.

Câu 6: Thực dân Pháp đã đầu hàng rồi cấu kết từng bước với phát xít Nhật từ sau năm 1940 như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Sau khi xâm lược Trung Quốc, Nhật đưa quân vào Đông Dương, dùng sức ép buộc Pháp phải kí một loạt các Hiệp ước bất bình đẳng, rồi lần lượt dâng Đông Dương cho Nhật.

+ Ngày 30-8-1940 Nhật buộc Pháp kí Hiệp định Tôkiô, gồm các nội dung:

- Nhật được sử dụng ba sân bay lớn ở Bắc Kì là: Gia Lâm, Cát Bi, Phủ Lạng Thương.
- Nhật được đóng 6.000 quân ở phía bắc Sông Hồng.
- Nhật được sử dụng các con đường ở Bắc Kì để vận chuyển binh lính, vũ khí, lương thực...

+ Sau khi đổ bộ vào Đồ Sơn, đánh Hải Phòng, Lạng Sơn (22-9-1940), đến đầu tháng 7-1941 Nhật buộc Pháp kí Hiệp ước "Cam kết phòng thủ Đông Dương với Nhật". Thực tế là Nhật đã chỉ huy Pháp về mặt quân sự.

+ Tháng 12-1941 Nhật buộc Pháp kí Hiệp ước "Cam kết hợp tác toàn diện với Nhật"

- Tạo mọi sự dễ dàng cho việc hành binh của Nhật.

- Cung cấp lương thực, bố trí doanh trại cho quân Nhật.

- Bảo đảm hậu phương an toàn cho quân Nhật. Như vậy, về cơ bản Nhật đã làm chủ Đông Dương. Từ đó, Pháp Nhật cấu kết chặt chẽ với nhau trong việc bóc lột nhân dân Đông Dương. Nhân dân Đông Dương phải gánh chịu hai tầng xiềng xích Nhật - Pháp.

Câu 7: Các thủ đoạn cướp bóc, vơ vét về kinh tế của Nhật – Pháp và ảnh hưởng của các thủ đoạn đó đến nhân dân ta như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

a. Về phía Nhật:

- Tăng cường đưa vốn vào Đông Dương hoạt động trong các ngành công nghiệp, thương mại.

- Chúng thẳng tay bóc lột nhân dân ta bằng cách tăng thuế, bắt nhân dân ta đi phu xây dựng hầm hào, đồn bốt, kho tàng, cung cấp các nhu yếu phẩm cho chúng.

- Bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay, thầu dầu phục vụ cho công nghiệp chiến tranh.

Hậu quả của các chính sách phản động nói trên là nạn đói khủng khiếp cuối năm 1944 đầu năm 1945 đã giết hại 2 triệu người.

b. Về phía Pháp:

Thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy" để nắm độc quyền nền kinh tế Đông Dương và vơ vét bóc lột nhiều hơn: tăng thuế, đặc biệt là các loại thuế gián thu (từ năm 1939-1945, thuế rượu, thuế muối, thuế thuốc phiện tăng lên 3 lần); thu mua lương thực, thực phẩm theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt, gây nên nạn đói khủng khiếp cuối năm 1944 đầu năm 1945 ở miền Bắc.

- Ảnh hưởng của những thủ đoạn đó:

+ Cuộc sống của nông dân vô cùng khốn quẫn.

+ Giai cấp công nhân và thợ thủ công điêu đứng.

+ Đời sống tiểu tư sản bấp bênh.

+ Giai cấp tư sản và địa chủ (trừ những bọn có quyền lợi gắn chặt với Pháp – Nhật ngày càng phát tài to), phần nhiều bị sa sút, phá sản.

Như vậy, các giai cấp, tầng lớp, đặc biệt là nông dân bị đẩy đến con đường cùng khổ, điêu đứng: Nhân dân ta đều sục sôi căm thù Pháp – Nhật.

Câu 8: Nhật – Pháp đã thi hành những thủ đoạn chính trị gì để lừa bịp nhân dân ta? Có gì giống và khác nhau trong mục đích của chúng?

*** Hướng dẫn trả lời:**

a. Về phía Nhật:

- Thẳng tay đàn áp cách mạng và những người yêu nước, bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân.

- Lập chính quyền bù nhìn "thân Nhật", do Trần Trọng Kim làm thủ tướng và bày trò trả "độc lập" giả hiệu để lừa bịp nhân dân ta.

- Chúng khuyến khích các tổ chức, đảng phái thân Nhật hoạt động để chống phá cách mạng Việt Nam, tiêu biểu là Đảng Đại Việt.

- Tung ra các luận điệu lừa bịp như: Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á, xuất bản sách Nhật... nhằm gạt ảnh hưởng của Pháp trong nhân dân Đông Dương.

- Thủ đoạn trên vừa che đậy hành vi cướp bóc tàn bạo và âm mưu xâm lược, vừa tạo ra chỗ dựa khi nhảy lên độc chiếm Đông Dương.

b. Về phía Pháp:

- Thi hành chính sách hai mặt: Một mặt, tiếp tục đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng, mặt khác dùng thủ đoạn chính trị lừa bịp hòng làm cho nhân dân ta tưởng lầm chúng là "bạn" chứ không phải là thù. (*Cho một số người Việt Nam có bằng cấp được làm chức chủ sự, mở thêm một số trường Cao đẳng, lập Đông Dương học xá, ra các khẩu hiệu Cách mạng quốc gia, Pháp Việt phục hưng....)*

- Những thủ đoạn của Pháp vừa nhằm củng cố địa vị thống trị của chúng ở Đông Dương vừa để đối phó với hai thế lực đang uy hiếp và sẵn sàng đánh đổ chúng đó là phát xít Nhật và nhân dân Đông Dương.

c. Điểm giống và khác nhau trong mục đích của chúng:

+ *Giống:* Thủ đoạn của chúng đều nhằm che đậy hành vi áp bức, bóc lột của chúng đối với nhân dân ta, lừa bịp làm cho nhân dân ta tưởng chúng là bạn chứ không phải là thù.

+ *Khác:* Thủ đoạn chính trị của Pháp nhằm củng cố ách thống trị đã có của chúng ở Đông Dương. Thủ đoạn của Nhật nhằm tạo ra chỗ dựa cho việc cai trị Đông Dương, vì Nhật mới nhảy vào Đông Dương.

Câu 9: Căn cứ vào tình hình như thế nào mà Đảng Cộng sản Đông Dương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, và chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh?

*** Hướng dẫn trả lời:**

a. Căn cứ đặt nhiệm vụ giải phong dân tộc:

* *Thế giới:* Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước sang năm thứ ba, sau khi chiếm phần lớn châu Âu, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô, Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc, chuẩn bị chiến tranh Thái Bình Dương.

** Trong nước:*

- Nhật nhảy vào Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn từng bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng.

- Nhân dân Đông Dương phải chịu hai tầng áp bức bóc lột của Pháp – Nhật, mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc, phát xít Pháp – Nhật phát triển gay gắt, vận mệnh các dân tộc Đông Dương nguy vong hơn bao giờ hết.

- Nhân dân Đông Dương ngày càng cách mạng hóa, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940) Nam Kì (11-1940) và cuộc Binh biến Đô Lương (1-1941).

Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, ngày 28-1-1941 Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII, họp từ ngày 10 đến 19-5-1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng) chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

b. Căn cứ để thành lập Mặt trận Việt Minh:

** Thế giới:*

Tình hình đang có những biến chuyển sâu sắc, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô. Lúc đó tính chất của chiến tranh thay đổi. Trên thế giới dần dần hình thành 2 trận tuyến: một bên là lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu, một bên là khối phát xít Đức – Ý – Nhật. Cuộc đấu tranh của mỗi dân tộc Đông Dương là một bộ phận của mặt trận dâb chủ chống phát xít thế giới.

** Trong nước:*

+ Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với phát xít, đế quốc Nhật-Pháp là mâu thuẫn chủ yếu nhất, nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết của cách mạng Đông Dương.

+ Để phát huy sức mạnh dân tộc ở mỗi nước Đông Dương, cần phải đặt vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước. Vì vậy mỗi nước cần có mặt trận dân tộc thống nhất riêng.

Đối với Việt Nam thành lập mặt trận lấy tên là *Việt Nam độc lập đồng minh* gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

Câu 10: Ý nghĩa và tầm quan trọng của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Ý nghĩa:

Hội nghị Trung lần thứ VIII có ý nghĩa lịch sử to lớn – đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ VI:

+ Kiên quyết giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết hơn bao giờ hết.

+ Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến.

+ Đề ra phương pháp cách mạng cụ thể: tích cực chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa.

- *Tầm quan trọng của Hội nghị:*

+ Động viên toàn Đảng, toàn dân tích cực chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

+ Với chủ trương của Hội nghị, Mặt trận Việt Minh ra đời, qua đó Đảng xây dựng được khối đoàn kết toàn dân vững chắc. Tiếp đó lực lượng vũ trang lần lượt ra đời, căn cứ địa cách mạng thành lập, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Câu 11: Từ năm 1941 đến 1945 lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của cách mạng đã được xây dựng và phát triển như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

**** Xây dựng lực lượng chính trị:***

- *Tại Bắc Sơn – Vũ Nhai:* Lực lượng du kích thống nhất thành Cứu quốc quân và phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7-1941 đến tháng 2-1942) sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để gây cơ sở trong quần chúng.

- *Tại Cao Bằng*: Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942 khắp 9 châu đều có Hội cứu quốc, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến" để phát triển lực lượng cách mạng xuống các tỉnh miền xuôi.

- Ở các nơi khác: Đảng tranh thủ tập hợp nhân dân vào Mặt trận cứu quốc, năm 1943 đưa ra "Bản đề cương văn hóa Việt Nam" và vận động thành lập "Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam". Báo chí của Đảng phát triển rất phong phú góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng.

- Phong trào Việt Minh đặc biệt phát triển, lực lượng chính trị của quần chúng ngày càng củng cố khi Hội nghị thường vụ Trung ương Đảng (2-1943) chủ trương tập hợp rộng rãi cac tầng lớp nhân dân khác như: Học sinh, sinh viên, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu quốc tăng cường vận động binh lính, tranh thủ ngoại kiều ở Đông Dương có tinh thần chống phát xít... Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng được phát triển.

- Sau Chỉ thị *Sửa soạn khởi nghĩa* (7-5-1944) và kêu gọi *sắm sửa vũ khí đuổi thù chung* (8-1944) phong trào trong các Hội cứu quốc phát triển mạnh, đặc biệt ở hai căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai và Cao Bằng, quần chúng đã sẵn sàng nổi dậy.

**** Xây dựng lực lượng vũ trang và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang:***

+ *Tại Bắc Sơn – Vũ Nhai*: Đội du kích Bắc Sơn được duy trì và lớn dần lên, đầu năm 1941, kết hợp với đội du kích Thái Nguyên thành lập đội Cứu quốc quân. Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích chống khủng bố, bảo vệ dân.

Cứu quốc quân mở rộng hoạt động ra nhiều huyện thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên, Phú Thọ... Tháng 2 năm 1944 phát triển thêm một trung đội nữa.

Sau chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh ở Vũ Nhai (Thái Nguyên), cuộc khởi nghĩa nổ ra quá sớm, làm cho lực lượng cách mạng ở đây bị tổn thất. Trung ương quyết định chuyển thành chiến tranh du kích để bảo toàn lực lượng.

+ *Tại Cao Bằng:* Cuối năm 1941 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập đội tự vệ vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan đầu não của Đảng. Tiếp đó, nhiều đội tự vệ, du kích khác được thành lập.

Ngày 22-12-1944 theo Chỉ thị của Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập và hai ngày sau đã hạ đồn Phay Khắt – Nà Ngần.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, tiếp theo Chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Đảng, Mặt trận Việt Minh ra lệnh kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh Cao trào kháng Nhật cứu nước.

Tháng 5-1945, sát nhập *"Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân"* với *"Cứu quốc quân"* thành *"Việt Nam giải phóng quân"*.

Đến Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh đã phát triển rộng khắp, và đóng vai trò quan trọng trong khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 12: Tại sao Nhật đảo chính Pháp? Và bọn Pháp ở Đông Dương thất bại nhục nhã ra sao?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Tại sao Nhật đảo chính Pháp?

+ Ngày 22-9-1940, Nhật chính thức nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp đã cấu kết với Nhật để đàn áp nhân dân Đông Dương nhưng sự sự cấu kết này chỉ là tạm thời. Càng về sau mâu thuẫn Nhật – Pháp càng sâu sắc vì hai tên đế quốc không thể ăn chung một miếng mồi béo bở.

+ Vào đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, phe phát xít liên tiếp thất bại trên các chiến trường, thủ đô Pari – Pháp được giải phóng, chính quyền Pêtanh đổ, chính phủ Đờ Gôn lên cầm quyền.

+ Ở mặt trận Thái Bình Dương, Nhật bị khốn đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp muốn nhân cơ hội đó ngóc đầu dậy. Để trừ hậu họa về sau, Nhật bất ngờ làm cuộc đảo chính vào đêm 9-3-1945.

- Thất bại của Pháp:

Đêm 9-3-1945 Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt, chỉ sau vài giờ chống trả đã nhanh chóng đầu hàng, dâng toàn bộ Đông Dương cho Nhật.

Câu 13: Các chính sách và thủ đoạn của Nhật sau ngày đảo chính về kinh tế và chính trị?

*** Hướng dẫn trả lời:**

** Về kinh tế:*

Chúng chiếm các cơ sở kinh tế của Pháp, in giấy bạc tung ra thị trường, vơ vét nguyên liệu, hàng hóa, lương thực và trắng trợn tước đoạt tài sản của nhân dân ta, làm cho nền kinh tế của ta bị kiệt quệ, cuộc sống của mọi tầng lớp nhân dân điêu đứng, cùng quẫn. Tình trạng đó dẫn đến nạn đói khủng khiếp làm chết gần 2 triệu người.

** Về chính trị:*

Phát xít Nhật bày trò trao trả "độc lập" cho chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim nhưng vẫn giữ nguyên bộ máy cai trị của Pháp, thay người Nhật vào vị trí người Pháp. Các đảng phái chính trị thân Nhật nhân dịp mọc ra như "*nấm gặp mưa rào*". Phát xít Nhật sử dụng bộ máy tuyên truyền đồ sộ để quảng bá cho tinh thần bài Pháp, sợ Nhật, phục Nhật. Mặt khác, chúng huy động lực lượng quân sự tấn công vào các chiến khu, cơ sở cách mạng.

Như vậy, các chính sách, thủ đoạn của Nhật làm cho đời sống của nhân dân ta điêu đứng. Bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của Nhật và tay sai bị bóc trần. Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với phát xít Nhật và tay sai ngày càng sâu sắc.

Câu 14: Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương và khẩu hiệu gì để đẩy cách mạng tiến tới?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Ngay đêm 9-3-1945 Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp, phân tích tình hình và nhận định cuộc đảo chính Nhật – Pháp đã đưa đến hậu quả là gây ra cuộc khủng hoảng chính trị lớn đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện. Từ đó Hội nghị đi tới chủ trương phát động một Cao trào kháng Nhật cứu quốc mạnh mẽ trong toàn quốc, làm tiền đề cho một cuộc tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang hình thức tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

- Ngày 12-3-1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Nội dung của Chỉ thị:

+ Vạch rõ nguyên nhân và hậu quả của cuộc đảo chính Nhật – Pháp.

+ Xác định kẻ thù chính, duy nhất của nhân dân ta lúc bấy giờ là Nhật cùng bọn tay sai của chúng.

+ Kêu gọi quần chúng đứng lên kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

+ Phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh dưới nhiều hình thức, kể cả hình thức khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

+ Thay đổi mọi hình thức hoạt động, hình thức đấu tranh cho phù hợp với thời kì tiền khởi nghĩa. Thay khẩu hiệu: "Đánh đuổi Nhật – Pháp" bằng

khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" và đề ra khẩu hiệu " "Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương".

Như vậy, Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" có giá trị, ý nghĩa như một ngọn cờ dẫn dắt toàn dân ta tiến hành Cao trào kháng Nhật cứu nước, tạo điều kiện cho sự sáng tạo của các địa phương trên cơ sở đường lối chung của Đảng.

- Tháng 4-1945, Hội nghị quân sự Bắc Kì đã quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, thành lập Ủy ban quân sự Bắc Kì, khu giải phóng Việt Bắc cũng ra đời vào tháng 6-1945.

Từ những sự kiện trên chúng ta thấy rằng, đường lối chủ trương của Đảng là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và mặt trận, trực tiếp dẫn tới thắng lợi Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Câu 15: Phân tích và chứng minh sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám.

*** Hướng dẫn trả lời:**

- ***Cách mạng tháng Tám thành công ngoài việc chuẩn bị lâu dài còn phải biết chớp thời cơ*** phát động quần chúng Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám được biểu hiện:

Về phía kẻ thù: ngày 14-8-1945 phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại, bọn Nhật và tay sai của Nhật ở Đông Dương hoang mang đến cực độ, mất hết tinh thần chiến đấu; lúc này quân Đồng minh chưa kịp nhảy vào Đông Dương; quân Pháp ở Đông Dương chưa kịp nổi dậy.

Về phía quần chúng cách mạng: đã sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền.

Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng lãnh đạo quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

- ***Quyết định của Đảng trong việc chớp thời cơ:***

Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình, Đảng đã tiến hành Hội nghị toàn quốc từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 (tại Tân Trào – Tuyên Quang).

- Hội nghị quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Thành lập lập Ủy ban khởi nghĩa và ra Quân lệnh số 1, kêu gọi toàn dân nổi dậy. Hội nghị còn đề ra ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa: tập trung, thống nhất và kịp thời.

- Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa bế mạc, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Quốc dân đại hội Tân Trào – Tuyên Quang, trong 2 ngày 16 và 17-8-1945.

Tham dự Đại hội có 60 đại biểu đại diện cho nhân dân ba miền, Bắc – Trung – Nam, cho các dân tộc, các đảng phái, các tôn giáo dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh.

Đại hội đã biểu quyết tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng.

Đại hội quyết định: Quốc kì lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca. Đặt tên nước là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và cử Uỷ ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh đứng đầu.

Đại hội đã quyết định những vấn đề hết sức quan trọng có liên quan đến vận mệnh của đất nước. Chuẩn bị những công việc cuối cùng cho tổng khởi nghĩa.

Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào đã thể hiện sự đoàn kết, nhất trí quyết tâm giành độc lập tự do của toàn Đảng, toàn dân ta.

- Lúc này Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên đánh Nhật *"Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"*

- Lãnh đạo sáng tạo của Đảng trong Tổng khởi nghĩa:

* Chiều 16-8, một đội quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã từ Tân Trào tiến về giải phóng Thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Tính đến ngày 18-8 đã có 4 tỉnh lỵ giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

* Giành chính quyền ở thủ đô Hà Nội: Chiều 15-8 mệnh lệnh khởi nghĩa về tới Hà Nội, sáng 16-8 truyền đơn, biểu ngữ xuất hiện khắp mọi nơi, không khí khởi nghĩa ngày thêm sôi sục.

Mờ sáng ngày 19-8, hàng chục vạn quần chúng ngoại thành, kéo qua các cửa ô, tiến vào nội thành, phối hợp với quần chúng nội thành, tiến hành cuộc mít tinh khổng lồ tại sân Nhà hát lớn. Một rừng cờ đỏ sao vàng mọc lên, quần chúng hô vang các khẩu hiệu "Đả đảo Chính phủ bù nhìn", "Ủng hộ Việt Minh", "Việt Nam hoàn toàn độc lập".

Khoảng 11 giờ 30 cuộc mít tinh kết thúc, quần chúng chia thành nhiều toán, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, toả đi đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch như Phủ Khâm sai, Toà Thị chính, Sở Cảnh sát...

Trước sức mạnh của quần chúng, bọn địch chống cự yếu ớt. Chính quyền về tay nhân dân. Cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội hoàn toàn thắng lợi.

* Giành chính quyền ở Huế: Sáng ngày 23-8 hàng vạn quần chúng ngoại thành phối hợp với công nhân, thanh niên và các tầng lớp lao động khác ở nội thành tiến hành cuộc biểu dương lực lượng cướp chính quyền.

Trước khí thế vùng dậy như nước vỡ bờ của quần chúng, bọn địch ở đây không dám chống cự. Cách mạng giành thắng lợi ở Huế.

Ngày 30-8-1945, tại cửa Ngọ Môn (Huế) dưới rừng cờ đỏ sao vàng, diễn ra cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân chứng kiến Bảo Đại, ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam, đọc lời thoái vị và nộp ấn kiếm cho cách mạng.

* Tại Sài Gòn: Mờ sáng ngày 25-8-1945 từng đoàn quân khởi nghĩa của công nhân, nông dân ngoại thành phối hợp với hàng chục vạn quần chúng nội thành có vũ trang kéo theo, tiến hành biểu tình, thị uy đánh chiếm các

công sở của địch. Kẻ địch ở đây không dám chống cự. Chỉ trong ngày 25-8 khởi nghĩa ở Sài Gòn đã thành công.

Các nơi còn lại ở Nam Bộ, kể cả Côn Đảo đến ngày 28-8 khởi nghĩa đã giành chính quyền về tay nhân dân.

Câu 16: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thành công, những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám?

*** Hướng dẫn trả lời:**

a. Ý nghĩa:

** Đối với dân tộc:*

- Cách mạng tháng Tám 1945 là một biến cố vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đã phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến tồn tại hàng ngàn năm trên đất nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ lên địa vị làm chủ nước nhà, đưa Đảng ta từ một Đảng hoạt động trong bí mật trở thành một Đảng cầm quyền.

- Cách mạng tháng Tám thành công mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

**** Đối với thế giới:***

- Cách mạng tháng Tám 1945 là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhỏ yếu tự đứng lên giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới, nhất là đối với hai nước Lào, Campuchia.

b. Nguyên nhân thắng lợi:

Thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả tổng hợp của những nhân tố khách quan và chủ quan.

** Về khách quan:*

- Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai của bọn đế quốc đã làm cho chúng ngày càng thêm suy yếu. Tiếp đó là cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và lực lượng dân chủ đã từng bước làm thất bại lực lượng phát xít Đức – Italia – Nhật Bản

- Đến khi lực lượng Đồng minh và Liên Xô đánh bại phát xít Nhật ở châu Á – Thái Bình Dương vào ngày 14-8-1945 đã tạo nên thời cơ khách quan cho Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Đó là thời cơ "ngàn năm có một" được Đảng ta triệt để lợi dụng, kịp thời chớp lấy, phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa, và đã giành được thắng lợi mau lẹ ít đổ máu.

** Về chủ quan:*

- Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập, tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì mọi người hăng hái hưởng ứng, nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

- Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn kịp thời. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nguyên nhân quyết định thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám còn là thắng lợi của việc xây dựng lực lượng cách mạng, trước tiên là lực lượng chính trị của quần chúng. Trên cơ sở lực lượng chính trị, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang. Đó là hai lực lượng hùng hậu được Đảng sử dụng hợp lí nhằm phát huy sức mạnh to lớn vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

c. Bài học kinh nghiệm:

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp đúng đắn, sáng tạo nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đưa nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu, nhằm tập trung lực lượng để thực hiện cho kì được yêu cầu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

- Đánh giá đúng và biết tập hợp, tổ chức lực lượng các giai cấp cách mạng, trong đó công nông là đội quân chủ lực. Trên cơ sở khối liên minh công nông, biết khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

- Nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị; kết hợp chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn với đấu tranh chính trị và khởi nghĩa ở đô thị để khi có thời cơ thì phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 17: Hãy nêu sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ tháng 9 năm 1939 đến tháng 6 năm 1941 và tác động của nó đối với cách mạng Việt Nam trong thời gian đó?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Ngày 1-9-1939, Đức xâm chiếm Ba Lan; ngày 3-9-1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Đức nhanh chóng đánh chiếm các nước Tây Âu hầu như không bị tổn thất gì đáng kể. Tháng 6-1940, Đức đánh chiếm nước Pháp. Cuối năm 1940 đầu năm 1941, Đức mở rộng đánh chiếm các nước Đông và Nam Âu, vùng bán đảo Ban Căng. Tháng 6-1941 phát xít Đức tấn công Liên Xô làm cho tính chất và cục diện chiến tranh thay đổi.

- Ở Viễn Đông, quân Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Tháng 9 - 1940 phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, từng bước biến Đông Dương thành căn cứ chiến tranh và thuộc địa của chúng.

- Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực hiện chính sách *"kinh tế chỉ huy"*, vơ vét của cải, huy động sức người phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

- Khi Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đã nhanh chóng cấu kết với Nhật đàn áp, bóc lột nhân dân Đông Dương. Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc và phát xít Pháp - Nhật là mâu thuẫn chủ yếu, gay gắt nhất. Vấn đề giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi ách áp bức, bóc lột của Pháp - Nhật được đặt lên hàng đầu và cấp thiết.

Câu 18: Chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất do Hội nghị lần thứ 6 (11-1939) và Hội nghị lần thứ 8 (5-1941) Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Để giành độc lập, phải tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939) đã chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, kể cả cá nhân yêu nước ở Đông Dương, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu trước mắt là chủ ngiã đế quốc- phát xít Pháp - Nhật, giành độc lập dân tộc cho các nước Đông Dương.

- Hội nghị Trung ương lần thứ 8(5-1941) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc, tập hợp lực lượng, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất cho từng nước ở Đông Dương. Ở Việt Nam Đảng ta thành lậpViệt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

- Mặt trận Việt Minh liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.

Câu 19: Từ Hội nghị Trung ương lần 6 (11- 1939) đến Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941), Đảng ta đề ra và hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam thời kì 1939 –1945 như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

Trước những biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, tháng 11-1939, Đảng họp Hội nghị Trung ương lần thứ 6, đề ra chủ trương:

+ Đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và cấp bách của cách mạng Đông Dương.

+ Tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", thay bằng khẩu hiệu địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân cày nghèo.

+ Tập hợp lực lượng yêu nước ở Đông Dương để thành lập một mặt trận chung: Mặt trận Thống nhất Phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

+ Phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Hội nghị lần thứ 6 của Đảng là sự chuyển hướng chỉ đạo về chiến lược và phương pháp cách mạng của Đảng.

Đến tháng 1- 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (từ ngày 10 đến 19-5-1941).

- Hội nghị xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương lúc này là đế quốc, phát xít Pháp – Nhật và các lực lượng phản cách mạng tay sai của chúng.

Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc – phát xít là mâu thuẫn chủ yếu nhất, vận mệnh của các dân tộc Đông Dương nguy vong không lúc nào bằng. Nguyễn Ái Quốc nói: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được".

- Hội nghị quyết định giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc để đánh đuổi đế quốc, phát xít Pháp – Nhật.

- Hội nghị chủ trương tiếp tục tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", chỉ tịch thu ruộng đất của bọn Đế quốc và Việt gian, chia lại ruộng đất công, giảm địa tô.

- Hội nghị khẳng định: Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta.

- Hội nghị quyết định đặt vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, song các dân tộc phải đoàn kết, cùng nhau chống kẻ thù chung là Pháp – Nhật, phải liên hệ mật thiết với Liên Xô và các lực lượng dân chủ chống phát xít. Ở mỗi nước thành lập một mặt trận đoàn kết dân tộc. Ở Việt Nam là Việt Nam Độc lập Đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng đã đề ra trong Hội nghị Trung ương lần thứ VI (11-1939). Nó có tác dụng quyết định trong việc vận động toàn Đảng, toàn dân chuẩn bị tiến tới cách mạng tháng Tám.

Câu 20: Hoạt động của Mặt trận Việt Minh và vai trò của nó đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

a. Hoạt động của Mặt trận Việt Minh.

Mặt trận Việt Minh thành lập ngày 19-5-1941 theo chủ trương của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, chỉ sau một thời gian ngắn đã có uy tín và gây ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân.

Ngày 25-10-1941 Mặt trận Việt Minh chính thức thông qua Tuyên ngôn trước quốc dân đồng bào.

Mặt trận Việt Minh cũng công bố chương trình cứu nước gồm các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm làm cho "Nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, nhân dân Việt Nam được sung sướng tự do".

Quá trình chuẩn bị của Mặt trận Việt Minh để tiến tới giành thắng lợi trong cách mạng giành chính quyền:

** Xây dựng lực lượng chính trị:*

- Tại Bắc Sơn – Vũ Nhai: Lực lượng du kích thống nhất thành Cứu quốc quân và phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7-1941 đến tháng 2-1942) sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để gây cơ sở trong quần chúng.

- Tại Cao Bằng: Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942 khắp 9 châu đều có Hội cứu quốc, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến" để phát triển lực lượng cách mạng xuống các tỉnh miền xuôi.

- Ở các nơi khác: Đảng tranh thủ tập hợp nhân dân vào Mặt trận cứu quốc, năm 1943 đưa ra "Bản đề cương văn hóa Việt Nam" và vận động thành lập "Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam".

** Xây dựng căn cứ địa cách mạng.*

- Tháng 8-1942 hai căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai và Cao Bằng nối liền nhau.

- Lực lượng cách mạng phát triển trong khu vực rộng lớn Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

- Đến tháng 6-1945 khu giải phóng Việt Bắc ra đời, là hình ảnh thu nhỏ của một nước Việt Nam mới.

** Xây dựng lực lượng vũ trang và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang:*

- Ngày 7-5-1944 Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" và kêu gọi nhân dân "sắm sửa vũ khí đuổi thù chung". Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sục sôi trong căn cứ.

- Ngày 22-12-1944 theo Chỉ thị của Hồ Chí Minh, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập và hai ngày sau đã hạ đồn Phay Khắt – Nà Ngần.

- Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, tiếp theo Chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Đảng, Mặt trận Việt Minh ra lệnh kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh Cao trào kháng Nhật cứu nước.

- Tháng 5-1945, sát nhập "Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân" với "Cứu quốc quân" thành "Việt Nam giải phóng quân".

Đến Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh đã phát triển rộng khắp, và đóng vai trò quan trọng trong khởi nghĩa giành chính quyền.

b. Vai trò của Mặt trận Việt Minh.

- Mặt trận Việt Minh đã tập hợp đông đảo quần chúng hình thành nên lực lượng chính trị cách mạng đông đảo dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên sức mạnh của cả dân tộc, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, phân hoá và cô lập kẻ thù.

- Trên cơ sở phát triển các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, lực lượng vũ trang cách mạng hình thành và phát triển, cùng với lực lượng quần chúng đông đảo tạo nên sức mạnh tổng hợp nổi dậy giành chính quyền.

Mặt trận Việt Minh là sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, là một điển hình trong công tác Mặt trận của Đảng.

Câu 21: Từ năm 1930 đến 1945, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam trải qua các thời kì nào? Tóm tắt nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của các thời kì cách mạng đó?

* **Hướng dẫn trả lời:**

* Từ năm 1930 đến 1945 cách mạng Việt Nam trải qua 4 thời kì:

- Thời kì 1930 – 1931:

+ Ngày 3-2-1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc Việt Nam, chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng nước ta. Cách mạng Việt Nam từ đây bước vào thời kì phát triển mới.

+ Đảng ra đời đã đề ra khẩu hiệu " Độc lập dân tộc" và " Ruộng đất dân cày". Với khẩu hiệu này đã tập hợp được đông đảo quần chúng, nhất là nông dân, từ đó dấy lên phong trào cách mạng 1930-1930 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ – Tĩnh. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân và phong kiến. Đặc biệt từ tháng 9 đến tháng 10-1930, phong trào đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ – Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng theo kiểu Xô-viết Nga. Qua phong trào khẳng định vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng; thể hiện sức mạnh to lớn của khối liên minh công nông.

Đây là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

- Thời kì 1932 – 1935:

+ Đây là thời ki đấu tranh để hồi phục phong trào. Mặc dầu bị thực dân Pháp đàn áp, khủng bố nhưng Đảng ta vẫn kiên trì đấu tranh, vẫn giữ vững lập trường cách mạng, vẫn duy trì cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng. Đến tháng 3-1935 tại Ma Cao (Trung Quốc), Đảng ta tiến hành Đại hội lần thứ I nhằm chuẩn bị đường lối cho thời kì cách mạng tiếp theo.

- Thời kì 1936 – 1939:

+ Trước những biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, đặc biệt khi Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm chính quyền, đề ra các chính sách về tự do, dân chủ và ân xá tù chính trị ở các nước thuộc địa. Lợi dụng tình hình này, Đảng ta thực hiện cuộc vận động dân chủ rộng khắp. Qua cuộc vận

động này Đảng ta đã sử dụng hình thức đấu tranh phong phú nhằm đòi các quyền "tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình". Đảng đã động viên, giáo dục và xây dựng được đội quân chính trị của quần chúng hàng triệu người, tập hợp trong Mặt trận Thống nhất Phản đế Đông Dương. Đồng thời Đảng đã bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ cách mạng đông đảo.

Đây là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

- Thời kì 1939 – 1945:

+ Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp tăng cường đàn, bóc lột nhân dân Đông Dương, chúng thi hành chính sách "thời chiến" ở Đông Dương. Đến tháng 9 – 1940, Nhật nhảy vào Đông Dương cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân ta phải chịu cảnh "một cổ hai tròng". Vận mệnh của các dân tộc Đông Dương bị đe dọa nghiêm trọng.

+ Trước tình hình đó Đảng ta chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Chủ trương đó được thể hiện trong Hội nghị Trung ương lần 6 (11-1939) và được hoàn chỉnh trong Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941). Đảng đã chuẩn bị về mọi mặt để lãnh đạo nhân dân ta đánh Pháp đuổi Nhật.

+ Khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Đảng ta phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Qua Cao trào kháng Nhật cứu nước quần chúng đã chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức, chỉ chờ lệnh Tổng khởi nghĩa.

+ Vào ngày 14-8-1945, khi Nhật bị Đồng minh đánh bại, Đảng ta và Tổng bộ Việt Minh kịp thời phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám nổ ra và giành được thắng lợi trong 15 ngày (14 đến 28-8-1945).

+ Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc ta. Mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc: Kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Câu 22: Vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 và tổ chức lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, chủ yếu từ năm 1941 đến năm 1945?

*** Hướng dẫn trả lời:**

a. Đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ Từ năm 1911 đến 1920, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn. Đó là con đường cách mạng vô sản.

+ Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình từ năm 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (6-1925). Người đã mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ nòng cốt, để thông qua đó truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê-nin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập chính đảng của giai cấp vô sản.

+ Khi chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá vào Việt Nam làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước ngày càng phát triển mạnh mẽ, yêu cầu phải có đảng lãnh đạo. Đáp ứng yêu cầu lịch sử đó, ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản, nhưng hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3-2-1930) đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Tại Hội nghị Nguyễn Ái Quốc đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh thể hiện quan điểm đúng đắn, sáng tạo trong việc vận dụng học thuyết chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào điều kiện một nước thuộc địa như Việt Nam.

b. Đối với Cách mạng tháng Tám:

+ Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, tháng 1- 1941 Nguyễn Ái Quốc về nước. Tại Pắc bó (Cao Bằng), Người trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (từ 10 đến 19-5-1941). Hội nghị đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được đề ra trong Hội nghị Trung ương lần thứ 6. Đó là:

- Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết hơn bao giờ hết.

- Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương. Ở Việt Nam thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

- Đề ra chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền, từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành Tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

+ Hoạt động chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền:

- Sáng lập ra Mặt trận Việt Minh (19-5-1941), một hình thức mặt trận có hệ thống tổ chức khắp cả nước do Nguyễn Ái Quốc đứng đầu, là một trung tâm đoàn kết đấu tranh chống Pháp – Nhật giành độc lập.

- Ra chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (22 -12-1944), là đội quân chính quy của cách mạng.

- Tổ chức xây dựng căn cứ địa cách mạng: ban đầu là căn cứ địa Cao Bằng, đến tháng 6-1945 thành lập khu giải phóng Việt Bắc, bầu Ủy ban Giải phóng do Người đứng đầu.

+ Năm 1942 Người đi Trung Quốc liên tiếp tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng Đồng minh.

+ Khi thời cơ cách mạng đến, Người cùng Trung ương Đảng chớp thời phát động quần chiúng nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Sau đó Người gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên khởi nghĩa.

+ Cách mạng tháng Tám thành công, Người cùng Trung ương thành lập chính phủ mới và Người đã soạn thảo, đọc Tuyên ngôn Độc lập tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2 - 9 -194).

NIÊN BIỂU - SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1930-1945)

- 12-9-1930: Cuộc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân huyện Hưng Nguyên – Nghệ An, đỉnh cao của phong trào Nghệ – Tĩnh và phong trào cả nước (1930 – 1931).

- 10-1930: Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) đã quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua Luận cương chính trị của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo.

- 27 đến 31-3-1935: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Ma Cao – Trung Quốc.

- 6 và 7-1935: Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp ở Matxcơva (Liên Xô).

- 7-1936: Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (khóa I) của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Thượng Hải (Trung Quốc), đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam thời kì 1936 – 1939.

- 1-5-1938: Cuộc mít tinh của 2 vạn người ở Quảng trường nhà Đấu Xảo – Hà Nội.

- 6 đến 8-11-1939: Hội nghị Trung ương lần thứ VI (khoá I) của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Bà Điểm (Hóc Môn – Gia Định) đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam thời kì 1939 – 1945.

- 9-1940: Nhật tiến công Lạng Sơn (22-9) mở đầu xâm lược Đông Dương.

- 27-9-1940: Khởi nghĩa Bắc Sơn: 23-11-1940 khởi nghĩa Nam Kì báo hiệu thời kì đấu tranh mới.

- 29-10-1940: Phan Bội Châu mất tại Huế.

- 28-1-1941: Nguyễn Ái Quốc trở về nước tại Cao Bằng, sau 30 năm ra đi tìm đường cứu nước.

- 10 đến 19-5-1941: Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII (khóa I) của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Pắc Bó (Hà Quảng – Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã hoàn chỉnh chủ trương chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam được đề ra trong Hội nghị lần VI (11-1939).

- 19-5-1941: Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh) thành lập.

- 1943 – 1944: Đề ra Đề cương văn hóa Việt Nam (1943) và thành lập Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam (cuối 1944).

- 6-1944: Đảng Dân chủ Việt Nam thành lập và tham gia Việt Minh.

- 22-12-1944: Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành lập do Võ Nguyên Giáp thực hiện theo chỉ thị của Hồ Chí Minh.

- 3-1945: Nhật làm cuộc đảo chính Pháp ở Đông Dương (9-3). Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động

của chúng ta" (12-3) phát động "Cao trào kháng Nhật cứu nước" làm tiền đề tiến tới tổng khởi nghĩa".

- 5-1945: Hồ Chí Minh từ Pắc Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang) và Tân Trào trở thành trung tâm chỉ huy cách mạng cả nước.

- 15-5-1945: Việt Nam Giải phóng quân được thành lập trên cơ sở thống nhất các lực lượng vũ trang cả nước.

- 4-6-1945: Khu giải phóng Việt Bắc thành lập gồm hầu hết các tỉnh miền thượng du (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang) và một số vùng lân cận thuộc các tỉnh trung du, trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước.

- 13 đến 17-8-1945: Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương (13-5-8) và Đại hội Quốc dân (16 - 17-8) họp ở Tân Trào, quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- 8-1945: Khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở ba thành phố lớn: Hà Nội (19-8); Huế (23-8); Sài Gòn (25-8).

- 25-8-1945: Hồ Chí Minh cùng Trung ương về Hà Nội, chuẩn bị cho sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- 30-8-1945: Lễ thoái vị của Bảo Đại – Ông Vua cuối cùng ở Việt Nam diễn ra ở Ngọ Môn - Huế.

- 2-9-1945: Tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Chương III

CUỘC ĐẤU TRANH ĐỂ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945-1946)

Bài 8

CUỘC ĐẤU TRANH ĐỂ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

1. Thuận lợi:

- Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ, hưởng được không khí độc lập tự do nên càng quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do.

- Đảng được tôi luyện và trưởng thành qua các phong trào cách mạng và ngày càng trưởng thành trong lãnh đạo cách mạng.

- Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.

Đó là những thuận lợi hết sức cơ bản có tác dụng cổ vũ, động viên nhân dân ta trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền, bảo vệ độc lập dân tộc.

2. Khó khăn:

Vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước một tình thế vô cùng hiểm nghèo.

a. Kinh tế: Nước ta vốn là nước nông nghiệp lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, sản xuất bị đình trệ, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt. Thêm vào đó là thiên tai hạn hán, lũ lụt thường xuyên đe dọa.

- Nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 vẫn còn nghiêm trọng làm cho 2 triệu người chết đói.

b. Tài chính: Ngân quỹ Nhà nước khô cạn, chỉ còn chưa tới 1 triệu bạc rách, thêm vào đó bọn Tưởng Giới Thạch tung ra trên thị trường Đông Dương đồng "Quan kim" "Quốc tệ" mất giá trị làm cho tài chính của ta rối loạn.

c. Văn hóa giáo dục:

- Sau Cách mạng tháng Tám 95% dân số nước ta bị mù chữ do chính sách ngu dân của đế quốc và phong kiến.

- Di sản văn hóa của thực dân để lại nặng nề đó là các tệ nạn xã hội rượu chè, cờ bạc, nghiện hút khá phổ biến.

d. Thù trong giặc ngoài:

* *Thù trong:* Bọn phản động trong nước âm mưu ngóc đầu dậy chống phá cách mạng để khôi phục lại ngai vàng đã mất của chúng.

* *Giặc ngoài:*

- Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc hơn 20 vạn quân Tưởng với danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp phát xít Nhật, nhưng thực chất là cướp nước ta, chúng đã mang theo bọn Việt quốc, Việt cách để âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, lật đổ chính quyền cách mạng, thành lập chính quyền phản cách mạng.

- Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam thực dân Anh cũng với danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân Nhật nhưng thực dân Anh đã hà hơi tiếp sức cho Pháp quay lại xâm lược nước ta.

Như vậy, sau Cách mạng tháng Tám 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối phó với những khó khăn hết sức to lớn: nạn đói, nạn dốt, nạn ngoại xâm...

Những khó khăn ấy đang đe dọa sự tồn vong của chính quyền cách mạng. Chính quyền cách mạng đang đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

II. CHỦ TRƯƠNG, BIỆN PHÁP CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC NHẰM XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, GIỮ GÌN ĐỘC LẬP DÂN TỘC

Ngày 25-11-1945 Đảng và Chính phủ ra chỉ thị "kháng chiến kiến quốc" nhằm giải quyết nhiệm vụ "củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, diệt trừ nội phản cải thiện đời sống nhân dân". Trên cơ sở đó, Đảng và Chính phủ đề ra các biện pháp giải quyết những khó khăn sau Cách mạng tháng Tám.

1. Nạn đói:

- *Biện pháp trước mắt:* Kêu gọi thực hành tiết kiệm nhường cơm, xẻ áo giúp đỡ lẫn nhau, thực hiện "hũ gạo tiết kiệm" "ngày đồng tâm".

- *Biện pháp lâu dài:* Phát động tăng gia sản xuất, đắp đê, khai hoang vỡ hóa. Thực hiện giảm tô 25%, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác. Tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công.

- *Kết quả:* Chỉ trong một thời gian ngắn sản xuất nông nghiệp được phục hồi, nạn đói lần lượt được đẩy lùi.

2. Nạn dốt:

Ngày 8-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh mở Nha bình dân học vụ, phát động phong trào xóa nạn mù chữ trong toàn dân. Đến 03-1945 ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên, các trường trung học, tiểu học phát triển mạnh. Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc, dân chủ.

3. Tài chính:

- Kêu gọi toàn dân tự nguyện đóng góp cho "Quỹ độc lập" thực hiện "Tuần lễ vàng".

- Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.

- Kết quả:

+ Nhân dân cả nước đóng góp được 20 triệu đồng và 370 kg vàng.

+ Tiền Việt Nam được lưu hành trong cả nước vào ngày 23-11-1946.

4. Nội phản:

Vạch trần bộ mặt của bọn phản động, trừng trị các tổ chức của phản cách mạng, tay sai của Tưởng, giải tán các đảng phái phản động như "Đại Việt quốc gia xã hội Đảng", "Đại Việt quốc dân Đảng".

5. Bước đầu xây dựng nền móng của chế độ mới:

- "Vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền Nhà nước". Vì vậy ngày 06-01-1946 tổng tuyển cử bầu cử Quốc hội, với 90% cử tri đi bầu và đã bầu ra được 333 đại biểu.

- Ngày 02-03-1946 Quốc hội thông qua phiên họp đầu tiên danh sách chính phủ chính thức do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

- Sau bầu cử Quốc hội, các địa phương cũng đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp theo phổ thông đầu phiếu.

- Đến cuối năm 1946 Hiến pháp đầu tiên của nước ta ra đời.

Như vậy, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là thắng lợi có ý nghĩa chính trị to lớn trong việc củng cố khối đoàn kết toàn dân, trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập tự do của tổ quốc. Đây là cơ sở pháp lí vững chắc góp phần nâng cao uy tín của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế.

6. Chống ngoại xâm:

Đứng trước tình thế một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng và Chính phủ ta thực hiện sách lược phân hóa kẻ thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù. Cuộc đấu tranh này diễn ra qua hai thời kì:

a. Trước ngày 06-03-1946: Ta chủ trương hòa hoãn với Tưởng để tập trung đánh Pháp ở Nam Bộ.

** Đối với Tưởng ở Miền Bắc:*

+ Nhận cung cấp lương thực và lưu hành đồng Quan kim, Quốc tệ.

+ Nhượng 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế trong chính phủ cho bọn tay sai của Tưởng.

+ Đảng tạm rút vào hoạt động bí mật với "sách lược" tự giải tán, chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai dưới danh nghĩa là Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác.

Tuy nhiên mọi sự nhân nhượng phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

+ Chính quyền được giữ vững;

+ Đảng phải lãnh đạo chính quyền;

+ Chủ tich Hồ Chí Minh là người đứng đầu Chính phủ;

+ Độc lập chủ quyền của đất nước phải được tôn trọng.

Tóm lại: Nhân nhượng với Tưởng là cần thiết, đó là một sách lược đúng đắn, sáng tạo, hòng tập trung lực lượng chống Pháp ở Nam Bộ, giảm bớt khó khăn cho ta, vô hiệu hóa quân Tưởng xâm lược.

** Đối Pháp ở Nam Bộ:*

- Ngày 2-9-1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức cuộc mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn làm 47 người bị chết, nhiều người bị thương.

- Ngày 6-9, quân Anh đến Sài Gòn, chúng yêu cầu ta giải tán lực lượng vũ trang, thả hết tù binh Pháp, trang bị vũ khí cho số quân này và cho số quân Pháp chiếm đóng ở bến tàu, cùng một số nơi khác trong thành phố.

- Đêm 22 rạng sáng 23-9-1945 được sự giúp đỡ của quân Anh, quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn mở đầu sự xâm lược nước ta lần nữa.

- Đồng bào Nam Bộ đã kiên quyết đánh trả bọn xâm lược, bằng mọi thứ vũ khí và mọi hình thức ngăn cản không cho thực dân Pháp mở rộng địa bàn chiếm đóng. Nam Bộ xứng đáng là "thành đồng của Tổ quốc".

- Ngày 5-10-1945, tướng Lơcơléc đến Sài Gòn cùng với đơn vị bộ binh và xe bọc thép mới từ Pháp đưa sang. Có sự hỗ trợ của quân Anh, Nhật, quân Pháp phá vòng vây Sài Gòn, đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Cuối tháng 10-1945, hội nghị Xứ ủy mở rộng được triệu tập. Sau khi rút kinh nghiệm chỉ đạo kháng chiến, hội nghị quyết định chấn chỉnh tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng cơ sở bí mật...

- Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng bào cả nước đã ủng hộ cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

- Vấp phải tinh thần chiến đấu của quân dân ta, quân Pháp bị chặn đứng ở nhiều nơi, như Nha Trang, Tuy Hòa, Buôn Ma Thuột. Trong khi đó các tỉnh Nam Bộ và ngay trong thành phố Sài Gòn, quân ta vẫn tiến hành chiến tranh du kích, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian chuẩn bị tổ chức kháng chiến lâu dài.

b. Từ 6-3-1946 trở đi (19-12-1946)

Ta chủ trương hòa với Pháp để đuổi Tưởng.

** Hiệp định sơ bộ (06-3-1946)*

- Hoàn cảnh kí kết: Do Tưởng và Pháp kí kết Hiệp ước Hoa – Pháp vào ngày 28-2-1946 với nội dung:

+ Tưởng được Pháp trả một số quyền lợi ở Trung Quốc.

+ Tưởng được quyền vận chuyển hàng hóa từ Hải Phòng lên Vân Nam mà không phải đóng thuế.

+ Pháp được quyền đưa quân ra miền Bắc thay thế cho quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

+ Với Hiệp ước Hoa – Pháp đã buộc nhân dân ta phải chọn một trong hai con đường.

Hoặc cầm vũ khí đứng lên chống Pháp khi chúng kéo ra Bắc, đồng thời chống lại cả quân Tưởng.

Hoặc chủ động hòa hoãn với Pháp để đuổi được 20 vạn quân Tưởng về nước, tranh thủ thời gian để xây dựng lực lượng. Đảng và Chính phủ ta đã quyết định chọn giải pháp thứ hai, đó là hòa với Pháp bằng cách kí Hiệp định sơ bộ (6-3-1946).

** Nội dung của Hiệp định sơ bộ:*

- Ngày 6-3-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ kí với Pháp bản Hiệp định sơ bộ với các nội dung cụ thể sau:

+ Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có Chính phủ, có nghị viện, có quân đội có tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

+ Chính phủ Việt Nam thỏa thuận để cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc thay thế cho quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật và sẽ rút dần trong 5 năm.

+ Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo không khí thuận lợi cho việc đàm phán chính thức tại Phông-tên-blô.

** Ý nghĩa việc kí Hiệp định sơ bộ (6-3-1946):*

- Ta đã nhanh chóng đẩy được quân Tưởng về nước, tránh được một kẻ thù nguy hiểm, quét được bọn tay sai phản động, tránh được cuộc chiến đấu bất lợi cho ta.

- Tranh thủ thời gian hòa hoãn để củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị cho chiến đấu lâu dài.

- Tạm thời ngăn chặn được âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn quốc của thực dân Pháp, buộc Pháp phải công nhận Chính phủ ta.

- Hiệp định sơ bộ thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, đã đưa đất nước ta thoát khỏi tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

** Tạm ước 14-9-1946:*

- Sau khi kí Hiệp định sơ bộ, cuộc đàm phán chính thức của hai chính phủ được tổ chức tại Phông-tên-blô kéo dài hai tháng nhưng cuối cùng thất bại. Quan hệ Việt – Pháp trở nên căng thẳng, có nguy cơ xảy ra chiến tranh.

- Trước tình hình đó, để kéo dài thời gian hòa hoãn và tranh thủ xây dựng lực lượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14-9 tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa. Đó cũng là giới hạn cuối cùng của sự nhân nhượng.

KẾT LUẬN

Việc giải quyết những khó khăn sau Cách mạng tháng Tám chứng tỏ: nhân dân ta rất yêu nước tin tưởng và gắn bó với chế độ mới, đoàn kết xung quanh Đảng và Chính phủ, phát huy quyền làm chủ đất nước. Đảng và Chính phủ mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra chủ trương sáng suốt đưa

đất nước ta vượt qua mọi thử thách một cách tài tình, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu lâu dài.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Tại sao nói rằng, ngay sau khi thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ở vào thế "ngàn cân treo sợi tóc"?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Những khó khăn về kinh tế, tài chính: Nạn đói vẫn còn, ngân quỹ nhà nước hầu như trống rỗng.

- Những khó khăn về chính trị, văn hóa: Chính quyền mới thành lập còn non yếu, 90% dân số bị mù chữ.

- Đặc biệt nhấn mạnh những khó khăn về đối ngoại:

+ Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc: được sự giúp sức của Mĩ, 20 vạn quân Tưởng ào ạt vào miền Bắc nước ta.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam: được sự tiếp sức của thực dân Anh, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Những khó khăn ấy, đặt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước một tình thế như *"ngàn cân treo sợi tóc"*.

Câu 2: Ý nghĩa chính trị của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là một đòn giáng mạnh vào âm mưu chia rẽ, lật đổ chính quyền và xâm lược của đế quốc và tay sai.

- Thắng lợi này góp phần nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí làm chủ và nghĩa vụ của mỗi công dân đối với Nhà nước cách mạng. Là cuộc vận động chính trị rộng lớn, biểu lộ sức mạnh và ý chí đoàn kết toàn dân, là cơ sở pháp lý vững chắc cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 3: Tại sao nói Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nhà nước của dân, do dân và vì dân?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Những đóng góp của nhân dân đối với chính quyền Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

+ Tham gia tổng tuyển cử bầu Quốc hội vào 6-1-1946, với hơn 90% cử tri trong cả nước; tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp theo thể lệ phổ thông đầu phiếu.

+ Tham gia giải quyết nạn đói bằng việc thực hiện "hũ gạo tiết kiệm", "ngày đồng tâm"; đặc biệt tham gia lao động sản xuất, thực hiện khẩu hiệu: "Không một tấc đất bỏ hoang!" "Tấc đất tấc vàng!"

+ Tham gia xóa nạn mù chữ bằng phong trào hành dân học vụ; tham gia ủng hộ Chính phủ với khẩu hiệu "Tuần lễ vàng", "Quỹ độc lập".

Từ những sự kiện trên, hướng dẫn học sinh rút ra kết luận:

- Chính quyền Nhà nước do dân bầu ra;
- Chính quyền phục vụ cho nhân dân;
- Nhân dân có ý thức, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chính quyền của mình.

Câu 4: Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt, và khó khăn về tài chính?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Nạn đói: Sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được khôi phục, năng suất lao động tăng lên. Nạn đói được đẩy lùi.

- Nạn dốt: Đầu tháng 3-1946, Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên. Trường tiểu học, trung học phát triển mạnh. Nội dung giáo dục đổi mới theo tinh thần dân tộc, dân chủ.

- Khó khăn tài chính: Đồng bào cả nước đã quyên góp được 20 triệu bạc và 370 kg vàng. Đến tháng 11-1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

Trên cơ sở trình bày các sự kiện trên, hướng dẫn học sinh rút ra ý nghĩa:

+ Thể hiện tinh thần yêu nước của dân tộc ta;

+ Thể hiện tính ưu việt của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa;

+ Tạo ra sức mạnh tổng hợp để đấu tranh chống kẻ thù;

+ Làm cho nhân dân tin tưởng vào chính quyền mới của cách mạng.

Câu 5: Vì sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trước tiên nổ ra tại Nam Bộ?

*** Hướng dẫn trả lời:**

+ Ngày 2-9-1945 Pháp đã xả súng bắn vào nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn.

+ Đặc biệt, đêm 22 rạng ngày 23-9-1945, được sự giúp sức của Anh, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Những hành động của thực dân Pháp đã trắng trợn chà đạp lên độc lập, chủ quyền của dân tộc ta mà trước hết là đụng đến đồng bào Nam Bộ. Nhân dân Nam Bộ đã kiên quyết đứng lên chống trả những hành động xâm lược của thực dân Pháp. Vì vậy, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xảy ra trước tiên ở Nam Bộ.

Câu 6: Sách lược của Đảng và Chính phủ đối với Pháp và Tưởng trong hai thời kì trước và sau 6-3-1946 có gì khác nhau? Tại sao lại có sự khác nhau như vậy?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Đứng trước tình thế một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng và Chính phủ ta đã sử dụng sách lược mềm dẻo để phân hóa kẻ thù. Sách lược đó thể hiện sự khác nhau, đó là:

+ Trước 6-3-1946, hòa với Tưởng ở miền Bắc, tập trung lực lượng đánh Pháp ở Nam Bộ.

+ Sau 6-3-1946, hòa với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

- Sở dĩ có sự khác nhau đó vì:

+ Trước ngày 6-3-1946, ta nhân nhượng với Tưởng để tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù trong lúc lực lượng của ta còn non yếu.

+ Sau khi ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ thì Pháp, Tưởng kí Hiệp với Hoa - Pháp vào 28-2-1946, theo đó Pháp nhượng cho Tưởng một số quyền lợi ở Trung Quốc và chấp nhận cho Tưởng vận chuyển hàng hóa từ Hải Phòng sang Hoa Nam, không phải đóng thuế; còn Tưởng chấp nhận cho Pháp đưa quân ra Bắc để cùng với Tưởng giải pháp phát xít Nhật.

+ Tình hình đó đặt nhân dân ta trước hai con đường phải lựa chọn: Hoặc cùng một lúc đánh cả Pháp lẫn Tưởng; hoặc hòa với một kẻ thù để đánh một kẻ thù. Ta đã lựa chọn con đường hòa với Pháp để dùng bàn tay của Pháp đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

Câu 7: Vì sao Chính phủ ta kí Hiệp định sơ bộ với Pháp? Tác dụng của việc kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9)1946?

* **Hướng dẫn trả lời:**

- Đầu tiên ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ, nhưng sau đó hai kẻ thù của dân tộc ta xích lại gần nhau, cấu kết với nhau, đặt nhân dân ta trước hai sự lựa chọn (xem phần trên), ta đã chọn giải pháp có lợi nhất cho cách mạng, đó là hòa với Pháp bằng cách kí Hiệp định sơ bộ (6-3-1946).

- Tác dụng của việc kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (19-4)1946:

+ Dùng bàn tay của Pháp đẩy 20 vạn quân Tưởng và bọn tay sai ra khỏi miền Bắc mà không tốn viên đạn nào.

+ Tránh được cuộc chiến đấu bất lợi, vì cùng một lúc phải chống nhiều kẻ thù.

+ Tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp mà ta đã biết trước thế nào cũng xảy ra.

Câu 8: Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội ngày 6-1-1946, đã khẳng định điều gì?

* **Hướng dẫn trả lời:**

- Lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết của nhân dân ta dưới chế độ mới.

- Chế độ mới hợp với lòng dân.

- Uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được nâng cao trên trường quốc tế.

Câu 9: Nhiệm vụ củng cố chính quyền dân chủ nhân dân được thực hiện như thế nào sau Cách mạng tháng Tám?

* Ngày 6-1-1946, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước, hơn 90% cử tri đi bầu, 333 đại biểu trúng cử...

* Ngày 2-3-1946, kì họp thứ nhất của Quốc hội, thành lập Chính phủ chính thức do Hồ Chí Minh đứng đầu, lập Ban dự thảo Hiến pháp.

* Các địa phương bầu Hội đồng nhân dân, thành lập uỷ ban hành chính các cấp; bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân bước đầu được củng cố, kiện toàn.

* Tháng 11-1946, kì họp thứ hai của Quốc hội thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

* Xây dựng toà án cách mạng và lực lượng vũ trang cách mạng (dân quân tự vệ, bộ đội tập trung, chuyển Vệ quốc quân thành Quân đội quốc gia Việt Nam 5-1946...), Chính phủ ra một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng..

Kết luận: Thực hiện nhiệm vụ củng cố chính quyền đã nâng uy tín nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên trường quốc tế, khơi dậy và phát huy tinh thần làm chủ, ý chí sắt đá của khối đoàn kết toàn dân, tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 10: Vì sao khi Pháp, Tưởng kí Hoà ước Hoa-Pháp (28-2-1946) Đảng ta lại chủ trương hoà hoãn với Pháp?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Tưởng và tay sai vào nước ta theo Hiệp định Pốt-xđam, với danh nghĩa là Đồng minh vào tước vũ khí của quân Nhật, dù bản thân quân đội này ô hợp, sức chiến đấu chưa cao. Hơn nữa, tình hình Trung Quốc đang diễn ra cuộc nội chiến, Tưởng phải lo đối phó.

- Bản thân Tưởng chưa lộ rõ bộ mặt xâm lược, mới chỉ xúi giục bọn Việt quốc, Việt cách quấy phá cách mạng.

- Pháp với mưu đồ trở lại xâm lược nước ta, núp sau quân Anh, nhờ Anh giúp đỡ, đã nổ súng vào nhân dân ta ngay sau khi cách mạng thành công.

- Chủ trương của Đảng ta nhằm tránh đương đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc. Việc lựa chọn để hoà hoãn, nhân nhượng với Tưởng là một sách lược đúng đắn, kịp thời, tránh những tổn thất nặng nề cho dân tộc trong lúc này. Đây là sách lược phân hoá kẻ thù để loại trừ từng kẻ thù ra khỏi đất nước.

Câu 11: Vì sao thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược cả nước ngay khi đánh chiếm Nam Bộ?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Ngay sau Pháp xâm lược Nam Bộ, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời chuẩn bị đối phó với âm mưu mới của Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước.

- Thực hiện chủ trương đó, nhân dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã ủng hộ sức người và sức của cho đồng bào Nam Bộ kháng chiến chống Pháp.

- Tại Nam Bộ và ngay trong thành phố Sài Gòn, quân dân ta tiến hành chiến tranh du kích, kìm chân địch không cho chúng mở rộng địa bàn xâm lược ra cả nước.

- Vấp phải tinh thần đoàn kết chiến đấu của quân dân ta, quân Pháp bị chặn đứng ở nhiều nơi, như Nha Trang, Tuy Hòa, Buôn Mê Thuột và như vậy chúng không mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước được.

Câu 12: Chúng ta đã đạt được những thắng lợi gì qua việc kí với Pháp Hiệp định sơ bộ (6-3-1946). nguyên nhân của những thắng lợi đó?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Những thắng lợi đạt được:

+ Pháp phải công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

+ Pháp chấp nhận ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo điều kiện thuận lợi để ta có thời gian hòa bình củng cố lại lực lượng.

+ Ta dùng bàn tay Pháp gạt Tưởng ra khỏi miền Bắc.

+ Ngăn chặn được cuộc chiến tranh có nguy cơ bùng nổ trên phạm vi cả nước.

- Nguyên nhân của thắng lợi đó:

+ Toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm giữ vững thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Đảng, Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị vô cùng sáng suốt: cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, phân hóa cô lập kẻ

thủ, đã đưa nước nhà vượt qua thời khắc nguy hiểm, củng cố bảo vệ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện để chuẩn bị toàn quốc kháng chiến.

Câu 13: Chủ trương "cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược" được Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng trong thời gian từ 9-1945 đến trước 19-12-1946 như thế nào? Thắng lợi của chủ trương đó?

* **Hướng dẫn trả lời:**

- Chủ trương "cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược".

+ Từ tháng 9-1945 đến trước 6-3-1946, thực hiện việc nhân nhượng với Tưởng: Nhận cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng ở miền Bắc, chấp nhận của bọn tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế trong Chính phủ, nhận tiêu tiền "Quan kim" "Quốc tệ" mất giá trị của Tưởng, Đảng phải lãnh đạo chính quyền, Hồ Chí Minh phải đứng đầu Chính phủ, độc lập, chủ quyền của đất nước phải được tôn trọng. Kiên quyết trừng trị bọn tay sai phản cách mạng.

+ Từ 6-3-1946 đến trước 19-12-1946, thực hiện việc hòa với Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi miền Bắc. Ngày 28-02-1946, Pháp - Tưởng kí hòa ước Hoa - Pháp, theo hòa ước này Pháp nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế, còn Tưởng chấp nhận cho Pháp đưa quân ra miền Bắc cùng Tưởng giải giáp phát xít Nhật, nhưng thực tế mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta. Trước tình hình đó ta chủ động, hòa hoãn với Pháp để gạt 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng đối phó với cuộc chiến tranh với Pháp sau này. Việc hòa với Pháp bằng kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9) năm 1946.

- Thắng lợi của chủ trương đó:

+ Chủ trương của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự sáng suốt, tài tình, khôn khéo, đưa nhân dân ta vượt qua những thử thách to lớn lúc đó và sẵn sàng tiến vào cuộc chiến đấu mà chắc chắn không thể tránh khỏi.

+ Tránh được cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù, trong khi lực lượng của ta còn non yếu.

Câu 14: Sau 2-9-1945, đến ngày 19-12-1946, có những sự kiện lịch sử đáng nhớ. Em hãy chọn 3 sự kiện nhỏ và ghi rõ nội dung của bảng sau đây: 6-9-1945, 5-10-1945, 23-9-1945, 6-1-1946, 6-3-1946, 22-5-1946.

* **Hướng dẫn trả lời:**

TT	Thời gian	Nội dung
1	23-9-1945	- Thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.
2	6-1-1946	- Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước với 90% cử tri đi bầu và bầu được 333 đại biểu.
3	6-3-1946	- Chính phủ ta kí với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ.

Câu 15: Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc giải quyết những khó khăn về nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính ở Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Giải quyết khó khăn về nạn đói:

+ Trước mắt, kêu gọi đồng bào thực hiện "ngày đồng tâm": cứ 10 ngày nhịn ăn 1 bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một tô) để cứu dân nghèo.

+ Lâu dài, kêu gọi đồng bào thực hiện "Tăng gia sản xuất! tăng gia sản xuất nhanh! Tăng gia sản xuất nữa!".

Nhờ biện pháp trước mắt và lâu dài, sản xuất nông nghiệp được nhanh chóng khôi phục. Nạn đói được đẩy lùi.

- Giải quyết khó khăn về giặc dốt:

+ Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xóa nạn mù chữ. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên, các trường tiểu học, trung học phát triển mạnh.

- Giải quyết khó khăn về tài chính:

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ phát động phong trào "Tuần lễ vàng" "Quỹ độc lập" đồng bào cả nước đã đóng góp tiền của, vàng bạc ủng hộ chính quyền cách mạng. Chỉ trong một thời gian ngắn, đồng bào cả nước đã đóng góp được 20 triệu bạc và 370kg vàng.

Câu 16: Hãy nêu những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đưa Cách mạng Việt Nam vượt qua cơn hiểm nghèo sau Cách mạng tháng Tám 1945?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Cùng với Trung ương Đảng, Chính phủ đề ra biện pháp để giải quyết khó khăn về nạn đói, nạn dốt và tài chính.

- Cùng với Trung ương Đảng, Chính phủ phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời kêu gọi nhân dân tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu của Pháp, mở rộng chiến tranh ra cả nước.

- Chủ trương thực hiện sách lược mềm dẻo để tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cứng rắn.

+ Vào ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với đại diện Chính phủ Pháp là Xanhtơni bản Hiệp định sơ bộ để kéo dài thời gian hòa hoãn nhằm chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

+ Tranh thủ thời gian hòa bình, tháng 5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Hội liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) nhằm đoàn kết rộng rãi các tổ chức, các đảng phái và cá nhân chưa tham gia mặt trận Việt Minh.

+ Sau khi kí Hiệp định sơ bộ (6-3), thực dân Pháp tiếp tục gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ. Hơn nữa, cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ ta và chính phủ Pháp ở Phông-tên-blô không thành. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với Chính phủ Pháp Tạm ước 14-9-1946 tại Pari, tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa, đây là giới hạn cuối cùng của sự nhượng bộ.

Việc kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9) năm 1946, thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhờ đó, chúng ta đập tan âm mưu của Pháp cấu kết với Tưởng để chống lại ta. Ta đã loại 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc. Làm cho bọn tay sai của Tưởng mất chỗ dựa. Đặc biệt nhân dân ta có thời gian hòa bình để xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Câu 17: Vì sao sau Cách mạng tháng Tám 1945, nước ta có 90% dân số bị mù chữ? Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra biện pháp gì để giải quyết hậu quả đó?

* **Hướng dẫn trả lời:**

- Vì sao?

+ Trong quá trình thống trị, đô hộ nước ta thực dân Pháp thực hiện chính sách "ngu dân" để dễ cai trị.

+ Chúng chỉ mở một số trường học để đào tạo bọn tay sai cho chúng, còn đông đảo con em nhân dân lao động không được học hành.

Vì vậy, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước ta phải chịu hậu quả nặng nề về văn hóa, đó là 90% dân số bị mù chữ.

- Biện pháp giải quyết:

+ 3-9-1945, tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ đã nêu vấn đề xóa nạn mù chữ và nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân lao động, đó cũng là một trong những nhiệm vụ cấp bách.

+ 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh mở cơ quan Bình dân học vụ và kêu gọi nhân dân tham gia phong trào xóa nạn mù chữ.

+ Nhờ vậy, đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên. Công tác xóa nạn mù chữ được toàn dân hưởng ứng.

Chương IV

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ BỌN CAN THIỆP MĨ (1946-1954)

Bài 9

NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946-1950)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC BÙNG NỔ

1. Hoàn cảnh lịch sử:

Sau khi kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9), ta nghiêm chỉnh thực hiện đúng nội dung đã kí trong Hiệp định và tạm ước, còn Pháp từng bước lấn tới, xé bỏ Hiệp định và Tạm ước:

+ 27-11-1946 thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

+ 17-12-1946 Pháp gây ra vụ thảm sát đồng bào ta ở Phố Hàng Bún (Hà Nội), đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính.

+ 18-12-1946 Pháp gửi tối hậu thư buộc ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho Pháp. Trước hành động khiêu khích của thực dân Pháp nhân dân ta chỉ còn một con đường: Cầm vũ khí đứng lên để bảo vệ Tổ quốc.

Đêm 19-12-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng và Chính phủ đọc lời kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên chiến đấu chống Pháp: *"Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng, nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...."*. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

2. Cuộc chiến đấu trong các đô thị:

- Cuộc chiến đấu đã diễn ra ở hầu khắp các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc. Bên cạnh lực lượng tự vệ chiến đấu nhân dân ta đã tích cực tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu: đào hầm, đào giao thông hào, dựng các chướng ngại vật.

- Tiêu biểu cho cả nước là cuộc chiến đấu oanh liệt suốt 60 ngày đêm của nhân dân Hà Nội để bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước, với tinh thần: "Thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Quân và dân ta chiến đấu anh dũng, nhiều trận đánh tiêu biểu như trận đánh Bắc Bộ phủ chợ Đồng Xuân, nhà Bưu điện.... Đến giữa tháng 2-1947 các lực lượng của ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong các thành phố, để các cơ quan của Đảng của Chính phủ, Mặt trận đoàn thể rút về chiến khu an toàn. Cuộc chiến đấu trong các đô thị tạm thời kết thúc để chuyển sang một giai đoạn mới.

3. Đường lối kháng chiến:

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, để lãnh đạo cuộc chiến đấu của nhân dân ta, Đảng và Chính phủ đã vạch ra đường lối kháng chiến.

a. Đường lối kháng chiến được thể hiện qua các văn kiện:

* Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- *Nội dung:*

+ Nêu nguyên nhân của cuộc chiến tranh là do Pháp: *"chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng, nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa".*

+ Nêu quyết tâm kháng chiến của nhân dân ta: *"chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ, chúng ta phải đứng lên".*

+ Nêu lên tư tưởng cơ bản về chiến tranh nhân dân, chiến tranh toàn dân: toàn dân Việt Nam phải đứng lên đánh giặc cứu nước bằng mọi thứ vũ khí có trong tay *"Bất kì đàn ông đàn bà, bất kì người già, người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, hễ ai là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, ai không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc".*

* Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến của TW Đảng ra ngày 22-12-1946 đã nêu rõ mục tiêu, tính chất phương châm cơ bản, chương trình của cuộc kháng chiến.

* Cuốn sách "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của đồng chí Trường Chinh được xuất bản vào tháng 3 năm 1947 nhằm giải thích rõ hơn đường lối kháng chiến.

b. Nội dung của đường lối kháng chiến:

"Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh".

Cuộc kháng chiến của nhân dân là tiếp tục sự nghiệp Cách mạng tháng Tám, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ bằng hình thức chiến tranh nhân dân nhằm đánh bọn thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập thống nhất.

* *Kháng chiến toàn dân:*

- Toàn dân kháng chiến, toàn dân đánh giặc theo khẩu hiệu: "Mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài". Nếu không động viên được toàn dân tham gia kháng chiến thì không thể kháng chiến lâu dài.

- "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", do quần chúng nhân dân quyết định sự thành bại của cách mạng.

* *Kháng chiến toàn diện:*

- Địch đánh ta toàn diện ta phải đánh địch toàn diện.

- Muốn huy động toàn dân tham gia kháng chiến phải đánh địch trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, ngoại giao. Có vậy, nhân dân mới phát huy hết khả năng của mình trong kháng chiến.

* *Kháng chiến lâu dài:*

- Vận dụng chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

- Phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta trước đâ, "Lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều".

- Tương quan lực lượng giữa ta và địch. Lúc đầu ta yếu địch mạnh, địc mạnh hơn ta về vũ khí, về vật chất còn ta mạnh hơn địch về ưu thế tin thần, chính trị. Ta có thể khắc phục khó khăn để càng đánh càng mạnl càng đánh càng thắng.

- Chúng ta tranh thủ thời gian để giáo dục, tổ chức động viên nhân dâ tham gia kháng chiến.

- Địch thực hiện âm mưu "Đánh nhanh thắng nhanh", để đối phó với ân mưu đó ta phải đánh lâu dài.

* *Kháng chiến dựa vào sức mình là chính:*

Ta rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ từ bên ngoài nhưng vẫ luôn luôn đảm bảo phương châm kháng chiến tự lực cánh sinh. Vì có nỗ lụ chủ quan mới phát huy hết sức lực của mình. Nếu không dựa vào sức mìn thì không thể đánh lâu dài được.

Đó là một đường lối đúng đắn và sáng tạo, ngày càng được hoàn thiện v phát triển qua thực tiễn của cuộc kháng chiến, là ngọn cờ dẫn dắt toàn Đản toàn dân, động viên sức mạnh của cả dân tộc. Là ánh sáng soi đường ch cuộc chiến đấu và chiến thắng của quân dân ta.

c. Tính chất của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện:

* *Kháng chiến toàn dân:*

Thực hiện Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Cl Minh: "Bất kì đàn ông đàn bà, bất kì người già người trẻ không phân chi tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đán thực dân Pháp để cứu Tổ quốc...". ngay từ ngày đầu kháng chiến toàn quố toàn dân đã tham gia kháng chiến như: Tại Hà Nội, đánh gần 200 trận, gi và làm bị thương hàng ngàn tên địch để bảo vệ cho Trung ương Đảng v Chính phủ rút về căn cứ địa lãnh đạo kháng chiến. Ngoài ra ở Vinh, ở Na Định và các thành phố khác quân dân ta đã giành thế chủ động để giai chân địch trong các thành phố.

Đặc biệt sau khi thực dân Pháp thất bại trong chiến dịch Việt Bắc th đông 1947, chúng phải chuyển sang thực hiện chính sách: "Lấy chiến tran nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" để chống lại cuộc khán chiến toàn dân của ta. Trước tình hình đó Đảng và Chính phủ chủ trươn động viên và toàn dân, phát triển chiến tranh du kích rộng rãi với phươn châm: du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ, thúc đẩy chiến tran du kích phát triển, xây dựng căn cứ địa kháng chiến.

Nhờ vậy từ năm 1948 trở đi khắp các vùng sau lưng địch ở Bắc B Bình Trị Thiên, các đơn vị Đại đội độc lập, các đơn vị vũ trang tuyên truyề

vượt qua gian khổ, đã anh dũng chiến đấu với địch, xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang, phát động chiến tranh du kích, giành giật với địch từng xóm làng, từng người dân.

Đến năm 1949 chiến tranh du kích tiếp tục phát triển mạnh mẽ trên các chiến trường toàn quốc, nhất là vùng sau lưng địch.

Bên cạnh lực lượng du kích còn có lực lượng của bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực để tạo thành 3 thứ quân.

* *Kháng chiến toàn diện:*

+ *Về chính trị:*

- Củng cố chính quyền các cấp, tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân, thu hút ngày càng nhiều thành phần cơ bản trong nhân dân tham gia chính quyền các cấp, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, kiên quyết chống lại âm mưu thành lập chính quyền bù nhìn Bảo Đại.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng: Đại hội Đảng toàn quốc lần II quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam, tiến hành Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh, Liên Việt đầu năm 1951.

+ *Kinh tế:*

- Đấu tranh kinh tế với địch, bảo vệ mùa màng, kiểm soát chặt chẽ việc giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do và vùng địch tạm chiếm.

- Xây dựng kinh tế có đủ khả năng cung cấp các nhu cầu của cuộc kháng chiến, tháng 3-1948 phát động phòng trào thi đua ái quốc. Năm 1949 Chính phủ ra sắc lệnh giảm tô 25%. Năm 1950 ra sắc lệnh giảm tức. Tiến hành cải cách ruộng đất 1953-1954.

- Các cơ sở công nghiệp được xây dựng với quy mô vừa và nhỏ đáp ứng về cơ bản nhu cầu quốc phòng và sinh hoạt của nhân dân.

+ *Văn hóa giáo dục:*

- Xây dựng nền văn hóa theo phương châm dân tộc, khoa học và đại chúng, phục vụ nhu cầu kháng chiến. Năm 1948 cuốn sách: "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và vấn đề văn hóa Việt Nam" ra đời. Các văn nghệ sĩ trở thành chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, nếp sống văn hóa mới được xây dựng và phát triển.

- Tiếp tục phong trào xóa nạn mù chữ (năm 1950 có 10 tỉnh xóa xong nạn mù chữ). Thực hiện cải cách hệ thống giáo dục phổ thông, đưa giáo dục phục vụ tích cực cho cuộc kháng chiến kiến quốc.

- Phát triển mạng lưới y tế, chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

+ *Về ngoại giao:*

- Tăng cường đoàn kết quốc tế, trước hết là đối với nhân dân Lào, Campuchia, với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và các dân tộc yêu chuộng hòa bình. Đại hội thành lập liên minh chiến đấu ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia đầu năm 1951. Việt Nam cử quân tình nguyện sang giúp nhân dân Lào chống Pháp.

- Năm 1950, khi chiến dịch Biên giới kết thúc, Trung Quốc và Liên Xô cùng các nước dân chủ nhân dân công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

+ *Về quân sự:*

- Thắng lợi trên các mặt kháng chiến nói trên đã góp phần tạo ra sức mạnh thúc đẩy thực hiện thắng lợi ngày càng to lớn của nhân dân ta trên các chiến trường:

- Mở đầu quân và dân ta đã chặn đứng âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của giặc Pháp, tiêu hao và vây hãm chúng trong các thành phố, tạo điều kiện cho cả nước kháng chiến lâu dài.

- Lực lượng vũ trang với 3 thứ quân không ngừng phát triển về mọi mặt. Cùng với tiến công đánh địch ngày càng mạnh mẽ ở vùng sau lưng địch, giải phóng đất đai, đẩy địch ngày càng sa vào thế bị động khốn đốn. Chiến thắng Việt Bắc thu-đông 1947 dập tan âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp, đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới. Chiến thắng Biên giới thu đông 1950 đã phá tan thế bao vây phong tỏa của kẻ thù, giành thế chủ động ở chiến trường Bắc Bộ.

- Chiến thắng Trung du (12-1950), Đường số 18 (3-1951), Hà Nam Ninh (5-1951) Hòa Bình (Đông xuân 1951-1952), Tây Bắc (10-1952), Thượng Lào (4-1953) đã đẩy địch vào thế lung túng.

- Cuộc tổng tiến công chiếc lược Đông xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ vĩ đại đã dập tan hoàn toàn kế hoạch quân sự Nava, buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ.

II. CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU – ĐÔNG 1947

1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Sau khi ta rút khỏi các đô thị vào 2-1947 thực dân Pháp đã mở rộng địa bàn chiếm đóng. Tuy nhiên Pháp không thực hiện được âm mưu "Đánh nhanh thắng nhanh".

- Càng mở rộng địa bàn chiếm đóng thực dân Pháp càng gặp khó khăn, lúng túng.

+ Nước Pháp đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế, tài chính, chính trị, văn hóa...

+ Lực lượng càng bị dàn mỏng, dễ bị ta tiêu diệt.

- Trước tình hình đó, tháng 3-1947 Pháp cử Bôlaéc sang làm cao ủy Pháp ở Đông Dương thay thế cho Đácgiăngliơ định mở cuộc tấn công với quy mô lớn lên Việt Bắc nhằm:

- ♦ Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta.
- ♦ Tiêu diệt quân chủ lực kháng chiến của ta nhằm giành thắng lợi quyết định về quân sự nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- ♦ Khóa chặt biên giới Việt – Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta với các nước.

- Phá hoại cơ sở kinh tế kháng chiến, nhằm làm giảm khả năng chiến đấu của ta.

2. Chủ trương của ta:

Ngày 15-10-1947 thường vụ TW Đảng ra chỉ thị: "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp" lên Việt Bắc, vạch rõ phương hướng hành động cụ thể cho quân và dân ta.

3. Diễn biến:

* *Về phía Pháp:*

Ngày 7-10-1947 Pháp huy động 12.000 quân gồm:

+ Một bộ phận nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Đồn, Chợ Mới, Cao Bằng.

+ Một binh đoàn theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng vòng về Bắc Cạn.

+ Một binh đoàn từ Hà Nội ngược sông Hồng lên sông Lô đến Tuyên Quang rồi cũng vòng về Bắc Cạn. Cuộc tấn công của Pháp tạo thành hai gọng kìm khép lại tại Đại Thi (Đông Bắc, Chiêm Hóa).

* *Về phía ta:* Tổ chức cuộc chiến đấu tại chỗ chống trả cuộc tấn công của địch, bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân.

+ Địch nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Đồn... ta bao vây đánh trả và cô lập địch.

+ Địch kéo theo đường số 4 từ Lạng Sơn đến Cao Bằng bị ta chặn đánh ở đèo Bông Lau.

+ Dọc theo sông Hồng, sông Lô ta chặn đánh địch tại Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau, bắn chìm nhiều tàu chiến và ca nô địch.

+ Phối hợp với Việt Bắc, khắp nơi trên cả nước quân dân ta đã chiến đấu anh dũng, dập tan mọi âm mưu của địch. Đặc biệt là ở Hà Nội và Sài Gòn, không cho chúng tập trung binh lực nhiều vào các chiến trường chính.

Sau 2 tháng mở chiến dịch, đến ngày 19-12-1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc, đánh dấu một thất bại về chiến lược đầu tiên trong cuộc chiến tranh xâm lược của chúng ở Đông Dương. Địch không tiêu diệt được cơ quan đầu não kháng chiến của ta, trái lại chúng bị ta tiêu diệt.

4. Kết quả:

- Ta loại khỏi vùng chiến đấu 6.000 tên địch trong đó tiêu diệt 3.300 tên, bắn rơi 16 máy bay, đánh chìm 11 tàu chiến và canô, phá hủy hàng trăm xe, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng của địch - "Việt Bắc là mồ chôn giặc Pháp".

- Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững, cơ quan đầu não kháng chiến được bảo vệ an toàn.

5. Ý nghĩa:

- Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của ta, làm phá sản chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của giặc Pháp, đưa cuộc kháng chiến sang một giai đoạn mới.

- Thắng lợi này đã chứng minh sự đúng đắn đường lối kháng chiến lâu dài của ta, sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

- Thắng lợi này là mốc khởi đầu của sự thay đổi so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta.

III. TOÀN QUÂN TOÀN DÂN THI ĐUA ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DIỆN

1. Đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch

- Thất bại trong chiến dịch Việt Bắc, địch tăng cường thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Chúng rải quân đóng đồn bốt nhiều nơi, tiến hành những cuộc càn quét ở vùng tạm chiếm, ra sức bắt người, cướp của. Chúng ra sức mở rộng địa bàn chiếm đóng.

- Trước tình hình đó, Đảng và Chính phủ chủ trương phát động chiến tranh du kích ở vùng tạm chiếm.

- Kết quả của chiến tranh du kích ở cùng sau lưng địch:

+ Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, quân dân ta đã đẩy mạnh các hoạt động trừ gian, diệt ác, vận động ngụy binh, bao vây đồn địch.

+ Dân quân du kích còn ra sức chống càn, bảo vệ làng mạc. Quần chúng nhân dân phát huy nhiều sáng kiến đánh địch. Nhiều đội du kích dựa vào làng chiến đấu đã chống những trận càn lớn của địch như làng Cự Nẫm, Cảnh Dương (Quảng Bình), làng Việt Lại (Sơn Tây), đội du kích Lê Hồng Phong (Bình - Trị - Thiên)...

+ Cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh du kích, bộ đội chủ lực tích cực đánh vận động thu được nhiều thắng lợi lớn như trận Nghĩa Lộ (18-3-1948), trận Yên Bình (1-6-1948)...

+ Phối hợp với các hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh của quần chúng ở các thành phố và khu công nghiệp cũng phát triển như ở Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn - Chợ Lớn, v.v...

- Ý nghĩa của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở cùng sau lưng địch:

+ Duy trì, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến của ta.

+ Tiếp tục xây dựng và bảo vệ hậu phương kháng chiến của ta.

+ Làm rối loạn hậu phương của địch, góp phần làm phá sản chính sách "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của thực dân Pháp.

2. Củng cố chính quyền, xây dựng kinh tế kháng chiến, phát triển văn hóa, giáo dục, xã hội

* *Về chính trị:*

+ Đảng và Chính phủ đặc biệt chú trọng tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

+ Củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân là nhiệm vụ quan trọng được Đảng hết sức quan tâm. Đến năm 1948, cả hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt đều thu hút đông đảo quần chúng.

+ Công tác vận động đồng bào miền núi, đồng bào Công giáo, bà con người Hoa, quần chúng trong vùng địch tạm chiếm, công tác vận động ngụy binh... được coi trọng.

* *Về kinh tế:*

+ Đấu tranh kinh tế với địch để bảo vệ mùa màng; kiểm soát chặt chẽ việc giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm; ra sức xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc.

+ Tăng cường bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân bằng cách giảm tô 25%, cấp ruộng đất của thực dân Pháp, Việt gian và ruộng đất vắng chủ cho nông dân. Năm 1950, có sắc lệnh giảm tức, xóa nợ, hoãn nợ của nông dân vay địa chủ.

+ Cơ sở công nghiệp quốc phòng được xây dựng khá nhiều, với quy mô vừa và nhỏ ở khắp các vùng tự do và chiến khu. Đến 1949, cả nước có 130 xưởng sản xuất vũ khí, 21 cơ sở quân dược, 20 cơ sở sản xuất quân nhu...

* *Về văn hóa, giáo dục*

+ Xây dựng nền văn hóa mới theo phương châm: dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ Năm 1948, Hội nghị Văn hóa toàn quốc được triệu tập, Hội nghị đã thông qua báo cáo của đồng chí Trường Chinh: "Chủ nghĩa Mác – Lê-nin và vấn đề văn hóa Việt Nam".

+ Phong trào chống mù chữ tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Chương trình giáo dục phổ thông bắt đầu được cải tiến.

+ Công tác phát triển y tế, thực hiện vệ sinh phòng bệnh và chăm lo sức khỏe cho nhân dân cũng được chú trọng.

- Tác dụng:

+ Bộ máy chính quyền của ta ở các cấp được củng cố và xây dựng góp phần to lớn trong việc tổ chức, lãnh đạo kháng chiến thắng lợi và làm phá sản hệ thống chính quyền bù nhìn tay sai của địch.

+ Chính sách kinh tế đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nhu cầu cho kháng chiến lâu dài.

+ Các chính sách văn hóa, giáo dục, y tế có tác dụng xây dựng cơ sở văn hóa của chế độ dân chủ nhân dân.

+ Tất cả các thành tựu đó có tác dụng củng cố và tăng cường hậu phương kháng chiến, là nhân tố quyết định thường xuyên đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến.

IV. CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU ĐÔNG 1950

1. Hoàn cảnh lịch sử:

a. Trong nước: Từ sau chiến thắng Việt Bắc, cuộc kháng chiến của ta ngày càng giành được nhiều thắng lợi:

+ Chính quyền ngày càng được củng cố, chiến tranh du kích được mở rộng.

+ Ta tích cực xây dựng lực lượng kháng chiến mọi mặt, phát triển cơ sở công nghiệp quốc phòng, tăng cường sản xuất lương thực, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục để phục vụ kháng chiến.

b. Thế giới:

+ Tháng 10-1949 cách mạng Trung Quốc thành công, tháng 1-1950 Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với ta.

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân Campuchia và Lào có những bước phát triển mới.

* Tháng 6 năm 1950 Ủy ban dân tộc giải phóng Campuchia ra đời.

* Tháng 8 năm 1950 Chính phủ kháng chiến Pathét Lào được thành lập.

+ Phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới mà đặc biệt là của nhân dân Pháp phản đối cuộc chiến tranh của Pháp, ủng hộ của kháng chiến của nhân dân Việt Nam ngày càng lên cao. Tình hình trên càng có lợi cho ta và bất lợi cho Pháp.

2. Âm mưu của Pháp:

Trước những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong những năm 1948-1950 và sự sa lầy của Pháp ở Đông Dương, đế quốc Mĩ đã "trực tiếp dính líu" vào cuộc chiến tranh Việt Nam.

Nhờ sự giúp đỡ của Mĩ, thực dân Pháp có những cố gắng mới, thông qua kế hoạch Rơve nhằm thực hiện âm mưu:

+ Tập trung lực lượng giữ vững đồng bằng Bắc Bộ.

+ Khóa chặt biên giới Việt – Trung bằng cách tăng cường phòng thủ trên đường số 4.

+ Thiết lập hành lang Đông – Tây kéo dài từ Hải Phòng lên Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La để chia cắt sự liên lạc giữa căn cứ địa Việt Bắc với các liên khu III và IV.

Với hai hệ thống phòng thủ nói trên, Pháp chuẩn bị mở một cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai để kết thúc chiến tranh.

3. Mục đích và sự chuẩn bị của ta:

a. Mục đích: Ta chủ động mở chiến dịch Biên giới nhằm:

+ Tiêu diệt sinh lực địch.

+ Khai thông biên giới Việt – Trung để mở rộng quan hệ quốc tế.

+ Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

+ Tạo đà thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

b. Chuẩn bị: Ta huy động sức người, sức của khoảng 121.700 dân công, 4.000 tấn lương thực và súng đạn để tiến hành chiến dịch. Tất cả đều nêu quyết tâm thực hiện khẩu hiệu: "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng".

4. Diễn biến:

- Mờ sáng ngày 16-9-1950 quân ta nổ súng tấn công vào cụm cứ điểm ở Đông Khê, mở màn chiến dịch. Cuộc chiến đấu đã diễn ra 54 giờ. Đến sáng ngày 18-9, ta đã tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Đông Khê, làm cho Thất Khê

bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập. Toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch trên đường số 4 bị lung lay.

- Sau khi mất Đông Khê, địch quyết định cho quân rút khỏi Cao Bằng. Để rút khỏi Cao Bằng, Pháp cho mở cuộc hành quân kép:

+ Từ Hà Nội đánh lên Thái Nguyên để thu hút lực lượng của ta.

+ Từ Thất Khê tiến lên Đông Khê để chiếm lại Đông Khê và đón cánh quân từ Cao Bằng xuống.

- Ta đoán trước ý đồ của địch, cho quân mai phục chặng đánh các cánh quân của địch. Ngày 1-10-1950 ta đã làm sụp đổ kế hoạch rút quân của địch. Từ ngày 10 đến 22-10-1950 Pháp cho quân rút khỏi các cứ điểm còn lại trên đường số 4, Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng, Lạng Sơn. Tại các chiến trường khác trên toàn quốc quân dân ta đã ra sức đánh địch, kiềm chế không cho chúng chi viện cho biên giới.

5. Kết quả và ý nghĩa:

a. Kết quả:

- Loại khỏi vòng chiến 8.300 tên địch, thu 3.000 tấn vũ khí và 5 phương tiện chiến tranh.

- Khai thông 750 km biên giới từ Đình Lập đến Cao Bằng.

- Chọc thủng hành lang Đông-Tây.

- Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững và mở rộng, nối liền với các địa phương trong cả nước.

b. Ý nghĩa:

- Đây là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của ta. Với thắng lợi này quân ta chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

- Bộ đội chủ lực ta liên tiếp mở các cuộc tiến công lớn và liên tiếp giành thắng lợi.

- Đây là thất bại về chính trị và quân sự của Pháp, làm cho chúng bị đẩy vào thế phòng ngự bị động.

Như vậy, thực dân Pháp từ chỗ tiến công chuyển sang thế phòng ngự bị động. Từ đó tạo nên đà thắng lợi mới cho cuộc kháng chiến của ta.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Vì sao Đảng và Chính phủ ta phát động cuộc kháng chiến toàn quốc vào ngày 19-12-1946?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Sau ngày kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9)1946:

+ Ta thực hiện đầy đủ những điều khoản đã kí kết;

+ Thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước: ngày 27-12-1946, Pháp gây ra vụ thảm sát đồng bào ta ở phố Hàng Bún (Hà Nội); Đặc biệt, ngày 18-12-1946, chúng láo xược gửi tới hậu thư buộc Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

- Trước hành động của thực dân Pháp, nhân dân ta không còn con đường nào khác ngoài phải đứng lên cầm vũ khí chống thực dân Pháp.

- Đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng, Chính phủ đọc *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Câu 2: Cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở đô thị diễn ra như thế nào? Kết quả của cuộc chiến đấu đó?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Dựa vào SGK, nêu tóm tắt diễn biến của cuộc chiến đấu ở các đô thị.

- Tiêu biểu nhất là cuộc chiến đấu ở thủ đô Hà Nội trong 60 ngày đêm.

Về phía Pháp: Tính đến tháng 12-1946, ở Hà Nội có 6.500 sĩ quan và binh lính Pháp; ngoài ra còn có 13.000 Pháp kiều.

Về phía ta: Lực lượng vũ trang của ta có 5 tiểu đoàn bộ binh, 8 trung đội Công an xung phong, một số lực lượng tự vệ nội, ngoại thành.

Các chiến sĩ vệ quốc quân tự vệ chiến đấu nêu cao tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh !", chiến đấu anh dũng, kiên cường với những trận đánh nổi tiếng: Bắc Bộ Phủ, Chợ Đồng Xuân, Nhà Bưu Điện...

Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, đến ngày 17-2-1947, quân ta rút khỏi thành phố trở về hậu phương.

- Kết quả của cuộc chiến đấu ở các đô thị:

+ Đã đánh bại âm mưu và kế hoạch của Pháp trong việc đánh úp cơ quan đầu não của ta tại Hà Nội và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta ở đô thị.

+ Ta đã tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giữ chân địch và chặn đứng âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, tạo điều kiện cho cả nước vào cuộc chiến đấu lâu dài.

Câu 3: Vì sao ta phải kháng chiến lâu dài? Quân dân ta đã làm gì để tổ chức kháng chiến lâu dài?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Giải thích theo các ý sau:

+ Địch thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, để phá sản âm mưu đó, ta phải đánh lâu dài.

+ So sánh lực lượng giữa ta và địch lúc đầu chênh lệch: địch mạnh hơn ta cả về quân sự, kinh tế.

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là cuộc chuyển hóa lực lượng làm cho địch yếu dần, ta càng đánh càng mạnh.

- Quân và dân ta đã làm gì:

+ Di chuyển cơ quan, kho tàng, máy móc, tổ chức nhân dân tản cư và ổn định đời sống của nhân dân... Các cơ quan Trung ương rút khỏi Hà Nội để đi lên chiến khu Việt Bắc.

+ Thực hiện tiêu thổ kháng chiến như phá cầu cống, phá đường sá, đặt các chướng ngại vật ra đường phố...

+ Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (chia cả nước thành 14 khu hành chính, Ủy ban hành chính chuyển thành Ủy ban kháng chiến hành chính.

+ Đấu tranh kinh tế với địch bảo vệ sản xuất, xây dựng kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và tiến hành bồi dưỡng sức dân.

+ Duy trì phong trào bình dân học vụ, xây dựng trường lớp, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Câu 4: Thực dân Pháp mở rộng cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc nhằm thực hiện những mưu đồ gì? Chúng đã bị quân dân ta đánh trả và đã thất bại như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Nêu rõ các âm mưu của thực dân Pháp đánh lên căn cứ địa Việt Bắc:

+ Tháng 3-1947, Pháp cử Bôlaéc sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương thay cho Đácgiăngliơ, Bôlaéc đã cho mở cuộc hành quân với quy mô lớn lên Việt Bắc nhằm:

• Đánh phá căn cứ cách mạng, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.

• Khóa chặt biên giới Việt - Trung ngăn chặn liên lạc giữa ta với thế giới bên ngoài.

• Giành thắng lợi quyết định về quân sự để kết thúc nhanh chiến tranh ở Đông Dương.

- Mưu đồ của thực dân Pháp bị quân dân ta đánh bại hoàn toàn:

+ Ngày 15-10-1947, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp". Trên các mặt trận, quân dân ta đánh anh dũng chiến đấu phá tan cuộc hành quân của địch. Tại Bắc Cạn, quân địch nhảy dù xuống thị xã bị quân ta bao vây truy kích; trên sông Lô quân dân ta phục kích đánh địch ở Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau; trên đường số 14, quân ra tiêu diệt địch ở đèo Bông Lau.

+ Đến ngày 19-12-1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc, ta loại khỏi vùng chiến hơn 6.000 tên địch. Căn cứ địa Việt Bắc được bảo đảm an toàn, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành trong chiến đấu.

+ Với chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, quân dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta. Thắng lợi này nói lên sự trưởng thành vượt bậc của ta, khả năng của quân và dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công quân sự lớn của địch.

Câu 5: Chiến tranh du kích ở các vùng sau lưng địch đã thu được kết quả ra sao? Ý nghĩa của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Nêu kết quả của chiến tranh du kích ở cùng sau lưng địch:

+ Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, quân dân ta đã đẩy mạnh các hoạt động trừ gian, diệt ác, vận động ngụy binh, bao vây đồn địch.

+ Dân quân du kích còn ra sức chống càn, bảo vệ làng mạc. Quần chúng nhân dân phát huy nhiều sáng kiến đánh địch. Nhiều đội du kích dựa vào làng chiến đấu đã chống những trận càn lớn của địch như làng Cự Nẫm, Cảnh Dương (Quảng Bình), làng Việt Lại (Sơn Tây), đội du kích Lê Hồng Phong (Bình - Trị - Thiên)...

+ Cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh du kích, bộ đội chủ lực tích cực đánh vận động thu được nhiều thắng lợi lớn như trận Nghĩa Lộ (18-3-1948), trận Yên Bình (1-6-1948)...

+ Phối hợp với các hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh của quần chúng ở các thành phố và khu công nghiệp cũng phát triển như ở Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn - Chợ Lớn, v.v...

- Ý nghĩa của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở cùng sau lưng địch:

+ Duy trì, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến của ta.

+ Tiếp tục xây dựng và bảo vệ hậu phương kháng chiến của ta.

+ Làm rối loạn hậu phương của địch, góp phần làm phá sản chính sách "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của thực dân Pháp.

Câu 6: Các thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục trong những năm 1948 - 1949 và tác dụng của nó đối với sự nghiệp kháng chiến ra sao?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Những thành tựu:

* *Về chính trị:*

+ Đảng và Chính phủ đặc biệt chú trọng tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

+ Củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân là nhiệm vụ quan trọng được Đảng hết sức quan tâm. Đến năm 1948, cả hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt đều thu hút đông đảo quần chúng.

+ Công tác vận động đồng bào miền núi, đồng bào Công giáo, bà con người Hoa, quần chúng trong vùng địch tạm chiếm, công tác vận động ngụy binh... được coi trọng.

* *Về kinh tế:*

+ Đấu tranh kinh tế với địch để bảo vệ mùa màng; kiểm soát chặt chẽ việc giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm; ra sức xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc.

+ Tăng cường bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân bằng cách giảm tô 25%, cấp ruộng đất của thực dân Pháp, Việt gian và ruộng đất vắng chủ cho nông dân. Năm 1950, có sắc lệnh giảm tức, xóa nợ, hoãn nợ của nông dân vay địa chủ.

+ Cơ sở công nghiệp quốc phòng được xây dựng khá nhiều, với quy mô vừa và nhỏ ở khắp các vùng tự do và chiến khu. Đến 1949, cả nước có 130 xưởng sản xuất vũ khí, 21 cơ sở quân dược, 20 cơ sở sản xuất quân nhu...

* *Về văn hóa, giáo dục*

+ Xây dựng nền văn hóa mới theo phương châm: dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ Năm 1948, Hội nghị Văn hóa toàn quốc được triệu tập, Hội nghị đã thông qua báo cáo của đồng chí Trường Chinh: "Chủ nghĩa Mác – Lê-nin và vấn đề văn hóa Việt Nam".

+ Phong trào chống mù chữ tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Chương trình giáo dục phổ thông bắt đầu được cải tiến.

+ Công tác phát triển y tế, thực hiện vệ sinh phòng bệnh và chăm lo sức khỏe cho nhân dân cũng được chú trọng.

- Tác dụng:

+ Bộ máy chính quyền của ta ở các cấp được củng cố và xây dựng góp phần to lớn trong việc tổ chức, lãnh đạo kháng chiến thắng lợi và làm phá sản hệ thống chính quyền bù nhìn tay sai của địch.

+ Chính sách kinh tế đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nhu cầu cho kháng chiến lâu dài.

+ Các chính sách văn hóa, giáo dục, y tế có tác dụng xây dựng cơ sở văn hóa của chế độ dân chủ nhân dân.

+ Tất cả các thành tựu đó có tác dụng củng cố và tăng cường hậu phương kháng chiến, là nhân tố quyết định thường xuyên đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Câu 7: Tại sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra trước tiên ở các đô thị? Tác dụng của các cuộc chiến đấu trong các đô thị?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra trước tiên ở đô thị vì:

+ Sau khi Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9) được kí kết, thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước, thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, để thực hiện âm mưu đó, Pháp đã mở các cuộc tấn công trước tiên vào các đô thị nhằm đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của ta tại Hà Nội, tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta ở đô thị.

+ Ta thực hiện cuộc chiến đấu ở các đô thị để tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, đảm bảo cho cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ cách mạng an toàn.

+ Đô thị là trung tâm kinh tế và chính trị, ta chiến đấu ở các đô thị chủ yếu là giam chân địch, thực hiện "vườn không nhà trống".

- Tác dụng:

+ Kìm chân địch lại, không cho chúng mở rộng địa bàn chiếm đóng.

+ Chặn đứng âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp.

+ Tạo điều kiện cho cả nước chuyển vào thời kì kháng chiến lâu dài.

Câu 8: Tại sao lại khẳng định từ chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, đến chiến thắng Biên giới thu - đông 1950 là một bước phát triển của cuộc kháng chiến?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Trước hết, chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 là chiến dịch mà:

+ Địch chủ động tấn công lên Việt Bắc để tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta nhằm giành thắng lợi quyết định về quân sự đi đến kết thúc nhanh chiến tranh. Còn ta chủ động phản công địch để *"phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc"*.

+ Trong chiến dịch này ta thực hiện kiểu chiến tranh du kích ngắn ngày, bao vây cô lập và chặn đánh các cuộc hành quân của địch.

+ Qua chiến dịch Việt Bắc, ta đã đánh bại chiến lược *"đánh nhanh, thắng nhanh"* của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

- Tiếp đến, chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, là chiến dịch:

+ Ta chủ động tấn công địch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo đà thuận lợi mới thúc đẩy kháng chiến tiến lên.

+ Trong chiến dịch Biên giới, ta thực hiện cách đánh công kiên kết hợp với vận động dài ngày.

+ Qua chiến dịch Biên giới ta giành được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ), địch bị đẩy vào thế bị động đối phó.

Từ đó có thể khẳng định từ chiến thắng Việt Bắc (1947) đến chiến thắng Biên giới (1950) là một bước phát triển của cuộc kháng chiến.

Câu 9: Đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh được thể hiện trong các văn kiện nào của Đảng?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19-12-1946),* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là tiếng gọi của non sông đất nước, là mệnh lệnh cách mạng tiến công.

- *Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng ra ngày 22-12-1946) đã nêu rõ mục tiêu, tính chất, phương châm, cơ bản, chương trình của cuộc kháng chiến.

- Cuốn sách *"Kháng chiến nhất định thắng lợi"* của đồng chí Trường Chinh được xuất bản vào năm 1947, nhằm giải thích rõ hơn đường lối kháng chiến.

Câu 10: Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn viết: "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa".

Hãy nêu những sự kiện lịch sử thể hiện thiện chí của ta và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp trước ngày 19-12-1946.

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Thiện chí của ta là muốn hòa bình:

+ Chính phủ ta kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Chính phủ Pháp Tạm ước 14-9-1946.

- Dã tâm xâm lược của thực dân Pháp là ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước:

+ 27-11-1946, quân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

+ 17-12-1946, thực dân Pháp gây ra vụ thảm sát đồng bào ta ở phố Hàng Bún - Hà Nội.

+ 18-12-1946, chúng láo xược gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

Câu 11: Kể tên các thành phố và đô thị diễn ra cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến? Thành phố nào kìm chân địch lâu nhất?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Các thành phố đô thị diễn ra cuộc chiến đấu:

Thị xã Hải Dương, Thành phố Hải Phòng, Thị xã Bắc Giang, Bắc Ninh, Thành phố Nam Định, Huế, Đà Nẵng và thủ đô Hà Nội.

- Thành phố kìm chân địch lâu nhất: Hà Nội.

Câu 12: Ghi các sự kiện vào niên đại đã cho sau đây:

1. 7-10-1947: ....

2. 9-10-1947: ....

3. 15-10-1947: ....

4. 19-12-1947: ....

*** Hướng dẫn trả lời:**

1. Thực dân Pháp huy động 12.000 quân, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc.

2. Binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ Pháp từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô đánh lên Tuyên Quang bao vây Việt Bắc.

3. Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp".

4. Đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc.

Câu 13: Trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, trận đánh nào diễn ra ác liệt nhất? Diễn biến của trận đánh đó?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Trận đánh ác liệt nhất là trận Đông Khê.
- Diễn biến của trận đánh: Mờ sáng ngày 16-9-1950, quân ta nổ súng tấn công vào cứ điểm ở Đông Khê, mở màn cho chiến dịch. Sau 54 giờ chiến đấu, sáng ngày 18-9, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, đẩy quân địch vào thế nguy khốn: Thất Khê bị uy hiếp, thị xã Cao Bằng bị cô lập; thế phòng thủ Đường số 4 bị lung lay. Đến ngày 20-10-1950, địch phải rút khỏi các vị trí phòng ngự trên Đường số 4.

Câu 14: So sánh chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, theo các tiêu chí sau:

*** Hướng dẫn trả lời:**

Tiêu chí so sánh	Chiến dịch Việt Bắc	Chiến dịch biên giới
1) Chủ động tấn công địch	Ta đánh bại cuộc tấn công lên Việt Bắc của địch	- Ta chủ động tiến công địch
2) Quân địch bị loại khỏi vòng chiến	6.000 tên địch	- 8.300 địch ở biên giới Việt - Trung -12.000 địch trong cả nước
3) Giải phóng đất đai	Ta bảo vệ được Việt Bắc	Giải phóng biên giới Việt - Trung dài 750km
4) Ý nghĩa quan trọng nhất của thắng lợi	- Bảo vệ được Việt Bắc, căn cứ đầu não của kháng chiến - Làm phá sản âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của địch	- Khai thông biên giới Việt - Trung - Giành thế chủ động về chiến lược trên chiến trường chính.

Câu 15: Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đến chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Viết và đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào đêm 19-12-1946 để kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

- Kêu gọi nhân dân phá hoại đường sá, cầu cống để gây khó khăn cho Pháp ở các đô thị: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho Pháp không thể lợi dụng được".

- Cùng với Trung ương Đảng phát động phong trào thi đua ái quốc (1948).

- Cùng với Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp" lên Việt Bắc.

- Trực tiếp nghiên cứu, phê chuẩn kế hoạch tác chiến, chỉ đạo các ngành ở Trung ương và địa phương đem hết sức mình phục vụ cho chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

Câu 16: Hãy nêu những tấm gương chiến đấy dũng cảm trong trận đánh Đông Khê của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 của quân dân ta? Hành động cụ thể của họ?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Những tấm gương chiến đấu dũng cảm:

La Văn Cầu, Trần Cừ, Đinh Thị Dậu, Triệu Thị Soi.

- Hành động cụ thể của họ:

+ La Văn Cầu: Nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương rồi tiếp rục xông lên phá lô cốt địch

+ Trần Cừ: Lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên diệt địch.

+ Đinh Thị Dậu, Triệu Thị Soi: Nhiều lần lăn mình vào lửa đạn, cứu thương binh, tiếp đạn cho bộ đội.

Câu 17: Từ sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, đến chiến thắng Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta đã giành thắng lợi trên mặt trận kinh tế và văn hóa như thế nào? (trả lời theo bảng kê sau).

*** Hướng dẫn trả lời:**

Lĩnh vực	Chủ trương của Đảng và Chính phủ	Ý nghĩa
Kinh tế	- 3-1948: Phát động thi đua ái quốc đẩy mạnh sản xuất. - Xây dựng nền kinh tế kháng chiến tự cấp, tự túc.	- Đảm bảo phục vụ nhu cầu kháng chiến. - Đảm bảo được kháng chiến lâu dài
Văn hóa - giáo dục	- Hội nghị Văn hóa toàn quốc (1948) - Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục hoạt động. - Giáo dục phổ thông ngày càng mở rộng	- Đảm bảo kháng chiến lâu dài - Văn hóa văn nghệ cũng là mặt trận kháng chiến.

Bài 10

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TRONG NHỮNG NĂM 1951 – 1953

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

1. Những âm mưu, kế hoạch của đế quốc Pháp - Mĩ

- Sau chiến dịch Biên giới 1950, để tiếp tục chiến tranh ở Đông Dương, Pháp ngày càng dựa vào Mĩ nhiều hơn. Pháp cử đại tướng Đờlát đờ Tátxinhi sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh của Pháp ở Đông Dương, kiêm chức Cao ủy Pháp. Đờlát đơ Tátxinhi đưa ra kế hoạch mới gồm 4 điểm.

+ Gấp rút tập trung quân Âu - Phi, ra sức xây dựng một lực lượng cơ động mạnh, phát triển ngụy quân.

+ Lập tuyến phòng thủ "Boong ke", "vành đai trắng" bao quanh trung du và Đồng bằng Bắc Bộ.

+ Tiến hành chiến tranh tổng lực, gấp rút bình định vùng tạm chiếm.

+ Đánh phá các căn cứ, hậu phương của ta để giành lại quyền chủ động về chiến lược.

- Để thực hiện kế hoạch trên, thực dân Pháp đã bắt người, cướp của gây khó khăn cho ta, nhất là vùng sau lưng địch.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (2-1951)

**** Hoàn cảnh:***

- Sau chiến thắng Biên giới, cuộc kháng chiến của ta bước sang thời kì mới. Ta chủ động đánh địch trên chiến trường chính, còn Pháp có sự giúp đỡ của Mĩ đã cố gắng giành lại chính quyền chủ động. Cuộc chiến tranh càng trở nên gay go, quyết liệt, do đó cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

- Trong hoàn cảnh đó, Đảng đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần II tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang) từ 11 đến 19-2-1951.

**** Nội dung Đại hội:***

- Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh trình bày. Báo cáo nêu rõ:

+ Thành tựu, kinh nghiệm của cách mạng thế giới trong nửa đầu thế kỉ XX.

+ Kinh nghiệm đấu tranh của Đảng qua các chặng đường cách mạng.

+ Phê phán những tư tưởng sai lầm đã nảy sinh trong quá trình kháng chiến.

+ Xác định nhiệm vụ cụ thể của cách mạng lúc bấy giờ.

- Thảo luận và thông qua báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do đồng chí Trường Chinh trình bày. Báo cáo nêu rõ đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và tiến lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới l
Đảng Lao động Việt Nam. Hai nước Lào, Campuchia phải xây dựng ở mỗ
nước một đảng cách mạng riêng cho phù hợp.

- Đại hội cũng qua thảo luận và quyết định nhiều chính sách cơ bản v
các công tác xây dựng chính quyền, mặt trận, quân đội, tài chính...

- Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh
làm Chủ tịch Đảng và đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Ý nghĩa:

- Đại hội đã đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo v
trưởng thành của Đảng ta.

- Việc đưa Đảng ra hoạt động công khai với cương lĩnh chính trị đún
dắn đã tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, tăng cường niền
tin của quần chúng đối với Đảng, có tác dụng thúc đẩy kháng chiến tiến lên
giành những thắng lợi ngày một cao hơn.

3. Củng cố hậu phương và phát triển kháng chiến

Sau chiến dịch Biên giới thu-đông 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân
ta có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Nhu cầu cung cấp về nhân tài, vật lự
cho tiền tuyến ngày càng cao hơn, đòi hỏi không ngừng tăng cường sức mạnh
của hậu phương kháng chiến.

+ Ngày 3-3-1951, đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệ
quốc dân Việt Nam được tổ chức để thành lập mặt trận duy nhất, lấy tên là Mặ
trận Liên Việt. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường.

+ Năm 1952, cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động đ
thực sự trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, lôi cuốn mọi ngành
mọi giới tham gia.

+ Ngày 1-5-1952, Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần th
nhất đã họp tổng kết và biểu dương những thành tích rực rỡ của phong trà
thi đua ái quốc trong những năm qua.

+ Để bồi dưỡng sức dân, năm 1953 Đảng và Chính phủ chủ trương phá
động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất.

+ Công tác đấu tranh kinh tế với địch cũng được chú trọng, nhằm đánh
bại chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của địch.

+ Sự nghiệp văn hóa-giáo dục được chú trọng. Thực hiện cải cách giá
dục năm 1950. Phong trào Bình dân học vụ và Bổ túc văn hóa tiếp tục phá
triển. Công tác vận động vệ sinh phòng dịch, thực hiện đời sống mới ngà
càng lan rộng và ăn sâu trong nhân dân.

4. Quân ta giữ vững, phát triển quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (1951-1953)

- Các lực lượng của ta đã chủ động tiến công địch ở cả Trung du và đồn
bằng Bắc Bộ.

* Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo) (12-1950 đến 1-1951) ta đánh vào khu vực Vĩnh Yên, Phúc Yên tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của địch.

* Chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) (3-1951 đến 4-1951) ta đánh vào hệ thống phòng ngự của địch từ Phả Lại qua Đông Triều đến Quảng Ninh, Hòn Gai, Uông Bí.

* Chiến dịch Quang Trung (Hà Nam Ninh từ tháng 5 đến tháng 6-1951) ta tấn công địch ở Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

* Chiến dịch Hòa Bình:

- Về phía địch: Từ 9 đến 14-11-1951 Đờlát tập trung 20 tiểu đoàn mở chiến dịch Lôtuo ra thị xã Hòa Bình. Địch dùng một bộ phận nhảy dù xuống Chợ Bến, Xuân Mai. Đồng thời cho hai cánh quân bộ thủy theo đường số 6 và sông Đà tiến ra thị xã Hòa Bình.

- Về phía ta: Ta xác định, địch đánh ra Hòa Bình là cơ hội để ta tiêu diệt chúng, vì thế ta quyết định mở chiến dịch Hòa Bình. Các lực lượng của ta đã tiến hành vây hãm và tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. Toàn bộ thị xã Hòa Bình bị bao vây trong "vành đai lửa".

Sau 3 tháng chiến đấu, quân dân ta đã giành được thắng lợi to lớn. Đến 23-2-1952 toàn bộ quân địch đã phải rút chạy khỏi Hòa Bình. Ta tổ chức truy kích và tiêu diệt thêm một bộ phận sinh lực địch.

* Chiến dịch Tây Bắc: Vào tháng 10-1952 ta mở chiến dịch Tây Bắc, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của địch ở Nghĩa Lộ, giải phóng toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu. Đến cuối 12-1952 chiến dịch Tây Bắc kết thúc thắng lợi.

* Chiến dịch Thượng Lào: tháng 4-1953, bộ đội ta phối hợp với quân giải phóng Pathét Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và Phong Xalì, với trên 30 vạn dân. Khu giải phóng Thượng Lào được mở rộng, tình đoàn kết chiến đấu Việt-Lào ngày càng bền vững.

- Nhìn chung, từ sau Biên giới Thu đông 1950 đến 1951 - 1953:

+ Ta đã giành, giữ và phát triển quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

+ Ta tiêu hao thêm nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn.

+ Lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Từ sau chiến dịch Biên giới đế quốc Pháp - Mĩ cố âm mưu và hành động gì?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Âm mưu của đế quốc Pháp - Mĩ:

+ Sau thất bại nặng nề ở mặt trận Biên giới thu - đông 1950, thực dân Pháp lâm vào một thế vô cùng khó khăn, lúng túng. Vì vậy, dù mâu thuẫn với Mĩ, Pháp vẫn dựa vào Mĩ, cầu xin viện trợ của Mĩ để tiếp tục chiến tranh xâm lược.

+ Về phía Mĩ, tích cực giúp Pháp nhằm ràng buộc và từng bước hất cẳng Pháp để độc chiếm Đông Dương làm thuộc địa kiểu mới.

- Hành động để thực hiện âm mưu đó:

Được sự giúp đỡ của Mĩ, tháng 12-1950, Chính phủ Pháp cử Đại tướng Đờlát đơ Tátxinhi sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh kiêm chức Cao ủy Pháp ở Đông Dương, rồi đề ra kế hoạch mới gồm 4 điểm:

+ Gấp rút tập trung quân Âu - Phi, xây dựng một lực lượng cơ động mạnh và ra sức phát triển quân ngụy.

+ Lập tuyến phòng thủ "boong ke" và một "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

+ Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định cho được vùng lấn chiếm.

+ Đánh phá ác liệt căn cứ và hậu phương ta, chuẩn bị tiến công vào vùng tự do để gây thanh thế và giành lại quyền chủ động chiến lược.

Câu 2: Ảnh hưởng của các âm mưu và hành động đó đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Mục tiêu chính của kế hoạch Đờlát là nhằm giữ cho được những vùng đông dân, nhiều của, nhất là đồng bằng Bắc Bộ.

- Kế hoạch của Đờlát đề ra nhằm thực hiện âm mưu tiếp tục chiến tranh, đã gây cho cuộc kháng chiến của ta nhiều khó khăn mới, đặc biệt là ở vùng sau lưng địch:

+ Càn quét khốc liệt làm cho cơ sở của ta bị tổn thất, cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở vùng sau lưng địch bị giảm sút.

+ Hành động triệt phá kinh tế như nghiền nát hoa màu, đốt thóc lúa, bắn chết trâu bò... trực tiếp làm ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống của nhân dân ta ở vùng sau lưng địch và việc tiếp tế cho bộ đội.

+ Sử dụng các thủ đoạn chính trị lừa bịp như tuyên truyền chống cộng, đề cao "độc lập", "quốc gia" giả hiệu... làm ảnh hưởng xấu đến nhân dân ta, làm cho phong trào đấu tranh của ta cũng bị giảm sút.

Câu 3: Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Nội dung của Đại hội nêu lên các vấn đề sau:

+ Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo cáo đã tổng kết những thắng lợi, kinh nghiệm của cách mạng và nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này và những việc cần làm để thực hiện nhiệm vụ đó.

+ Đại hội đã thảo luận và thông qua báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do đồng chí Trường Chinh trình bày, báo cáo đã vạch ra đường lối cụ thể của cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân Việt Nam.

+ Đại hội đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam. Hai nước Lào, Campuchia phải xây dựng ở mỗi nước một Đảng cách mạng riêng cho phù hợp.

+ Đại hội thông qua Tuyên ngôn, Chính cương và Điều lệ mới và quyết định nhiều chính sách cơ bản về công tác xây dựng chính quyền, mặt trận, quân đội, tài chính...

+ Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư.

- Ý nghĩa của Đại hội:

+ Đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta.

+ Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, tạo niềm tin của quần chúng đối với Đảng.

+ Thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày một lớn hơn.

Câu 4: Trong kháng chiến chống Pháp, hậu phương kháng chiến được quan tâm xây dựng như thế nào? Tác dụng của hậu phương đối với cuộc kháng chiến?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Quá trình xây dựng hậu phương trong kháng chiến được thể hiện:

* *Về chính trị:*

+ Ngày 3-3-1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường.

+ Chính quyền dân chủ nhân dân các cấp được kiện toàn, trở thành công cụ động viên toàn dân tham gia kháng chiến, kiến quốc.

* *Về kinh tế:*

+ Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, xây dựng kinh tế trong nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp...

+ Đấu tranh kinh tế với địch để bảo vệ mùa màng.

* *Về bồi dưỡng sức dân*

+ Chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, cải cách ruộng đất.

+ Ngày 1-5-1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I họp đã biểu dương những thành tích rực rỡ của phong trào thi đua ái quốc, cổ vũ tinh thần lao động sáng tạo của nhân dân.

* *Về văn hóa giáo dục:*

+ Thực hiện cải cách giáo dục năm 1950.

+ Phong trào Bình dân học vụ và Bổ túc văn hóa tiếp tục phát triển.

+ Công tác vận động phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan... ngày càng lan rộng và ăn sâu trong nhân dân.

- Tác dụng của hậu phương:

+ "Hậu phương" là nhân tố thường xuyên quyết định đến thắng lợi của chiến trường, trực tiếp góp phần vào thắng lợi trên mặt trận quân sự trong những năm 1951 - 1953; Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

+ Đáp ứng nhu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, đẩy mạnh sự nghiệp quốc phòng, tạo tiền đề (chính quyền, cơ sở kinh tế, văn hóa xã hội) để tiến lên chủ nghĩa xã hội sau này.

Câu 5: Từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân ta luôn giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính như thế nào?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Từ cuối 1950 đến giữa 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào phòng tuyến địch ở trung du và đồng bắc Bắc Bộ:

+ Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo) từ 25-12-1950 đến 17-1-1951, quân ta đánh vào hệ thống phòng ngự của địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên.

+ Chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) từ 20-3 đến 7-4-1951, quân ta tấn công địch từ Phả Lại đến Uông Bí, tiêu diệt 14 vị trí địch.

+ Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung), từ 28-5 đến 20-6-1951, quân ta tấn công địch ở các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

+ Chiến dịch Hòa Bình: Từ ngày 9 đến 14-11-1951, Đờlát tập trung 20 tiểu đoàn mở chiến dịch đánh Hòa Bình. Địch dùng một bộ phận nhảy dù xuống Chợ Bến, Xuân Mai. Đồng thời cho hai cánh quân bộ thủy theo đường số 6 và sông Đà tiến ra thị xã Hòa Bình.

Ta xác định, địch đánh Hòa Bình là cơ hội để ta tiêu diệt chúng, vì thế ta quyết định mở chiến dịch Hòa Bình. Toàn bộ lực lượng địch đến Hòa Bình bị ta bao vây trong "vành đai lửa".

Sau ba tháng chiến đấu, quân ta đã giành được thắng lợi to lớn. Đến 23-2-1952, địch phải rút khỏi Hòa Bình.

+ Chiến dịch Tây Bắc: Vào 14-10-1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của địch ở Nghĩa Lộ, giải phóng Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu. Cuối 12-1952, chiến dịch Tây Bắc thắng lợi.

+ Chiến dịch Thượng Lào: Tháng 4-1953, bộ đội ta phối hợp với bộ đội Pathét Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và Phong Xali.

- Nhìn chung, từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950:

+ Ta giành, giữ và phát triển quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

+ Ta tiêu hao thêm nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn.

+ Lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân.

Câu 6: Vì sao nói giặc Pháp đánh ra Hòa Bình là một cơ hội tốt để cho ta tiêu diệt địch? Kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hòa Bình?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Giặc Pháp đánh ra Hòa Bình là một cơ hội để ta tiêu diệt địch vì:

+ Sau một năm ra sức củng cố thế phòng ngự, tích cực bình định, tăng cường lực lượng và thu được một số kết quả, thực dân Pháp cho rằng đến lúc có thể phản công ta để giành lại quyền chủ động về chiến lược. Chúng đã đánh chiếm Hòa Bình.

+ Để đánh ra Hòa Bình, địch phải rút bớt quân ở vùng đồng bằng là cơ hội tốt để ta đánh địch. Ta vừa cho quân vây hãm, truy kích tiêu diệt địch trên mặt trận

Hòa Bình, vừa đẩy mạnh hoạt động chống phá kế hoạch bình định đồng bằng Bắc Bộ của chúng, thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch.

- Kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Hòa Bình:

+ Kết quả: Tính chung cả mặt trận (chính diện và sau lưng địch), ta đã tiêu diệt 22.000 tên địch; tiêu diệt, bức hàng và bức rút hơn 1.000 đồn bốt, tháp canh. Các căn cứ du kích của ta được mở rộng và nối liền với nhau thành thế liên hoàn vững chắc.

+ Ý nghĩa: Đây là thắng lợi của nghệ thuật chỉ đạo phối hợp chiến đấu giữa mặt trận chính diện và mặt trận sau lưng địch, chiến trường chính với các chiến trường phối hợp, kết hợp giữa vận động chiến với du kích chiến, giữa tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

Câu 7: Hãy nêu những thuận lợi và khó khăn của ta sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950? Để tiếp tục đưa cuộc kháng chiến tiến lên cần phải làm gì?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Những thuận lợi:

+ Sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

+ Bộ đội của ta ngày càng trưởng thành và lớn mạnh.

+ Các nước tiếp tục ủng hộ của kháng chiến của ta.

- Những khó khăn:

+ Thực dân Pháp dựa vào sự viện trợ của Mĩ, ra sức mở các cuộc càn quét gây cho ra những khó khăn nhất định.

+ Những tư tưởng sai lầm của ta nảy sinh trong quá trình kháng chiến.

- Để tiếp tục đưa kháng chiến trên lên cần:

+ Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

+ Phê phán những sai lầm nảy sinh trong quá trình kháng chiến.

+ Xác định nhiệm vụ cụ thể của cách mạng lúc bấy giờ.

Câu 8: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), có quyết định gì mới về Đảng so với các thời kì trước?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

- Đưa Đảng ra hoạt động công khai.

- Mỗi nước ở Đông Dương phải có một Đảng riêng của mình.

Câu 9: So với kế hoạch Rơve, kế hoạch Đờlát dơ Tátxinhi là một bước tiến hay một bước lùi trong cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương? Vì sao?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Kế hoạch Rơve thực hiện trong hoàn cảnh thực dân Pháp bị thất bại trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, khi chúng chủ động tấn công ta. Hệ thống phòng ngự trong kế hoạch Rơve được xây dựng trên Đường số 4 từ Lạng Sơn đến Cao Bằng, gần chiến khu Việt Bắc của ta. Dự kiến của Pháp, sau khi xây dựng hệ thống phòng ngự trên Đường số 4 sẽ tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai để giành thắng lợi quyết định về quân sự.

- Kế hoạch Đờlát đơ Tátxinhi thực hiện trong hoàn cảnh Pháp bị thất bại trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, khi ta chủ động đánh Pháp. Hệ thống phòng ngự của Pháp trong kế hoạch Đờlát chủ yếu xây dựng ở trung du và đồng bằng, xa căn cứ của ta.

Như vậy, so với kế hoạch Rơve, kế hoạch Đờlát đơ Tátxinhi là một bước thụt lùi trong quá trình thực hiện các kế hoạch chiến tranh của Pháp ở Đông Dương. V đây là kế hoạch xây dựng trong thế yếu và thế thua của thực dân Pháp.

Câu 10: Hãy cho biết tên của Đảng ta qua các thời kì cách mạng theo bảng kẻ sau đây. Lúc nào Đảng ta hoạt động công khai, lúc nào hoạt động bí mật?

*** Hướng dẫn tra lời:**

Thời gian	*Tên Đảng ta*
2-3-1930	
10-1930	
2-1951	

*** Hướng dẫn trả lời:**

- 3-2-1930: Đảng Cộng sản Việt Nam. Hoạt động bí mật
- 10-1930: Đảng Cộng sản Đông Dương. Hoạt động bí mật
- 2-1951: Đảng Lao động Việt Nam. Hoạt động công khai.

Câu 11: Hãy nêu ba sự kiện chính trị lớn trong thời kì 1951 - 1953? Sự kiện nào có tính chất quyết định nhất để đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tiến lên giành thắng lợi mới?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Ba sự kiện chính trị lớn nhất:
  + Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2.1951).
  + Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt (3-1951).
  + Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc (5-1952).
- Sự kiện có tính chất quyết định nhất là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.

Câu 12: Sau khi chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta giành những thắng lợi trên mặt trận quân sự. Hãy kể tên các chiến dịch đó và xác định chiến dịch nào là thắng lợi lớn nhất?

*** Hướng dẫn tra lời:**

- Nêu các chiến dịch trong những năm 1951 - 1953:
  + Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo), từ 25-12-1950 đến 17-1-1951
  + Chiến dịch đường số 18 (Hoàng Hoa Thám), từ 30-3 đến 7-4-1951
  + Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung), từ 20-5 đến 20-6-1951
  + Chiến dịch Hòa Bình, từ 10-11-1951 đến 23-2-1952
  + Chiến dịch Tây Bắc, từ tháng 10-1952 đến 12-1952
  + Chiến dịch Thượng Lào vào tháng 4-1953
- Trong các chiến dịch trên, chiến dịch Hòa Bình là những thắng lợi lớn nhất của quân dân ta.

'âu 13: Để thực hiện kế hoạch mới gồm 4 điểm chính của mình, Đờlát đơ 'átxinhi đã làm gì?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Tập trung phần lớn các tiểu đoàn cơ động chiến thuật thuộc lực lượng chiếm óng ở Bắc Bộ, xây dựng, binh đoàn cơ động chiến lược và 4 tiểu đoàn dù.

- Địch xúc tiến xây dựng phòng tuyến "boong ke" ở Bắc Bộ với 113 vị trí, hạy từ Hòn Gai, Đông Triều, Lục Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc, Sơn 'ây, Hà Đông đến Ninh Bình.

- Đẩy mạnh hơn cuộc "chiến tranh tổng lực" ở vùng chiếm đóng, nhất là vùng hâu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.

- Kích động các thổ phỉ dọc biên giới Việt - Trung cấu kết với tàn quân Tưởng iiới Thạch phá hoại hậu phương kháng chiến.

'âu 14: Những người được biểu dương ở Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua oàn quốc:

1. Ai là anh hùng lực lượng vũ trang?
2. Ai là anh hùng công nhân?
3. Ai là anh hùng nông dân?
4. Ai là anh hùng trí thức?

*** Hướng dẫn tra lời:**

1. Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên
2. Ngô Gia Khảm
3. Hoàng Hoanh
4. Trần Đại Nghĩa

Bài 11

CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI

. KIẾN THỨC CẦN NẮM

CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG XUÂN 1953 – 1954 VÀ CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

. Kế hoạch Nava và chiến lược của ta trong đông- xuân 1953-1954

a. Hoàn cảnh ra đời, nội dung của kế hoạch quân sự Nava

** Hoàn cảnh:*

- Sau 8 năm kháng chiến, lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh, thu được hiều thắng lợi trên các mặt trận chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao. Trên ıặt trận quân sự, ta giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường ıính ở Bắc Bộ: mở một loạt chiến dịch Trung du, Đường số 18, Hà Nam Ninh, ·òa Bình, Tây Bắc, đẩy sâu địch vào thế bị động đối phó, lúng túng.

- Thực dân Pháp càng tiếp tục chiến tranh, càng suy yếu và thất bại ặng nề. Đến năm 1953, số quân địch bị thiệt hại là 39.000 tên. Vùng chiếm óng bị thu hẹp, kinh tế, tài chính gặp nhiều khó khăn. Nhân dân thế giới à nhân dân Pháp lên án cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

- Mĩ lợi dụng khó khăn của Pháp ngày càng can thiệp sâu hơn và Đông Dương.

- Trước tình thế đó, Pháp phải dựa vào sự viện trợ của Mĩ để kéo dà chiến tranh, tìm "thắng lợi" trong quân sự và ra đi trong "danh dự". Vì vậy tháng 5-1953 Pháp đã quyết định cử tướng Nava sang làm tổng chỉ huy quâ đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch quân sự của Nava ra đời.

** Nội dung của kế hoạch Nava.*

Kế hoạch quân sự Nava đề ra thực hiện trong 18 tháng và chia làm 2 bước:

+ ***Bước 1:*** (từ Thu Đông 1953 đến Xuân 1954): Chủ yếu phòng ng chiến lược ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược trên chiến trường miề Nam, đồng thời ra sức mở rộng ngụy quân, tập trung binh lực, xây dựng lự lượng cơ động mạnh.

+ ***Bước 2:*** (từ Thu 1954): Chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thự hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quyết định, buộc Việt Nam phả đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng.

Để thực hiện kế hoạch, thực dân Pháp tập trung quân cơ động ở chiế trường Đông Dương gồm 84 tiểu đoàn, trong đó ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiể đoàn, hành động theo khẩu hiệu: "Luôn luôn chủ động, luôn luôn tiến công mở nhiều cuộc hành quân càn quét lớn ở Bắc Bộ, Bình-Trị-Thiên, Nam Bộ bình định, bắt lính, phá hoại vùng tự do của ta, tập kích Lạng Sơn, tấn côn vùng giáp giới Ninh Bình, Thanh Hóa.

b. Chủ trương chiến lược và các cuộc tiến công quân sự của t trong đông xuân 1953 – 1954.

**. Chủ trương chiến lược:*

Trước âm mưu và hành động của địch, vào 9-1953 Bộ Chính trị, TW Đản đã thông qua chủ trương chiến lược của ta trong Đông Xuân 1953 – 1954:

Tập trung lực lượng mở những cuộc tấn công vào những hướng qua trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sin lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với t trên những điểm xung yếu mà chúng không thể bỏ. Do phải phân tán bin lực, mà tạo điều kiện thuận lợi mới cho ta tiêu diệt thêm từng bộ phận củ chúng. Phương châm chiến lược của ta là: tích cực, chủ động, cơ động, lin hoạt, đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, khôn chắc thì kiên quyết không đánh.

** Các cuộc tiến công quân sự (kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản).*

- 11-1953, quân ta tấn công lên thị xã Lai Châu, bao vây Điện Biên Ph Sau 10 ngày, quân ta giải phóng toàn bộ thị xã Lai Châu, tiêu diệt 24 đại đ địch. Nava buộc phải điều 6 tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ lên tăn cường cho Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân th hai của địch (sau đồng bằng Bắc Bộ).

- Đầu tháng 12-1953 cùng với quân dân Pathét Lào, ta tiến công Trun Lào, giải phóng thị xã Thà Khẹt, tỉnh Khăm Muộng, uy hiếp Xênô. Địch phả

liều quân từ Bắc Bộ sang Xênô, biến Xênô thành nơi tập trung quân thứ ba ủa dịch.

- Đầu tháng 2-1954 ta tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên giải phóng Kon Tum, uy hiếp Plâycu, buộc địch phải điều quân lên Nam Tây Nguyên, biến Plâycu trở thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

Cùng thời gian này, ta tấn công sang Thượng Lào. Quân đội nhân dân Việt Nam và quân Pathét Lào đã tấn công quân địch ở Lưu vực sông Nậm Hu, giải phóng Phong Xa Lì, uy hiếp Luông Phrabăng, địch phải tăng cường cho Luông Phrabăng và Mường Sài, biến nơi này thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

Ngoài ra, ta còn đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, phá đường giao thông, sân bay, kho tàng của địch, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta.

Như vậy, kế hoạch tập trung quân cơ động lớn của Nava không thực hiện được do ta tấn công trên nhiều hướng chiến lược khác nhau, địch buộc phải phân tán lực lượng đối phó với ta ở những vùng xung yếu mà chúng ta không thể bỏ. Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.

2. Chiến dịch Điện Biên Phủ (Kế hoạch Nava bị phá sản hoàn toàn):

a. Âm mưu của địch:

Sau khi phát hiện ta tiến lên Tây Bắc ngày 20-11-1953, Pháp cho quân nhảy dù xuống chiếm đóng Điện Biên Phủ. Cả Pháp và Mĩ đều cho rằng Điện Biên Phủ là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất ở Đông Dương, có thể trở thành một căn cứ lục, không quân lợi hại.

Pháp và Mĩ đã tập trung xây dựng Điện Biên Phủ, thành lập một tập đoàn cứ điểm hùng mạnh nhất ở Đông Dương gồm: 49 cứ điểm, 2 sân bay được bố trí thành 3 phân khu:

- Phân khu phía Bắc gồm: Độc Lập, Bản Kéo, Him Lam.
- Phân khu trung tâm: Ở giữa cánh đồng Mường Thanh, nơi đặt cơ quan chỉ huy, có trận địa pháo binh, kho hậu cần, sân bay, tập trung 2-3 lực lượng địch.
- Phân khu phía Nam: gồm một cụm cứ điểm có trận địa pháo binh và sân bay Hồng Cúm.

Tổng số quân địch ở Điện Biên Phủ lên đến 16.200 tên, phần lớn là quân tinh nhuệ ở Đông Dương. Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava. Với cách bố phòng như vậy các tướng tá Pháp, Mĩ đều nhận xét rằng: "Điện Biên Phủ là một pháo đài không thể công phá" "Một con nhím khổng lồ" giữa núi rừng Tây Bắc "một Vécđoong không thể công phá".

b. Chủ trương của ta:

- Khi Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava, vào 6-12-1953 Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ là dễ bị cô lập, chỉ có thể tiếp tế bằng đường không.

+ Quân đội ta ngày càng trưởng thành và đã có kinh nghiệm, có th
đánh địch ở tập đoàn cứ điểm này.

+ Hậu phương của ta đã vững mạnh, có thể khắc phục những kh
khăn, đảm bảo chi viện cho chiến trường.

- Trên cơ sở phân tích tình hình, TW Đảng đã quyết định mở chiến dịc Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành điểm quyết chiến chiến lược giữa t và địch. Với khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng địch ở Điệ Biên Phủ". Đến ngày 25-1-1954 mọi việc chuẩn bị xong bộ đội ta đã đến vị tr xuất phát tiến công với phương châm lúc đầu: "Đánh nhanh giải quyết nhanh".

Nhưng sau khi kiểm tra cân nhắc kĩ các mặt, đại tướng Võ Nguyên Giá quyết định thay đổi phương châm tác chiến: Từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc" nhằm đảm bảo yêu cầu thắng lợi.

c. Diễn biến của chiến dịch:

Chiến dịch trải qua 3 đợt:

Đợt I: (Từ 13-3 đến 17-3-1954): Quân ta tấn công vào Him Lam và toà bộ phân khu phía Bắc (Độc Lập, Bản Kéo) tiêu diệt và bắt sống gần 2000 tê địch, phá huỷ 26 máy bay. Đợt tấn công này đã làm cho tinh thần của bin lính Pháp ở Điện Biên Phủ suy sụp nhanh chóng.

Đợt II: (Từ 30-3 – 26-4-1954) quân ta đồng loạt tấn công vào các c điểm phía Đông khu trung tâm Mường Thanh, như đồi: E_1, C_1, C_2, A_1... Cuộ chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, nhất là ở đồn A_1, C_1. Vòng vây khép chặt dần dần đường tiếp tế bằng hàng không đã bị cắt đứt. Quân địch ở Điện Biê Phủ rơi vào tình thế khốn quẫn.

Đợt III: (Từ ngày 1-5 đến 7-5-1954): Quân ta đồng loạt tấn công vào kh trung tâm Mường Thanh và phân khu phía Nam, lần lượt tiêu diệt các că cứ đề kháng của của địch. Chiều ngày 7-5 quân ta đánh vào sở chỉ huy địch đến 17h30 ngày 7-5 tướng Đờ Cáttơri cùng toàn bộ ban tham mưu của địc đầu hàng và bị bắt sống. Lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" của quân dân t phất phới tung bay trên nóc hầm Đờ Cattơri. Chiến dịch toàn thắng.

d. Kết quả:

- Sau 56 ngày đêm chiến đấu quân ta đã tiêu diệt và bắt sống toàn b quân địch ở Điện Biên Phủ. Gồm 16.200 tên trong đó có 1 tướng, 16 đại tá.

- Hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kĩ thuật của dịch.

- Đập tan kế hoạch quân sự Nava và mọi mưu đồ chiến lược của đế quố Pháp – Mĩ.

e. Ý nghĩa:

- Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất trong lịch sử của cuộc kháng chiế chống Pháp và là một trong những thắng lợi oanh liệt nhất trong lịch s chống ngoại xâm của dân tộc ta.

- Điện Biên Phủ đã tác động đến quá trình diễn biến của Hội ngh Giơnevơ, quyết định việc chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm nức lòng nhân dân thế giới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La-tinh làm lung lay hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

- Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỉ XX và đi vào lịch sử thế giới một chiến công hiển hách đột phá thành trì hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

II. HỘI NGHỊ GIƠNEVƠ VỀ VIỆC LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

1. Hoàn cảnh và diễn biến của Hội nghị

- Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Chính phủ ta đã nêu rõ lập trường của ta là sẵn sàng thương lượng, giải quyết hòa bình ở Việt Nam, nhưng thực dân Pháp ngoan cố tiếp tục chiến tranh xâm lược.

- Cuối năm 1953 đầu 1954 do bị thất bại nặng nề và gặp nhiều khó khăn buộc thực dân Pháp phải thay đổi thái độ, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán.

- Tháng 1-1954, Hội nghị ngoại trưởng các nước Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp tại Béc-lin đã thoả thuận triệu tập Hội nghị quốc tế tại Giơnevơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương.

- Đến ngày 26-4-1954 khi quân ta chuẩn bị mở cuộc tấn công thứ 3 để quyết định số phận của Pháp ở Đông Dương thì Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương chính thức khai mạc. Đến ngày 8-5-1954 phái đoàn ta do Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị.

- Cuộc đấu tranh trong Hội nghị diễn ra căng thẳng, quyết liệt, ta kiên quyết giữ vững lập trường: Độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, được nhân dân thế giới ủng hộ. Đến ngày 21-7-1954 các văn bản của Hội nghị được kí kết.

2. Nội dung của Hiệp định:

- Pháp và các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Camphuchia, không được can thiệp vào nội bộ của ba nước đó.

- Để chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam hai bên thực hiện ngừng bắn, tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời và một khu phi quân sự dọc hai bên giới tuyến.

- Hiệp định cấm đưa vũ khí, quân đội, nhân viên quân sự nước ngoài vào 3 nước Đông Dương, các nước Đông Dương không được tham gia các khối liên minh quân sự, không được để các nước khác dùng lãnh thổ của mình để gây lại chiến tranh hoặc phục vụ mục đích quân sự.

- Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng một cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào 7-1956 dưới sự giám sát của Ủy ban quốc tế gồm Ấn Độ, Canada và Ba Lan. Do Ấn Độ làm chủ tịch.

- Trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơnevơ thuộc về những người kí kết hiệp định và những người kế tục sự nghiệp của họ.

3. Ý nghĩa của Hiệp định:

- Hiệp định là một văn bản pháp lí quốc tế công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương là· độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

- Ghi nhận sự thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của chúng.

- Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ đã kết thúc cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp của nhân dân ta, mở ra một thời đại mới: Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên Chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

- Đây là thắng lợi của sự phối hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

- Hội nghị đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho cuộc đấu tranh ngoại giao về sau.

III. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

1. Nguyên nhân thắng lợi:

- Có sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối kháng chiến: Toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh. Đó là sự vận dụng chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, nên phát huy được sức mạnh tổng hợp của dân tộc.

- Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã đoàn kết một lòng, quyết tâm chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì tự do, với tinh thần: "Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Với tinh thần đó, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ nêu cao truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

- Quán triệt chủ nghĩa Mác – Lê-nin, coi hậu phương là nhân tố quan trọng, quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến. Đảng và Chính phủ đã ra sức xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, cho phép phát huy cao nhất sức người, sức của phục vụ kháng chiến.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp còn là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, sự giúp đỡ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới.

2. Ý nghĩa lịch sử:

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương và quốc tế hóa chiến tranh của đế quốc Mĩ.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, chấm dứt ách

thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ, tạo điều kiện để xoá bỏ chế độ bóc lột của địa chủ phong kiến.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi đã giáng một đòn mạnh mẽ vào hệ thống thực dân, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã chứng minh một chân lí: "Trong thời đại ngày nay, một dân tộc đất không rộng, người không đông, nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, có đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, được sự ủng hộ của quốc tế thì có khả năng đánh bại mọi tên đế quốc".

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Kế hoạch quân sự Nava ra đời trong hoàn cảnh nào? Mục dích và nội dung của kế hoạch đó?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Hoàn cảnh:

+ Sau 8 năm kháng chiến, lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh, thu được nhiều thắng lợi trên các mặt trận chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao.

+ Thực dân Pháp càng tiếp tục chiến tranh, càng suy yếu và thất bại nặng nề.

+ Mĩ lợi dụng khó khăn của Pháp ngày càng can thiệp sâu hơn vào Đông Dương.

+ Trước tình thế đó, Pháp phải dựa vào sự viện trợ của Mĩ để kéo dài chiến tranh, tìm "thắng lợi" trong quân sự và ra đi trong "danh dự". Vì vậy, ngày 7-5-1953, với sự thỏa thuận của Mĩ, Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch quân sự Nava ra đời từ đó.

- Mục đích: Cả Pháp và Mĩ đều nhằm thực hiện kế hoạch để "chuyển bại thành thắng".

- Nội dung: Chia làm 2 bước:

+ *Bước 1* (thu - đông 1953 và xuân 1954): giữ thế phòng ngự chiến lược ở chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở chiến trường miền Nam; ra sức mở rộng ngụy quân, xây dựng một lực lượng cơ động mạnh.

+ *Bước 2* (từ thu 1954): chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng.

Để thực hiện kế hoạch, thực dân Pháp tập trung quân cơ động ở chiến trường Đông Dương gồm 84 tiểu đoàn, trong đó ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn, hành động theo khẩu hiệu: "Luôn luôn chủ động, luôn luôn tiến công", mở nhiều cuộc hành quân càn quét lớn ở Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên, Nam Bộ, Bình Định, giáp giới Ninh Bình, Thanh Hóa.

Câu 2: Tại sao ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ? Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra và thắng lợi như thế nào?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Tại sao?

+ Trước sự phá sản bước đầu trong kế hoạch quân sự Nava, địch quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh ở Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành một

"pháo đài không thể công phá", "một Vecđoong" của thế kỷ XX "một con nhím không lồ" ở rừng núi Tây Bắc. Và biến Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Nava. Vì vậy, muốn kết thúc chiến tranh phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

+ Vào ngày 6-12-1953, Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ là dễ bị cô lập, chỉ tiếp tế được bằng đường không.

+ Quân đội ta đã trưởng thành và có kinh nghiệm có thể đánh địch ở tập đoàn cứ điểm.

+ Hậu phương của ta đã vững mạnh, có thể khắc phục những khó khăn, đảm bảo chi viện cho chiến trường.

Trên cơ sở phân tích tình hình, Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành điểm "Quyết chiến chiến lược giữa ta và địch".

- Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra và thắng lợi như thế nào?

+ Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt:

Đợt 1 (từ 13 đến 17-3-1954): Quân ta tấn công vào Him Lam và toàn bộ phân khu phía Bắc (Độc Lập, Bản Kéo).

Đợt 2 (từ 30-3 đến 26-4-1954): Quân ta đồng loạt tấn công vào các cao điểm phía đông khu trung tâm Mường Thanh. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, nhất là đồn A_1, C_1. Vùng vây khép chặt, dần dần đường tiếp tế bằng hàng không bị cắt đứt.

Đợt 3 (từ 1-5 đến 7-5-1954): Quân ra đồng loạt tấn công vào khu trung tâm Mường Thanh và phân khu phía Nam, chiều ngày 7-5 quân ta đánh vào Sở chỉ huy địch. Đến 7 giờ 30 ngày 7-5 lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" bay lên nóc hầm Đờ Cáttơri. Chiến dịch toàn thắng.

+ Kết quả của chiến dịch: Sau 56 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ gồm 16.200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, cơ sở vật chất kĩ thuật. Đập tan kế hoạch Nava và mọi mưu đồ của đế quốc Pháp - Mĩ.

Câu 3: Âm mưu của Pháp - Mĩ trong việc chiếm đóng, xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Ngày 20-11-1953 thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, khi đến Điện Biên Phủ các tướng tá Pháp - Mĩ thấy rằng, Điện Biên Phủ là một địa bàn rất quan trọng nằm giữa cánh đồng Mường Thanh, xung quanh có núi bao bọc.

- Với vị trí địa lí của Điện Biên Phủ, về lâu dài chúng muốn biến nơi đây thành một căn cứ lục quân và không quân có tác dụng lợi hại trong âm mưu xâm lược Đông Nam Á.

- Để thực hiện ý đồ đó, Pháp cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh gồm 49 cụm cứ điểm được chia thành 3 phân khu: Phân khu phía Bắc, phân khu trung tâm Mường Thanh và phân khu Hồng Cúm về phía Nam.

- Với cách bố phòng như vậy, các tướng tá của Pháp - Mỹ đều chủ quan cho rằng Điện Biên Phủ là một "pháo đài không thể công phá", một "Vecđoong" của

thế kỷ XX, một "con nhím khổng lồ" của núi rừng Tây Bắc và từ đó chúng ngạo mạn tuyên bố rằng: Nếu bộ đội ta đánh lên Điện Biên Phủ sẽ không tránh khỏi bị nghiền nát.

Câu 4: Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- ***Nguyên nhân:***

+ Có sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối kháng chiến " *Toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh*"

+ Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã đoàn kết một lòng, quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do, với tinh thần: "Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

+ Nhờ ra sức xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh về mọi mặt, cho phép phát huy cao nhất sức người, sức của phục vụ kháng chiến.

+ Đó còn là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu của quân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

+ Là thắng lợi của sự giúp đỡ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ toàn thế giới, trong đó có nhân dân Pháp.

- ***Ý nghĩa lịch sử:***

+ Buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương và quốc tế hóa chiến tranh của đế quốc Mĩ.

+ Đã bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

+ Đã giáng một đòn mạnh mẽ vào hệ thống thực dân, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

+ Đã chứng minh một chân lí của thời đại.

Câu 5: Trước những âm mưu và hành động mới của Pháp - Mĩ, Đảng ta đề ra chủ trương như thế nào trong Đông - Xuân 1953 - 1954?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Phương hướng chiến lược:

Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai. Buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó với ta ở những vùng xung yếu mà chúng không thể bỏ. Tạo cho ta có những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch.

- Phương châm tác chiến:

Tích cực chủ động, cơ động linh hoạt, đánh chắc, tiến chắc.

Câu 6: Những sự kiện nào chứng tỏ chủ trương chiến lược của Đảng ta trong Đông - Xuân 1953 -1954 là đúng đắn?

*** Hướng dẫn trả lời:**

- Những thắng lợi đầu tiên: Tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng 2 thị xã, 2 tỉnh, buộc địch phải phân tán thành 5 nơi tập trung quân, kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.

- Khi địch biến Điện Biên Phủ thành trung tâm của kế hoạch Nava, ta quyết định tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ, chiến dịch thắng lợi rực rỡ.

- Tất cả điều đó chứng tỏ sự đúng đắn của phương hướng chiến lược trong Đông - Xuân 1953- 1954 của Đảng ta.

Câu 7: Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava?

*** Hướng dẫn trả lời:**

+ Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất Đông Dương.

+ Điện Biên Phủ cách xa hậu phương của ta.

+ Thực dân Pháp cho rằng bộ đội chủ lực của ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ.

Câu 8: Dựa vào các câu thơ sau đây của Tố Hữu, phân tích vai trò của chiến thắng Điện Biên Phủ với Hội nghị ngoại giao ở Giơnevơ:

"Anh Phạm Văn Đồng!
Ở đó chắc đêm nay không ngủ
Tin đây anh, Điện Biên Phủ hoàn thành"

**** Hướng dẫn trả lời:***

+ Ngày 26-4-1954, khi ta giành thắng lợi trong đợt tấn công thứ hai vào Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương được khai mạc.

+ Ngày 5-8-1954, phái đoàn của ta do Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị. Cuộc đấu tranh trong Hội nghị diễn ra căng thẳng, quyết liệt, ta kiên quyết giữ vững lập trường: độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Với thắng lợi quyết định của ta ở Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải chấp nhận kí kết Hiệp định Giơnevơ vào 21-7-1954, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương.

Câu 9: Nêu điểm khác nhau cơ bản giữa Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) với Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954) để thấy bước tiến của ta trong đấu tranh ngoại giao?

*** Hướng dẫn trả lời:**

+ Điểm khác nhau cơ bản: Hiệp định sơ bộ (6-3-1946), chính phủ Pháp công nhận nước ta là một quốc gia tự do, nằm trong Liên hiệp Pháp và trong liên bang Đông Dương. Còn trong Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954), Pháp và các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ba nước Đông Dương.

+ Trong lúc kí Hiệp định sơ bộ do ta còn yếu hơn địch nên ta phải chấp nhận điều khoản đó. Đây là sách lược mềm dẻo để phân hoá kẻ thù. Còn trong khi kí Hiệp định Giơnevơ ta đã giành được thắng lợi quyết định ở Điện Biên Phủ, quyết định sự thất bại của thực dân Pháp ở Đông Dương.

+ So với Hiệp định sơ bộ, Hiệp định Giơnevơ là một bước tiến vượt bậc trong đấu tranh ngoại giao của ta.

Câu 10: Hãy trình bày mối quan hệ giữa chiến thắng Điện Biên Phủ với Hội nghị Giơnevơ?

Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hội nghị Giơnevơ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Đây là sự phối hợp giữa hai cuộc đấu tranh quân sự và ngoại giao.

Thắng lợi của Điện Biên Phủ có tác dụng quyết định đối với thắng lợi trên bàn đàm phán ở Hội nghị Giơnevơ. Thắng lợi ở Điện Biên Phủ đã đập tan mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp, buộc chúng phải kí kết Hiệp định Giơnevơ và chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

Việc kí kết Hiệp định Giơnevơ là biểu hiện ý chí hòa bình của ta. Ý chí hòa bình đó phải được thực hiện thông qua việc giành độc lập dân tộc. Thắng lợi ở Điện Biên Phủ trên thực tế ta đã giành được độc lập, qua việc kí Hiệp định Giơnevơ ta buộc Pháp phải công nhận nền độc lập ấy. Hiệp định Giơnevơ là cơ sở pháp lí để các nước công nhận độc lập chủ quyền của ta.

Thắng lợi ở Điện Biên Phủ và thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mĩ, mở ra một giai đoạn mới cho cách mang Việt Nam.

Câu 11: Trong đợt tấn đầu tiên của quân ta ở đồi Him Lam, ai là người lấy thân mình lấp lỗ châu mai? Hãy kể lại tấm gương hi sinh anh dũng của họ?

*** Hướng dẫn trả lời:**

+ Trong cuộc tấn công đầu tiên của quân ta vào đồi Him Lam, anh hùng Phan Đình Giót đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai của địch.

+ Tấm gương hi sinh của anh hùng Phan Đình Giót: "*Ngày 13-3, quân ta tấn công Him Lam. Sau một đợt pháo bắn yểm hộ, bộ binh ta tiến lên chiếm các cứ điểm. Đại đội bộc phá của anh hùng Phan Đình Giót được lệnh tiến lên trước. Địch bắn ráo riết, tuy bị thương vong nhiều nhưng các chiến sĩ bộc phá vẫn tiến và phá được 4 hàng rào, một mảng lô cốt số 1. Anh Giót đã bị thương song lô cốt 3 vẫn phụt lửa như mưa, ngăn bước tiến của đồng đội. Anh quyết định bò lên dưới làn mưa đạn, đến tận chân tường lô cốt 3, rồi nhồm lên áp chặt lưng vào lỗ châu mai. Hoả lực của địch tắt hẳn, xung kích của ta ào ạt xông lên. Nửa giờ sau lá cờ chiến thắng của ta phất cao trên cứ điểm Him Lam...*"

NIÊN ĐẠI - SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1945 – 1954)

- 3-9-1945: Hội đồng Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách trước mắt phải làm ngay, nhằm xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng vừa giành được.

- 23-9-1945: Thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, nhân dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ đứng lên đánh Pháp, tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược.

- 25-11-1945: Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị "kháng chiến kiến quốc".

- 6-1-1946: Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 tổ chức trong cả nước.

- 2-3-1946: Quốc hội khóa I họp kì đầu tiên thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp chính thức do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

- 6-3-1946: Hiệp định sơ bộ về Việt Nam kí kết tại Hà Nội giữa đại diện hai Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Cộng hoà Pháp.

- 29-5-1946: Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) được thành lập.

- 31-5 đến 20-10-1946: Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm nước Pháp với tư cách thượng khách của Chính phủ Pháp.

- 7-1946: Đảng Xã hội Việt Nam thành lập và tham gia Hội Liên Việt.

- 14-9-1946: Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện chính của Pháp Tạm ước tại Pari.

- 9-11-1946: Kì họp thứ 2 Quốc hội khóa I thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- 18 – 19-12-1946: Trả lời tối hậu thư ngày 18-12 của Pháp buộc ta đầu hàng, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở thị xã Hà Đông dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã quyết định toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

- 19-12-1946: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", và cuộc kháng toàn quốc bùng nổ vào lúc 20 giờ ngày 19-12 ở Hà Nội.

- 19-12-1946 đến 17-2-1947: Hà Nội và các đô thị phía Bắc (vĩ tuyến 16 trở ra) chiến đấu mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

- 7-10 đến 19-12-1947: Chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947.

- 14-1-1950: Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước.... Sau lời tuyên bố đó, có nhiều nước công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Trung Quốc (18-1-1950) Liên Xô (30-1)...

- 16-9 đến 22-10-1950: Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

- 11 đến 19-2-1951: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang) là "Đại hội kháng chiến thắng lợi". Đại hội đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam, bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng.

- 3-3-1951: Đại biểu Việt Minh và Hội Liên Việt họp Đại hội thống nhất thành một mặt trận duy nhất lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt).

- 13-3 đến 7-5-1954: Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

- 8-5 đến 21-7-1954: Hội nghị quốc tế Giơnevơ (họp 26-4) bàn giải pháp chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

- 21-7-1954: Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

- 10-10-1954: Quân đội xâm lược Pháp rút khỏi Hà Nội, cùng ngày quân đội Việt Nam tiến vào tiếp quản thủ đô.

Chương V

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

Bài 12

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI (1954-1975)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

1. Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nước ta đứng trước tình hình mới. Đất nước tạm thời chia cắt hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau:

* ***Miền Bắc:*** Sau khi tiếp quản thành phố, chặn đứng các âm mưu phá hoại của đế quốc Mĩ và tay sai, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động đã khẩn trương hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế và bước đầu phát triển văn hóa, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

* ***Miền Nam:*** Lợi dụng sự thất bại của Pháp, đế quốc Mĩ đã nhảy vào Miền Nam, đưa tập đoàn phản động Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền, hất cẳng Pháp và tập trung tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam với ý đồ chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ. Vì vậy, đồng bào miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai.

Trước bước ngoặt quan trọng của cách mạng, Đảng ta kịp thời đề ra đường lối chiến lược phù hợp để lãnh đạo nhân dân cả nước tiến lên giành thắng lợi mới. Đường lối chiến lược này được cụ thể hóa và hoàn thiện ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng.

2. Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong thời kì mới

* ***Miền Bắc:*** Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm cải tạo về căn bản cơ cấu kinh tế – xã hội, xây dựng chế độ xã hội mới, nền kinh tế văn hóa và con người mới xã hội chủ nghĩa, đủ sức làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam.

* ***Miền Nam:*** Tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ ách thống trị của bè lũ đế quốc Mĩ và tay sai để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Tuy thực hiện hai nhiệm vụ khác nhau, nhưng nhiệm vụ cách mạng của hai miền có mối quan hệ khăng khít và tác động thường xuyên lẫn nhau vì:

+ Đều thực hiện mục tiêu chung là tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà:

+ Đều đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng.

+ Đều được tiến hành bằng sức mạnh của quần chúng, cách mạng đã được cố kết trong đấu tranh lâu dài chống ngoại xâm của dân tộc và quyết tâm theo Đảng mấy chục năm qua.

Trong mối quan hệ đó, cách mạng mỗi miền có vị trí quan trọng của mình:

- Miền Bắc đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển cách mạng cả nước.
- Miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với việc đánh bại đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai, góp phần bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước.

Như vậy "Một Đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm thời bị chia cắt làm đôi; tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau đó là đặc điểm lớn nhất và cũng là nét độc đáo của cách mạng nước ta".

Nhận thức đúng đặc điểm này, Đảng ta đã đề ra và lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện đường lối: Kết hợp, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta tới thắng lợi vẻ vang.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Mĩ – Diệm đã có những âm mưu và hành động phá hoại Hiệp định Gơnevơ như thế nào?

- Đế quốc Mĩ có âm mưu xâm lược nước ta từ lâu. Sau khi thất bại trong việc dùng quân Tưởng để phá hoại cách mạng Việt Nam (1945 – 1946) Mĩ quay sang giúp Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, ngày càng can thiệp sâu vào Đông Dương và Việt Nam để dần dần hất cẳng Pháp khỏi Đông Dương. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được kí kết, Mĩ càng tỏ ra ngoan cố và trắng trợn thực hiện âm mưu đó.

- Do vị trí chiến lược quan trọng của Việt Nam, Mĩ âm mưu xâm lược Việt Nam, trước hết là miền Nam nhằm thực hiện 3 mục tiêu cơ bản:

+ Biến miền Nam Việt Nam thành một thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mĩ, tiêu diệt phong trào cách mạng nước ta, chặn đứng phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới.

+ Biến miền Nam thành căn cứ quân sự của Mĩ, làm bàn đạp tấn công hệ thống xã hội chủ nghĩa và cách mạng thế giới.

+ Lập phòng tuyến ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa Cộng sản ở Đông Nam Á mà chúng gọi là "đắp đê ngăn làn sóng đỏ".

Cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam của Mĩ là một bộ phận quan trọng trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng.

- Để thực hiện âm mưu đó, đế quốc Mĩ áp dụng những thủ đoạn thâm độc của chủ nghĩa thực dân mới.

*** Về chính trị:**

+ Hất cẳng Pháp, độc chiếm miền Nam và thiết lập bộ máy chính quyền tay sai.

+ Phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tiến hành tuyển cử riêng lẻ để lập ra một cách trái phép chính quyền tay sai thông qua đó dùng đô la và hệ thống cố vấn Mĩ để thống trị miền Nam Việt Nam.

*** Về quân sự:** Liên tiếp đưa các phái đoàn cố vấn và nhân viên quân sự Mĩ vào miền Nam, trực tiếp xây dựng, trang bị và huấn luyện quân nguy, thiết lập bộ máy kìm kẹp, nhà tù, đồn bốt khắp miền Nam.

*** Về kinh tế:** Đưa hàng hoá ế thừa vào miền Nam Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa Mĩ. Lũng đoạn nền kinh tế miền Nam, biến kinh tế miền Nam lệ thuộc vào kinh tế Mĩ.

*** Về văn hóa – xã hội:** Du nhập lối sống tha hóa đồi trụy kiểu Mĩ vào miền Nam, đầu độc thanh niên miền Nam.

Những thủ đoạn của Mĩ rất thâm độc và toàn diện, có sự kết hợp chặt chẽ giữa lừa bịp, mua chuộc với khủng bố đàn áp và những thủ đoạn xâm lược thực dân kiểu mới điển hình.

Câu 2: Cách mạng từng miền Bắc – Nam có yêu cầu, nhiệm vụ gì? Giữa hai miền có mối quan hệ như thế nào?

*** Miền Bắc:** Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm cải tạo về căn bản cơ cấu kinh tế – xã hội, xây dựng chế độ xã hội mới, nền kinh tế văn hóa và con người mới xã hội chủ nghĩa, đủ sức làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam.

*** Miền Nam:** Tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ ách thống trị của bè lũ đế quốc Mĩ và tay sai để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Tuy thực hiện hai nhiệm vụ khác nhau, nhưng nhiệm vụ cách mạng của hai miền có mối quan hệ khăng khít và tác động thường xuyên lẫn nhau. Miền Bắc là hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam, miền Nam tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc để đi đến thống nhất đất nước. Hai miền có mối quan hệ khăng khít với nhau vì:

+ Đều thực hiện mục tiêu chung là tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

+ Đều dặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng.

+ Đều được tiến hành bằng sức mạnh của quần chúng, cách mạng đã được cố kết trong đấu tranh lâu dài chống ngoại xâm của dân tộc và quyết tâm theo Đảng mấy chục năm qua.

Trong mối quan hệ đó, cách mạng mỗi miền có vị trí quan trọng của mình:

+ Miền Bắc đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển cách mạng cả nước.

+ Miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với việc đánh bại đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai, góp phần bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước.

Như vậy "Một Đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm thời bị chia cắt làm đôi, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau đó là đặc điểm lớn nhất và cũng là nét độc đáo của cách mạng nước ta".

Nhận thức đúng đặc điểm này, Đảng ta đã đề ra và lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện đường lối: Kết hợp, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta tới thắng lợi vẻ vang.

Câu 3: Tại sao Đảng ta chủ trương tiến hành đồng thời ở hai miền Bắc – Nam hai chiến lược cách mạng khác nhau trong thời kì 1954 - 1975? Nội dung và ý nghĩa của chủ trương đó?

- Xuất phát từ đặc điểm cách mạng trong tình hình đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, cách mạng ở mỗi miền có yêu cầu riêng, vì vậy Đảng đề ra chủ trương trên.

- Nội dung của chủ trương đó là: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Mỗi chiến lược có những nhiệm vụ cụ thể:

+ Xây dựng đất nước trở thành nước mạnh, dân giàu, bảo vệ Tổ quốc trong thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

+ Chống đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc, giành tự do cho nhân dân trong thời kì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng miền Nam.

- *Ý nghĩa của những chủ trương đó*: Chủ trương sát hợp và đúng đắn với hoàn cảnh từng miền, vì vậy có tác dụng thúc đẩy cách mạng mỗi miền phát triển. Chủ trương đó đã phát huy được khả năng cách mạng ở mỗi miền và sức mạnh tổng hợp của cách mạng hai miền trong cuộc đấu tranh chung.

Bài 13

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM (1954-1965)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I- MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Thực trạng kinh tế – xã hội miền Bắc sau 1954

- Miền Bắc được giải phóng nhưng phải chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh và chế độ thực dân phong kiến.

+ Ở nông thôn, nhiều ruộng đất bị bỏ hoang, đê đập bị phá hoại, trâu bò bị giết hại, kĩ thuật canh tác lạc hậu, đời sống nhân dân thấp kém.

+ Ở thành phố, sản xuất chỉ chiếm vị trí thứ yếu, cơ sở kinh tế nhỏ bé. Nhiều nhà máy, xí nghiệp bị tháo gỡ hoặc bị phá hoại. Công nhân bị thất nghiệp, đời sống khó khăn.

+ Ở các vùng tự do, tuy công nghiệp và nông nghiệp được chú ý, nhưng quy mô vẫn rất nhỏ bé, kĩ thuật còn lạc hậu.

2. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất (1954-1957)

Trong hơn 2 năm (1954 – 1956) miền Bắc tiến hành 4 đợt cải cách ruộng đất.

Tính chung toàn bộ 5 đợt (1 đợt vào năm 1953), cách mạng đã lấy được từ địa chủ hơn 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 2 triệu nông cụ đem chia cho nông dân nghèo, thực hiện triệt để khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Nông dân được hoàn toàn giải phóng trở thành người chủ ở nông thôn.

Trong thực hiện cải cách ruộng đất, đã phạm một số sai lầm: đấu tố tràn lan, thiếu phân biệt đối xử, đấu tố cả địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, quy nhầm thành địa chủ một số nông dân, cán bộ, đảng viên.

Đảng ta tiến hành sửa sai trong suốt năm 1957 nhờ đó hạn chế bớt hậu quả sai lầm.

3. Công cuộc khôi phục kinh tế

Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh là nhiệm vụ tất yếu trong thời kì đầu sau chiến tranh, được thực hiện trong tất cả các ngành kinh tế.

Trong nông nghiệp: Khai khẩn ruộng đất hoang, cày cấy hết diện tích, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm nông cụ, sửa chữa hệ thống đê điều.

Đến cuối năm 1957 sản lượng nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh. Giải quyết căn bản nạn đói kinh niên ở miền Bắc.

Trong công nghiệp: Khôi phục và mở rộng các cơ sở sản xuất, xây dựng thêm một số nhà máy mới.

Đến cuối năm 1957 có 97 xí nghiệp do Nhà nước quản lí.

Trong giao thông vận tải: Khôi phục 700km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng ngàn Km đường ô tô, xây dựng và mở rộng thêm nhiều cảng, khai thông đường hàng không dân dụng quốc tế.

Các ngành thủ công nghiệp, thương nghiệp nhanh chóng phục hồi, sản xuất thêm nhiều hàng tiêu dùng, đảm bảo cho nhu cầu tối thiểu của đời sống, giải quyết phần nào việc làm cho người lao động.

3. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế văn hóa (1958 - 1960)

a. Cải tạo xã hội chủ nghĩa:

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh. Khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp.

Khắp miền Bắc sôi nổi vận động xây dựng hợp tác xã. Đến cuối năm 1960 có 85% hộ nông dân, 68% diện tích đất gia nhập vào hợp tác xã nông nghiệp, 87,9% thợ thủ công, 45% số người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã, hơn 97% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh, một bộ phận người buôn bán nhỏ chuyển sang sản xuất hoặc trở thành mậu dịch viên.

Kết quả đạt được trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất, bảo đảm được những điều kiện vật chất, tinh thần, chính trị cho bộ phận tham gia chiến đấu, phục vụ cho chiến đấu.

Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đã phạm một số sai lầm: Đồng nhất cải tạo với xoá bỏ, xoá bỏ vội vàng nhanh chóng. Không thực hiện đầy đủ nguyên tắc tự nguyện nên không phát huy được tính chủ động sáng tạo của quần chúng, không tạo được động lực mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển năng động của nền kinh tế, xã hội.

b. Bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa:

Đồng thời với cải tạo, miền Bắc thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy sản xuất nông nghiệp làm khâu chính, chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề lương thực. Chú trọng phát triển công nghiệp, tăng thêm các tư liệu sản xuất và giải quyết phần lớn hàng tiêu dùng.

Trong phát triển kinh tế, trọng tâm là kinh tế quốc doanh. Đến năm 1960 có 172 xí nghiệp do Nhà nước quản lí, hơn 500 xí nghiệp công nghiệp địa phương. Tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh từ 10,8 (1955) tăng lên 52,4 (1960).

Về giáo dục, đến cuối 1960, miền Bắc căn bản xoá xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người dưới 50 tuổi. Số học sinh phổ thông tăng 80% so với năm 1957. Miền Bắc có 9 trường Đại học với 11.000 sinh viên. Đời sống văn hóa của nhân dân lao động được nâng lên, công tác vệ sinh phòng dịch có tiến bộ.

II. MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ – DIỆM, CỦNG CỐ HÒA BÌNH TIẾN TỚI CUỘC "ĐỒNG KHỞI" (1959-1960)

1. Chế độ Mĩ – Diệm ở miền Nam Việt Nam

Thất bại trong âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh ở Đông Dương, đế quốc Mĩ thực hiện "lấp chỗ trống " ở miền Nam Việt Nam.

Tướng Côlin được cử làm đại sứ Mĩ ở miền Nam mang theo kế hoạch gồm 6 điểm:

- Hất cẳng Pháp và các lực lượng thân Pháp để độc chiếm miền Nam.
- Tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại Hiệp định Giơnevơ, chia cắt miền Nam.
- Giúp Diệm xây dựng chính quyền "hợp pháp" đứng được trên thế ba chân chính trị, kinh tế, quân sự.
- Giúp Diệm xây dựng "quân đội quốc gia" gồm cả về trang bị và huấn luyện.
- Thực hiện nhiều cải cách kinh tế nhằm biến miền Nam thành thị trường tiêu thụ.
- Dành ưu tiên cho hàng hóa và vốn đầu tư của Mĩ vào phát triển kinh tế miền Nam.

Thông qua chính quyền và quân đội tay sai, Mĩ thực hiện âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, dùng miền Nam làm bàn đạp tiến công miền Bắc, ngăn chặn làn sóng cách mạng ở Đông Nam Á.

Về phía Diệm, giữa năm 1954 Diệm lập ra "Đảng cần lao nhân vị". Cuối năm 1954, chúng tổ chức "Phong trào cách mạng quốc gia" với nội dung nhằm "chống cộng" "đả thực" "bài phong".

Từ năm 1955, tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch "tố cộng" "diệt cộng " trên toàn miền Nam và coi đây là "quốc sách". Chúng tổ chức hàng loạt cuộc vây bắt, tàn sát, bỏ tù những người kháng chiến cũ. Với phương châm tiêu diệt cộng sản không thương tiếc, "thà giết nhầm còn hơn bỏ sót", Mĩ – Diệm dùng hình thức giết người man rợ thời trung cổ.

Mĩ – Diệm còn thi hành chương trình "cải cách điền địa" nhằm lấy lại ruộng đất mà cách mạng giao cho nông dân.

Bản chất của Mĩ – Diệm còn lộ rõ trong hàng loạt hành động chống nhân dân. Tiêu biểu là vụ ám sát ở Chợ Được (Quảng Nam) làm 39 người chết, 37 người bị thương vào ngày 4-9-1954; vụ trả thù những người kháng chiến cũ ở xã Vĩnh Trinh (Duy Xuyên, Quảng Nam); vụ triệt hạ ở Hương Điền (Quảng Trị); vụ đầu độc một lúc 6000 người ở Phú Lợi (Sài Gòn).

2. Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, củng cố hòa bình

- Mở đầu là phong trào hòa bình của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn nổ ra vào 8-1954. Quần chúng đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, hội họp để chào mừng ngày hội của đất nước, yêu cầu Mĩ – Diệm thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ.

- Năm 1955 - 1956 đã liên tục nổ ra những cuộc đấu tranh sôi nổi, rầm rộ và đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đòi thống nhất đất nước, chống các trò hề "Trưng cầu dân ý" và "bầu cử Quốc hội" của Ngô Đình Diệm, đòi các quyền tự do dân chủ, chống "cải cách điền địa" giả hiệu, bảo vệ những quyền lợi do cách mạng đem lại. Ngày 1-5-1956 có 15 vạn công nhân và nhân dân Sài Gòn mít tinh, biểu tình. Ngày 1-5-1957 hơn 50 vạn công nhân, nhân dân lao động miền Nam đấu tranh kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động.

- Từ cuối 1957 trở đi cuộc đấu tranh trở nên vô cùng quyết liệt, chống các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" và đạo luật 10/59 của Mĩ – Diệm. Không chỉ đấu tranh chính trị đơn thuần, đồng bào ta ở miền Nam bước đầu dùng hình thức đấu tranh vũ trang để giữ gìn và phát triển phong trào.

- Cuối năm 1959, một số cuộc khởi nghĩa từng phần đã nổ ra ở nhiều nơi theo đường lối cách mạng bạo lực mà Đảng đã vạch ra trong Nghị quyết 15, mở đầu là cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng (8-1959). Sang đầu 1960 phong trào "Đồng khởi" phát triển rầm rộ khắp nông thôn miền Nam mà lá cờ đầu là Bến Tre (17-1-1960). Cuộc "Đồng khởi" vĩ đại bằng lực lượng chính trị quần chúng là chủ yếu đã dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) và làm phá sản hoàn toàn chính sách đàn áp khủng bố mang tính chất "chiến tranh một phía" của đế quốc Mĩ.

Như vậy, từ năm 1954 đến 1960 cách mạng miền Nam phát triển từ chỗ chỉ dùng đấu tranh chính trị lên đến đấu tranh chính trị có đấu tranh vũ trang hỗ trợ, với cuộc "Đồng khởi" 1960 cách mạng đã phát triển thành cao trào, giành kết quả hết sức to lớn.

Quá trình đấu tranh cách mạng 1954 – 1960 chứng tỏ sự nhạy bén, sáng suốt của Đảng, bản lĩnh cách mạng kiên cường của quần chúng miền Nam và sự dự báo về thắng lợi hoàn toàn là tất yếu của sự nghiệp chống Mĩ cứu nước.

3. Phong trào "Đồng khởi" 1959-1960

a. Nguyên nhân:

- Đế quốc Mĩ xâm lược miền Nam, chà đạp trắng trợn lên nguyện vọng hoà bình thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta, xâm phạm thô bạo độc lập tự do của Tổ quốc ta làm cho trong xã hội miền Nam xuất hiện hai mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn toàn thể nhân dân miền Nam với đế quốc Mĩ và tay sai. Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam (nhất là nông dân) với bọn địa chủ phong kiến.

Trước phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân miền Nam, Mĩ – Diệm ngày càng mở rộng chiến dịch "Tố cộng" "Diệt cộng", tăng cường đàn áp khủng bố thông qua Luật 10-59, lê máy chém khắp miền Nam, giết hại hàng loạt người vô tội với khẩu hiệu: "Thà bắn nhầm hơn bỏ sót".

- Chính sách cai trị của Mĩ - Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề, nhiều cơ sở cách mạng bị tan vỡ, nhiều cán bộ Đảng viên bị bắt, bị giam cầm và giết hại. Tình hình đó càng làm cho phong trào đấu tranh ngày càng lên cao, trở thành một cơn bão táp cách mạng.

- Đáp ứng yêu cầu của phong trào quần chúng, Hội nghị TW Đảng lần thứ 15 (tháng 1-1959) đã xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là: Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang để đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.

Hệ quả của những nguyên nhân sâu xa và trực tiếp nói trên là sự bùng nổ phong trào Đồng khởi 1959 – 1960.

b. Diễn biến của phong trào:

- Được Nghị quyết 15 của Đảng soi sáng, phong trào nổ ra lẻ tẻ ở một số địa phương:

+ Cuộc nổi dậy của 3.000 đồng bào ở Bắc Ái (Ninh Thuận) vào 2-1959.

+ Cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) vào 8-1959 nhân dân đã nổi dậy đập tan chính quyền địch, xây dựng chính quyền cách mạng dưới hình thức Ủy ban nhân dân tự quản. Từ Trà Bồng phong trào lan rộng ra các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ.

- Phong trào lan rộng khắp miền Nam, thành một cao trào Đồng khởi, tiêu biểu nhất là cuộc nổi dậy ở Bến Tre vào 17-1-1960.

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh uỷ Bến Tre, nhân dân các xã Định Thuỷ, Phước Hiệp, Bình Chánh thuộc huyện Mỏ Cày cùng với gậy gộc, giáo mác, tầm vông... đã đồng loạt nổi dậy giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng. Cuộc nổi dậy đã nhanh chóng lan rộng khắp huyện Mỏ Cày và toàn tỉnh Bến Tre.

Từ Bến Tre phong trào như nước vỡ bờ lan rộng khắp Nam Bộ Tây Nguyên và Trung Trung Bộ.

c. Kết quả:

- "Đồng khởi" đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị và hệ thống kìm kẹp của địch ở các thôn xã: 600 xã ở Nam Bộ; 904 thôn ở Trung Bộ; 3200 thôn ở Tây Nguyên. Làm lung lay tận gốc chính quyền Mĩ - Diệm, đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ.

- Từ "Đồng khởi" lực lượng vũ trang nhân dân được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị của tập hợp đông đảo hơn.

- Ở các vùng mới giải phóng, Ủy ban nhân dân tự quản đã tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ gian ác chia cho dân cày nghèo.

- Thành quả lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" đánh dấu bằng sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) tại Tân Lập – Châu Thành – Tây Ninh. Mặt trận là người đại diện chân chính cho nhân dân miền Nam với chủ trương đoàn kết tất cả các dân tộc, giai cấp, đảng phái nhằm đánh đổ đế quốc Mĩ và tay sai.

- "Đồng khởi" làm phá sản hoàn toàn chiến tranh một phía của đế quốc Mĩ, đưa cách mạng miền Nam từ giữ gìn lực lượng sang thế tấn công liên tục bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

d. Ý nghĩa:

Phong trào "Đồng khởi" bùng nổ và thắng lợi khẳng định sự độc lập tự chủ của Đảng ta trong việc vạch ra đường lối cách mạng. Nó chứng minh rằng đường lối cách mạng bạo lực của Đảng ta hết sức sáng suốt, kịp thời, phù hợp với yêu cầu lịch sử và nguyện vọng của quần chúng.

Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" ca ngợi sức mạnh quật khởi vô cùng to lớn của nhân dân miền Nam được Đảng lãnh đạo.

"Đồng khởi" là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của cách mạng miền Nam, tạo nên tiền đề hết sức quan trọng trong sự phát triển của cách mạng trong những giai đoạn tiếp theo trong thế tiến công liên tục và ngày càng mở rộng.

III. ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG, MIỀN BẮC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 – 1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam

a. Hoàn cảnh lịch sử:

- Thế giới:

Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã hình thành và ngày càng phát triển; phong trào giải phóng dân tộc lên cao ở khắp châu Á, châu Phi, châu Mĩ La tinh; phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ và tiến bộ xã hội lên cao ở các nước tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, chủ nghĩa đế quốc do Mĩ cầm đầu đang ra sức thực hiện âm mưu ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, chĩa mũi nhọn vào nơi nào có phong trào cách mạng và chống đế quốc triệt để.

- Trong nước:

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, nước ta tạm thời chia cắt làm hai miền, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và đã giành được những thắng lợi to lớn trong thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế. Miền Nam còn đế quốc Mĩ và tay sai, nên tiếp tục làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có bước chuyển biến nhảy vọt từ "Đồng khởi" cuối năm 1959 đầu năm 1960.

Từ chỗ lãnh đạo nhân dân cả nước làm nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, lúc này Đảng phải lãnh đạo nhân dân hai miền Nam - Bắc thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng phải Đại hội để củng cố lại tổ chức, sắp xếp lại lực lượng và đề ra đường lối cách mạng cho cả nước cũng như cho mỗi miền.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 12 - 9 - 1960, có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 50 vạn Đảng viên cả nước. Dự đại hội còn có 17 Đoàn đại biểu quốc tế.

b. Nội dung Đại hội:

- Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa mới, bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Đại hội nghe và thảo luận Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng, ra Nghị quyết về đường lối, nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn mới.

* Báo cáo chính trị xác định nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước là "Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất độc lập dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Xác định cách mạng từng miền Nam – Bắc. Nhiệm vụ cách mạng miền Bắc thuộc chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ cách mạng miền Nam thuộc chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng hai miền đều có mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Trong việc thực hiện mục tiêu nhiệm vụ chung, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà, cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

- Đại hội thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) thực hiện ở miền Bắc.

c. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng là Đại hội: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà" và là cơ sở cho "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết thành một khối khổng lồ. Chúng ta sáng tạo "Chúng ta xây dựng. Chúng ta tiến lên".

2. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) ở miền Bắc

Đây là kế hoạch đầu tiên lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trung tâm, nhằm tiến công vào nghèo nàn lạc hậu, có tác dụng cổ vũ toàn Đảng, toàn dân ta hăng hái lao động xây dựng chủ nghĩa, ra sức củng cố quốc phòng làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc đã đạt được những thành tựu to lớn:

- *Trong nông nghiệp:* Xây dựng và phát triển nông trường và lâm trường quốc doanh, trại thí nghiệm nghiên cứu cây trồng và chăn nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật. Tỉ lệ sử dụng cơ khí trong nông nghiệp tăng lên, hệ thống tưới tiêu ngày càng mở rộng. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn thóc trên một héc ta.

- *Trong công nghiệp:* Với sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần lao động hăng say cần cù sáng tạo của giai cấp công nhân, đã xây dựng được nhiều cơ sở công nghiệp: Khu gang thép Thái Nguyên, Nhà máy nhiệt điện Uông Bí, Thuỷ điện Thác Bà, Phân đạm Hà Bắc, khu công nghiệp nhẹ Thượng Đình (Hà Nội) các Nhà máy đường Vạn Điểm, Sông Lam, sứ Hải Dương, Pin Văn Điển... Công nghiệp quốc doanh chiếm tỉ trọng 93,1% tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn miền Bắc.

- Thương nghiệp quốc doanh đã chiếm lĩnh thị trường góp phần vào việc phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

- Mạng lưới đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển được xây dựng hoàn chỉnh phục vụ đắc lực cho giao lưu kinh tế, củng cố quốc phòng.

- Trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế đều có bước phát triển và tiến bộ đáng kể. Năm học 1964 – 1965 so với năm học 1960 – 1961 số học sinh phổ thông tăng từ 1.899.000 lên 2.676.000, sinh viên đại học tăng lên từ 16.700 lên 27.000. Mạng lưới y tế mở rộng xuống tận thôn xã.

- Quân đội được xây dựng chính quy, bước đầu được trang bị hiện đại.

- Chi viện cho miền Nam một khối lượng lớn vật chất gồm vũ khí, đạn dược, thuốc men... nhiều đơn vị vũ trang, cán bộ quân sự, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng vùng giải phóng.

Song, trong quá trình thực hiện chúng ta đã vi phạm một số sai lầm do tư tưởng chủ quan, giáo điều, nóng vội như:

Đề ra phương châm tiến lên chủ nghĩa xã hội nhanh, mạnh, vững chắc, đề ra nhiệm vụ ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, nhanh chóng hiện đại hóa nền kinh tế nhỏ bé lạc hậu của chúng ta trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn chưa có những tiền đề cần thiết; nêu chỉ tiêu, mục tiêu quá lớn và cao so với điều kiện hiện tại và khả năng thực tế của ta.

IV. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1961 – 1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam

- Phong trào "Đồng khởi" giành được thắng lợi đã làm phá sản chiến lược chiến tranh điển hình của đế quốc Mĩ, buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

- "Chiến tranh đặc biệt" là một hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ được tiến hành bằng quân đội ngụy dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị và phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Chỗ dựa của "chiến tranh đặc biệt" là ngụy quân, ngụy quyền và ấp chiến lược.

- Để thực hiện chiến tranh đặc biệt đế quốc Mĩ đã:

+ Đề ra kế hoạch Xtalay - Taylo với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng bằng một loạt các biện pháp:

Tăng cường lực lượng và khả năng cơ động của quân nguỵ trong các cuộc hành quân tiêu diệt quân giải phóng, tiến hành dồn dân lập "Ấp chiến lược".

+ Đầu 1964, Mĩ dùng kế hoạch Giônxơn - Mác Namara thay thế cho kế hoạch Xtalay - Taylo, đẩy mạnh chiến tranh đặc biệt nhằm bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm.

- Thực hiện các kế hoạch nói trên, Mĩ tăng cường viện trợ cho quân Diệm, đưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự, vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại. Áp dụng những chiến thuật mới "Trực thăng vận" "Thiết xa vận". Xây dựng hệ thống "Ấp chiến lược" coi đây là quốc sách trong "chiến tranh đặc biệt" hòng biến miền Nam thành một trại tập trung khổng lồ, thực hiện cái gọi là "tát nước bắt cá" để đàn áp tiêu diệt phong trào cách mạng.

Như vậy, Mĩ đã dấn thêm một bước trong quá trình phiêu lưu quân sự xâm lược miền Nam. Tiến hành chiến tranh Đông Dương Mĩ áp dụng những thủ đoạn mới, nguy hiểm và dã man hơn hòng đạt được mục tiêu chiến lược của chúng ở miền Nam Việt Nam. Song đó đều là những thủ đoạn phi nghĩa nên không thể tránh khỏi sự thất bại đau đớn.

2. Miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ngọn cờ đoàn kết của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam đã đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và tay sai, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận, đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược: miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

** Trên Mặt trận quân sự:* quân ta đã giành thắng lợi mở đầu vang dội tại Ấp Bắc (Mĩ Tho) vào ngày 2-1-1963. Ta đánh bại cuộc hành quân của 2000 quân nguỵ có cố vấn Mĩ chỉ huy, có sự hỗ trợ của pháo binh, xe tăng máy bay.

Với trận này ta loại khỏi vòng chiến đấu 450 tên địch, bắn rơi 8 máy bay, bắn cháy 3 xe bọc thép. Từ đó dấy lên một phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công".

Với chiến thắng Ấp Bắc quân dân ta đã đánh bại chiến thuật "Trực thăng vận" của Mĩ - Nguỵ. Nó chứng minh rằng quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

- Sau chiến thắng Ấp Bắc, quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và ngày càng đánh lớn. Cuối 1964, quân dân Nam Bộ mở chiến dịch tấn công Đông Xuân (1964 – 1965) với trận mở màn vào Ấp Bình Giã (Bà Rịa) vào 12-1964. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1700 tên địch trong đó có 60 cố vấn Mĩ, thu và phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

- Thừa thắng xông lên, quân dân miền Nam đã liên tiếp tấn công và giành được nhiều thắng lợi mới: Chiến thắng An Lão (Bình Định 12-1964) Ba Gia (Quảng Ngãi 6-1965) Đồng xoài (Biên Hòa 8-1965)

* *Trên mặt trận chống "bình định":* cuộc đấu trang giữa ta và địch diễn ra dai dẳng, quyết liệt giữa lập và phá Ấp chiến lược của địch, nhiều Ấp chiến lược trở thành làng chiến đấu của ta.

* *Trên mặt trận chính trị:* Ở các đô thị và nhiều vùng nông thôn phong trào nổ ra mạnh mẽ. Đặc biệt là tại các thành phố như Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia nhất là thanh niên, học sinh và Phật tử.

Chính phong trào này đã góp phần làm lung lay ngụy quyền Sài Gòn, buộc Mĩ phải đi đến đảo chính Ngô Đình Diệm vào ngày 1-11-1963.

**** Ý nghĩa:***

- Các sự kiện trên đã đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam. Đánh bại "chiến tranh đặc biệt" là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược thứ hai của cách mạng miền Nam, đó cũng là thất bại thứ hai của đế quốc Mĩ và tay sai.

- Một lần nữa chứng minh rằng đường lối của Đảng trong cách mạng miền Nam là hoàn toàn sát hợp, sức mạnh quật khởi của quần chúng là vĩ đại.

- Thắng lợi này mở rộng và phát triển toàn diện thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam, là cơ sở để nhân dân miền Nam tiến lên đập tan những kế hoạch chiến tranh mới của đế quốc Mĩ, giành thắng lợi hoàn toàn.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Trong những năm đầu sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, cách mạng miền Bắc có những khó khăn gì?

+ Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhưng phải chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh và chế độ phong kiến – thực dân. Kinh tế miền Bắc vốn đã lạc hậu lại càng tiêu điều.

+ Trong vùng mới giải phóng, nhiều ruộng đất bị bỏ hoang, đê đập bị phá hoại, trâu bò bị giết hại; nhiều hầm mỏ, nhà máy, xí nghiệp bị tháo gỡ hoặc phá hoại nên không hoạt động được nữa hoặc chỉ hoạt động cầm chừng.

+ Trong vùng tự do, tuy nông nghiệp và công nghiệp được chú ý phát triển, nhưng quy mô vẫn còn nhỏ bé, kĩ thuật lạc hậu. Cuộc cải cách ruộng đất bắt đầu từ cuối năm 1953 cũng chỉ tiến hành ở một số địa phương.

+ Nhiều nông dân không có ruộng cày, nhiều công nhân mất việc làm. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Câu 2: Trong cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, miền Bắc đã đạt được những thành tựu chủ yếu gì? Sai lầm trong cải cách ruộng đất thể hiện như thế nào và được sửa chữa ra sao?

* *Trong cải cách ruộng đất:*

Trong hơn 2 năm (1954 - 1956) miền Bắc tiến hành 4 đợt cải cách ruộng đất.

Tính chung toàn bộ 5 đợt (1 đợt vào năm 1953), cách mạng đã lấy được từ địa chủ hơn 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 2 triệu nông cụ đem chia cho nông dân nghèo, thực hiện triệt để khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Nông dân được hoàn toàn giải phóng trở thành người chủ ở nông thôn.

Trong thực hiện cải cách ruộng đất, đã phạm một số sai lầm: đấu tố tràn lan, thiếu phân biệt đối xử, đấu tố cả địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, quy nhầm thành địa chủ một số nông dân, cán bộ, đảng viên.

Đảng ta tiến hành sửa sai trong suốt năm 1957 nhờ đó hạn chế bớt hậu quả sai lầm.

* *Công cuộc khôi phục kinh tế:*

Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh là nhiệm vụ tất yếu trong thời kì đầu sau chiến tranh, được thực hiện trong tất cả các ngành kinh tế.

Trong nông nghiệp: Khai khẩn ruộng đất hoang, cày cấy hết diện tích, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm nông cụ, sửa chữa hệ thống đê điều.

Đến cuối năm 1957 sản lượng nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh. Giải quyết căn bản nạn đói kinh niên ở miền Bắc.

Trong công nghiệp: Khôi phục và mở rộng các cơ sở sản xuất, xây dựng thêm một số nhà máy mới.

Đến cuối năm 1957 có 97 xí nghiệp do Nhà nước quản lí.

Trong giao thông vận tải: Khôi phục 700Km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng ngàn Km đường ô tô, xây dựng và mở rộng thêm nhiều cảng, khai thông đường hàng không dân dụng quốc tế.

Các ngành thủ công nghiệp, thương nghiệp nhanh chóng phục hồi, sản xuất thêm nhiều hàng tiêu dùng, đảm bảo cho nhu cầu tối thiểu của đời sống, giải quyết phần nào việc làm cho người lao động.

Câu 3: Chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có mặt tích cực và hạn chế gì? Nguyên nhân của những hạn chế?

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh. Khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp.

Khắp miền Bắc sôi nổi vận động xây dựng hợp tác xã. Đến cuối năm 1960 có 85% hộ nông dân, 68% diện tích đất tham gia vào hợp tác xã nông nghiệp, 87,9% thợ thủ công, 45% số người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã, hơn 97% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh, một bộ phận người buôn bán nhỏ chuyển sang sản xuất hoặc trở thành mậu dịch viên.

- Những mặt tích cực của cải tạo xã hội chủ nghĩa: Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất, bảo đảm được những điều kiện vật chất, tinh thần, chính trị cho bộ phận tham gia chiến đấu, phục vụ cho chiến đấu.

- Những mặt hạn chế: Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đã phạm một số sai lầm: Đồng nhất cải tạo với xoá bỏ, xoá bỏ vội vàng nhanh chóng. Không thực hiện đầy đủ nguyên tắc tự nguyện nên không phát huy được tính chủ động sáng tạo của quần chúng, không tạo được động lực mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển năng động của nền kinh tế, xã hội.

- Nguyên nhân của những hạn chế:

+ Do tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn thực hiện dứt điểm theo kiểu "chiến dịch".

+ Không phát huy được tính năng động, sáng tạo của quần chúng, còn nặng về "tả khuynh".

Câu 4: Sau thực hiện kế hoạch 3 năm (1957 –1960): Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế văn hoá, bộ mặt xã hội miền Bắc có những thay đổi như thế nào?

- Cơ cấu kinh tế miền Bắc đã đã thay đổi căn bản. Thành phần kinh tế công hữu và sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất được xác lập một cách phổ biến và ngày càng phát triển. Đến cuối năm 1960 có 85% hộ nông dân, 68% diện tích đất vào hợp tác xã nông nghiệp, 87,9% thợ thủ công, 45% số người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã, hơn 97% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh, một bộ phận người buôn bán nhỏ chuyển sang sản xuất hoặc trở thành mậu dịch viên.

- Cơ cấu xã hội cũng thay đổi căn bản. Chế độ người bóc lột người và các giai cấp bóc lột bị xoá bỏ, giai cấp nông dân được tổ chức lại theo hình thức tập thể. Giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa phát triển.

- Đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân cũng được cải thiện. Đến cuối 1960, miền Bắc căn bản xoá xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người dưới 50 tuổi. Số học sinh phổ thông tăng 80% so với năm 1957. Miền Bắc có 9 trường Đại học với 11.000 sinh viên. Đời sống văn hóa của nhân dân lao động được nâng lên, công tác vệ sinh phòng dịch có tiến bộ.

Câu 5: Phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của nhân dân miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương diễn ra như thế nào?

Trong thời kì đầu, cách mạng miền Nam được Đảng ta chủ trương đấu tranh chính trị chống chế độ Mĩ – Diệm, đòi chúng phải thi hành Hiệp định Giơnevơ để củng cố hoà bình và xây dựng lực lượng cách mạng.

Phong trào đấu tranh của quần chúng rộng lớn, lôi cuốn hàng triệu người thuộc các tầng lớp xã hội tham gia với nhiều hình thức đấu tranh phong phú

như hội thảo, báo chí, mít tinh, biểu tình. Tiêu biểu, vào 8-1954 diễn ra "phong trào hoà bình" của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn; phong trào tiếp tục dâng cao và lan rộng từ thành thị đến nông thôn tiêu biểu là ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.

Tiến lên một bước phát triển cao hơn là các cuộc đấu tranh chống trò hề "trưng cầu dân ý", "bầu cử quốc hội" của Diệm, chống khủng bố, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", đòi các quyền tự do, dân chủ.

Cách mạng miền Nam tuy bị tổn thất nặng nề, nhưng tinh thần quần chúng vẫn được giữ vững, nhân dân miền Nam vẫn một lòng một dạ hướng về miền Bắc, giữ vững niềm tin vào cách mạng.

Câu 6: Cuộc Đồng khởi nổ ra trong điều kiện lịch sử nào, diễn biến của phong trào và thắng lợi của Đồng khởi có ý nghĩa lịch sử gì?

** Điều kiện bùng nổ:*

- Đế quốc Mĩ xâm lược miền Nam, làm cho trong xã hội miền Nam xuất hiện hai mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn toàn thể nhân dân miền Nam với đế quốc Mĩ và tay sai; Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam (nhất là nông dân) với bọn địa chủ phong kiến.

- Trước phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân miền Nam, Mĩ – Diệm ngày càng mở rộng chiến dịch "Tố cộng" "Diệt cộng", tăng cường đàn áp khủng bố thông qua Luật 10-59, lê máy chém khắp miền Nam, giết hại hàng loạt người vô tội với khẩu hiệu: "Thà bắn lầm hơn bỏ sót".

- Chính sách cai trị của Mĩ - Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề, nhiều cơ sở cách mạng bị tan vỡ, nhiều cán bộ Đảng viên bị bắt, bị giam cầm và giết hại. Tình hình đó càng làm cho phong trào đấu tranh ngày càng lên cao, trở thành một cơn bão táp cách mạng.

- Đáp ứng yêu cầu của phong trào quần chúng, Hội nghị TW Đảng lần thứ 15 (tháng 1-1959) đã xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là: Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang để đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.

** Diễn biến của phong trào:*

- Được Nghị quyết 15 của Đảng soi sáng, phong trào nổ ra lẻ tẻ ở một số địa phương:

  + Cuộc nổi dậy của 3.000 đồng bào ở Bắc Ái (Ninh Thuận) vào 2-1959.

  + Cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) vào 8-1959 nhân dân đã nổi dậy đập tan chính quyền địch, xây dựng chính quyền cách mạng dưới hình thức Ủy ban nhân dân tự quản. Từ Trà Bồng phong trào lan rộng ra các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ.

- Phong trào lan rộng khắp miền Nam, thành một cao trào Đồng khởi, tiêu biểu nhất là cuộc nổi dậy ở Bến Tre vào 17-1-1960.

Từ Bến Tre phong trào như nước vỡ bờ lan rộng khắp Nam Bộ Tây Nguyên và Trung Trung Bộ.

** Kết quả:*

- "Đồng khởi" đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị và hệ thống kìm kẹp của địch ở các thôn xã: 600 xã ở Nam Bộ; 904 thôn ở Trung Bộ; 3200 thôn ở Tây Nguyên. Làm rung lay tận gốc chính quyền Mĩ - Diệm, đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ.

- Từ "Đồng khởi" lực lượng vũ trang nhân dân được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị của tập hợp đông đảo hơn.

- Ở các vùng mới giải phóng, Ủy ban nhân dân tự quản đã tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ gian ác chia cho dân cày nghèo.

- Thành quả lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" đánh dấu bằng sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) tại Tân Lập - Châu Thành - Tây Ninh.

- "Đồng khởi" làm phá sản hoàn toàn chiến tranh một phía của đế quốc Mĩ, đưa cách mạng miền Nam từ giữ gìn lực lượng sang thế tấn công liên tục bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

** Ý nghĩa:*

- Phong trào "Đồng khởi" bùng nổ và thắng lợi khẳng định sự độc lập tự chủ của Đảng ta trong việc vạch ra đường cách mạng.

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" ca ngợi sức mạnh quật khởi vô cùng to lớn của nhân dân miền Nam được Đảng lãnh đạo.

- "Đồng khởi" là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của cách mạng miền Nam, tạo nên tiền đề hết sức quan trọng trong sự phát triển của cách mạng trong những giai đoạn tiếp theo trong thế tiến công liên tục và ngày càng mở rộng.

Câu 7: Tại sao nói từ sau phong trào Đồng khởi, chế độ Mĩ – Diệm lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy yếu, kế hoạch bình định hoàn toàn miền Nam và tiến công xâm lược miền Bắc của chúng không thực hiện được?

- "Đồng khởi" đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị và hệ thống kìm kẹp của địch ở các thôn xã: 600 xã ở Nam Bộ; 904 thôn ở Trung Bộ; 3200 thôn ở Tây Nguyên. Làm rung lay tận gốc chính quyền Mĩ - Diệm, đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ. Chứng tỏ thời kì ổn định của chính quyền địch đã chấm dứt, chúng chuyển sang thời kì khủng hoảng triền miên.

- "Đồng khởi" đã giáng một đòn bất ngờ vào chiến lược Aixenhao, đập tan mưu đồ bình định miền Nam, Lấp sông Bến Hải, Tiến quân ra Bắc của Mĩ- Diệm. Những năm 1957-1959, Mĩ - Diệm có lúc cho rằng, chúng đã căn bản bình định xong miền Nam Việt Nam, chuẩn bị tiến công ra Bắc. Nhưng phong trào Đồng khởi đã kìm chân chúng lại. Chúng phải dồn sức chủ yếu vào việc ngăn chặn những bước tiến mới của cách mạng, không thể thực hiện được âm mưu "Bắc tiến".

Câu 8: Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng họp trong hoàn cảnh lịch sử nào? Nội dung và ý nghĩa của Đại hội đó?

a. Hoàn cảnh lịch sử:

- *Thế giới:*

Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã hình thành và ngày càng phát triển; phong trào giải phóng dân tộc lên cao ở khắp châu Á, châu Phi, châu Mĩ La-Tinh; phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ và tiến bộ xã hội lên cao ở các nước tư bản chủ nghĩa.

- *Trong nước:*

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, nước ta tạm thời chia cắt làm hai miền, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và đã giành được những thắng lợi to lớn trong thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế. Miền Nam còn đế quốc Mĩ và tay sai, nên tiếp tục làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có bước chuyển biến nhảy vọt từ “Đồng khởi” cuối năm 1959 đầu năm 1960.

Lúc này Đảng phải lãnh đạo nhân dân hai miền Nam - Bắc thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng phải Đại hội để củng cố lại tổ chức, sắp xếp lại lực lượng và đề ra đường lối cách mạng cho cả nước cũng như cho mỗi miền.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 12-9-1960.

b. Nội dung Đại hội:

- Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa mới, bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Đại hội nghe và thảo luận Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng, ra Nghị quyết về đường lối, nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn mới.

- Đại hội xác định cách mạng từng miền Nam – Bắc. Nhiệm vụ cách mạng miền Bắc thuộc chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ cách mạng miền Nam thuộc chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng hai miền đều có mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

- Đại hội thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) thực hiện ở miền Bắc.

c. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội:

Đại hội lần thứ III của Đảng có tác dụng hướng dẫn, thúc đẩy nhân dân ta ở hai miền Nam, Bắc hăng hái đấu tranh giành thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Câu 9: Trong thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, miền Bắc đã đạt được những thành tựu và có những hạn chế gì?

- *Trong nông nghiệp:* Xây dựng và phát triển nông trường và lâm trường quốc doanh, trại thí nghiệm nghiên cứu cây trồng và chăn nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật. Tỉ lệ sử dụng cơ khí trong nông nghiệp tăng lên, hệ thống tưới tiêu ngày càng mở rộng. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn thóc trên một héc ta.

- *Trong công nghiệp:* Đã xây dựng được nhiều cơ sở công nghiệp: Khu gang thép Thái Nguyên, Nhà máy nhiệt điện Uông bí, Thuỷ điện Thác Bà, Phân đạm Hà Bắc, khu công nghiệp nhẹ Thượng Đình (Hà Nội) các Nhà máy đường Vạn Điểm, Sông Lam, sứ Hải Dương, Pin Văn Điển... Công nghiệp quốc doanh chiếm tỉ trọng 93,1% tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn miền Bắc.

- Thương nghiệp quốc doanh đã chiếm lĩnh thị trường góp phần vào việc phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

- Mạng lưới đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển được xây dựng hoàn chỉnh phục vụ đắc lực cho giao lưu kinh tế, củng cố quốc phòng.

- Trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế đều có bước phát triển và tiến bộ đáng kể.

- Quân đội được xây dựng chính quy, bước đầu được trang bị hiện đại.

- Chi viện cho miền Nam một khối lượng lớn vật chất gồm vũ khí, đạn dược, thuốc men... nhiều đơn vị vũ trang, cán bộ quân sự, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng vùng giải phóng.

Song, trong quá trình thực hiện chúng ta cũng vi phạm một số sai lầm do tư tưởng chủ quan, giáo điều, nóng vội như:

Đề ra phương châm tiến lên chủ nghĩa xã hội nhanh, mạnh, vững chắc, đề ra nhiệm vụ ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, nhanh chóng hiện đại hóa nền kinh tế nhỏ bé lạc hậu của chúng ta trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn chưa có những tiền đề cần thiết; nêu chỉ tiêu, mục tiêu quá lớn và cao so với điều kiện hiện tại và khả năng thực tế của ta.

Câu 10: "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy ở miền Nam nhằm mục tiêu gì và diễn ra như thế nào? Quân dân miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy như thế nào?

*** Mục tiêu của "chiến tranh đặc biệt":**

- "Chiến tranh đặc biệt" là một hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ được tiến hành bằng quân đội ngụy dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị và phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Để thực hiện chiến tranh đặc biệt đế quốc Mĩ đã:

+ Đề ra kế hoạch Xtalay - Taylo với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng bằng một loạt các biện pháp:

Tăng cường lực lượng và khả năng cơ động của quân ngụy trong các cuộc hành quân tiêu diệt quân giải phóng, tiến hành dồn dân lập "Ấp chiến lược".

+ Đầu 1964, Mĩ dùng kế hoạch Giônxơn - Mác Namara thay thế cho kế ıoạch Xtalay - Taylo, đẩy mạnh "chiến tranh đặc biệt" nhằm bình định có rọng điểm miền Nam trong vòng hai năm.

- Thực hiện các kế hoạch nói trên, Mĩ tăng cường viện trợ cho quân Diệm, lưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự, vũ khí và phương tiện chiến tranh ıiện đại. Áp dụng những chiến thuật mới "Trực thăng vận" "Thiết xa vận". Xây lựng hệ thống "Ấp chiến lược" coi đây là quốc sách trong "chiến tranh đặc biệt" ıòng biến miền Nam thành một trại tập trung khổng lồ, thực hiện cái gọi là tát nước bắt cá" để đàn áp tiêu diệt phong trào cách mạng.

**** Miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ:***

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ngọn cờ đoàn kết của Mặt trận Dân ộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam đã đẩy mạnh đấu ranh chống Mĩ và tay sai, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị 'à binh vận, đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược: miền núi, nông thôn đồng ıằng và đô thị.

* *Trên mặt trận quân sự:* quân ta đã giành thắng lợi mở đầu vang dội tại Ấp Bắc (Mĩ Tho) vào ngày 2-1-1963. Ta đánh bại cuộc hành quân của 2000 quân ıgụy có cố vấn Mĩ chỉ huy, có sự hỗ trợ của pháo binh, xe tăng máy bay.

Với trận này ta loại khỏi vùng chiến đấu 450 tên địch, bắn rơi 8 máy ıay, bắn cháy 3 xe bọc thép. Từ đó dấy lên một phong trào "Thi đua Ấp Bắc, ;iết giặc lập công".

Chiến thắng Ấp Bắc quân dân ta đã đánh bại chiến thuật "Trực thăng 'ận" của Mĩ - Ngụy. Nó chứng minh rằng quân dân miền Nam có khả năng lánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

- Cuối 1964, quân dân Nam Bộ mở chiến dịch tấn công Đông Xuân (1964 - 1965) với trận mở màn vào Ấp Bình Giã (Bà Rịa) vào 12-1964. Ta đã loại :hỏi vòng chiến đấu 1700 tên địch trong đó có 60 cố vấn Mĩ, thu và phá huỷ ıhiều phương tiện chiến tranh của địch.

- Thừa thắng xông lên, quân dân miền Nam đã liên tiếp tấn công và ;iành được nhiều thắng lợi mới: Chiến thắng An Lão (Bình Định 12-1964) Ba Gia (Quảng Ngãi 6-1965) Đồng Xoài (Biên Hoà 8-1965).

* *Trên mặt trận chống "bình định":* cuộc đấu trang giữa ta và địch diễn a dai dẳng, quyết liệt giữa lập và phá Ấp chiến lược của địch, nhiều Ấp hiến lược trở thành làng chiến đấu của ta.

* *Trên mặt trận chính trị:* Ở các đô thị và nhiều vùng nông thôn phong rào nổ ra mạnh mẽ. Đặc biệt là tại các thành phố như Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia nhất là hanh niên, học sinh và Phật tử.

Chính phong trào này đã góp phần làm lung lay ngụy quyền Sài Gòn, ıuộc Mĩ phải đi đến đảo chính Ngô Đình Diệm vào ngày 1-11-1963.

**** Ý nghĩa:***

- Đánh bại "chiến tranh đặc biệt" là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược thứ hai của cách mạng miền Nam, đó cũng là thất bại thứ hai của đế quốc Mĩ và tay sai.

- Một lần nữa chứng minh rằng đường lối của Đảng trong cách mạng miền Nam là hoàn toàn sát hợp, sức mạnh quật khởi của quần chúng là vĩ đại.

- Thắng lợi này mở rộng và phát triển toàn diện thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam, là cơ sở để nhân dân miền Nam tiến lên đập tan những kế hoạch chiến tranh mới của đế quốc Mĩ, giành thắng lợi hoàn toàn.

Câu 11: Cuộc đấu tranh của quân dân miền Nam nhằm chống lại âm mưu và hành động của Mĩ – ngụy từ 1954 đến 1965 đã có tác động như thế nào đến việc bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa?

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân hai miền Nam Bắc có mối quan hệ mật thiết với nhau: Miền bắc là hậu phương lớn đối với tiền tiền tuyến lớn ở miền Nam, đồng thời những thắng lợi của của quân dân miền Nam cũng có tác dụng bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

- Những năm 1957 –1959, Mĩ – ngụy đã hô hào "Bắc tiến" nhưng phong trào Đồng khởi (1959 –1960) diễn ra ở miền Nam đã kìm chân chúng lại. Những thắng lợi của quân dân miền Nam chống "chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) đã hạn chế hoạt động phá hoại miền Bắc của Mĩ – ngụy. Chính vì vậy thắng lợi của cách mạng miền Nam có tác dụng bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

- Thắng lợi của cách mạng miền Nam đã tạo điều kiện đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, tạo nên những điều kiện thuận lợi, những lực lượng to lớn về mọi mặt để đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước tiến lên giành thắng lợi mới.

Bài 14

NHÂN DÂN HAI MIỀN NAM BẮC TRỰC TIẾP ĐƯƠNG ĐẦU VỚI ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC (1965-1973)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA MĨ (1965 – 1968)

1. Chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam

- Đầu 1965, trước sự phá sản của chiến lược "chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã chuyển sang thực hiện "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Chiến lược "chiến tranh cục bộ" là hình thức chiến tranh thực dân mới được tiến hành bằng quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu và quân nguy tay sai. Trong đó quân Mĩ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng, trang bị chiến tranh nhằm chống lại cách mạng miền Nam.

- Để tiến hành "chiến tranh cục bộ", từ tháng 3-1965 Mĩ đã ào ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam lúc đầu là 20 vạn rồi sau tăng lên 40 vạn, lúc cao nhất lên 58 vạn cùng với hàng chục vạn chư hầu (Nam Triều Tiên, Thái Lan, Úc, Tân Tây Lan, Philippin). Chúng thực hiện âm mưu quốc tế hóa cuộc chiến tranh. Vừa vào miền Nam, chúng đã ra sức xây dựng các căn cứ quân sự lớn như Đà Nẵng, Chu Lai, Cam Ranh, Vũng Tàu, Tân Sơn Nhất.

Mĩ đã tiến hành nhiều cuộc hành quân "tìm diệt". Mở đầu là cuộc hành quân "Ánh sáng sao" đánh vào vùng căn cứ giải phóng ở Vạn Tường thuộc Bình Sơn - Quảng Ngãi và nhiều cuộc hành quân trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô năm 1965-1966; 1966-1967 nhằm "tìm diệt" và "Bình định" ·

2. Miền Nam chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

Trước âm mưu mới của địch, Đảng ta đã phân tích tình hình, so sánh lực lượng, phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và địch, từ đó hạ quyết tâm đánh thắng chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mĩ. Quân dân miền Nam với ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mĩ xâm lược, được sự chi viện, phối hợp chiến đấu của quân dân miền Bắc, đã anh dũng chiến đấu liên tiếp giành thắng lợi.

- Mở đầu vào 5-1965 một đại đội quân giải phóng đã đánh bại một đại đội quân Mĩ tại Núi Thành (Quảng Nam). Chiến thắng Núi Thành đã chứng tỏ khả năng ta có thể đánh thắng Mĩ.

- Đặc biệt 18-8-1965, tại Vạn Tường (Quảng Ngãi) bộ đội chủ lực của ta đã đụng đầu với chủ lực của Mĩ. Với lực lượng 9.000 tên lính thủy đánh bộ, có hàng trăm máy bay, hàng chục xe tăng xe bọc thép và nhiều tàu chiến của hạm đối 7 Mĩ yểm trợ, càn quét Vạn Tường. Ngược lại, với số lượng và trang bị ít hơn địch nhiều lần, các lực lượng vũ trang giải phóng đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, mưu trí, linh hoạt.

Kết quả: Ta đã diệt 919 tên địch, bắn rơi và phá hủy 23 máy bay, 22 xe tăng và xe bọc thép. Đập tan hoàn toàn cuộc càn quét quy mô lớn của địch.

Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ lực lượng vũ trang miền Nam hoàn toàn đủ sức mạnh đương đầu và đánh bại đội quân viễn chinh Mĩ. Chứng tỏ rằng cách mạng miền Nam hoàn toàn có đủ khả năng đánh thắng đế quốc Mĩ về quân sự trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" vốn là chiến lược của Mĩ hi vọng giành thắng lợi bằng sức mạnh quân sự. Từ đó, khắp niềm Nam dấy lên phong trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm nguy mà diệt".

- Tiếp đó quân dân miền Nam đập tan hai cuộc phản công mùa khô của Mĩ:

+ Mùa khô 1965 – 1966: Mĩ đã tiến hành 450 cuộc hành quân lớn nhỏ vào hai hướng chính, đó là đồng bằng Khu V và miền Đông Nam Bộ nhằm

tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Quân dân ta đã đánh bại quân địch trên mọi hướng tấn công, kết quả ta đã loại khỏi vùng chiến đấu 104.000 tên địch trong đó có 42.000 lính Mĩ và 3.500 lính chư hầu.

+ Mùa khô năm 1966 – 1967: Mĩ tiến hành 895 cuộc hành quân lớn nhỏ mà tiêu biểu là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào miền Đông Nam Bộ nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Quân dân ta đã đồng loạt mở cuộc phản công đánh tan các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch. Đã loại khỏi vòng chiến đấu 151.000 tên địch trong đó có 68.200 lính Mĩ và 5.540 lính chư hầu.

- Phong trào đấu tranh chính trị bằng sự nổi dậy của quần chúng ở thành thị và nông thôn, chống kìm kẹp, trừng trị bọn ác ôn, phá ấp chiến lược, đòi Mĩ cút về nước, đòi tự do dân chủ càng diễn ra sôi nổi, vùng giải phóng ngày càng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ngày càng lên cao.

3. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968

**** Hoàn cảnh:***

- 1968 là năm bầu cử tổng thống Mĩ, các phe phái trong nội bộ Mĩ nẩy sinh mâu thuẫn mà chúng ta có thể lợi dụng được.

- So sánh tương quan lực lượng sau hai cuộc phản công chiến lược mùa khô có lợi cho ta. Tình hình kinh tế – chính trị – xã hội của Mĩ gặp nhiều khó khăn, tinh thần binh lính Mĩ giảm sút.

Lợi dụng tình hình trên, ta chủ động mở cuộc tổng công kích tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam, chủ yếu đánh vào các đô thị.

* Mục tiêu của cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa là tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân viễn chinh Mĩ, đánh sập ngụy quân ngụy quyền, giành thắng lợi quyết định, buộc Mĩ đàm phán và rút quân về nước.

**** Diễn biến:*** Đêm 30-1-1968 (Tết Mậu Thân) quân dân miền Nam đồng loạt nổi dậy và tấn công vào hệ thống phòng ngự của địch khắp miền Nam. Đánh vào 64 vị trí, căn cứ quân sự, các khu hậu cần, sân bay, bến cảng. Trong đó có những thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng ta làm chủ được nhiều ngày. Đồng thời đánh vào các sào huyệt cơ quan đầu não của địch như Toà đại sứ Mĩ, Dinh độc lập, Bộ tổng tham mưu ngụy, các bộ tư lệnh quân chủng, quân đoàn, chi khu quân sự...

**** Kết quả:*** Trong vòng hơn một tuần lễ quân ta đã giành được những thắng lợi to lớn:

+ Loại khỏi vòng chiến đấu 147.000 tên địch, 43.000 tên Mĩ, tiêu diệt gọn 29 tiểu đoàn (có 9 tiểu đoàn Mĩ) phá 1.500 máy bay 4000 xe quân sự hàng loạt kho bom đạn, xăng dầu, bức rút và bức hàng trên 700 đồn bốt.

+ Đã huy động được hàng triệu quần chúng xuống đường tham gia chiến đấu giành quyền làm chủ, giải phóng hơn 1000 thôn ấp và 1,2 triệu dân.

*** Ý nghĩa:** Tuy có những hạn chế nhưng đó là thắng lợi lớn của ta:

- Giáng một đòn quyết định vào chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ, làm lung lay ý chí quyết tâm xâm lược của Mĩ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận ngồi vào đàm phán Pari để giải quyết vấn đề chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

- Thắng lợi của tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968 đã mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đây là thắng lợi thứ ba và bước nhảy vọt thứ hai của cách mạng miền Nam và nói lên sự phát triển nhanh chóng, vững vàng của cách mạng miền Nam.

- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về chỉ đạo tiến hành tiến công và nổi dậy.

II. MIỀN BẮC CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MĨ, TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG LỚN (1965 - 1968)

1. Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất

Ngày 5-8-1964 dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", Mĩ cho máy bay ném bom phá hoại một số nơi ở miền Bắc và đến ngày 7-2-1965 Mĩ chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ nhất trên toàn miền Bắc.

Tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc, Mĩ thực hiện âm mưu: phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn nguồn chi viện từ ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Để thực hiện âm mưu đó, Mĩ huy động một lực lượng không quân và hải quân, cả những loại mới nhất như B-52, F-111, và với các loại vũ khí hiện đại, cho máy bay, tàu chiến bắn phá liên tục, khắp mọi nơi, mọi lúc, trong mọi thời tiết với cường độ ngày càng tăng.

Không quân và hải quân Mĩ tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự, đầu mối giao thông, nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, công trình thuỷ lợi, khu đông dân. Chúng đánh cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng, đền chùa, nhà thờ... Bom đạn của Mĩ đã tàn phá biết bao của cải, bao cơ sở kinh tế, công trình văn hóa, giáo dục, y tế mà nhân dân ta đã tạo nên trong hơn 10 năm trước đó.

2. Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa chiến đấu vừa sản xuất

Ngay sau khi Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại, miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động cho phù hợp với hoàn cảnh mới, thực hiện quân sự hóa

toàn dân, đào đắp công sự chiến đấu, hầm hào phòng tránh, tổ chức sơ tán, phân tán người và của khỏi những vùng trọng điểm, những nơi đông dân để tránh thiệt hại.

Với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do", quân dân miền Bắc đã sôi nổi tham gia các phong trào thi đua yêu nước chống Mĩ cứu nước: lực lượng vũ trang nêu cao khẩu hiệu: "Nhằm thẳng quân thù mà bắn", công nhân nêu quyết tâm: "Chắc tay súng vững tay búa" nông dân "Chắc tay súng, vững tay cày" thanh niên "Ba sẵn sàng" phụ nữ "Ba đảm đang".

Trong hơn 4 năm chống chiến tranh phá hoại (5-8-1964 đến 1-11-1968) quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 3234 máy bay, diệt và bắt sống hàng ngàn giặc lái, bắn cháy và bắn bị thương 143 tàu chiến và tàu biệt kích. Ngày 1-11-1968 Mĩ phải ngừng ném bom đánh phá miền Bắc.

Trong khi đó, sản xuất tiếp tục được đẩy mạnh. Trong công nghiệp, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững. Riêng công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng có tăng lên so với trước chiến tranh. Trong nông nghiệp, diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, ngày càng có nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt 3 mục tiêu.

Trên Mặt trận giao thông vận tải, một trong những trọng điểm bắn phá của địch, ta đảm bảo thường xuyên thông suốt. Văn hóa, khoa học kĩ thuật, văn học nghệ thuật cũng được phát triển, phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị và đời sống nhân dân.

Nhờ những nỗ lực phi thường trong sản xuất và chiến đấu của giai cấp công nhân, nông dân tập thể, của toàn dân cùng với sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa và loài người tiến bộ, những nhu cầu chiến đấu tại chỗ và ở miền Nam cùng với những nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân được đáp ứng.

3. Miền Bắc làm nghĩa vụ hậu phương lớn

Ngay từ khi đế quốc Mĩ có hành động leo thang mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước, Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 (Tháng 3-1965) và lần 12 (12-1965) đã xác định rõ: Chống Mĩ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của dân tộc ta, miền Bắc là hậu phương lớn, còn miền Nam là tiền tuyến lớn.

Với vai trò hậu phương lớn, trong những năm chống Mĩ, ngay cả trong điều kiện chiến tranh ác liệt, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, miền Bắc luôn hướng về miền Nam, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của tiền tuyến lớn: "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc thi đua phấn đấu "mỗi người làm việc bằng hai".

Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc theo phía Tây dãy Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển Việt Nam) bắt đầu được khai hoang từ tháng 5-1959 ngày càng vươn dài và mở rộng.

Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược ấy, trong 4 năm (1965 – 1968) miền Bắc đã đưa vào miền Nam hơn 300.000 cán bộ, bộ đội tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tham gia xây dựng kinh tế, văn hóa tại các vùng giải phóng cùng với hàng chục vạn tấn vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm thuốc men... Tính chung trong 4 năm, số lượng người và vật chất chuyển vào miền Nam tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

Sự chi viện to lớn của miền Bắc là một trong những nhân tố có tính chất quyết định thắng lợi của quân và dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ – Nguy.

III. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH", PHỐI HỢP VỚI LÀO VÀ CAMPUCHIA CHỐNG "ĐÔNG DƯƠNG HÓA CHIẾN TRANH" CỦA MĨ (1969-1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mĩ

- Đầu năm 1969 Nichxơn lên làm tổng thống và đề ra học thuyết Nich-xơn. Về chính trị là "chiến lược hòa bình" về quân sự là chiến lược "ngăn đe thực tế", thay thế cho chiến lược "phản ứng linh hoạt" đã bị thất bại.
- Áp dụng học thuyết Nichxơn vào Việt Nam và Đông Dương, quân Mĩ đã cho thực nghiệm "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh.
- "Việt Nam hóa chiến tranh" là hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội ngụy tay sai, có sự hỗ trợ đáng kể của lực lượng chiến đấu Mĩ, do cố vấn Mĩ chỉ huy với trang bị hỏa lực của Mĩ để chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.
- Thực chất của "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh là nhằm làm giảm bớt xương máu của Mĩ trên chiến trường, xoa dịu dư luận của nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới, tiếp tục thực hiện chiến tranh xâm lược.
- Để thực hiện kế hoạch này, Nich-xơn đã vạch ra một kế hoạch toàn diện.

**** Về quân sự và chính trị:***

- Rút dần quân Mĩ và quân chư hầu, tăng quân ngụy lên 1 triệu, tăng cường huấn luyện và trang bị cho quân ngụy.
- Tăng cường viện trợ cho Nguyễn Văn Thiệu, giúp Thiệu củng cố chính quyền.
- Tìm mọi cách ngăn cản các nguồn tiếp tế miền Bắc vào miền Nam, mở rộng chiến tranh sang chiến trường Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hóa chiến tranh", gây chia rẽ giữa 3 nước Đông Dương.

**** Về kinh tế:***

Tăng cường viện trợ kinh tế, đưa lương thực, thực phẩm vào miền Nam.

Dồn tất cả 14 triệu đồng bào miền Nam vào vùng chúng kiểm soát, thực hiện cái gọi là "viện trợ" cho đồng bào miền Nam.

**** Về văn hóa:***

Dùng báo chí, phim ảnh để tuyên truyền, xuyên tạc cách mạng, làm cho thanh niên miền Nam quên đi nỗi nhục mất nước, sẵn sàng đi lính cho Mĩ.

**** Về ngoại giao:***

Lợi dụng mâu thuẫn trong các nước xã hội chủ nghĩa đặc biệt là mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc để gây sức ép với ta, cô lập ta.

"Việt Nam hóa chiến tranh" là một kế hoạch chiến tranh toàn diện nhưng kế hoạch này cũng chỉ là sản phẩm của thế thua, thế thất bại nên ngay từ đầu nó đã chứa đựng nhiều mâu thuẫn và mang nhiều mầm mống của sự thất bại.

2. Miền Nam đấu tranh chống "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh" của Mĩ

- Thừa thắng trong chiến lược chiến tranh cục bộ, Trung ương Đảng quyết định tiếp tục chiến lược tấn công, kiên quyết đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ.

Thắng lợi chính trị: Mở đầu là ngày 6-6-1969 Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập. Vừa mới ra đời, Cộng hòa miền Nam Việt Nam được 23 nước công nhận trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Năm 1969 quân dân miền Nam mở cuộc tấn công chiến lược trên toàn miền Nam, liên tục đánh vào các vị trí, các căn cứ quân sự, các cơ quan, các kho tàng của địch.

- Trong 2 ngày 24 và 25-4-1970, đại diện ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia tiến hành Hội nghị cấp cao khẳng định quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước.

- Cũng trong thời gian trên, phối hợp chiến đấu, quân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mĩ ngụy, đập tan cuộc hành quân lấn chiếm Cánh đồng Chum – Xiêng Khoảng (Lào).

+ Từ 12 đến 23-3-1971 quân dân ta có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào đã đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của 4,5 vạn quận Mĩ – ngụy tại Đường 9 - Nam Lào.

- Khắp các đô thị miền Nam phong trào của các tầng lớp nổ ra liên tục, đặc biệt tại các thành phố lớn như Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, phong trào học sinh, sinh viên nổ ra rầm rộ, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia "xuống đường" "Dậy mà đi".

- Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị... phong trào quần chúng nổi dậy phá "ấp chiến lược", chống "bình định" của Mĩ – ngụy.

3. Cuộc tiến công chiến lược 1972

Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị trong hai năm 1970 – 1971, quân dân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược bắt đầu từ 30-03-1972. Mở đầu đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, từ Quảng Trị phát triển khắp chiến trường miền Nam. Đây là một cuộc tiến công với quy mô lớn và cường độ mạnh.

Sau đòn bất ngờ, quân nguỵ với sự yểm trợ của hỏa lực không quân, hải quân Mĩ, đã phản công lại gây cho ta một số thiệt hại. Lúc đó Mĩ gây trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc trong 12 ngày đêm.

*** Kết quả:**

Sau gần 3 tháng chiến đấu (6-1972) quân dân ta đã giành thắng lợi to lớn, loại khỏi vòng chiến đấu 10 vạn quân Mĩ – Nguỵ, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn hơn một triệu dân.

*** Ý nghĩa:**

Cuộc tiến công chiến lược 1972 đã tạo một bước ngoặc cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, đã giáng một đòn mạnh vào quân nguỵ (công cụ chủ yếu) vào quốc sách bình định (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" làm cho chiến lược "Việt Nam hóa" bị thất bại.

IV. MIỀN BẮC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA MĨ, TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CHI VIỆN CHO MIỀN NAM (1969 – 1973)

1. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế

Ngày 1-11-1968, Mĩ chấm dứt ném bóm hoàn toàn chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đối với miền Bắc. Hòa bình được lập lại ở miền Bắc, Đảng và Chính phủ ta chủ trương khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, chăm lo đời sống nhân dân, ra sức chi viện cho tiền tuyến ở miền Nam.

Mọi hoạt động sản xuất và đời sống trở lại bình thường. Các cơ quan Nhà nước và nhân dân rời nơi sơ tán. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi. Các công trình công cộng được sửa chữa và làm mới. Cầu cống, đường sá nhất là các tuyến đường chiến lược, con đường mang tên "Đường Hồ Chí Minh trên bộ" hay "Đường Trường Sơn" và "Đường Hồ Chí Minh trên biển"... được khẩn trương khôi phục; văn hóa giáo dục, y tế được phục hồi, đời sống nhân dân ổn định.

Kinh tế địa phương và kinh tế Trung ương được đẩy mạnh. Trong nông nghiệp ta có một số chủ trương khuyến khích sản xuất, chăn nuôi. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, áp dụng nhiều biện pháp kĩ thuật thâm canh tăng vụ. Nhiều giống lúa mới được đưa vào trồng cấy trên một diện tích rộng. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn-1 héc ta. Một số hợp tác xã đạt 6 – 7 tấn. Trong công nghiệp, ta ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp những công trình đang làm dở để nhanh chóng đưa vào hoạt động như Nhà máy điện Thác Bà... Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp quan trọng như điện, than, cơ khí, vật liệu, xây dựng... giá trị sản lượng công nghiệp năm 1971 tăng 142% so với năm 1968.

2. Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai, vừa chiến đấu, vừa sản xuất

Từ ngày 6-4-1972, một tuần sau khi quân ta ở miền Nam bắt đầu cuộc tiến công chiến lược, Mĩ cho không quân và hải quân đánh phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16-4-1972, Ních-xơn tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Đến ngày 9-5-1972, Ních-xơn lại tuyên bố tăng cường, mở rộng quy mô đánh phá và phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Ních-xơn đã vượt xa cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Giônxơn cả về quy mô, tốc độ và cường độ đánh phá, nhất là đã sử dụng một cách phổ biến, tập trung các loại máy bay hiện đại nhất, như B-52, F-111 với ý đồ cứu vãn thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pari.

Nhờ chuẩn bị trước, quân dân miền Bắc đã giành thế chủ động, kịp thời chống trả và giành thắng lợi giòn giã ngay từ đầu.

Kinh tế miền Bắc một lần nữa chuyển hướng, các hoạt động sản xuất và xây dựng không bị ngừng trệ, giao thông vận tải đảm bảo thông suốt, các hoạt động khác của đời sống xã hội như văn hóa, giáo dục, y tế vẫn được duy trì và phát triển. Nhân dân sơ tán nhưng đời sống vẫn đảm bảo để tiếp tục sản xuất và chiến đấu thắng lợi.

Không đạt được mục tiêu mong muốn, cuối năm 1972 Mĩ tăng cường hơn nữa hoạt động chiến tranh chống phá miền Bắc. Ngày 14-12-1972, chính quyền Ních-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B-52 đánh Hà Nội và Hải Phòng, với mưu toan gây cho nhân dân ta những thiệt hại về người và của đến mức không chịu đựng nổi phải khuất phục.

Cuộc tập kích 24 trên 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ 18-12-1972 đến 29-12-1972. Trong 12 ngày đêm Mĩ đã rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 một khối lượng bom đạn 10 vạn tấn (riêng Hà Nội 4 vạn tấn) với sức công phá bằng 5 quả bom nguyên tử ném xuống Nhật Bản năm 1945.

Nhờ đoán được âm mưu của địch, từ đó có sự chuẩn bị tốt về tư tưởng và tổ chức, lực lượng và phương tiện quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không".

Ngày 30-12-1972, Chính phủ Mĩ tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, và đến ngày 15-1-1973 thì tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để kí với Chính phủ ta Hiệp định Pari.

Kết quả: Quân dân miền Bắc đã bắn rơi gần 740 máy bay các loại, cùng với hàng trăm giặc lái bị loại khỏi vòng chiến đấu. Riêng trận "Điện Biên Phủ"

trên không miền Bắc bắn rơi 81 máy bay trong đó có 34 chiếc B-52 (Hà Nội bắn rơi 30 chiếc, trong đó có 23 B-52).

3. Miền Bắc chi viện cho miền Nam

- Trong 3 năm (1969-1971), hàng chục vạn thanh niên miền Bắc được gọi nhập ngũ, có 60% số đó lên đường bổ sung cho các chiến trường ở miền Nam và cả Lào, Campuchia. Khối lượng vật chất đưa vào chiến trường tăng lên gấp 1,6 lần so với 3 năm trước đó.

- Mặc dầu chiến tranh phá hoại của Mĩ nhưng miền Bắc vẫn chi viện cho chiến trường miền Nam và cả Lào, Campuchia. Khối lượng vật chất đưa vào chiến trường miền Nam năm 1972 tăng lên 1,7 lần so với năm 1971. Trong năm 1972, miền Bắc đã động viên trên 22 vạn thanh niên bổ sung cho lực lượng vũ trang và đưa vào miền Nam và hai nước Lào, Campuchia nhiều đơn vị bộ dội được huấn luyện và trang bị đầy đủ.

V. ĐẤU TRANH TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO, HIỆP ĐỊNH PARI VỀ VIỆC CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

1. Hoàn cảnh lịch sử

Do liên tiếp bị thất bại nặng nề ở cả hai miền nước ta, lại muốn giành thắng lợi trong cuộc tranh cử Tổng thống vào đầu tháng 11-1972, Nichxơn dùng thủ đoạn lùi bước trong thương lượng với ta ở Pari và xuống thang chiến tranh phá hoại Miền Bắc.

Đầu tháng 10-1972, phái đoàn Mĩ đến Pari để nối lại cuộc đàm phán đã bị gián đoạn từ tháng 3-1972. Trong cuộc tiếp xúc riêng với đại diện Mĩ ngày 8-10-1972 tại Pari, ta đưa ra dự thảo "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam" và đề nghị thảo luận để đi đến kí kết. Ngày 17-10-1972, văn bản Hiệp định hoàn tất và hai bên thỏa thuận ngày kí chính thức. Để đi đến kí chính thức Hiệp định, ngày 22-10-1972, Ních-xơn tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Nhưng sau khi đã trúng cử lại tổng thống (08-11-1972), tập đoàn Níchxơn trở mặt, đòi xét lại văn bản Hiệp định đã được thỏa thuận, đòi ta nhân nhượng.

Để ép ta nhân nhượng, kí một Hiệp định do Mĩ đưa ra, Ních-xơn âm mưu giành một thắng lợi quyết định về quân sự, cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B-52 vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối 1972 nhằm mục đích đó. Nhưng cuộc tập kích đã bị phá sản hoàn toàn. Thất bại của Mĩ trên chiến trường đã quyết định thất bại của chúng trên bàn thương lượng.

Sau khi buộc phải chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom bắn phá và mọi hoạt động chiến tranh chống miền Bắc, Mĩ cử đại diện đến Pari để nối lại cuộc đàm phán. Đứng trên tư thế người chiến thắng, phái đoàn ta tại cuộc đàm phán kiên trì đấu tranh giữ vững nội dung cơ bản của dự thảo Hiệp định đã được thỏa thuận ngày 22-10-1972. Qua nhiều cuộc trao đổi, đến ngày 13-01-1973, bản dự thảo Hiệp định về cơ bản được thỏa thuận.

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí tắt ngày 23-01-1973 giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hòa Kì, đến 27-01-1973 thì được kí chính thức giữa bốn bộ trưởng đại diện các chính phủ tham gia hội nghị, tại Trung tâm các hội nghị quốc tế ở Pari. Hiệp định bắt đầu có hiệu lực từ 7 giờ sáng ngày 28-01-1973.

2. Diễn biến của Hội nghị

Hội nghị kéo dài gần 5 năm với 202 phiên họp công khai, 24 cuộc tiếp xúc riêng và phải trải qua hai giai đoạn.

* ***Giai đoạn 1:*** Từ tháng 5-1968 đến hết 1968.

+ Thành phần của hội nghị là hai bên: đó là đoàn đại biểu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đoàn đại biểu Hoa Kì.

- Lập trường của chính phủ ta là: Mĩ phải chấm dứt hoàn toàn không điều kiện việc ném bom ném phá miền Bắc. Có như vậy chúng ta mới bàn về vấn đề chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- Kết quả: Qua hơn nửa năm đấu tranh quyết liệt ta đã buộc Mĩ phải ngừng ném bom bắn phá miền Bắc.

* ***Giai đoạn 2:*** Từ tháng 01-1969 đến 01-1973.

+ Thành phần: 4 bên.

- Đoàn đại biểu Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa.

- Đoàn đại biểu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam (06-06-1969 thay thế bằng đoàn đại biểu của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam).

- Đoàn đại biểu của Hoa Kì.

- Đoàn đại biểu của Việt Nam Cộng hòa (ngụy).

+ Nội dung của hội nghị: Ta đã đòi Mĩ phải rút quân, phải để cho nhân dân Việt Nam tự quyết định lấy tương lai chính trị của họ.

+ Để làm hậu thuẫn cho hội nghị, quân và dân cả nước đã đẩy mạnh đấu tranh đánh địch trên tất cả các chiến trường.

+ Qua 4 năm đấu tranh với địch ở trong và ngoài hội nghị, ta đã buộc Mĩ - Ngụy phải kí vào các văn bản của hội nghị vào 27-01-1973.

3. Nội dung của Hiệp định

- Hoa Kì và các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Mĩ phải rút hết quân Mĩ và quân chư hầu của Mĩ ra khỏi miền Nam trong vòng hai tháng, kể từ ngày kí Hiệp định, dưới sự quan sát của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

- Mĩ cam kết không được dính líu về quân sự, không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, để cho nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai của họ.

- Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt trong chiến tranh.

- Mĩ phải có trách nhiệm tham gia đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở hai miền Nam – Bắc Việt Nam và trên toàn Đông Dương.

- Mĩ có trách nhiệm vớt hết bom, mìn, thủy lôi do Mĩ thả xuống phong tỏa các cửa sông, cửa biển ở miền Bắc Việt Nam.

- Các bên công nhận thực tế miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội và ba lực lượng chính trị.

Với những nội dung trên ta đã đạt được hai điều kiện cơ bản: Thứ nhất là Mĩ rút quân; hai là quyền tự quyết của nhân dân miền Nam được tôn trọng.

4. Ý nghĩa:

- Đây là thắng lợi lớn của ta. Lần đầu tiên sau 115 năm (từ 1858) đất nước ta sạch bóng quân xâm lược. Tình hình đó đã tạo nên một sự thay đổi lớn về tương quan lực lượng giữa ta và địch. Mĩ rút về nước, trong khi quân đội ta vẫn ở lại Miền Nam, ngụy trở nên bị cô lập. Viện trợ của Mĩ cho ngụy ngày càng bị cắt giảm.

- Miền Bắc có điều kiện thuận lợi để tăng cường chi viện ngày càng lớn cho miền Nam, tạo điều kiện và thời cơ thuận lợi để miền Nam tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

- Hiệp định Pari đã tạo cơ sở pháp lí để ta đánh bại quân địch nếu chúng không thực hiện Hiệp định.

- Thắng lợi của Hiệp định Pari đã nâng dân tộc ta ngang tầm một dân tộc đi tiên phong trong việc chống chủ nghĩa đế quốc và thực dân.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Giữa hai chiến lược "chiến tranh cục bộ" và "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ trong hai thời kì chiến tranh ở miền Nam có gì khác nhau và giống nhau?

a. Điểm giống nhau:

+ Đều là chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mĩ, nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

+ Đều thực hiện âm mưu chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

b. Điểm khác nhau:

+ Về quy mô chiến tranh: "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, còn "Chiến tranh cục bộ" mở rộng cả hai miền Nam – Bắc.

+ Về tính chất ác liệt: "Chiến tranh cục bộ" ác liệt hơn, thể hiện ở mục tiêu, lực lượng tham chiến, vũ khí, hoả lực, phương tiện chiến tranh.

+ Chiến lược "chiến tranh đặc biệt" được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm thực hiện mưu đồ cơ bản là "Dùng người Việt đánh người Việt" "Thay màu da cho xác chết". Chúng mở rộng nhiều cuộc

hành quân càn quét, mục tiêu là chống phá cách mạng và bình định miền Nam. Chúng coi "Ấp chiến lược" là "quốc sách" nhằm tách cách mạng ra khỏi dân để thực hiện cái gọi là "Tát nước bắt cá".

+ Chiến lược "Chiến tranh cục bộ", mục tiêu là vừa diệt quân chủ lực vừa bình định miền Nam, phá hoại miền Bắc. Lực lượng tham chiến đông, gồm cả Mĩ, chư hầu, ngụy, trong đó Mĩ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị. Chúng sử dụng vũ khí hiện đại, hoả lực mạnh cả trên bộ, trên không, trên biển, tốc độ nhanh và mở liên tục nhiều chiến dịch nhằm "tìm diệt" và "bình định" vào "đất thánh cộng sản".

Câu 2: Trong trận Vạn Tường (8-1965) và mùa khô 1965 –1966; 1966 – 1967, quân dân ta đã giành thắng lợi ra sao? Ý nghĩa của từng thắng lợi?

- ***Trận Vạn Tường:*** Vào 18-8-1965, tại Vạn Tường (Quảng Ngãi) bộ đội chủ lực của ta đã đụng đầu với chủ lực của Mĩ. Với lực lượng 9.000 tên lính thủy đánh bộ, có hàng trăm máy bay, hàng chục xe tăng xe bọc thép và nhiều tàu chiến của hạm đội 7 Mĩ yểm trợ, càn quét Vạn Tường. Ngược lại, với số lượng và trang bị ít hơn địch nhiều lần, các lực lượng vũ trang giải phóng đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, mưu trí, linh hoạt.

Ta đã diệt 919 tên địch, bắn rơi và phá hủy 23 máy bay, 22 xe tăng và xe bọc thép. Đập tan hoàn toàn cuộc càn quét quy mô lớn của địch.

Với chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ lực lượng vũ trang miền Nam hoàn toàn đủ sức mạnh đương đầu và đánh bại đội quân viễn chinh Mĩ. Chứng tỏ rằng cách mạng miền Nam hoàn toàn có đủ khả năng đánh thắng đế quốc Mĩ về quân sự trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" vốn là chiến lược của Mĩ hi vọng giành thắng lợi bằng sức mạnh quân sự. Từ đó, khắp miền Nam dấy lên phong trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt".

- ***Tiếp đó quân dân miền Nam đập tan hai cuộc phản công mùa khô của Mĩ:***

+ Mùa khô 1965 – 1966: Mĩ đã tiến hành 450 cuộc hành quân lớn nhỏ vào hai hướng chính đó là, đồng bằng Khu V và niềm Đông Nam Bộ nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Quân dân ta đã đánh bại quân địch trên mọi hướng tấn công, kết quả ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104.000 tên địch trong đó có 42.000 lính Mĩ và 3.500 lính chư hầu.

+ Mùa khô năm 1966 – 1967: Mĩ tiến hành 895 cuộc hành quân lớn nhỏ mà tiêu biểu là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào miền Đông Nam Bộ nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Quân dân ta đã đồng loạt mở cuộc phản công đánh tan các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch. Đã loại khỏi vòng chiến đấu 151.000 tên địch trong đó có 68.200 lính Mĩ và 5.540 lính chư hầu.

Với chiến thắng trong hai mùa khô làm cho gọng kìm "tìm diệt" của địch bị bẻ gãy hoàn toàn, buộc địch phải lùi vào thế phòng ngự.

Câu 3: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) của quân dân ta ở miền Nam diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử nào? Diễn biến, kết quả, ý nghĩa và hạn chế?

**** Hoàn cảnh:***

- 1968 là năm bầu cử tổng thống Mĩ, các phe phái trong nội bộ Mĩ nẩy sinh mâu thuẫn mà chúng ta có thể lợi dụng được.

- So sánh tương quan lực lượng sau hai cuộc phản công chiến lược mùa khô có lợi cho ta. Tình hình kinh tế – chính trị – xã hội của Mĩ gặp nhiều khó khăn, tinh thần binh lính Mĩ giảm sút.

Lợi dụng tình hình trên ta chủ động mở cuộc tổng công kích tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam, chủ yếu đánh vào các đô thị.

**** Diễn biến:*** - Sau 2 mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, tương quan lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho ta, đồng thời lợi dụng năm bầu cử tổng thống Mĩ (1968), ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, chủ yếu vào các đô thị, *nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân Mĩ, đánh sập nguỵ quân, nguỵ quyền* và buộc Mĩ phải đàm phán, rút quân về nước.

- Quân ta đã tập kích chiến lược vào hầu hết các đô thị trong *đêm 30 rạng ngày 31-1-1968* (giao thừa tết Mậu Thân). Qua 3 đợt (đợt 1 trong tháng 1 và tháng 2, đợt 2 trong tháng 5 và tháng 6, đợt 3 trong tháng 8 và tháng 9 năm 1968) ta đã tiến công và nổi dậy ở 37 trong số 44 thị xã, 5 trên 6 thành phố, hàng trăm thị trấn, quận lị và nhiều vùng nông thôn; ở Sài Gòn ta đã đánh thẳng vào nhiều vị trí trung tâm đầu não của đối phương.

- Trong đợt thứ nhất, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 150.000 tên địch (trong đó có 43.000 tên Mĩ), phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Nhưng do lực lượng địch vẫn còn đông, cơ sở của chúng ở thành thị còn mạnh nên chúng đã nhanh chóng phản công ở cả thành thị và nông thôn.

**** Kết quả:***

+ Loại khỏi vòng chiến đấu 147.000 tên địch, 43.000 tên Mĩ, tiêu diệt gọn 29 tiểu đoàn (có 9 tiểu đoàn Mĩ) phá 1.500 máy bay 4000 xe quân sự, hàng loạt kho bom đạn, xăng dầu, bức rút và bức hàng trên 700 đồn bốt.

+ Đã huy động được hàng triệu quần chúng xuống đường tham gia chiến đấu giành quyền làm chủ, giải phóng hơn 1000 thôn ấp và 1,2 triệu dân.

**** Ý nghĩa:***

+ Giáng một đòn quyết định vào chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ, làm lung lay ý đồ quyết tâm xâm lược của Mĩ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận ngồi vào đàm phán Pari để giải quyết vấn đề chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

+ Mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đây là thắng lợi thứ ba và bước nhảy vọt thứ hai của cách mạng miền Nam. Nói lên sự phát triển nhanh chóng, vững vàng của cách mạng miền Nam.

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về chỉ đạo tiến hành tiến công và nổi dậy.

**** Hạn chế:***

+ Còn chủ quan trong việc đánh giá tương quan lực lượng giữa ta và địch.

+ Nóng vội trong việc đề ra mục tiêu và chỉ đạo thực hiện mục tiêu đó.

Câu 4: Sau kết thúc cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) của quân dân ta, Mĩ bắt đầu xuống thang chiến tranh ở Việt Nam như thế nào?

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) của quân dân ta đã làm phá sản chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ ở miền Nam và đã buộc Mĩ phải xuống thang chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Hành động xuống thang chiến tranh của Mĩ được thể hiện: Mĩ tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược, tháng 3-1968 tuyên bố ném bom hạn chế miền Bắc và đến tháng 11-1968 tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom đánh phá miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Pari.

Câu 5: Mĩ đánh phá miền Bắc nước ta bằng những thủ đoạn nào? Và nhằm những mục đích gì?

Ngày 5-8-1964 dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", Mĩ cho máy bay ném bom phá hoại một số nơi ở miền Bắc và đến ngày 7-2-1965 Mĩ chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ nhất trên toàn miền Bắc.

+ Tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc, Mĩ thực hiện âm mưu phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn nguồn chi viện từ nước ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

+ Để thực hiện âm mưu đó, Mĩ huy động một lực lượng không quân và hải quân, cả những loại mới nhất như B-52, F-111, và với các loại vũ khí hiện đại, cho máy bay, tàu chiến bắn phá liên tục, khắp mọi nơi, mọi lúc, trong mọi thời tiết với cường độ ngày càng tăng.

Không quân và hải quân Mĩ tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự, đầu mối giao thông, nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, công trình thuỷ lợi, khu đông dân. Chúng đánh cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng, đền chùa, nhà thờ... Bom đạn của Mĩ đã tàn phá biết bao của cải, bao cơ sở kinh tế, công trình văn hóa, giáo dục, y tế mà nhân dân ta đã tạo nên trong hơn 10 năm trước đó.

Câu 6: Chiến đấu và sản xuất của quân dân ta ở miền Bắc nhằm mục đích gì và đáp ứng những yêu cầu gì của cách mạng cả nước?

- *Mục đích:*

+ Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc nhằm bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần cùng miền Nam đánh bại chiến tranh cục bộ của Mĩ – ngụy.

+ Sản xuất ở miền Bắc nhằm tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, bảo đảm đời sống nhân dân, làm nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

- *Đáp ứng yêu cầu của cách mạng:*

+ Chiến đấu và sản xuất ở miền Bắc là một bộ phận của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước nhằm cùng miền Nam đánh bại âm mưu xâm lược của đế quốc Mĩ.

+ Miền Bắc được bảo vệ và ngày càng vững mạnh sẽ không ngừng phát huy tác dụng quyết định nhất đối với cuộc cách mạng cả nước – chi viện ngày càng nhiều sức người, sức của cho chiến trường miền Nam.

Câu 7: Hậu phương ở miền Bắc đã chi viện những gì và bằng cách nào cho tiền tuyến miền Nam đánh Mĩ?

Ngay từ khi đế quốc Mĩ có hành động leo thang mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước, Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 (Tháng 3-1965) và lần 12 (12-1965) đã xác định rõ: Chống Mĩ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của dân tộc ta, miền Bắc là hậu phương lớn, còn miền Nam là tiền tuyến lớn.

Với vai trò hậu phương lớn, trong những năm chống Mĩ, ngay cả trong điều kiện chiến tranh ác liệt, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, miền Bắc luôn hướng về miền Nam, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của tiền tuyến lớn: "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc thi đua phấn đấu "mỗi người làm việc bằng hai".

Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc theo phía Tây dãy Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển Việt Nam) bắt đầu được khai phá từ tháng 5-1959 ngày càng vươn dài và mở rộng.

Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược ấy, trong 4 năm (1965 – 1968) miền Bắc đã đưa vào miền Nam hơn 300.000 cán bộ, bộ đội tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tham gia xây dựng kinh tế, văn hóa tại các vùng giải phóng cùng với hàng chục vạn tấn vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm thuốc men... Tính chung trong 4 năm, số lượng người và vật chất chuyển vào miền Nam tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

Sự chi viện to lớn của miền Bắc là một trong những nhân tố có tính chất quyết định thắng lợi của quân và dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ – Ngụy.

Câu 8: Mĩ có âm mưu và dùng thủ đoạn gì trong quá trình thực hiện chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh"?

**Âm mưu:*

- Đầu năm 1969 Nichxơn lên làm tổng thống và đề ra học thuyết Nichxơn. Về chính trị là "chiến lược hòa bình" về quân sự là chiến lược "ngăn đe thực tế", thay thế cho chiến lược "phản ứng linh hoạt" đã bị thất bại.

- Áp dụng học thuyết Nichxơn vào Việt Nam và Đông Dương, quân Mĩ đã cho thực nghiệm "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh.

- "Việt Nam hóa chiến tranh" là hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội ngụy tay sai, có sự hỗ trợ đáng kể của lực lượng chiến đấu Mĩ, do cố vấn Mĩ chỉ huy với trang bị hỏa lực của Mĩ để chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Thực chất của "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh là nhằm làm giảm bớt xương máu của Mĩ trên chiến trường, xoa dịu dư luận của nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới, tiếp tục thực hiện chiến tranh xâm lược.

**Thủ đoạn:*

- Rút dần quân Mĩ và quân chư hầu, tăng quân ngụy lên 1 triệu, tăng cường huấn luyện và trang bị cho quân ngụy.

- Tăng cường viện trợ cho Nguyễn Văn Thiệu, giúp Thiệu củng cố chính quyền.

- Tìm mọi cách ngăn cản các nguồn tiếp tế miền Bắc vào miền Nam, mở rộng chiến tranh sang chiến trường Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hóa chiến tranh", gây chia rẽ giữa 3 nước Đông Dương.

- Tăng cường viện trợ kinh tế, đưa lương thực, thực phẩm vào miền Nam.

- Dồn tất cả 14 triệu đồng bào miền Nam vào vùng chúng kiểm soát, thực hiện cái gọi là "viện trợ" cho đồng bào miền Nam.

- Dùng báo chí, phim ảnh để tuyên truyền, xuyên tạc cách mạng, làm cho thanh niên miền Nam quên đi nỗi nhục mất nước, sẵn sàng đi lính cho Mĩ.

- Lợi dụng mâu thuẫn trong các nước xã hội chủ nghĩa đặc biệt là mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc để gây sức ép với ta, cô lập ta.

Câu 9: Nêu những thắng lợi chung trên các mặt trận chính trị, quân sự của ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia đoàn kết chống Mĩ?

- Trong 2 ngày 24 và 25-4-1970, đại diện ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia tiến hành Hội nghị cấp cao khẳng định quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước.

- Cũng trong thời gian trên phối hợp chiến đấu, quân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mĩ ngụy, đập tan cuộc hành quân lấn chiếm Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (Lào).

- Từ 12 đến 23-3-1971 quân dân ta có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào đã đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của 4,5 vạn quân Mĩ ngụy tại Đường 9 - Nam Lào.

Câu 10: Cuộc tiến công chiến lược của quân dân ta ở miền Nam năm 1972 diễn ra trong điều kiện lịch sử như thế nào? Kết quả và ý nghĩa lịch sử?

- Quân ta đã giành được một loạt thắng lợi về quân sự trong hai năm 1970 – 1971 và trên mặt trận chống chính sách bình định, trên mặt trận ngoại giao.

- Năm 1972 là năm bầu cử tổng thống Mĩ, nhiều mâu thuẫn nảy sinh qua các cuộc tranh cử vào Nhà trắng mà ta có thể lợi dụng.

- Địch chủ quan sơ hở do phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tấn công của quân ta.

Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị trong hai năm 1970 – 1971 quân dân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược bắt đầu từ 30-03-1972. Mở đầu đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, từ Quảng Trị phát triển khắp chiến trường miền Nam. Đây là một cuộc tiến công với quy mô lớn và cường độ mạnh.

Sau đòn bất ngờ, quân ngụy với sự yểm trợ của hỏa lực không quân, hải quân Mĩ, đã phản công lại gây cho ta một số thiệt hại. Lúc đó Mĩ gây trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc trong 12 ngày đêm.

Sau gần 3 tháng chiến đấu (6-1972) quân dân ta đã giành thắng lợi to lớn, loại khỏi vòng chiến đấu 10 vạn quân Mĩ – ngụy, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn hơn một triệu dân.

Cuộc tiến công chiến lược 1972 đã tạo một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, đã giáng một đòn mạnh vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) vào quốc sách bình định (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" làm cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" bị thất bại.

Câu 11: Trong thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, miền Bắc đạt những thành tựu gì?

Cuối năm 1968, mọi hoạt động sản xuất và đời sống trở lại bình thường. Các cơ quan Nhà nước và nhân dân rời nơi sơ tán. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi. Các công trình công cộng được sửa chữa và làm mới. Cầu cống, đường sá nhất là các tuyến đường chiến lược, con đường mang tên "Đường Hồ Chí Minh trên bộ" hay "Đường Trường Sơn" và "Đường Hồ Chí Minh trên biển"... được khẩn trương khôi phục; văn hóa, giáo dục, y tế được phục hồi, đời sống nhân dân ổn định.

Kinh tế địa phương và kinh tế Trung ương được đẩy mạnh. Trong nông nghiệp ta có một số chủ trương khuyến khích sản xuất, chăn nuôi. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, áp dụng nhiều biện pháp kĩ thuật thâm canh tăng vụ. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn-1 héc ta. Một số hợp tác xã đạt 6 – 7 tấn. Trong công nghiệp, ta ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp những công trình đang làm dở để nhanh chóng đưa vào hoạt động như Nhà máy điện Thác Bà... Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp quan trọng như điện, than, cơ khí, vật liệu, xây dựng... giá trị sản lượng công nghiệp năm 1971 tăng 142% so với năm 1968.

Hệ thống giao thông vận tải bị phá hoại nặng nề đã được khôi phục. Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển đáng kể. Đời sống nhân dân ổn định.

Câu 12: Cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B-52 của Mĩ vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 nhằm mục đích gì? Thắng lợi của quân dân ta giành được trong trận chiến đấu chống tập kích của Mĩ như thế nào? Ý nghĩa của thắng lợi đó?

- Mục đích của địch:

+ Tàn phá một số khu vực đông dân cư, nhất là Hà Nội, Hải Phòng hòng gây hoang mang trong nhân dân ta và làm áp lực, buộc ta phải hạ thấp một số điều khoản trong dự thảo Hiệp định Pari mà ta đã đưa ra và Mĩ đã chấp thuận.

+ Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, ngăn chặn nguồn tiếp tế của miền Bắc đối với miền Nam, phá kế hoạch đánh lớn của ta sau này ở miền Nam.

+ Gây tổn thất lớn về người và của, làm cho ta mất nhiều thời gian khắc phục hậu quả và do đó không đủ sức tiếp tục viện trợ cho cuộc kháng chiến ở miền Nam.

+ Tạo điều kiện cho ngụy quân, ngụy quyền có thời gian tương đối ổn định để tăng cường lực lượng, tạo thế mạnh cho một giải pháp chính trị sau này, đồng thời răn đe các nước đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

- Thắng lợi của nhân dân ta:

Cuộc tập kích 24 trên 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ 18-12-1972 đến 29-12-1972. Trong 12 ngày đêm Mĩ đã rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 một khối lượng bom đạn 10 vạn tấn (riêng Hà Nội 4 vạn tấn) với sức công phá bằng 5 quả bom nguyên tử ném xuống Nhật Bản năm 1945.

Nhờ đoán được âm mưu của địch, từ đó có sự chuẩn bị tốt về tư tưởng và tổ chức, lực lượng và phương tiện quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược làm nên trận "Điện Biên Phủ" trên không.

Ngày 30-12-1972, Chính phủ Mĩ tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, và đến ngày 15-1-1973 thì tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để kí với Chính phủ ta Hiệp định Pari.

Quân dân miền Bắc đã bắn rơi gần 740 máy bay các loại, cùng với hàng trăm giặc lái bị loại khỏi vòng chiến đấu. Riêng trận "Điện Biên Phủ" trên không miền Bắc bắn rơi 81 máy bay trong đó có 34 chiếc B-52 (Hà Nội bắn rơi 30 chiếc, trong đó có 23 B-52).

- Ý nghĩa:

+ Trận Điện Biên Phủ trên không đã đập tan ý đồ của Mĩ muốn dùng sức mạnh giành thắng lợi quân sự quyết định trên chiến trường để có thắng lợi trên đàm phán.

+ Buộc Mĩ – ngụy phải kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Câu 13: Sự chi viện của miền Bắc cho các chiến trường ở Đông Dương thời kì này có khó khăn và thuận lợi gì so với thời kì 1965 –1968? Kết quả ra sao?

- Khó khăn:

+ Trong thời kì chống "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" (1969 - 1973), miền Bắc ngoài làm nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam, còn phải làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Campuchia.

+ Lúc này viện trợ từ bên ngoài vào miền Bắc giảm đáng kể.

+ Hậu quả của thiên tai và chiến tranh để lại rất nặng nề.

+ Đến tháng 4 – 1974 Mĩ lại mở cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc.

- Thuận lợi:

+ Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đã kết thúc, từ năm 1969 đến 1971 miền Bắc có điều kiện hoà bình để xây dựng kinh tế, tăng cường tiềm lực hậu phương.

+ Miền Bắc đã có kinh nghiệm trong việc vừa chiến đấu, vừa sản xuất.

- Kết quả đạt được:

+ Số lượng bộ đội, cán bộ thanh niên xung phong lên đường vào Nam đánh giặc ngày càng tăng lên: 1969-1971 hàng chục vạn thanh niên nhập ngũ, trong đó có 60% lên đường bổ sung cho chiến trường. Năm 1972 có 22 vạn thanh niên miền Bắc vào các chiến trường.

+ Số lượng vũ khí, đạn dược, lương thực đã đưa vào chiến trường miền Nam ngày càng nhiều: từ năm 1969 đến 1971 tăng lên gấp 1,6 lần so với 3 năm trước đó.

Câu 14: Cuộc chiến đấu của quân dân ta ở miền Bắc trong hai lần chống chiến tranh phá hoại của Mĩ đã có tác dụng như thế nào đến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chiến tranh giải phóng miền Nam?

- Đối với miền Bắc: Trước hết, miền Bắc tự bảo vệ mình, tạo điều kiện để miền Bắc tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc được củng cố trở thành căn cứ địa, hậu phương vững mạnh của cách mạng cả nước.

- Đối với miền Nam: Miền Bắc đã đáp ứng yêu cầu đầy đủ cho tiền tuyến ở miền Nam, thúc đẩy miền Nam đấu tranh chống Mĩ cứu nước đi đến thắng lợi.

Câu 15: Mĩ xuống thang chiến tranh để đến bàn thương lượng ở Pari như thế nào? Các quan điểm mấu chốt giữa ta và Mĩ nêu ra trong cuộc thương lượng ở Pari?

*** Mĩ xuống thang chiến tranh:**

- Vào năm 1965, sau khi Mĩ ào ạt đưa Mĩ và quân chư hầu vào miền Nam, Mĩ bắt đầu nói đến thương lượng để giải quết vấn đề Việt Nam bằng con đường hoà bình nhưng ta không chấp nhận.

- Sau khi quân dân ta giành thắng lợi trong chiến thắng Vạn Tường (8- 1965); trong hai mùa khô (1965, 1966; 1966, 1967). Đặc biệt sau đòn đánh bất ngờ của cuộc Tổng công kích và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Mĩ buộc phải xuống thang chiến tranh, tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.

- Ngày 13-5-1968, cuộc thương lượng chính thức hai bên, giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với đại diện Chính phủ Hoa Kì họp phiên đầu tiên.

- Ta kiên quyết đấu tranh đòi Mĩ phải chấm dứt không điều kiện các cuộc ném bom bắn phá miền Bắc. Vì vậy ngày 1-11-1968 Mĩ phải ngừng tất cả các cuộc ném bom miền Bắc. Hội nghị bốn bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên và 25-1-1969.

**** Các quan điểm mấu chốt của ta:***

- Tập trung vào hai vấn đề mấu chốt và thể hiện tính chất chính nghĩa của ta là đòi Mĩ rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu khỏi miền Nam, đòi Mĩ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam.

Câu 16: Vai trò của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam và Đông Dương như thế nào?

- Miền Bắc là hậu phương lớn chi viện đầy đủ sức người, sức của cho chiến trường miền Nam.

- Miền Bắc vừa là hậu phương vừa là tiền tuyến trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Miền Bắc là nơi đón nhận sự chi viện quốc tế cho miền Nam và cho Đông Dương.

- Miền Bắc chi viện kịp thời cho chiến Lào và Campuchia trong việc đánh bại "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ.

Câu 17: Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết trong hoàn cảnh nào? Nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử?

a. Hoàn cảnh lịch sử:

Do liên tiếp bị thất bại nặng nề ở cả hai miền nước ta, lại muốn giành thắng lợi trong cuộc tranh cử Tổng thống vào đầu tháng 11-1972, Nichxơn dùng thủ đoạn lùi bước trong thương lượng với ta ở Pari và xuống thang chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Đầu tháng 10-1972, phái đoàn Mĩ đến Pari để nối lại cuộc đàm phán đã bị gián đoạn từ tháng 3-1972. Trong cuộc tiếp xúc riêng với đại diện Mĩ ngày 8-10-1972 tại Pari, ta đưa ra dự thảo "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam" và đề nghị thảo luận để đi đến kí kết. Ngày 17-10-1972, văn bản Hiệp định hoàn tất và hai bên thỏa thuận ngày kí chính thức. Để đi đến kí chính thức Hiệp định, ngày 22-10-1972, Nichxơn tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Nhưng sau khi đã trúng cử lại tổng thống (08-11-1972), tập đoàn Nichxơn trở mặt, đòi xét lại văn bản Hiệp định đã được thỏa thuận, đòi ta nhân nhượng.

Để ép ta nhân nhượng, kí một Hiệp định do Mĩ đưa ra, Nich-xơn âm mưu giành một thắng lợi quyết định về quân sự, cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B-52 vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối 1972 nhằm mục đích đó. Nhưng cuộc tập kích đã bị phá sản hoàn toàn. Thất bại của Mĩ trên chiến trường đã quyết định thất bại của chúng trên bàn thương lượng.

Sau khi buộc phải chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom bắn phá và mọi hoạt động chiến tranh chống miền Bắc, Mĩ cử đại diện đến Pari để nối lại cuộc đàm phán. Đứng trên tư thế người chiến thắng, phái đoàn ta tại cuộc đàm phán kiên trì đấu tranh giữ vững nội dung cơ bản của dự thảo Hiệp định đã được thỏa thuận ngày 22-10-1972. Qua nhiều cuộc trao đổi, đến ngày 13-01-1973, bản dự thảo Hiệp định về cơ bản được thỏa thuận.

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí tắt ngày 23-01-1973 giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hòa Kì, đến 27-01-1973 thì được kí chính thức giữa bốn bộ trưởng đại diện các chính phủ tham gia hội nghị, tại Trung tâm các hội nghị quốc tế ở Pari. Hiệp định bắt đầu có hiệu lực từ 7 giờ sáng ngày 28-01-1973.

b. Nội dung của Hiệp định:

- Hoa Kì và các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Mĩ phải rút hết quân Mĩ và quân chư hầu của Mĩ ra khỏi miền Nam trong vòng hai tháng, kể từ ngày kí Hiệp định, dưới sự quan sát của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

- Mĩ cam kết không được dính líu về quân sự, không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, để cho nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai của họ.

- Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt trong chiến tranh.

- Mĩ phải có trách nhiệm tham gia đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở hai miền Nam – Bắc Việt Nam và trên toàn Đông Dương.

- Mĩ có trách nhiệm vớt hết bom, mìn, thủy lôi do Mĩ thả xuống phong tỏa các cửa sông, cửa biển ở miền Bắc Việt Nam.

- Các bên công nhận thực tế miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội và ba lực lượng chính trị.

Với những nội dung trên ta đã đạt được hai điều kiện cơ bản: Thứ nhất là Mĩ rút quân; hai là quyền tự quyết của nhân dân miền Nam được tôn trọng.

c- Ý nghĩa:

(Xem mục *4. ý nghĩa* (trang 175)).

Câu 18: Trình bày quá trình diễn biến của Hội nghị Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam (từ 5-1968 đến 1-1973)

Hội nghị kéo dài gần 5 năm với 202 phiên họp công khai, 24 cuộc tiếp xúc riêng và phải trải qua hai giai đoạn:

*** Giai đoạn 1:** Từ tháng 5-1968 đến hết 1968:

+ Thành phần của hội nghị là hai bên: đó là đoàn đại biểu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đoàn đại biểu Hoa Kì.

+ Lập trường của chính phủ ta là: Mĩ phải chấm dứt hoàn toàn không điều kiện việc ném bom ném phá miền Bắc. Có như vậy chúng ta mới bàn về vấn đề chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

+ Kết quả: Qua hơn nửa năm đấu tranh quyết liệt ta đã buộc Mĩ phải ngừng ném bom bắn phá miền Bắc.

*** Giai đoạn 2:** Từ tháng 01-1969 đến 01-1973:

+ Thành phần: 4 bên.

- Đoàn đại biểu Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa.

- Đoàn đại biểu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (06-06-1969 thay thế bằng đoàn đại biểu của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam).

- Đoàn đại biểu của Hoa Kì.

- Đoàn đại biểu của Việt Nam Cộng hòa (ngụy)

+ Nội dung của Hội nghị: Ta đã đòi Mĩ phải rút quân, phải để cho nhân dân Việt Nam tự quyết định lấy tương lai chính trị của họ.

+ Để làm hậu thuẫn cho hội nghị, quân và dân cả nước đã đẩy mạnh đấu tranh đánh địch trên tất cả các chiến trường.

+ Qua 4 năm đấu tranh với địch ở trong và ngoài hội nghị, ta đã buộc Mĩ - ngụy phải kí vào các văn bản của hội nghị vào 27-01-1973.

Bài 15

CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐI ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1973-1975)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

1. Thời cơ và chủ trương chiến lược của ta

a. Thời cơ:

- Với Hiệp định Pari ta đã đánh cho Mĩ cút, buộc Mĩ phải rút hết quân Mĩ và quân chư hầu về nước. Chính quyền ngụy mặc dầu bị suy yếu vẫn ngang nhiên phá hoại Hiệp định. Chúng huy động lực lượng "tràn ngập lãnh thổ" ra sức bình định lấn chiếm vùng giải phóng.

- Về phía cách mạng, do hành động phá hoại Hiệp định của địch buộc ta phải cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ thành quả của cách mạng, đưa cuộc kháng chiến đến thắng loại hoàn toàn. Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng đã khẳng định "Con đường tiếp tục của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, ngoài ra không còn con đường nào khác".

- Trong 2 năm 1973 – 1974 ta liên tiếp giành nhiều thắng lợi trên hầu khắp các mặt trận. Vùng giải phóng ngày được mở rộng. Ta đã xây dựng được

những binh đoàn cơ động mạnh, có sức chiến đấu hợp đồng binh chủng. Ta đã mạnh hơn địch cả thế và lực. Ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn diện sâu sắc.

Những điều kiện bên trong và bên ngoài ấy hợp với nhau tạo thành thời cơ chiến lược mới để ta tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

b. Chủ trương của Đảng:

- Trước thời cơ chiến lược mới, Đảng đã chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng miền Nam. Chủ trương của Đảng được thể hiện bằng một kế hoạch cụ thể để giải phóng miền Nam trong hai năm: 1975-1976 được thông qua tại Hội nghị Bộ Chính trị từ 18-12-1974 đến 8-1-1975.

- Trong khi Hội nghị Bộ chính trị mở rộng đang họp, quân dân miền Nam đã giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (6-1-1975). Chiến thắng Phước Long đã chứng tỏ ngụy quyền Sài Gòn suy yếu nghiêm trọng.

Do đó, Bộ Chính trị quyết định: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam năm 1975. Chủ trương đó của Đảng là đúng đắn, sáng suốt, linh hoạt và kịp thời, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

2. Diễn biến: Cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam năm 1975 trải qua 3 chiến dịch

a. Chiến dịch Tây Nguyên (4-3 đến 24-3-1975).

Tây Nguyên là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quân sự và chính trị, cả ta và địch đều chú ý và cố gắng nắm giữ. Nhưng hiện tại, do nhận định sai hướng tiến công của quân ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở. Căn cứ vào đó, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10-1974 đã quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975.

Thực hiện chủ trương trên, ta tập trung lực lượng chủ lực mạnh với binh khí kĩ thuật hiện đại. Mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên với trận then chốt mở màn Buôn Mê Thuột.

Đầu tháng 3-1975 quân ta tấn công quân địch nhiều nơi ở Tây Nguyên và 4-3-1975 đánh nghi binh ở Plâycu, Kontum, nhằm thu hút quân địch vào hướng đó. Ngày 10-3-1975 với 2 ngày chiến đấu, ta tiêu diệt toàn bộ quân địch và làm chủ thị xã Buôn Mê Thuột (11-3-1975).

Ngày 12-3-1975 quân địch tập trung lực lượng mở cuộc phản công nhằm chiếm lại Buôn Mê Thuột. Nhưng tất cả các cuộc phản công của chúng đều bị đánh tan.

Sau 2 đòn bị đánh đau (10 và 12-3) ở Buôn Mê Thuột, toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch ở Tây Nguyên bị rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ của chúng bị rung chuyển, rối loạn, từ đó nẩy sinh những sai lầm lớn về chiến lược.

Ngày 14-3 Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Plâyku, Kontum và toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, rồi tập trung lực lượng tái chiếm Buôn Mê Thuột. Ngày 16-3 quân ta được lệnh đánh chặn và truy

kích địch trên đường chúng rút khỏi Tây Nguyên. Đến ngày 24-3, toàn b
quân địch rút chạy, bị quân ta tiêu diệt. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc. T
tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 2 trấn giữ ở đây, giải phóng cả Tây Nguyên rộn
lớn với 60 vạn dân.

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lơi đã chuyển cuộc kháng chiến chống M
cứu nước sang giai đoạn mới: Từ cuộc tiến công chiến lược phát triển thàn
tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

b. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (21-3 đến 3-4-1975).

Thấy dược thời cơ chiến lược đến nhanh và rất thuận lợi, Bộ Chính trị
quyết định kịp thời về giải phóng Sài Gòn và toàn Miền Nam ngay khi chiế
dịch Tây Nguyên còn tiếp diễn.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ cơ bản đó, nhiệm vụ chiến lược trước mắt
tiến hành chiến dịch giải phóng Huế – Đà Nẵng.

Phối hợp với Tây Nguyên, quân ta ở Quảng Trị đã đẩy mạnh tiến côn
và ngày 19-3 thì giải phóng toàn tỉnh. Địch lo sợ bỏ chạy về giữ Huế và Đ
Nẵng, ngày 21-3 quân ta thọc sâu vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạ
của chúng, hình thành thế bao vây địch trong thành phố.

10 giờ 30 phút ngày 25-3, quân ta tiến vào Huế, đến ngày hôm sau (26-
giải phóng toàn bộ tỉnh Thừa Thiên - Huế. Trong cùng thời gian ta tiến và
giải phóng Thị xã Tam Kì (24-3), Quảng Ngãi (25-3), Chu Lai (26-3) tạo thê
một hướng uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam.

Đà Nẵng, thành phố lớn thứ 2 ở miền Nam, căn cứ quân sự Liên hợp lớ
nhất của Mĩ – ngụy, rơi vào thế cô lập. Quân ta từ ba phía Bắc – Tây – Na
tiến nhanh, áp sát thành phố, hơn 10 vạn địch bị dồn ứ ở đây trở nên hỗ
loạn, mất hết khả năng chiến đấu. Chúng phải dùng máy bay di tản cố vấ
Mĩ và một phần lực lượng ngụy. Sáng ngày 29-3 quân ta từ các hướng tiế
thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ thành phố.

Trong cùng thời gian với chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế – Đ
Nẵng, từ cuối tháng 3 đầu tháng 4-1975, nhân dân ta ở các tỉnh ven biển Miề
Trung, phía Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, có sự hỗ trợ của l
lượng trong địa phương và của quân chủ lực, đã nổi dậy đánh địch giành quyề
làm chủ, các tỉnh ở miền Trung lần lượt được giải phóng. Từ ngày 14 đến 29-
1975 các đảo thuộc quần đảo Trường Sa cũng được giải phóng.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (26-4 đến 30-4-1975)

Sau một tháng tiến công và nổi dậy, quân dân ta đã giành toàn thắn
trong chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng giải phóng hơn một nửa đất đ
và một nửa dân số toàn miền Nam, chiếm giữ một khối lượng lớn vật chấ
trang bị và phương tiện chiến tranh. Các lực lượng vũ trang của ta trưởn
thành nhanh chóng.

Trong khi đó, lực lượng của địch giảm sút nghiêm trọng, chúng phải lùi và
phòng thủ từ Phan Rang trở vào, Mĩ cũng đã hết sức giúp chính quyền Sài Gò
kéo dài "cơn hấp hối" bằng cánh lập cầu hàng không viện trợ khẩn cấp cho chúng

Về phía ta, như Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 2-3-1975 đã nêu rõ:

"Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết âm giải phóng miền Nam... phải tập trung nhanh nhất lực lượng binh khí, ĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Chiến dịch giải hóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh" (14-4-1975).

Từ đầu tháng 4 trên mọi miền đất nước, nhân dân đã sống những ngày ờ hết sức sôi động và hào hùng.

Cả dân tộc ta ra quân trong mùa Xuân lịch sử với tinh thần "đi nhanh đến, ánh nhanh thắng" và với khí thế "thần tốc, táo bạo, bất ngờ và chắc thắng"

Ngày 9-4 quân ta tiến công Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yếu ủa địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông. Tại đây diễn ra những trận chiến đấu c liệt. Ngày 16-4 quân ta phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang. lgày 21-4 toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy.

Trước việc tuyến phòng thủ Phan Rang, Xuân Lộc bị chọc thủng và việc hủ đô Phnôm Pênh mất vào tay quân giải phóng Campuchia (17-4) nội bộ Mĩ và chính quyền Sài Gòn thêm hỗn loạn.

Ngày 18-4 tổng thống Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn. Ngày 1-4 quân ta được lệnh nổ súng mở đầu chiến dịch. Tất cả 5 cánh quân từ các ướng vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tràn vào Sài Gòn.

Ngày 28-4, các trận địa pháo của ta đồng loạt nã vào sân bay Tân Sơn lhất và chiều hôm đó phi công ta dùng 5 máy bay chiến đấu phản lực A37 nở đợt tập kích vào máy bay của chúng.

Đêm 28 rạng 29-4, tất cả các cánh quân của ta được lệnh đồng loạt tổng ông kích vào trung tâm thành phố, đánh chiếm tất cả các cơ quan đầu não ủa địch.

9 giờ 30 phút ngày 30-4 Dương Văn Minh vừa lên làm tổng thống ngụy 28-4) kêu gọi ngừng bắn để "điều đình giao chính quyền" nhằm cứu quân gụy khỏi sụp đổ.

10 giờ 45 phút ngày 30-4 xe tăng tiến vào Dinh Độc lập bắt sống toàn bộ gụy quyền Trung ương, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều iện. Lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ ổng thống chính quyền Sài Gòn, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ hí Minh lịch sử.

Thừa thắng sau giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các nh còn lại ở Nam Bộ nhất tề đứng lên tiến công và nổi dậy theo phương hức "Xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh". Đến gày 2-5-1975 Nam Bộ và miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

Như vậy với tốc độ "một ngày bằng 20 năm" chỉ trong vòng không đầy 2 háng (4-3 đến 2-5-1975) phát huy sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính rị, quân dân ta đã giành được thắng lợi bởi ba trận đánh then chốt: Trận nở đầu đánh Buôn Mê Thuột giải phóng toàn bộ Tây Nguyên, trận thứ hai

giải phóng Huế – Đà Nẵng quét sạch địch ở ven biển Miền Trung và trận kết thúc là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn – Gia Định và các tỉnh còn lại ở Nam Bộ. Hơn một triệu quân ngụy và cả bộ máy ngụy quyền b đập tan, chế độ thực dân mới được Mĩ dốc xây dựng qua 5 đời tổng thống b sụp đổ.

3. Ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi đã loại khỏi vòng chiến hơn 1 triệu quân chủ lực ngụy, đập tan hoàn toàn bộ máy ngụy quyền từ Trung ương đến cơ sở, thành lập được chính quyền cách mạng.

- Chiến dịch Hồ Chí Minh, đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi, đó là thắng lợi to lớn nhất, oanh liệt nhất của ta trong 21 năm chống Mĩ cứu nước, là một trong những thắng lợi to lớn và oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, nó như một trận Bạch Đằng Chi Lăng, Đống Đa trong các thế kỉ trước, hay trận Điện Biên Phủ... trong thế kỉ XX.

- Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy là thắng lợi quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 21 năm, đồng thời kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc.

- Thắng lợi này của ta đồng thời đã tạo điều kiện thuận lợi và thời cơ lớn cho cách mạng Campuchia và cách mạng Lào tiến lên giải phóng hoàn toàn đất nước mình trong năm 1975.

II. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC

1. Ý nghĩa lịch sử:

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc bằng chiến dịch đại thắng mùa xuân 1975: Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đó là cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc tiêu biểu của nhân dân ta. Cuộc chiến tranh đã kéo dài hơn hai thập niên (từ 7-1954 đến tháng 5-1975) dài hơn bất cứ cuộc chiến tranh nào trong lịch sử và phải chống lại một cường quốc lớn mạnh nhất là Mĩ. Cuối cùng nhân dân ta đã giành được chiến thắng, thực hiện trọn vẹn mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước "mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế lớn lao và có tính thời đại sâu sắc".

Đối với dân tộc Việt Nam cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc từ Cách mạng tháng Tám 1945, chấm dứt vĩnh viễn ách

nống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, rửa sạch cái hục và nỗi đau mất nước hơn mọi thế kỉ. Trên cơ sở đó hoàn thành về cơ bản uộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ và phát triển hững thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xóa bỏ chướng gại trên con đường thực hiện thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đã mở ra một kỉ guyên mới của cách mạng Việt Nam – Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống hất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất, iển hách nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Đối với thế giới, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã đập in cuộc phản kích lớn nhất vào lực lượng cách mạng sau chiến tranh thế iới thứ hai của tên đế quốc đầu sỏ, phá vỡ phòng tuyến quan trọng ngăn hặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á của đế quốc Mĩ, góp phần làm đảo ơn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng.

Thắng lợi của nhân dân ta và thất bại của đế quốc Mĩ, có tác động mạnh ến nội tình nước Mĩ và cục diện thế giới, có ảnh hưởng và là nguồn cổ vũ to ớn đối với phong trào cách mạng thế giới, các dân tộc đang đấu tranh chống hủ nghĩa đế quốc.

. Nguyên nhân thắng lợi:

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc thắng ợi, do nhiều nguyên chủ quan và khách quan tạo nên.

Trước hết là sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường ối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối ến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam về ách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn. Trong cuộc kháng chiến hống Mĩ cứu nước do Đảng ta lãnh đạo, truyền thống đo được phát huy cao độ, ức mạnh của dân tộc được tạo ra bởi truyền thống đó nhân lên gấp bội.

Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hậu phương ơn, đáp ứng ngày càng lớn yêu cầu chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến ơn ở miền Nam.

Trong sự nghiệp chống Mĩ cứu nước, tình đoàn kết và liên minh chiến ấu giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia trong một chiến lược chung à trên chiến trường Đông Dương thống nhất, tạo nên sức mạnh to lớn cho ác lực lượng cách mạng chung ba nước và cho từng nước ở Đông Dương.

Thắng lợi của nhân dân ta giành được trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ứu nước còn bắt nguồn từ đặc điểm của thời đại và không tách rời sự giúp đỡ lớn, có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc và của các nước xã hội chủ nghĩa hác, sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của lực lượng dân chủ, hòa bình và của ài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Mĩ.

Trên đây là những nguyên nhân tạo nên sức mạnh, bảo đảm cho cuộc kháng hiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi hoàn toàn. Mỗi nguyên

nhân có vị trí và tác dụng khác nhau, trong đó sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo là nguyên chi phối các nguyên nhân khác.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Vai trò của hậu phương miền Bắc sau Hiệp định Pari được thể hiện như thế nào trong quá trình chuẩn bị tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 ở miền Nam?

Sau Hiệp định Pari 1973, miền Bắc có thêm điều kiện thuận lợi để khắc phục hậu quả chiến tranh, chi viện sức người sức của cho tiền tuyến.

+ Cuối tháng 6 năm 1973, miền Bắc căn bản hoàn thành tháo gỡ thuỷ lôi, bom mìn dưới biển, dưới sông, đảm bảo cho việc đi lại bình thường. Sau hai năm (1973-1974), về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, công trình văn hoá, giáo dục, y tế.

+ Kinh tế có bước phát triển. Đến năm 1974 sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức năm 1964 và 1971. Đời sống nhân dân được ổn định.

+ Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, trong hai năm 1973 -1974, miền Bắc đưa vào chiến trường miền Nam, Campuchia, Lào 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân viên kĩ thuật... Miền Bắc cũng đã đưa vào chiến trường hàng chục vạn tấn vật chất, gồm vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, thuốc men, lương thực, thực phẩm.

+ Sự chi viện cho miền Nam, ngoài yêu cầu phục vụ chiến đấu với trọng tâm là tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, còn yêu cầu phục vụ vùng giải phóng trên tất cả các mặt: quốc phòng, kinh tế, giao thông vận tải, văn hoá, giáo dục, y tế và chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp quản vùng giải phóng sau khi chiến tranh kết thúc.

+ Đầu năm 1975, tuyến đường vận chuyển Bắc Nam được nâng cấp và mở rộng, gồm 6 trục đường dọc theo Đông và Tây Trường Sơn, 25 đường trục ngang vắt qua núi, một hệ thống đường nhánh toả ra các chiến trường. Ta cũng xây dựng được một hệ thống ống dẫn dầu dài 5 nghìn Km vươn tới Lộc Ninh và đường thông tin liên lạc hữu tuyến đến các chiến trường.

Câu 2: Quân dân miền Nam giành thêm những thắng lợi quan trọng gì, và các thắng lợi đó có tác động như thế nào đến uá trình chuẩn bị tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975?

- Những thắng lợi quan trọng:

+ Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 (7- 1973) của Đảng về sự cần thiết phải tiếp tục cách mạng bạo lực, nắm vững chiến lược tiến công, quân dân ta ở miền Nam từ cuối năm 1973 kiên quyết đánh trả những cuộc hành quân "bình định lấn chiếm" của địch, bảo vệ vùng giải phóng bị địch xâm phạm, và ở nhiều nơi còn chủ động mở những cuộc tấn công vào căn cứ xuất phát các cuộc hành quân của chúng, mở rộng vùng giải phóng.

+ Cuối năm 1974, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông – Xuân vào hướng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long (từ 12-12-1974 đến 1-6-1975), giải phóng thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân.

+ Trong lúc đó, các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và tăng nguồn dự trữ chiến lược.

+ Trên mặt trận chính trị và ngoại giao ngày càng được phát triển tạo thế áp đảo toàn diện đối với địch.

- Tác động:

+ Những thắng lợi về quân sự, chính trị, ngoại giao đã làm cho thế và lực giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta: Lực lượng ta ngày càng mạnh, lực lượng địch về cả chính trị, tinh thần và quân sự đề suy yếu. Điều đó làm cho thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam nhanh chóng chín muồi.

+ Vùng giải phóng được xây dựng vững mạnh đã bảo đảm yêu cầu hậu cần tại chỗ phục vụ cho Tổng tiến công và nổi dậy.

Câu 3: Sau Hiệp định Pari, cách mạng hai miền Nam – Bắc có thêm những điều kiện thuận lợi và khó khăn gì?

** Đối với miền Bắc:*

- Thuận lợi: Sau cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ, miền Bắc bước vào thời kì hoà bình, có điều kiện thuận lợi để khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất, ra sức chi viện cho miền Nam. Nhân dân miền Bắc phấn khởi trước thắng lợi, càng hăng hái sản xuất, công tác để xứng đáng với hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam.

- Khó khăn: Do hậu quả của hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ để lại quá nặng nề làm cho cơ sở vật chất của miền Bắc bị tàn phá. Nhân dân miền Bắc phải bắt tay xây dựng lại để vừa tiếp tục đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc tiến lên vừa kịp thời chi viện cho chiến trường miền Nam.

** Đối với miền Nam:*

- Thuận lợi: Sau khi Hiệp định Pari kí kết, ta buộc Mĩ phải rút hết quân Mĩ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam, làm cho tương quan lực lượng giữa ta và ngụy thay đổi có lợi cho ta, tạo điều kiện cho cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đồng thời, sau Hiệp định Pari, cách mạng miền Nam có cơ sở pháp lí để tiếp tục đấu tranh giành thắng lợi cuối cùng.

- Khó khăn: Ta đã đánh cho Mĩ cút nhưng ngụy chưa nhào, do đó Mĩ có cơ sở để duy trì chính quyền tay sai ở miền Nam. Trên thực tế, chúng vẫn để lại 2 vạn cố vấn quân sự lập ra bộ chỉ huy quân sự trá hình, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho ngụy. Mĩ vẫn muốn tiếp tục kéo dài chiến tranh xâm lược ở miền Nam nước ta dưới hình thức chiến tranh thực dân mới. Hơn nữa, sau Hiệp định Pari, lực lượng ngụy đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định bằng cách mở các cuộc hành quân "tràn ngập lãnh thổ", đánh vào các hậu phương của ta ở miền Nam.

Câu 4: Căn cứ vào điều kiện lịch sử nào, Đảng ta đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam? Nội dung của kế hoạch đó?

**** Kế hoạch giải phóng miền Nam:***

- Với Hiệp định Pari ta đã đánh cho Mĩ cút, nhưng ngụy chưa nhào. Chính quyền ngụy mặc dầu bị suy yếu vẫn ngang nhiên phá hoại Hiệp định. Chúng huy động lực lượng "tràn ngập lãnh thổ" ra sức bình định lấn chiếm vùng giải phóng.

- Mặc dầu vậy, địch ngày càng suy yếu (Mĩ đã cắt bỏ viện trợ cho ngụy, Tổng thống Ních xơn bị lật đổ, Tổng thống Pho lên thay chưa kịp củng cố địa vị của mình).

- Về phía cách mạng, do hành động phá hoại Hiệp định của địch buộc ta phải cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ thành quả của cách mạng, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng đã khẳng định "Con đường tiếp tục của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, ngoài ra không còn con đường nào khác"

- Trong 2 năm 1973 – 1974 ta liên tiếp giành nhiều thắng lợi trên hầu khắp các mặt trận. Vùng giải phóng ngày được mở rộng. Ta đã xây dựng được những binh đoàn cơ động mạnh, có sức chiến đấu hợp đồng binh chủng. Ta đã mạnh hơn địch cả thế và lực. Ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn diện sâu sắc.

**** Nội dung của kế hoạch đó:***

- Trước thời cơ chiến lược mới Đảng đã chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng miền Nam. Chủ trương của Đảng được thể hiện bằng một kế hoạch cụ thể để giải phóng miền Nam trong hai năm: 1975-1976 được thông qua tại Hội nghị Bộ Chính trị từ 18-12-1974 đến 8-1-1975.

- Trong khi Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đang họp, quân dân miền Nam đã giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (6-1-1975). Chiến thắng Phước Long đã chứng tỏ ngụy quyền Sài Gòn suy yếu nghiêm trọng.

Do đó, Bộ Chính trị quyết định: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam năm 1975". Chủ trương đó của Đảng là đúng đắn, sáng suốt, linh hoạt và kịp thời, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Câu 5: Trình bày sơ lược diễn biến các chiến dịch Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, Hồ Chí Minh. Vị trí ý nghĩa của từng chiến dịch?

a. Chiến dịch Tây Nguyên (4-3 đến 24-3-1975).

Tây Nguyên là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quân sự và chính trị, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10-1974 đã quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975.

Đầu tháng 3-1975 quân ta tấn công quân địch nhiều nơi ở Tây Nguyên và 4-3-1975 đánh nghi binh ở Plâyku, Kontum, nhằm thu hút quân địch vào

ướng đó. Ngày 10-31975 với 2 ngày chiến đấu, ta tiêu diệt toàn bộ quân lịch và làm chủ thị xã Buôn Mê Thuột (11-3-1975).

Ngày 12-3-1975 quân địch tập trung lực lượng mở cuộc phản công nhằm hiếm lại Buôn Mê Thuột. Nhưng tất cả các cuộc phản công của chúng đều bị lánh tan.

Ngày 14-3 Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Plâyku, Kontum và toàn ộ Tây Nguyên về giữ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, rồi tập trung lực lượng ái chiếm Buôn Mê Thuột. Ngày 16-3 quân ta được lệnh đánh chặn và truy ích địch trên đường chúng rút khỏi Tây Nguyên. Đến ngày 24-3, toàn bộ uân địch rút chạy, bị quân ta tiêu diệt. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc. Ta iêu diệt toàn bộ quân đoàn 2 trấn giữ ở đây, giải phóng cả Tây Nguyên rộng ớn với 60 vạn dân.

** Đánh Buôn Ma Thuột ta điểm trúng huyệt quân thù, vì đây là vị trí hen chốt hiểm yếu của tuyến phòng thủ Tây Nguyên. Chiến dịch Tây Iguyễn thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai 'oạn mới: Từ cuộc tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến ược trên toàn chiến trường miền Nam.*

b. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (21-3 đến 3-4-1975).

Phối hợp với Tây Nguyên, quân ta ở Quảng Trị đã đẩy mạnh tiến công à ngày 19-3 thì giải phóng toàn tỉnh. Địch lo sợ bỏ chạy về giữ Huế và Đà Nẵng, ngày 21-3 quân ta thọc sâu vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy ủa chúng, hình thành thế bao vây địch trong thành phố.

10 giờ 30 phút ngay 25-3, quân ta tiến vào Huế, đến ngày hôm sau (26-3) iải phóng toàn bộ tỉnh Thừa Thiên - Huế. Trong cùng thời gian này ta tiến ào giải phóng thị xã Tam Kì (24-3), Quảng Ngãi (25-3), Chu Lai (26-3) tạo hêm một hướng uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam.

Đà Nẵng, thành phố lớn thứ 2 ở miền Nam, căn cứ quân sự Liên hợp lớn hất của Mĩ – ngụy, rơi vào thế cô lập. Quân ta từ ba phía Bắc – Tây – Nam iến nhanh, áp sát thành phố, hơn 10 vạn địch bị dồn ứ ở đây trở nên hỗn oạn, mất hết khả năng chiến đấu. Chúng phải dùng máy bay di tản cố vấn Ĩi và một phần lực lượng ngụy. Sáng ngày 29-3 quân ta từ các hướng tiến hẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ thành phố.

Từ ngày 14 đến 29-4-1975 các đảo thuộc quần đảo Trường Sa cũng được iải phóng.

** Chiến dịch Huế – Đà Nẵng đã gây nên tâm lí tuyệt vọng trong ngụy uân, đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta tiến lên một ước mới với sức mạnh áp đảo.*

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (26-4 đến 30-4-1975)

Sau một tháng tiến công và nổi dậy, quân dân ta đã giành toàn thắng rong chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng giải phóng hơn một nửa đất đai à một nửa dân số toàn miền Nam.

Trong khi đó, lực lượng của địch giảm sút nghiêm trọng, chúng phải lù vào phòng thủ từ Phan Rang trở vào.

Về phía ta, như Nghị quyết Bộ chính trị ngày 2-3-1975 đã nêu rõ:

"Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyế tâm giải phóng miền Nam... phải tập trung nhanh nhất lực lượng binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Chiến dịch giả phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên "Chiến dịch Hồ Ch Minh" (14-4-1975).

Ngày 9-4 quân ta tiến công Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yế của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông. Tại đây diễn ra những trận chiến đấ ác liệt. Ngày 16-4 quân ta phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang Ngày 21-4 toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy.

Trước việc tuyến phòng thủ Phan Rang, Xuân Lộc bị chọc thủng và việ thủ đô Phnôm Pênh mất vào tay quân giải phóng Campuchia (17-4) nội b Mĩ và chính quyền Sài Gòn thêm hỗn loạn.

Ngày 26-4 quân ta được lệnh nổ súng mở đầu chiến dịch. Tất cả 5 cánh quân từ các hướng vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tràn và Sài Gòn.

Ngày 28-4, các trận địa pháo của ta đồng loạt nã vào sân bay Tân Sơn Nhất và chiều hôm đó phi công ta dùng 5 máy bay chiến đấu phản lực A3 mở đợt tập kích vào máy bay của chúng.

9 giờ 30 phút ngày 30-4 Dương Văn Minh vừa lên làm tổng thống ngụy (28-4) kêu gọi ngừng bắn để "điều đình giao chính quyền" nhằm cứu quân ngụy khỏi sụp đổ.

10 giờ 45 phút ngày 30-4 xe tăng tiến vào Dinh Độc lập bắt sống toàn b ngụy quyền Trung ương, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điề kiện. Lúc 11 giờ 30 phút, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ tổng thống chính quyền Sài Gòn, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

** Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng tạo điều kiện vô cùng thuận lợ cho quân và dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn các tỉnh cò lại ở Nam Bộ.*

Như vậy với tốc độ "một ngày bằng 20 năm" chỉ trong vòng không đầy 2 tháng (4-3 đến 2-5-1975) phát huy sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính trị quân dân ta đã giành được thắng lợi bởi ba trận đánh then chốt: Trận mở đầ đánh Buôn Mê Thuột giải phóng toàn bộ Tây Nguyên, trận thứ hai giải phóng Huế – Đà Nẵng quét sạch địch ở ven biển Miền Trung và trận kết thúc l chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn – Gia Định và các tỉnh cò lại ở Nam Bộ. Hơn một triệu quân ngụy và cả bộ máy ngụy quyền bị đập tan chế độ thực dân mới được Mĩ dốc xây dựng qua 5 đời tổng thống bị sụp đổ.

Câu 6: Những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân dân ta ở hai miền đất nước giành được trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975)?

- Cách mạng và chiến tranh giải phóng miền Nam bắt đầu giành được thắng lợi có ý nghĩa chiến lược từ Đồng khởi (1959 - 1960) đến đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (1975). Đây là quá trình liên tục tiến công và phản công theo bước tuần tự xen kẽ những bước nhảy vọt, là quá trình đẩy lùi từng bước, đánh bại từng âm mưu chiến lược của địch, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

- Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ nhằm bảo vệ miền Bắc, vừa bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam, là một bộ phận của cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc.

+ Mở đầu là phong trào Đồng khởi cuối 1959 đầu 1960 mà đỉnh cao là cuộc đồng khởi ở Bến Tre vào 17-1-1960, đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, đã tác động mạnh mẽ làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm. Đồng khởi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

+ Quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961-1965)

Thừa thắng xông lên, quân dân miền Nam liên tiếp đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy. Đó là thắng lợi trên mặt trận chính trị diễn ra khắp nông thôn và thành thị. Đó còn là thắng lợi của phong trào chống chính sách "bình định" của kẻ thù. Đặc biệt trên mặt trận quân sự, vào ngày 2-1-1963 quân dân ta giành được thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho), còn đỉnh cao là chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa) và tháng 12-1964. Chiến thắng Bình Giã đã góp phần quyết định trong việc đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy.

+ Quân dân hai miền Nam - Bắc đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc (1965 -1968).

Trước những âm mưu và hành động mới của Mĩ, Đảng ta chủ trương: Quyết tâm chống Mĩ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam. Thực hiện chủ trương đó quân dân miền Nam lần lượt đánh bại "chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

. Mở đầu là chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18-8-1965. Tại đây, mặc dầu lực lượng ít hơn địch gấp nhiều lần, trang bị vũ khí còn thô sơ nhưng với tinh thần chiến đấu anh dũng, quân dân ta đã tiêu diệt 900 tên địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay địch.

Chiến thắng Vạn Tường mở đầu cho cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam. Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ quân dân miền Nam đủ khả năng đánh bại "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

Tiếp đó, quân dân miền Nam tiến lên đánh bại cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô (1965 -1966; 1966 -1967) của Mĩ – ngụy. Thắng lợi trong hai mùa khô đã làm cho lực lượng viễn chinh của Mĩ phải quay về cố thủ ở các thành phố và đô thị. Thắng lợi này đưa cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta bước vào thế tiến công địch.

Đỉnh cao là cuộc Tổng công kích và Tổng nổi dậy, ta đã loại khỏi vòng chiến 147.000 tên địch, giải phóng 100 xã, 600 ấp chiến lược với 1,6 triệu dân. Làm cho địch bất ngờ, choáng váng.

Cùng với thắng lợi của quan dân ta ở miền Nam, quân dân miền Bắc đã đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ (1965 -1968). Trong hơn 4 năm (5-8-1964 đến 1-11-1968) chống chiến tranh phá hoại của Mĩ, quân dân miền Bắc đã bắn rơi, phá huỷ 3234 máy bay, diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái. Bị thất bại cả hai miền Nam – Bắc, đến ngày 1-11-1968 Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom bắn phá miền Bắc.

Thừa thắng trong chiến lược "chiến tranh cục bộ", Trung ương Đảng quyết định tiếp tục chiến lược tấn công, kiên quyết đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ.

- Mở đầu là ngày 6-6-1969 chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập. Vừa mới ra đời, Cộng hòa miền Nam Việt Nam được 23 nước công nhận trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Trong 2 ngày 24 và 25-4-1970, đại diện ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia tiến hành Hội nghị cấp cao khẳng định quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước.

- Cũng trong thời gian trên phối hợp chiến đấu, quân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mĩ - ngụy, đập tan cuôc hành quân lấn chiếm Cánh đồng Chum – Xiêng Khoảng (Lào).

- Từ 12 đến 23-3-1971 quân dân ta có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào đã đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của 4,5 vạn quân Mĩ ngụy tại Đường 9 - Nam Lào.

- Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị trong hai năm 1970 – 1971 quân dân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược bắt đầu từ 30-03-1972. Mở đầu đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, từ Quảng Trị phát triển khắp chiến trường miền Nam. Đây là một cuộc tiến công với quy mô lớn và cường độ mạnh.

Sau gần 3 tháng chiến đấu (6-1972) quân dân ta đã giành thắng lợi to lớn, loại khỏi vùng chiến đấu 10 vạn quân Mĩ – ngụy, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với hơn một triệu dân.

Cuộc tiến công chiến lược 1972 đã tạo một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, đã giáng một đòn mạnh vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) vào quốc sách bình định (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" làm cho chiến lược Việt Nam hóa bị thất bại.

Cùng với thắng lợi của quân dân miền Nam, quân dân miền Bắc đánh ại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ. Cuộc tập kích 24 trên 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ 18-12-1972 đến 29-12-1972.

Ngày 30-12-1972, Chính phủ Mĩ tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống há miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, và đến ngày 15-1-1973 thì tuyên bố gừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để kí với Chính phủ ta Hiệp định Pari.

Lợi dụng điều kiện thuận lợi sau Hiệp định Pari, Mĩ cút, ngụy mất chỗ ựa, ngày càng suy yếu, tạo nên sự thay đổi trong so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng, ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 975, mở đầu bằng trận đánh Buôn Ma Thuột (10-3-1975). Qua ba Chiến dịch Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử quân dân ta đã đập tan ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn, đánh sập chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Câu 7: *Ý nghĩa dân tộc và ý nghĩa quốc tế của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta?*

+ *Đối với dân tộc Việt Nam:* Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc từ Cách mạng tháng Tám 1945, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, rửa sạch cái nhục và nỗi đau mất nước hơn một thế kỉ. Trên cơ sở đó hoàn thành về cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ và phát triển những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xóa bỏ chướng ngại trên con đường thực hiện thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đã mở ra một kỉ nguyên mới của cách mạng Việt Nam – Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

+ *Đối với thế giới:* Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của lực lượng phản cách mạng sau Chiến tranh thế giới thứ hai của tên đế quốc đầu sỏ, phá vỡ phòng tuyến quan trọng ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á của đế quốc Mĩ, góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng.

Thắng lợi của nhân dân ta và thất bại của đế quốc Mĩ, có tác động mạnh đến nội tình nước Mĩ và cục diện thế giới, có ảnh hưởng và là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Câu 8: *Trong các nguyên nhân tạo nên sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, nguyên nhân nào quan trọng hơn cả?*

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi, do nhiều nguyên chủ quan và khách quan tạo nên.

- Trước hết là sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

- Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước do Đảng ta lãnh đạo, truyền thống đo được phát huy cao độ nhân lên gấp bội sức mạnh của dân tộc được tạo ra bởi truyền thống đó.

- Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn, đáp ứng ngày càng lớn yêu cầu chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

- Trong sự nghiệp chống Mĩ cứu nước, tình đoàn kết và liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia trong một chiến lược chung và trên chiến trường Đông Dương thống nhất, tạo nên sức mạnh to lớn cho các lực lượng cách mạng chung ba nước và cho từng nước ở Đông Dương.

- Thắng lợi của nhân dân ta giành được trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước còn bắt nguồn từ đặc điểm của thời đại và không tách rời khỏi sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc và của các nước xã hội chủ nghĩa khác, sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của lực lượng dân chủ, hòa bình và của loài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Mĩ.

Trên đây là những nguyên nhân tạo nên sức mạnh, bảo đảm cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi hoàn toàn. Mỗi nguyên nhân có vị trí và tác dụng khác nhau, trong đó sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo là nguyên chi phối các nguyên nhân khác.

Bởi vì, nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng nên mới phát huy được các yếu tố về truyền thống dân tộc, sức mạnh đoàn kết toàn dân, sức mạnh đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới.

Câu 9: Hãy nêu các giai đoạn phát triển của cách mạng miền Nam từ 1954 đến 1975?

- Từ 7-1954 đến hết 1960: Mĩ thực hiên chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam thông qua chế độ độc tài phát xít của bọn tay sai Ngô Đình Diệm. Nhân dân miền Nam tiến hành đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ đồng thời ra sức tìm phương pháp đấu tranh thích hợp để vừa đẩy mạnh cách mạng miền Nam, hạn chế tổn thất, vừa bảo vệ miền Bắc. Vào cuối giai đoạn này miền Nam từ thế thoái thủ và giữ gìn lực lượng chuyển hẳn sang thế tiến công, từ đấu tranh chính trị tiến lên khởi nghĩa từng phần mở đầu bằng cao trào Đồng khởi đánh sụp ngụy quyền ở nhiều cơ sở ở nông thôn làm thất bại chính sách cai trị thực dân điển hình của Mĩ ở miền Nam.

- Từ 1961 đến giữa 1965: Đế quốc Mĩ thi hành chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Cuộc chiến tranh bằng quân đội ngụy tay sai với tiền của, vũ khí phương tiện chiến tranh của Mĩ, định đè bẹp và tiêu diệt cách mạng miền Nam. Cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần, tiến lên thành chiến

tranh cách mạng, kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược, phát huy sức mạnh to lớn của chiến tranh nhân dân ở miền Nam để đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và tay sai.

- Từ 1965 đến hết 1968: Đế quốc Mĩ thi hành "chiến tranh cục bộ", đưa quân viễn chinh vào tham chiến trên quy mô lớn ở miền Nam, đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc. Cả nước ta trực tiếp đánh Mĩ, đẩy mạnh chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ cao trên cả hai miền, đánh thắng "Chiến tranh cục bộ" tạo bước ngoặt quyết định trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

- Từ 1969 đến 1-1973: Đế quốc Mĩ thi hành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mĩ về nước nhưng kéo dài và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia. Quân dân ta phối hợp với quân dân Lào, Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh".

- Từ 1973 đến 1975: Sau Hiệp định Pari, Mĩ tiếp tục chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", chỉ huy ngụy quân, ngụy quyền tiến hành chiến tranh lấn chiếm và bình định. Ta tạo lực, tạo thế, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Câu 10: Trình bày sự phát triển của cách mạng miền Nam từ 1954 đến 1960?

- Từ cuối 1957 trở đi cuộc đấu tranh trở nên vô cùng quyết liệt, chống các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" và đạo luật 10/59 của Mĩ – Diệm. Không chỉ đấu tranh chính trị đơn thuần, đồng bào ta ở miền Nam bước đầu dùng hình thức đấu tranh vũ trang để giữ gìn và phát triển phong trào.

- Cuối năm 1959, một số cuộc khởi nghĩa từng phần đã nổ ra ở nhiều nơi theo đường lối cách mạng bạo lực mà Đảng đã vạch ra trong Nghị quyết 15, mở đầu là cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng (8-1959). Sang đầu 1960 phong trào "Đồng khởi" phát triển rầm rộ khắp nông thôn miền Nam mà lá cờ đầu là Bến Tre (17-1-1960). Cuộc "Đồng khởi" vĩ đại bằng lực lượng chính trị quần chúng là chủ yếu đã dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) và làm phá sản hoàn toàn chính sách đàn áp khủng bố mang tính chất "chiến tranh một phía" của đế quốc Mĩ.

Như vậy, từ năm 1954 đến 1960 cách mạng miền Nam phát triển từ chỗ chỉ dùng đấu tranh chính trị lên đến đấu tranh chính trị có đấu tranh vũ trang hỗ trợ, với cuộc "Đồng khởi" 1960 cách mạng đã phát triển thành cao trào, giành kết quả hết sức to lớn.

Quá trình đấu tranh cách mạng 1954 – 1960 chứng tỏ sự nhạy bén, sáng suốt của Đảng, bản lĩnh cách mạng kiên cường của quần chúng miền Nam và sự dự báo về thắng lợi hoàn toàn là tất yếu của sự nghiệp chống Mĩ cứu nước.

Câu 11: Từ năm 1961 đến 1965, trên cả hai miền đất nước, nhân dân ta đã đấu tranh giành được thắng lợi như thế nào?

* **Ở miền Bắc**: Trong 5 năm 1961 -1965, đã khắc phục được những khó khăn, phấn đấu gian khổ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Các phong trào thi đua "Ba nhất", Đại Phong, Duyên Hải, Thành Công, Bắc Lý, phong trào thi đua đạt danh hiệu tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, các cuộc vận động cải tiến quản lí hợp tác xã, cải tiến kĩ thuật nông nghiệp, phát triển kinh tế miền núi...

Đến cuối năm 1964, miền Bắc đã bảo đảm được cơ bản về lương thực, tự giải quyết được 90% hàng tiêu dùng, bắt đầu có tích luỹ từ trong nước. Cuối năm 1965, 89% số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã chuyển lên bậc cao. Những cơ sở đầu tiên về cơ khí, luyện kim, hoá chất với 1050 xí nghiệp Trung ương và địa phương được xây dựng. Các khu công nghiệp quan trọng: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Nguyên, Việt Trì... được hình thành.

Tháng 12-1965, Trung ương đảng đã khẳng định: " Trải qua hơn 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế, quốc phòng lớn mạnh".

* **Ở miền Nam:** Quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ: Thất bại trong chiến lược chiến tranh điển hình, Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Đây là hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy và trang bị của Mĩ nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam. Để thực hiện "chiến tranh đặc biệt", Mĩ - ngụy tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược nhằm thực hiện chính sách "bình định" ở miền Nam, coi đó là quốc sách của "chiến tranh đặc biệt".

Thừa thắng xông lên, quân dân miền Nam liên tiếp đánh bại "Chiến tranh đặc biệt " của Mĩ – ngụy. Đó là thắng lợi trên mặt trận chính trị diễn ra khắp nông thôn và thành thị. Đó còn là thắng lợi của phong trào chống chính sách "bình định của kẻ thù". Đặc biệt trên mặt trận quân sự, vào ngày 2-1-1963 quân dân ta giành được thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho) còn đỉnh cao là chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa) và tháng 12-1964. Với chiến thắng Bình Giã đã góp phần quyết định trong việc đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy. Tiếp theo đó là chiến thắng An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài... Những thắng lợi đó của ta và thất bại của địch đã làm cho so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi theo hướng có lợi cho ta. Lực lượng vũ trang ba thứ quân của ta lớn mạnh vượt bậc, vùng giải phóng chiếm phần lớn đất đai ở miền Nam. Ngược lại ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn sau thất bại của quốc sách ấp chiến lược, của chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận, nội bộ lục đục ngày càng đến gần nguy cơ tan rã và sụt đổ hoàn toàn.

Câu 12: Nêu khái quát tình hình hai miền Bắc, Nam sau Hiệp định Pari. Tác động của nó đối với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

+ *Miền Bắc:*

* Trở lại hoà bình, khắc phục hậu quả chiến tranh (khẩn trương tháo gỡ bom, mìn, thuỷ lôi, khai thông các tuyến giao thông chiến lược).

* Tập trung khôi phục và phát triển kinh tế: Cuối năm 1974 sản xuất công, nông nghiệp căn bản vượt mức so với năm 1964 và 1971.

* Ra sức chi viện sức người, sức của cho miền Nam: năm 1973-1974 đưa vào các chiến trường 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cùng hạng vạn tấn vật chất...

+ *Miền Nam:*

* Mĩ, nguỵ phá hoại Hiệp định Pari (Mĩ rút quân nhưng vẫn để lại cố vấn và toàn bộ thiết bị chiến tranh, viện trợ cho chính quyền Thiệu, tiếp tục thực hiện "Việt Nam hoá chiến tranh"...)

* Quân dân ta đấu tranh chống địch "bình định lấn chiếm"; nhưng do không đánh giá hết âm mưu địch phá hoại Hiệp định, nên một số nơi mất đất, mất dân.

* Từ cuối năm 1973, thực hiện Nghị quyết 21 của BCHTƯ Đảng, quân dân miền Nam đẩy mạnh đấu tranh trên cả 3 mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao giành thắng lợi to lớn (chiến dịch Đường 14 – Phước Long...)

* Tình hình thay đổi mau lẹ, so sánh lực lượng ngày càng chuyển biến có lợi cho ta. Trên cơ sở đó, Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam.

Câu 13: Trải qua 15 năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước (từ 1960 đến 1975), nhân dân miền Nam lần lượt đánh lui từng bước, đánh bại từng âm mưu, đánh đổ từng bộ phận đi đến đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ như thế nào?

Nêu các ý lớn sau:

- Đế quốc Mĩ xâm lược miền Nam, chà đạp trắng trợn lên nguyện vọng hoà bình thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta, xâm phạm thô bạo độc lập tự do của Tổ quốc ta làm cho trong xã hội miền Nam xuất hiện hai mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn toàn thể nhân dân miền Nam với đế quốc Mĩ và tay sai; Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam (nhất là nông dân) với bọn địa chủ phong kiến.

- Mở đầu là cuộc "Đồng khởi" (1959-1960) làm phá sản hoàn toàn chiến tranh một phía của đế quốc Mĩ, đưa cách mạng miền Nam từ giữ gìn lực lượng sang thế tấn công liên tục bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" ca ngợi sức mạnh quật khởi vô cùng to lớn của nhân dân miền Nam được Đảng lãnh đạo.

"Đồng khởi" là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của cách mạng miền Nam, tạo nên tiền đề hết sức quan trọng trong sự phát triển của cách mạng trong những giai đoạn tiếp theo trong thế tiến công liên tục và ngày càng mở rộng.

- Phong trào "Đồng khởi" giành được thắng lợi đã làm phá sản chiến lược chiến tranh điển hình của đế quốc Mĩ, buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ngọn cờ đoàn kết của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam đã đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và tay sai, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận, đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược: miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

* *Trên mặt trận quân sự:* quân ta đã giành thắng lợi mở đầu vang dội tại Ấp Bắc (Mĩ Tho) vào ngày 2-1-1963. Ta đánh bại cuộc hành quân của 2000 quân ngụy có cố vấn Mĩ chỉ huy, có sự hỗ trợ của pháo binh, xe tăng máy bay.

Với trận này ta loại khỏi vùng chiến đấu 450 tên địch, bắn rơi 8 máy bay, bắn cháy 3 xe bọc thép. Từ đó dấy lên một phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công".

Với chiến thắng Ấp Bắc quân dân ta đã đánh bại chiến thuật "Trực thăng vận" của Mĩ - ngụy. Nó chứng minh rằng quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

- Sau chiến thắng Ấp Bắc, quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và ngày càng đánh lớn. Cuối 1964, quân dân Nam Bộ mở chiến dịch tấn công Đông Xuân (1964 – 1965) với trận mở màn vào ấp Bình Giã (Bà Rịa) vào 12-1964. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1700 tên địch trong đó có 60 cố vấn Mĩ, thu và phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

* *Trên mặt trận chống "bình định":* cuộc đấu trang giữa ta và địch diễn ra dai dẳng, quyết liệt giữa lập và phá ấp chiến lược của địch, nhiều ấp chiến lược trở thành làng chiến đấu của ta.

* *Trên mặt trận chính trị:* Ở các đô thị và nhiều vùng nông thôn phong trào nổ ra mạnh mẽ. Đặc biệt là tại các thành phố như: Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, nhất là thanh niên, học sinh và Phật tử.

Chính phong trào này đã góp phần làm lung lay ngụy quyền Sài Gòn, buộc Mĩ phải đi đến đảo chính Ngô Đình Diệm vào ngày 1-11-1963.

- Các sự kiện trên đã đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam. Đánh bại "chiến tranh đặc biệt" là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược thứ hai cho cách mạng miền Nam, đó cũng là thất bại thứ hai của đế quốc Mĩ và tay sai.

- Đầu năm 1965, trước sự phá sản của chiến lược "chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã chuyển sang thực hiện "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Với quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ, ngày 18-8-1965, tại Vạn Tường (Quảng Ngãi) bộ đội chủ lực của ta đã đụng đầu với chủ lực của Mĩ. Với lực lượng 9.000 tên lính thủy đánh bộ, có hàng trăm máy bay, hàng chục xe tăng xe bọc thép và nhiều tàu chiến của hạm đối 7 Mĩ yểm trợ, càn quét Vạn

Tường. Trong khi đó, với số lượng và trang bị ít hơn địch nhiều lần, các lực lượng vũ trang giải phóng đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, mưu trí, linh hoạt.

Chiến thắng Vạn Tường, ta đã diệt 919 tên địch, bắn rơi và phá hủy 23 máy bay, 22 xe tăng và xe bọc thép. Đập tan hoàn toàn cuộc càn quét quy mô lớn của địch.

Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ lực lượng vũ trang miền Nam hoàn toàn đủ sức mạnh đương đầu và đánh bại đội quân viễn chinh Mĩ. Chứng tỏ rằng cách mạng miền Nam hoàn toàn có đủ khả năng đánh thắng đế quốc Mĩ về quân sự trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" vốn là chiến lược của Mĩ hi vọng giành thắng lợi bằng sức mạnh quân sự. Từ đó, khắp niềm Nam dấy lên phong trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt".

- Tiếp đó quân dân miền Nam đập tan hai cuộc phản công mùa khô của Mĩ.

- So sánh tương quan lực lượng sau hai cuộc phản công chiến lược mùa khô có lợi cho ta. Tình hình kinh tế – chính trị – xã hội của Mĩ gặp nhiều khó khăn, tinh thần binh lính Mĩ giảm sút. Lợi dụng tình hình trên ta chủ động mở cuộc tổng công kích tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam, chủ yếu đánh vào các đô thị.

Đêm 30-1-1968 (Tết Mậu Thân) quân dân miền Nam đồng loạt nổi dậy và tấn công vào hệ thống phòng ngự của địch khắp miền Nam. Đánh vào 64 vị trí, căn cứ quân sự, các khu hậu cần, sân bay, bến cảng. Trong đó có những thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng ta làm chủ được nhiều ngày. Đồng thời đánh vào các sào huyệt cơ quan đầu não của địch như Toà đại sứ Mĩ, Dinh Độc lập, Bộ tổng tham mưu ngụy, các bộ tư lệnh quân chủng, quân đoàn, chi khu quân sự...

Trong vòng hơn một tuần lễ quân ta đã giành được những thắng lợi to lớn:

+ Loại khỏi vòng chiến đấu 147.000 tên địch, 43.000 tên Mĩ, tiêu diệt gọn 29 tiểu đoàn (có 9 tiểu đoàn Mĩ) phá 1.500 máy bay 4000 xe quân sự, hàng loạt kho bom đạn, xăng dầu, bức rút và bức hàng trên 700 đồn bốt.

+ Đã huy động được hàng triệu quần chúng xuống đường tham gia chiến đấu giành quyền làm chủ, giải phóng hơn 1000 thôn ấp và 1,2 triệu dân.

+ Giáng một đòn quyết định vào chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ, làm lung lay ý đồ quyết tâm xâm lược của Mĩ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận ngồi vào đàm phán Pari để giải quyết vấn đề chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

+ Thắng lợi của tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968 đã mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đây là thắng lợi thứ ba và bước nhảy vọt thứ hai của cách mạng miền Nam, nói lên sự phát triển nhanh chóng, vững vàng của cách mạng miền Nam.

- Thừa thắng trong chiến lược chiến tranh cục bộ Trung ương Đảng quyết định tiếp tục chiến lược tấn công, kiên quyết đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ.

Thắng lợi chính trị: Mở đầu là ngày 6-6-1969 chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập. Vừa mới ra đời, Cộng hòa miền Nam Việt Nam được 23 nước công nhận trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Năm 1969 quân dân miền Nam mở cuộc tấn công chiến lược trên toàn miền Nam, liên tục đánh vào các vị trí, các căn cứ quân sự, các cơ quan, các kho tàng của địch.

- Trong 2 ngày 24 và 25-4-1970, đại diện ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia tiến hành Hội nghị cấp cao khẳng định quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước.

- Cũng trong thời gian trên, phối hợp chiến đấu, quân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mĩ ngụy, đập tan cuộc hành quân lấn chiếm Cánh đồng Chum – Xiêng Khoảng (Lào).

+ Từ 12 đến 23-3-1971 quân dân ta có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào đã đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của 4,5 vạn quân Mĩ ngụy tại Đường 9 - Nam Lào.

- Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị... phong trào quần chúng nổi dậy phá "ấp chiến lược", chống "bình định" của Mĩ ngụy.

Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị trong hai năm 1970 – 1971 quân dân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược bắt đầu từ 30-03-1972. Mở đầu đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, từ Quảng Trị phát triển khắp chiến trường miền Nam. Đây là một cuộc tiến công với quy mô lớn và cường độ mạnh.

Sau gần 3 tháng chiến đấu (6-1972) quân dân ta đã giành thắng lợi to lớn, loại khỏi vùng chiến đấu 10 vạn quân Mĩ – Ngụy, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với hơn một triệu dân.

Cuộc tiến công chiến lược 1972 đã tạo một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, đã giáng một đòn mạnh vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) vào quốc sách bình định (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" làm cho chiến lược "Việt Nam hóa" bị thất bại.

Do liên tiếp bị thất bại nặng nề ở cả hai miền nước ta, lại muốn giành thắng lợi trong cuộc tranh cử Tổng thống vào đầu tháng 11-1972, Nichxơn dùng thủ đoạn lùi bước trong thương lượng với ta ở Pari và xuống thang chiến tranh phá hoại Miền Bắc, cuối cùng vào ngày 27-3-1973 phải kí Hiệp định Pari và rút quân về nước.

- Trong 2 năm 1973 – 1974 ta liên tiếp giành nhiều thắng lợi trên hầu khắp các mặt trận. Vùng giải phóng ngày được mở rộng. Ta đã xây dựng được những binh đoàn cơ động mạnh, có sức chiến đấu hợp đồng binh chủng. Ta đã mạnh hơn địch cả thế và lực. Ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn diện sâu sắc.

Những điều kiện bên trong và bên ngoài ấy hợp với nhau tạo thành thời cơ chiến lược mới để ta tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

- Trước thời cơ chiến lược mới Đảng đã chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng miền Nam. Chủ trương của Đảng được thể hiện bằng một kế hoạch cụ thể để giải phóng miền Nam trong hai năm: 1975-1976 được thông qua tại Hội nghị Bộ Chính trị từ 18-12-1974 đến 8-1-1975.

- Trong khi Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đang họp, quân dân miền Nam đã giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (6-1-1975). Chiến thắng Phước Long đã chứng tỏ ngụy quyền Sài Gòn suy yếu nghiêm trọng.

Do đó, Bộ Chính trị quyết định: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975". Chủ trương đó của Đảng là đúng đắn, sáng suốt, linh hoạt và kịp thời, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 được tiến hành qua ba Chiến dịch Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Mở màn là trận thắng ở Buôn Ma Thuột ngày 10-3-1975 và kết thúc vào ngày 30-4-1975, giải phóng Sài Gòn và đến ngày 2-5-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Như vậy, sau hơn 15 năm, kể từ phong trào "Đồng khởi", đến Chiến dịch Hồ Chí Minh, Mĩ đã thực hiện năm kế hoạch chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Cứ sau một chiến lược chiến tranh bị thất bại, Mĩ lại thay đổi một chiến lược chiến tranh khác, mà lần sau bao giờ cũng ác liệt hơn lần trước. Nhưng nhân ta ở miền Nam, có sự viện trợ tích cực của miền Bắc, đã chiến đấu rất anh dũng, lần lượt đánh bại từng kế hoạch chiến lược của Mĩ để tiến lên Tổng tiến công nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu 14: Hãy điền các sử liệu theo yêu cầu ở bảng thống kê sau đây:

Thời gian	Các chiến lược chiến tranh	Các đời tổng thống Mĩ
1954 - 1960		
1961-1965		
1965 -1968		
1969-1973		
1973 -1975		

Trả lời: 1- Chiến tranh một phía – Tổng thống Aixenhao.

2- Chiến tranh đặc biệt – Tổng thống Kennơđi.

3- Chiến tranh cục bộ – Tổng thống Giônơn.

4- Chiến tranh Việt Nam hoá lần I – Tổng thống Ních-xơn.

5- Chiến tranh Việt Nam hoá lần II – Tổng thống Pho.

Chương VI
CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 – 1991)

Bài 16
HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ VỀ MẶT NHÀ NƯỚC (1975 – 1976)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

1. Yêu cầu về việc hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước

- Nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975) là giành độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, đồng thời chấm dứt tình trạng đất nước bị chia cắt.

- Về mặt lãnh thổ, Tổ quốc Việt Nam trên thực tế đã được thống nhất từ sau chiến thắng lịch sử ngày 30-4-1975, song ở mỗi miền lại tồn tại một tổ chức Nhà nước khác nhau.

+ Ở miền Bắc có Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

+ Ở miền Nam, có Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam và Hội đồng cố vấn của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cách mạng là chính quyền các cấp.

- Từ thực tế đó, sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, một trong những nguyện vọng tha thiết trước mắt, đồng thời là tình cảm thiêng liêng của nhân dân hai miền Nam – Bắc là sớm được sum họp trong một đại gia đình, mong muốn có một Chính phủ thống nhất, một cơ quan đại diện quyền lực chung của nhân dân cả nước.

2. Quá trình thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

- Để đáp lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, đồng thời cũng phù hợp với thực tế lịch sử của dân tộc "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một".

Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp trong tháng 9-1975, đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

- Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương Chính trị thống nhất đất nước họp tại Sài Gòn. Hai đoàn đại biểu đại diện cho hai miền đã tham dự Hội nghị. Hội nghị đã đi đến nhất trí hoàn toàn các vấn đề thuộc chủ trương và biện pháp nhằm thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

- Ngày 25-4-1976, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội được tổ chức trong cả nước. Đây là lần thứ hai cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước sau lần đầu tiên tổ chức ngày 6-1-1946. Đây là Quốc hội khoá VI.

- Cuối tháng 6 đầu tháng 7-1976 Quốc hội khóa VI họp kì đầu tiên, với 5 quyết định.

+ Quốc hội thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất, quyết định chuyển cách mạng Việt Nam sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa...

+ Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2-7-1976) quyết định Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài "Tiến quân ca" quyết định Quốc huy, quyết định Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất, thành phố Sài Gòn đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quốc hội bầu các cơ quan, các chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam gồm: Chủ tịch nước, Phó chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Quốc phòng, Chánh án Toà án Nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao.

+ Ở địa phương tổ chức thành ba cấp chính quyền: Cấp tỉnh và cấp thành phố trực thuộc Trung ương, cấp huyện và cấp tương dương, cấp xã và cấp tương đương. Ở mỗi cấp chính quyền đều có Hội đồng nhân dân được bầu ra theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

+ Quốc hội bầu Ủy ban dự thảo Hiến pháp và quyết định khi chưa có Hiến pháp mới thì nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp 1959 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chính thức được Quốc hội thông qua ngày 18-12-1980. Đây là Hiến pháp đầu tiên của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

3. Ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước

- Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước là yêu cầu tất yếu khách quan của sự phát triển của dân tộc, là ý chí thống nhất Tổ quốc, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất.

- Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước để thể chế hóa thống nhất lãnh thổ và tạo cơ sở pháp lý để hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực khác, tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện đất nước và để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Nêu những yêu cầu về việc hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước sau năm 1975?

- Nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) là giành độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, đồng thời chấm dứt tình trạng đất nước bị chia cắt.

- Về mặt lãnh thổ, Tổ quốc Việt Nam trên thực tế đã được thống nhất từ sau chiến thắng lịch sử ngày 30-4-1975, song ở mỗi miền lại tồn tại một tổ chức Nhà nước khác nhau.

+ Ở miền Bắc có Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

+ Ở miền Nam, có Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam và Hội đồng cố vấn của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cách mạng là chính quyền các cấp.

- Từ thực tế đó, sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, một trong những nguyện vọng tha thiết trước mắt, đồng thời là tình cảm thiêng liêng của nhân dân hai miền Nam – Bắc là sớm được sum họp trong một đại gia đình, mong muốn có một Chính phủ thống nhất, một cơ quan đại diện quyền lực chung của nhân dân cả nước.

- Để đáp lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, đồng thời cũng phù hợp với thực tế lịch sử của dân tộc "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một".

Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp trong tháng 9-1975, đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

- Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương Chính trị thống nhất đất nước họp tại Sài Gòn. Hai đoàn đại biểu đại diện cho hai miền đã tham dự Hội nghị. Hội nghị đã đi đến nhất trí hoàn toàn các vấn đề thuộc chủ trương và biện pháp nhằm thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

Câu 2: Kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI đã quyết định những công việc gì?

- Ngày 25-4-1976, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội được tổ chức trong cả nước. Đây là lần thứ hai cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước sau lần đầu tiên tổ chức ngày 6-1-1946. Đây là Quốc hội khoá VI.

- Cuối tháng 6 đầu tháng 7-1976 Quốc hội khóa VI họp kì đầu tiên, với 5 quyết định.

+ Quốc hội thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất, quyết định chuyển cách mạng Việt Nam sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa...

+ Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2-7-1976) quyết định Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài "Tiến quân ca" quyết định Quốc huy, quyết định Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất, thành phố Sài Gòn đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quốc hội bầu các cơ quan, các chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam gồm: Chủ tịch nước, Phó chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Quốc phòng, Chánh án Toà án Nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

+ Ở địa phương tổ chức thành ba cấp chính quyền: Cấp tỉnh và cấp hành phố trực thuộc Trung ương, cấp huyện và cấp tương đương, cấp xã và áp tương đương. Ở mỗi cấp chính quyền đều có Hội đồng nhân dân được bầu a theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

+ Quốc hội bầu Ủy ban dự thảo Hiến pháp và quyết định khi chưa có Hiến pháp mới thì nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và ıoạt động trên cơ sở Hiến pháp 1959 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chính thức được Quốc ıội thông qua ngày 18-12-1980. Đây là Hiến pháp đầu tiên của thời kì quá độ ên chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Câu 3: Ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

- Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước là yêu cầu tất yếu :hách quan của sự phát triển của dân tộc, là ý chí thống nhất Tổ quốc, quyết âm xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất.

- Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước để thể chế hóa hống nhất lãnh thổ và tạo cơ sở pháp lí để hoàn thành thống nhất đất nước rên các lĩnh vực khác, tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh oàn diện đất nước và để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bài 17

VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1976 – 1991)

A. KIẾN THỨC CẦN NẮM

. BƯỚC ĐẦU ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐẦY THỬ THÁCH (1976 - 1986)

. Giai đoạn 1976 – 1980

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 à Đại hội mở đầu giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội nêu sự ất yếu và tầm quan trọng trong việc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; ạch ra đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng :inh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kì quá độ; nêu ba đặc điểm lớn ủa tình hình mà đặc điểm lớn nhất là "nước ta vẫn đang trong quá trình từ nột xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ ıghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa", đặc điểm này quy :inh tính chất cách mạng xã hội chủ nghĩa và quá trình của cuộc cách mạng ó ở nước ta; định hướng nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980).

+ Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980) mở đầu giai đoạn mới, có vị rí hết sức quan trọng, vì "nó vừa giải quyết những hậu quả nặng nề của 30 ıăm chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới, vừa phải tổ chức lại nền kinh tế

vốn nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng một bước nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩ trong cả nước, đặt nền móng cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà".

+ Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980), nhân dân ta d đạt được những thành tựu và tiến bộ đáng kể trong khôi phục và phát triể kinh tế. Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta có không ít yếu kéı nhất là trong lĩnh vực kinh tế – xã hội. Đó là nền kinh tế của ta còn mất câ đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấ đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong xã hội nảy sinh nhiều hiệ tượng tiêu cực.

2. Giai đoạn 1981 – 1985

+ Đại hội lần thứ V của Đảng từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 khẳn định tiếp tục đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xâ dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kì quá độ đã vạch ra t Đại hội IV. Tuy nhiên, đến Đại hội V, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội nước ta bắt đầu có sự điều chỉnh, bổ sung và cụ thể hóa cho từng chặn đường, từng bước đi phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. Đại hội cũng nhấ mạnh cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là xây dựng chủ nghĩa xã h và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hai nhiệm vụ chiến lược (tiến hành đồng thời và quan hệ mật thiết với nhau, trong đó xây dựng ch nghĩa xã hội là nhiệm vụ hàng đầu.

+ Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 – 1985) có nhiệm vụ đẩy mạnh c tạo kinh tế, phát triển thêm một số bước và sắp xếp lại cơ cấu kinh tế quố dân, nhằm đem lại sự ổn định về cơ bản tình hình kinh tế – xã hội, đáp ứı những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nh những chỗ mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.

Trong 5 năm thực hiện kế hoạch (1981 - 1985), đã đạt được những thàn tựu và tiến bộ quan trọng. Tuy nhiên, khó khăn yếu kém vẫn còn nhiều, vẫ là những khó khăn, yếu kém của thời kì trước chưa hạn chế và khắc ph được, thậm chí còn có mặt trầm trọng thêm. Mục tiêu cơ bản của kế hoạch l "Cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân" vẫ chưa được thực hiện.

II. ĐẤT NƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI (1986 – 1991)

1. Đường lối đổi mới xây dựng đất nước trong thời kì quá độ

Đổi mới là để khắc phục khó khăn, vượt qua cuộc khủng hoảng của ch nghĩa xã hội, đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Đại hội toàn quốc cı Đảng lần thứ VI (12-1986) đề ra đường lối đổi mới. Đổi mới về kinh tế đi đ với đổi mới chính trị, trọng tâm là đổi mới kinh tế.

Đổi mới về kinh tế: Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phầ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường có s quản lí của Nhà nước, nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh t đồng thời đặt ra yêu cầu cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo đi đôi với sử dụn

và phải nhằm làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

- Nâng cao nhận thức về chủ nghĩa xã hội khoa học, trước tiên về đặc điểm thời kì quá độ lên chủ nghĩa ở nước ta là cả một thời kì lịch sử lâu dài, khó khăn, trải qua nhiều chặng, mà xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội cho chặng đường đầu tiên (phải trong nhiều kế hoạch 5 năm).

- Nhiệm vụ, mục tiêu của chặng đường đầu tiên là "ổn định tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo". Trước mắt, trong 5 năm (1986 – 1990) phải tập trung sức người, sức của thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế: Lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng* và *hàng xuất khẩu.*

Đổi mới về chính trị: Dân chủ hóa xã hội với quan điểm "Lấy dân làm gốc"; đổi mới nội dung phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", coi đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lí lấy Nhà nước của mình.

2. Thành tựu và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 1991)

a. Thành tựu:

+ Thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã đạt được nhiều thành tựu, trước hết là trong việc thực hiện Ba chương trình kinh tế.

+ Về lương thực-thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập gạo (hơn 45 vạn tấn), đến năm 1990 ta đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất-nhập khẩu.

+ Hàng hóa, nhất là hàng tiêu dùng trên thị trường dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, tiến bộ về mẫu mã và chất lượng. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường.

+ Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập.

+ Bước đầu kiềm chế được được đà lạm phát. Chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20% đến năm 1991 là 4,4%. Các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi hơn để hạch toán kinh doanh, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

+ Thắng lợi cơ bản có ý nghĩa chiến lược lâu dài là bước đầu khẳng định chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. Điều đó đã đi vào cuộc sống, phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy được tiềm năng và sức

sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, tăng sản phẩm cho xã hội. Những thành tựu và ưu điểm nói trên là rất quan trọng. Nó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

b. Hạn chế:

+ Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm tăng, hiệu quả kinh tế thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

+ Chế độ tiền lương bất hợp lí, đời sống của người ăn lương, của một bộ phận nông dân giảm sút, tỉ lệ tăng dân số còn cao.

+ Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp; tình trạng tham nhũng, mất dân chủ, bất công xã hội, vi phạm pháp luật và nhiều hiện tượng tiêu cực khác còn nặng nề và phổ biến.

+ Thành tựu và ưu điểm là rất quan trọng, những khó khăn, yếu kém là rất lớn. Đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1976 - 1980), nước ta đạt được những thành tựu và có những khó khăn yếu kém gì?

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 là Đại hội mở đầu giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội nêu sự tất yếu và tầm quan trọng trong việc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; vạch ra đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kì quá độ; nêu ba đặc điểm lớn của tình hình mà đặc điểm lớn nhất là "nước ta vẫn đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa", đặc điểm này quy định tính chất cách mạng xã hội chủ nghĩa và quá trình của cuộc cách mạng đó ở nước ta; định hướng nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980).

+ Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980) mở đầu giai đoạn mới, có vị trí hết sức quan trọng, vì "nó vừa giải quyết những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới, vừa phải tổ chức lại nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng một bước nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đặt nền móng cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà".

+ Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu và tiến bộ đáng kể trong khôi phục và phát triển kinh tế. Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta có không ít yếu kém nhất là trong lĩnh vực kinh tế – xã hội. Đó là nền kinh tế của ta còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp,

ời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong xã hội nảy sinh nhiều hiện ượng tiêu cực.

âu 2: Trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1981-1985), ước ta đạt được những thành tựu và có những khó khăn yếu kém gì?

+ Đại hội lần thứ V của Đảng từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 khẳng ịnh tiếp tục đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây ựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kì quá độ đã vạch ra từ ại hội IV. Tuy nhiên, đến Đại hội V, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở ước ta bắt đầu có sự điều chỉnh, bổ sung và cụ thể hóa cho từng chặng ường, từng bước đi phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. Đại hội cũng nhấn ạnh cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là xây dựng chủ nghĩa xã hội à bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hai nhiệm vụ chiến lược đó iến hành đồng thời và quan hệ mật thiết với nhau, trong đó xây dựng chủ ghĩa xã hội là nhiệm vụ hàng đầu.

+ Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985) có nhiệm vụ đẩy mạnh cải ạo kinh tế, phát triển thêm một số bước và sắp xếp lại cơ cấu kinh tế quốc ân, nhằm đem lại sự ổn định về cơ bản tình hình kinh tế – xã hội, đáp ứng hững nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ hững chỗ mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.

Trong 5 năm thực hiện kế hoạch (1981 - 1985), đã đạt được những thành ựu và tiến bộ quan trọng. Tuy nhiên, khó khăn yếu kém vẫn còn nhiều, vẫn những khó khăn, yếu kém của thời kì trước chưa hạn chế và khắc phục, hậm chí còn có mặt trầm trọng thêm. Mục tiêu cơ bản của kế hoạch là "Cơ ản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân" vẫn hưa được thực hiện.

âu 3: Từ Đại hội VI (12-1986), Đảng và Nhà nước ta có chủ trương à quan điểm đổi mới về kinh tế và chính trị như thế nào?

Đổi mới là để khắc phục khó khăn, vượt qua cuộc khủng hoảng của chủ ghĩa xã hội, đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Đại hội toàn quốc của ảng lần thứ VI (12-1986) đề ra đường lối đổi mới. Đổi mới về kinh tế đi đôi ới đổi mới chính trị, trọng tâm là đổi mới kinh tế.

Đổi mới về kinh tế: Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, heo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản của Nhà nước, nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đồng hời đặt ra yêu cầu cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo đi đôi với sử dụng và phải hằm làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực ượng sản xuất, có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

- Nâng cao nhận thức về chủ nghĩa xã hội khoa học, trước tiên về đặc iểm thời kì quá độ lên chủ nghĩa ở nước ta là cả một thời kì lịch sử lâu dài, hó khăn, trải qua nhiều chặng, mà xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ,

mục tiêu kinh tế – xã hội cho chặng đường đầu tiên (phải trong nhiều kế hoạch 5 năm).

- Nhiệm vụ, mục tiêu của chặng đường đầu tiên là "ổn định tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo". Trước mắt, trong 5 năm (1986 – 1990) phải tập trung sức người, sức của thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế: Lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng* và *hàng xuất khẩu.*

Đổi mới về chính trị: Dân chủ hóa xã hội với quan điểm "Lấy dân làm gốc"; đổi mới nội dung phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*, coi đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lí lấy Nhà nước của mình.

Câu 4: So sánh công cuộc cải tổ ở Liên Xô với công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Tiêu chí so sánh	***Liên Xô***	***Việt Nam***
Bối cảnh	Mô hình và cơ chế cũ của CNXH không còn phù hợp, cản trở sự phát triển. Thiếu công bằng, thiếu dân chủ, quan liêu, độc đoán làm cho nhân dân bất mãn, đất nước lâm vào tình trạng trì trệ.	Trải qua Đại hội IV, V, bên cạnh thành tựu, còn không ít yếu kém, khó khăn do sai lầm, khuyết điểm gây ra làm cho đất nước giữa những năm 80 lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
Đổi mới về chính trị	Đa nguyên, đa đảng, thực hiện chế độ tổng thống, tập trung quyền lực.	Đổi mới không thay đổi mục tiêu CNXH. Đổi mới chính trị phải tích cực, vững chắc, lấy dân làm gốc.
Đổi mới kinh tế	Chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường trong lúc cơ chế mới chưa hình thành.	Thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.
Chính sách đối ngoại	Thân phương Tây, xa rời bạn bè truyền thống.	Mở rộng quan hệ đối ngoại.

NIÊN BIỂU – SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1954 – 1995)

- 1-1-1955: Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Cát Bà (Hải Phòng) miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng.

- 5-9-1955: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập.

- 14-5-1956: Chính phủ Pháp gởi cho hai chủ tịch Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương bản thông điệp thông báo quân viễn chinh ở Việt Nam đã rút hết về nước.

- 19-5-1959: Đoàn vận tải quân sự 559 được thành lập, khai phá mở đường chiến lược Trường Sơn.

- 1959 – 1960: Nhân dân Việt Nam nổi dậy làm cuộc "Đồng khởi" đánh vào chính quyền Mĩ - Ngụy, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- 5 đến 12-9-1960: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam, là "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà". Đại hội bầu lại Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng.

- 20-12-1960: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.

- 15-2-1961: Các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành Quân Giải phóng miền Nam.

- 7-2-1965 đến 1-11-1968: Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ nhất của Mĩ, vừa chiến đấu vừa sản xuất.

- 31-1 đến 25-2-1968: Cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt năm 1968 của quân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (hai đợt tiếp theo 5-5 đến 16-6 và 17-8 đến 23-9).

- 13-5-1968 đến 27-1-1973: Hội nghị giữa hai nước Việt Nam – Hoa Kì, bốn bên họp ở Pari bàn giải pháp chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- 6 đến 8-6-1969: Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam họp, bầu Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn Chính phủ.

- 2-9-1969: Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.

- 18-3-1970: Mĩ chỉ đạo bọn tay sai làm cuộc đảo chính quân sự lật đổ Chính phủ trung lập Xihanúc, thành lập Chính phủ bù nhìn tay sai London, mở rộng chiến tranh xâm lược Campuchia.

- 24 đến 25-4-1970: Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp để khẳng định quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chống Mĩ.

- 30-3-1972: Mở đầu cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ở miền Nam chống chiến lược "chiến tranh Việt Nam hóa" của Mĩ.

- 6-4-1972 đến 15-1-1973: Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ.

- 18 đến 29-12-1972: Miền Bắc đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ làm nên "Điện Biên Phủ" trên không.

- 27-1-1973: Hiệp định Pari về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- 29-3-1973: Mĩ rút hết quân xâm lược khỏi Việt Nam.

- 4-3 đến 2-5-1975: Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Chiến dịch Tây Nguyên (4-3 đến 24-4), Huế - Đà Nẵng (21-3 đến 29-3), Hồ Chí Minh (26-4 đến 30-4).

- 30-4-1975: Sài Gòn giải phóng.

- 25-4-1976: Tổng tuyển cử bầu Quốc hội lần thứ hai tổ chức trong cả nước sau lần đầu tổ chức ngày 6-1-1946.

- 2-7-1976: Định tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- 14 đến 20-12-1976: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Lao động Việt Nam là "Đại hội mở đầu thời kì cả nước đi lên Chủ nghĩa Xã hội". Đại hội đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

- 31-1-1977: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập trên cơ sở thống nhất mặt trận hai miền Nam Bắc.

- 20-9-1977: Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc.

- 22-12-1978: Quân ta chiến đấu đập tan cuộc tấn công xâm lược biên giới Tây Nam của bọn PônPốt – Iêng Xari.

- 18-12-1980: Quốc hội khóa VI thông qua Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- 15 đến 18-12-1986: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, là "Đại hội mở đầu" công cuộc đổi mới đất nước đi lên Chủ nghĩa Xã hội".

- 24 đến 27-6-1991: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam, là "Đại hội tiếp tục công cuộc đổi mới đất nước đi lên Chủ nghĩa Xã hội" Đại hội thông qua "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội".

- 28-7-1995: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) là thành viên thứ 7 của ASEAN.

PHẦN HAI
LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Bài 1
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THỨ HAI

. LIÊN XÔ

. Những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã ıội ở Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những ıăm 1970.

a. Tình hình Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai với tư thế của người chiến thắng, uy ín chính trị và địa vị quốc tế của Liên Xô được nâng cao.

- Tuy nhiên, chiến tranh đã tàn phá đất nước với những tổn thất nặng ề, to lớn:

+ 20 triệu người chết.

+ 1710 thành phố và hơn 70.000 làng mạc bị tiêu huỷ, gần 32.000 nhà ıáy, xí nghiệp bị tàn phá.

+ Đời sống gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

- Thêm vào đó, các nước phương Tây (do Mĩ cầm đầu) đã thực hiện chính ách thù địch với Liên Xô: Tiến hành "chiến tranh lạnh", ráo riết chạy đua ũ trang và bao vây kinh tế nhằm chuẩn bị chiến tranh tổng lực để tiêu diệt ıiên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- Ngoài ra, Liên Xô còn phải làm nghĩa vụ giúp đỡ các nước xã hội chủ ghĩa và ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

b. Những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa ã hội.

- Để đưa đất nước vượt qua khó khăn, nhân dân Liên Xô đã khẩn trương ến hành hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước, hoàn ıành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 – 1950) trong vòng năm 3 tháng.

- Từ năm 1950 Liên Xô thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục ây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và đã thu được nhiều ıành tựu to lớn.

- *Về công nghiệp:* đến giữa những năm 1970 Liên Xô trở thành cường uốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ) chiếm khoảng 20% tổng ản lượng công nghiệp thế giới.

- *Về nông nghiệp:* riêng 1970 Liên Xô đạt được sản lượng và năng suất gũ cốc chưa từng có với 186 triệu tấn ngũ cốc và năng suất trung bình 15,6 ạ-hecta.

- *Về khoa học - kĩ thuật:* Liên Xô đạt nhiều đỉnh cao ở các lĩnh vực vật lý, hóa học, điện tử, điều khiển học, khoa học vũ trụ... Năm 1957 là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người. Năm 1960 đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái đất.

- Liên Xô đứng đầu thế giới về trình độ học vấn của nhân dân với ¾ dân số có trình độ Đại học và Trung học, trên 30 triệu người làm việc trí óc, công nhân chiếm hơn ½ số người lao động trong cả nước.

- Đầu năm 1970, bằng việc kí kết với Mĩ các Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa và về một số biện pháp nhằm hạn chế vũ khí tiến công chiến lược, Liên Xô đã đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh lực lượng hạt nhân nói riêng với các nước phương Tây.

2. Tình hình chính trị và chính sách đối ngoại của Liên Xô

a. Tình hình chính trị:

- Khoảng 30 năm sau chiến tranh, tình hình chính trị ở Liên Xô ổn định.

- Trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thành tích to lớn, các nhà lãnh đạo Xô-viết vẫn mắc những sai lầm: chủ quan, nóng vội, thực hiện chế độ nhà nước bao cấp về kinh tế, thiếu dân chủ, thiếu công bằng và chưa nhân đạo... Những thiếu sót và sai lầm này ít nhiều đã được phát hiện và kịp thời sửa chữa. Vì vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trong thời gian này vẫn phát triển, mức sống của nhân dân được nâng cao.

b. Chính sách đối ngoại:

- Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Liên Xô được coi là thành trì của hòa bình thế giới và chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới.

II. CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU

1. Các nước dân chủ Đông Âu thành lập

- Những năm 1944-1945, khi Hồng quân Liên Xô tiến quân vào truy kích quân đội phát xít Đức ở Đông Âu, nhân dân và các lực lượng vũ trang các nước Đông Âu đã phối hợp với Hồng quân Liên Xô tiêu diệt bọn phát xít, giành chính quyền, thành lập các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

- Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu là một biến đổi to lớn của cục diện châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Tuy đã thành lập nhà nước dân chủ nhân dân, nhưng chính quyền mới vẫn là chính quyền liên hiệp của nhiều giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

- Những năm 1947-1948, các đảng tư sản nhiều nước Đông Âu, được sự hỗ trợ của các thế lực chống đối trong và ngoài nước đã thực hiện nhiều âm mưu nhằm giành lại chính quyền, kể cả đảo chính lật đổ.

- Nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô, giai cấp vô sản và nhân dân lao động các nước Đông Âu đã đánh bại mọi hoạt động phản cách mạng, thiết lập chuyên chính vô sản, thực hiện những cải cách dân chủ.

- Những năm 1948-1949, các nước Đông Âu lần lượt hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Các nước Đông Âu xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Từ năm 1950 đến năm 1975, nhân dân các nước Đông Âu đã tiến hành xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện khó khăn, phức tạp.

- Được sự hỗ trợ của Liên Xô và sự nỗ lực của nhân dân trong nước, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội các nước Đông Âu đã đạt được những thành tựu to lớn, bộ mặt đất nước ngày càng thay đổi, mọi âm mưu chống phá bị dập tắt.

- Cùng với những thành tựu, công cuộc xây dựng CNXH ở Đông Âu đã phạm một số thiếu sót và sai lầm làm giảm lòng tin của nhân dân.

III. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (từ nửa sau những năm 70 đến 1991)

1. Liên Xô lâm vào tình trạng "trì trệ" và công cuộc cải tổ

a. Tình trạng "trì trệ"

Năm 1973 cuộc khủng hoảng dầu mỏ nghiêm trọng đã nổ ra khởi đầu cuộc khủng hoảng chung của toàn thế giới trên nhiều mặt kinh tế, chính trị, tài chính... đặt ra cho nhân loại nhiều vấn đề cấp thiết cần giải quyết:

+ Sự bùng nổ dân số và hiểm hoạ với mức cạn dần các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

+ Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật, đòi hỏi các quốc gia phải có những điều chỉnh lớn về mọi mặt để thích ứng với tình hình, sự giao lưu, hợp tác quốc tế ngày càng phát triển theo xu hướng quốc tế hoá cao.

Song những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô chủ quan cho rằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng toàn thế giới, do đó chậm thích ứng, chậm sửa đổi. Trên thực tế, mô hình và cơ chế cũ của chủ nghĩa xã hội về kinh tế, chính trị, xã hội được hình thành trước đó vốn đã tích tụ những thiếu sót và sai lầm nên không phù hợp và cản trở sự phát triển của xã hội Xô-viết. Mặc khác, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là tình trạng thiếu dân chủ, thiếu công bằng, vi phạm nghiêm trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa và nhiều tệ nạn khác đã gây nên sự bất mãn trong nhân dân, đất nước lâm vào tình trạng "trì trệ" kéo dài, lương thực thực phẩm phải nhập từ các nước phương Tây. Đời sống nhân dân càng giảm sút.

b. Công cuộc cải tổ

Đầu 1985 Goócbachốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô đã tiến hành công cuộc cải tổ.

- Cuộc cải tổ được tiến hành trên các mặt chính trị, xã hội như thiết lập chế độ tổng thống tập trung nắm mọi quyền lực, thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị, đề cao dân chủ và công khai về kinh tế: Chính phủ Liên Xô đưa ra nhiều phương án nhằm chuyển biến nền kinh tế Xô-viết sang cơ chế thị trường nhưng chưa thực hiện được gì, trong khi đó quan hệ kinh tế cũ bị phá vỡ mà các quan hệ kinh tế mới chưa hình thành.

- Trong gần 6 tháng tiến hành, công cuộc cải tổ ngày càng lún sâu vào bế tắc do vấp phải nhiều khó khăn, trở ngại: Sự suy sụp về kinh tế kéo theo những khó khăn về chính trị và những tệ nạn xã hội, mâu thuẫn và xung đột giữa các dân tộc dẫn đến hiện tượng li khai của một số nước cộng hòa ra khỏi Liên bang Xô-viết: Litva, Estônia, Latvia; sự chia rẽ và hình thành các phe phái trong nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô cùng sự xuất hiện một loạt đảng phái với nhiều xu hướng chính trị khác nhau trong xã hội; sự ngóc đầu dậy của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội.

Tất cả đã đặt đất nước Xô-viết trước những khó khăn và thử thách nghiêm trọng, đặc biệt vào đầu thập niên 90.

c. Hậu quả

- Ngày 19-8-1991, một số người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Xô-viết đã tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Goócbachốp. Cuộc đảo chính thất bại nhanh chóng (21-8). Sau đó Goócbachốp từ chức Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô.

Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động trong toàn Liên bang; chính quyền Xô-viết bị giải thể. Mười một nước Cộng hoà tuyên bố độc lập.

Một làn sóng chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội dấy lên trong nước.

- Ngày 21-12-1991 tại thủ đô Anma-Anta (Cadacxtin) những người lãnh đạo 11 nước cộng hoà kí Hiệp định về giải tán Liên bang Xô-viết và thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

- Ngày 25-12-1991 tổng thống Goócbachốp phải tuyên bố từ chức và cùng ngày lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Kremli bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa và sự tan vỡ của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết.

2. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu từ cuối những năm 1988 đến 1991

a. Tình hình kinh tế – xã hội ở các nước Đông Âu những năm 1970 – 1980. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này:

- Vào những năm 1970 nền kinh tế các nước Đông Âu suy giảm về nhịp độ tăng trưởng.

- Sang những năm 1980 Đông Âu đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với chỗ dựa là thành tựu khoa học kĩ thuật nhưng chưa đạt được kết quả gì.

- Đến năm 1985 khi Liên Xô tiến hành cải tổ thì các nước Đông Âu vẫn chưa chuyển biến mạnh để thích ứng:

+ Anbani vẫn giữ nguyên cơ chế cũ.

+ Cộng hòa Dân chủ Đức và Rumani cho rằng mình không có gì sai sót phải cải tổ cải cách.

+ Ba Lan: tình hình kinh tế, chính trị xã hội trở nên căng thẳng và phức tạp. Sự bất bình của nhân dân trước sự độc đoán hoặc lạm dụng quyền lực cùng những đặc quyền đặc lợi của một số người lãnh đạo quan chức cấp cao Nhà nước.

- Lợi dụng tình hình đó, các thế lực chống chủ nghĩa xã hội ra sức kích động công nhân bãi công, quần chúng biểu tình, đấu tranh đòi Đảng và Nhà nước các nước Đông Âu phải cải cách kinh tế, chính trị thực hiện chế độ đa nguyên về chính trị, xoá bỏ độc quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản, tiến hành cuộc tổng tuyển cử tự do. Những hoạt động trên làm tê liệt mọi sinh hoạt của đất nước đẩy chế độ xã hội chủ nghĩa vào cuộc khủng hoảng toàn diện và trầm trọng. Ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Đông Âu lần lượt buộc phải chấp nhận xoá bỏ độc quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản, thừa nhận chế độ đa nguyên về chính trị và tiến hành tổng tuyển cử tự do.

- Như vậy, trong những năm 1989 -1991 chế độ Xã hội Chủ nghĩa đã bị sụp đổ ở hầu hết các nước Đông Âu và chế độ mới được dựng lên với những nét chung nổi bật là:

- Tuyên bố từ bỏ Chủ nghĩa Mác – Lê-nin và Chủ nghĩa xã hội, thực hiện đa nguyên về chính trị và chế độ đa đảng.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền đại nghị và kinh tế thị trường.

- Giai cấp công nhân chia rẽ thành nhiều phe phái.

- Tên nước, quốc kì, quốc huy và ngày quốc khánh đều thay đổi theo hướng chung gọi là cộng hoà.

b. Nguyên nhân dẫn đến sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu:

- Mô hình chủ nghĩa xã hội đã xây dựng có nhiều khuyết tật và sai sót.

- Chậm sửa chữa thay đổi trước những biến đổi của tình hình thế giới.

- Những sai lầm về sự tha hoá biến chất của một số nhà lãnh đạo.

- Hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước.

Đây là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học, chưa nhân văn và là một bước thụt lùi của chủ nghĩa xã hội.

III. QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA LIÊN XÔ, CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU VÀ CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KHÁC

1. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Nhằm tăng cường sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, văn hóa khoa học- kĩ thuật giữa Liên Xô và các nước Đông Âu trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Ngày 8-1-1949, Hội đồng Tương Trợ kinh tế (SEV) được thành lập gồm có Liên Xô, Anbani, Ba Lan, Hunggari, Rumani, Tiệp Khắc, sau thêm Cộng hòa Dân chủ Đức, Mông Cổ, Cu Ba, Việt Nam.

b. Tác dụng:

- Góp phần đẩy mạnh quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhằm nâng cao đời sống nhân dân của các nước thành viên.

c. Hạn chế:

- "Khép kín cửa", không hòa nhập vào nền kinh tế thế giới đang ngày càng "quốc tế hóa" cao độ, nặng về trao đổi hàng hóa mang tính chất "bao cấp", phân công sản xuất theo hướng chuyên ngành chưa hợp lí.

- Do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, theo quyết định của các nước thành viên ngày 28-6-1991, khối SEV chấm dứt hoạt động.

2. Tổ chức Liên minh Phòng thủ Vacsava

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Nhằm bảo vệ nền hòa bình, an ninh của Liên Xô và các nước Đông Âu chống lại âm mưu gây chiến tranh xâm lược của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ cầm đầu.

- Ngày 14-5-1955, "Hiệp ước hữu nghị, hợp tác và tương trợ" giữa Liên Xô và các nước Đông Âu được kí ở Vacsava.

b. Vai trò và tác dụng:

- Thực chất là một khối liên minh phòng thủ về quân sự và chính trị của Liên Xô và các nước Đông Âu nhằm tăng cường hơn nữa tình hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa các nước XHCN, duy trì hòa bình và an ninh ở châu Âu.

- Góp phần tăng cường sức mạnh lực lượng vũ trang của các nước thành viên, tạo nên thế chiến lược cân bằng về sức mạnh quân sự giữa các nước XHCN với các nước đế quốc chủ nghĩa vào đầu thập niên 70.

- Sau những biến động to lớn về chính trị ở Liên Xô và Đông Âu, sau khi chấm dứt chiến tranh lạnh. Tổ chức Vasava ngừng hoạt động vào ngày 31-3-1991.

Bài 2

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ, LA TINH SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. TRUNG QUỐC

1. Cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc thắng lợi

a. Hoàn cảnh dẫn đến nội chiến.

- Sau cuộc chiến tranh chống Nhật thắng lợi, cục diện cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo có nhiều biến động quan trọng khác trước:

+ Lực lượng quân chủ lực lên tới 120 vạn người.

+ Lực lượng dân quân lên tới 200 vạn người.

+ Vùng giải phóng mở rộng gồm 19 khu căn cứ chiếm 1-4 đất đai và 1-3 dân số cả nước.

- Trung Quốc được Liên Xô chuyển giao vùng Đông Bắc. Đây là vùng công nghiệp có vị trí chiến lược quan trọng, giao toàn bộ vũ khí tước được của hơn 1 triệu quân Quan Đông Nhật cho quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc.

Tất cả đã tạo thêm điều kiện thuận lợi dẫn tới sự phát triển và thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc.

- Trước tình hình đó, Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc và phong trào cách mạng Trung Quốc.

- Được sự giúp đỡ của Mĩ (trong 2 năm, Mĩ đã viện trợ cho Tưởng 4 tỉ 430 triệu đô la, trong đó chủ yếu là viện trợ quân sự) và chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt. Vì vậy, ngày 20-7-1946 Tưởng Giới Thạch đã huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy, tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cuộc nội chiến bùng nổ.

b. Diễn biến cuộc nội chiến (Qua 2 giai đoạn):

+ Giai đoạn phòng ngự tích cực (7-1946 – 6-1947): Do tương quan lực lượng chênh lệch, quân cách mạng chủ trương lấy tiêu diệt địch và phát triển lực lượng cách mạng làm mục tiêu chủ yếu.

Kết quả: Trong vòng 1 năm đã tiêu diệt của 1.920.000 quân Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch, buộc Tưởng phải chuyển từ thế tấn công sang phòng ngự.

+ Giai đoạn 2 - Giai đoạn phản công (7-1947 đến 10-1949): Quân cách mạng tăng cường tiêu diệt quân chủ lực của đối phương, giải phóng các vùng do Quốc dân Đảng thống trị.

- Tháng 4-1949 quân cách mạng vượt sông Trường Giang, giải phóng Nam Kinh (23-4) nền thống trị của Tưởng Giới Thạch bị sụp đổ.

c. Kết quả:

- Quân giải phóng đã tiêu diệt được 1 triệu 54 vạn quân chủ lực của Tưởng.

- Ngày 1-10-1949 nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc đã hoàn thành.

d. Ý nghĩa:

- Kết thúc 100 năm bị đế quốc, phong kiến, tư sản mại bản nô dịch thống trị và mở ra một kỉ nguyên mới: Kỉ nguyên độc lập tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội trong lịch sử Trung Quốc.

- Đã tăng cường lực lượng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

- Có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á.

2. Mười năm xây dựng chế độ mới (1949-1959)

Từ 1950 Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế chính trị, văn hóa nhằm xây dựng đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội... Nhờ sự nỗ lực của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm lần thứ I (1953 – 1957) đã hoàn thành thắng lợi đưa nền kinh tế, văn hóa, giáo dục Trung Quốc đạt được những tiến bộ vượt bậc.

Trong những năm 1949 – 1959, Trung Quốc thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, góp phần củng cố hòa bình và thúc đẩy sự phát triển của cách mạng thế giới. Nhờ đó địa vị của Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế.

3. Tình hình Trung Quốc từ sau năm 1959 và công cuộc cải cách

Từ năm 1959 – 1978 tình hình kinh tế, chính trị và xã hội Trung Quốc lâm vào tình trạng không ổn định. Việc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng" "đại nhảy vọt" và xây dựng "công xã nhân dân" đã đẩy nền kinh tế Trung Quốc vào tình trạng hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

- Trong bối cảnh đó, tháng 12-1959 Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Hoa đã họp, cử Lưu Thiếu Kỳ làm Chủ tịch nước (thay thế Mao Trạch Đông) và thành lập tổ sửa sai để sửa chữa những sai lầm, khắc phục hậu quả do đường lối "ba ngọn cờ hồng" gây nên. Trong nội bộ Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc đã diễn ra những bất đồng về đường lối và tranh chấp về quyền lực rất quyết liệt, phức tạp giữa các phe phái, đỉnh cao là cuộc "đại cách mạng vô sản" diễn ra trong những năm 1966 – 1968.

- Những năm 1968 – 1978 trong nội bộ giới lãnh đạo Trung Quốc vẫn liên tục diễn ra nhiều cuộc thanh trừng, lật đổ lẫn nhau.

Về đối ngoại: Từ năm 1959 trở đi, giới lãnh đạo Trung Quốc đã thực hiện đường lối đối ngoại bất lợi cho cách mạng Trung Quốc và cách mạng thế giới như chống Liên Xô, gây những vụ xung đột vũ trang tranh chấp biên giới với các nước láng giềng, thực hiện nhiều chính sách làm tổn thất nghiêm trọng cho sự nghiệp cách mạng các nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

- Tháng 12-1978 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc họp, vạch ra đường lối đổi mới, mở đầu cho cuộc cải cách kinh tế

xã hội ở Trung Quốc hiện nay. Đến cuối năm 1987 tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần XIII, đường lối này được nâng lên thành đường lối chung của Đảng và Nhà nước Trung Quốc: trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội sẽ xây dựng mang màu sắc Trung Quốc, lấy xây dựng kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, kiên trì 4 nguyên tắc cơ bản (Con đường xã hội chủ nghĩa, Chuyên chính dân chủ nhân dân; Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ nghĩa Mác Lê-nin – Tư tưởng Mao Trạch Đông) thực hiện cải cách mở cửa phấn đấu xây dựng Trung Quốc thành nước xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa, giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Về đối ngoại: Từ đầu những năm 1980, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đề ra nhiều chính sách đối ngoại tiến bộ, bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, Indônêxia, Việt Nam... mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

Từ sau khi thực hiện có cải cách, Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, ổn định tình hình chính trị và xã hội, địa vị trên trường quốc tế được nâng cao.

II. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

1. Lào

a. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào (1945 - 1954)

- Ngày 15-8-1945 lợi dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân Lào nổi dậy khởi nghĩa thành lập chính quyền cách mạng ở nhiều nơi. Ngày 12-10-1945 nhân dân thủ đô Viêng Chăn khởi nghĩa giành chính quyền, Chính phủ cách mạng Lào ra mắt trước quốc dân, tuyên bố nền độc lập của Lào.

- Tháng 3-1946 thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, nhân dân Lào đứng lên kháng chiến chống Pháp. Được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào phát triển mạnh mẽ: Ngày 20-1-1949 quân giải phóng nhân dân Lào chính thức được thành lập do Cay-xỏn Phôm-vi-hãn chỉ huy. Ngày 13-8-1950 Mặt trận Lào tự do và Chính phủ kháng chiến Lào thành lập do Hoàng thân Xu-pha-nu-vông đứng đầu.

- Từ 1953 – 1954, quân dân Lào cùng với tình nguyện Việt Nam mở nhiều chiến dịch và giành thắng lợi to lớn (chiến dịch Thượng Lào, Hạ Lào 1953).

- Thắng lợi của nhân dân Lào, Campuchia cùng với chiến thắng to lớn của nhân dân Việt Nam (Đông Xuân 1953 – 1954) buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, công nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Lào.

b. Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Lào (1954 – 1975)

Sau khi Pháp thất bại, đế quốc Mĩ phát động chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ trên đất nước Lào.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (thành lập vào 3-1955) quân Lào đứng lên kháng chiến chống Mĩ. Đến đầu những năm 1960

vùng giải phóng chiếm 2-3 diện tích, 1-3 dân số trong cả nước. Từ 1964 - 1973 nhân dân Lào đã đánh bại cuộc "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ, buộc M và tay sai kí Hiệp định Viêng Chăn (21-3-1973) lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam 30-4-1975 đã cổ vũ và tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Lào tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Dưới s lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào từ tháng 5 đến tháng 12-1975 nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.

Ngày 2-12-1975 nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập. Cách mạng Lào bước sang thời kì phát triển mới, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân rồi tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm gần đây nhờ thực hiện đường lối đổi mới toàn diện Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đã thu được những thành tựu đáng k trong sự nghiệp xây dựng đất nước, từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

2. Campuchia

a. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Campuchi

- Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, thực dân Pháp trở lại xâm lượ Campuchia. Đến ngày 7-4-1946 triều đình phong kiến Campuchia kí Hiệp định chấp nhận sự thống trị của Pháp.
- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia (thành lập tháng 7-1951) nhân dân Capuchia anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp. Đến năm 1953 vùng giải phóng đã chiếm 1-4 diện tích lãnh thổ và triệu dân.
- Trong khi đó Xihanúc tiến hành cuộc vận động ngoại giao gây sức é buộc Chính phủ Pháp phải kí Hiệp ước "Trao trả độc lập cho Campuchia" và ngày 9-1-1953 nhưng quân đội Pháp vẫn chiếm đóng Campuchia và nắm mọ quyền hành ở Campuchia.
- Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Capuchia.

b. Đường lối hòa bình trung lập và cuộc kháng chiến chống đ quốc Mĩ (1954 – 1975)

Sau Hiệp định Giơnevơ, Chính phủ Campuchia do Quốc vương Xihanú đứng đầu, thực hiện đường lối hòa bình, trung lập, không tham gia bất c liên minh quân sự, chính trị nào. Nhờ đường lối này Campuchia có 15 năm xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục, đạt được nhiều thành tự tốt đẹp.

Ngày 18-3-1970 thế lực tay sai của Mĩ làm cuộc đảo chính, lật đ Xihanúc, phá hoại nền hòa bình, trung lập, đưa Campuchia vào quĩ đạo cuộ chiến tranh xâm lược theo kiểu thực dân mới của Mĩ. Được sự giúp đỡ củ quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Campuchia tiến hành cuộc khán chiến chống Mĩ xâm lược. Ngày 17-4-1975 thủ đô Phnôm Pênh được giả phóng, cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi.

c. Cuộc đấu tranh chống chế độ diệt chủng Pôn Pốt và khôi phục ất nước (1975 – 1993)

Ngay sau khi thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, tập đoàn Pôn Pốt – ìngxari phản bội cách mạng, thực hiện chính sách khủng bố tàn sát hàng ·iệu người dân vô tội, đẩy nhân dân Campuchia trước hoạ diệt chủng. Về đối goại, chúng kích động sự thù hằn dân tộc chống Việt Nam, gây ra cuộc hiến tranh biên giới chống Việt Nam.

Đứng trước thảm hoạ diệt chủng, nhân dân Campuchia đã nổi dậy đấu ·anh. Ngày 3-12-1978 Mặt trận Dân tộc Cứu nước Campuchia được thành lập.

Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận và được sự giúp đỡ của quân tình nguyện iệt Nam quân dân Campuchia đã nổi dậy nhiều nơi. Ngày 7-1-1979 thủ đô hnôm Pênh được giải phóng, chế độ diệt chủng Pôn Pốt – Iêngxari bị lật đổ.

Lịch sử Campuchia bước vào thời kì hồi sinh đất nước. Sau đó Campuchia ıi vừa xây dựng đất nước vừa tiến hành chống các thế lực đối lập.

Nhằm thúc đẩy quá trình đi đến một giải pháp chính trị, quân tình guyện Việt Nam rút hết khỏi Campuchia vào tháng 9-1989. Nhờ sự giúp sức ıa cộng đồng quốc tế, ngày 23-10-1991 Hiệp định hòa bình về Campuchia ược kí kết tại Pari, tạo điều kiện cho nhân dân Campuchia khôi phục và xây ựng đất nước.

Tháng 5-1993 cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến được tổ chức dưới sự giám ít của Liên Hiệp Quốc. Quốc hội mới đã thông qua Hiếp pháp, thiết lập nền ıân chủ Lập hiến do vua Xihanúc đứng đầu và bầu ra Chính phủ Campuchia ɔ Hoàng thân Nôrôđôm Ranahít và ông Hunxen làm đồng thủ tướng. ampuchia bước vào thập niên mới, tuy nhiên vẫn còn không ít khó khăn, ở ngại.

I. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á KHÁC

Inđônêxia

Lợi dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân Inđônêxia tiến ành cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nước Cộng hòa Inđônêxia ra ời (1978 – 1945).

Tháng 11-1945 thực dân Hà Lan trở lại xâm lược. Chính phủ Inđônêxia Hiệp ước Lahay (1949). Inđônêxia trở thành nước nửa thuộc địa của Hà an. Năm 1953 Chính phủ dân tộc dân chủ đã huỷ bỏ Hiệp ước Lahay củng í nền độc lập dân tộc.

Inđônêxia thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập giữ vai trò ıan trọng trong việc thúc đẩy xu thế đối thoại hợp tác giữa các nước trong ıu vực.

Thái Lan

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, dưới danh nghĩa Đồng minh quân đội nh vào chiếm đóng Thái Lan nhằm khôi phục địa vị cũ của mình.

Thông qua "Viện trợ" kinh tế, quân sự và các cuộc đảo chính, Mĩ đã hất cẳng Anh, đưa các thế lực thân Mĩ lên cầm quyền ở Thái Lan.

Tháng 9-1954 Thái Lan gia nhập khối phòng thủ Đông Nam Á (SEATO) là đồng minh của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương.

Từ cuối những năm 1980, đường lối đối ngoại của Thái Lan thay đổi, từ chính sách "đối đầu" sang "đối ngoại" nhằm đem lại lợi ích chung của các nước trong khu vực.

Hiện nay, Thái Lan là nước có nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, một trong những quốc gia đang đứng trước ngưỡng cửa trở thành nước công nghiệp mới.

3. Malaixia

Tháng 9-1945 quân Anh thay thế quân Nhật thống trị Malaixia, tăng cường đàn áp lực lượng chống đối.

Nhân dân Malaixia đã tiến hành đấu tranh vũ trang chống thực dân Anh, giành độc lập dân tộc.

Tháng 8-1957 Anh công nhận nền độc lập của Malaixia. Ngày 31-8-1957 Malaixia tuyên bố độc lập.

Sau khi giành độc lập, đặc biệt từ thập niên 70 đến nay, Chính phủ Malaixia đã thực hiện nhiều biện pháp tích cực nhằm củng cố nền độc lập dân tộc và phát triển kinh tế quốc dân.

4. Xingapo

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Anh thay Nhật chiếm đóng Xingapo. Năm 1957, do áp lực đấu tranh của nhân dân, Anh phải công nhận nền độc lập của Xingapo. Năm 1963, Xingapo gia nhập Liên bang Malaixia, năm 1965 lại rút khỏi Liên bang, thành lập một quốc gia độc lập.

Từ thập niên 60 đến thập niên 80, Xingapo tiến nhanh về kinh tế nhờ sự phát triển khoa học kĩ thuật. Đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, kĩ thuật điện, chế biến kim loại.

Là nước có nền kinh tế phát triển nhất ở Đông Nam Á, một trong những "con Rồng" ở châu Á.

5. Miến Điện (Mianma)

Tháng 10-1947, do sức mạnh của phong trào đấu tranh quần chúng, Anh buộc phải công nhận nền độc lập của Miến Điện.

Ngày 4-1-1948 Liên bang Miến Điện ra đời gọi là Mianma. Cho đến nay Mianma theo đường lối trung lập tích cực, không tham gia bất cứ liên minh quân sự, chính trị nào.

6. Philippin

Từ năm 1944, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, nhân dân Philippin tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang chống Mĩ. Tháng 7-1946, Mĩ phải công nhận nền độc lập của Philippin và nước Cộng hoà Philippin được thành lập.

* **Những biến đổi to lớn của các nước Đông Nam Á**

+ Biến đổi to lớn thứ nhất: Cho đến nay, các nước Đông Nam Á đều giành ộc lập (như đã trình bày).

+ Biến đổi to lớn thứ hai: Từ khi giành độc lập dân tộc, các nước Đông Iam Á đều ra sức xây dựng nền kinh tế – xã hội và đạt nhiều thành tích to ớn (đặc biệt Xingapo là nước có nền kinh tế phát triển nhất trong cá nước)ông Nam Á và được xếp vào hàng các nước đang phát triển trên thế giới).

+ Biến đổi to lớn thứ ba: Đến tháng 7-1997, các nước Đông Nam Á đều ia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN. Đó là một tổ hức liên minh chính trị – kinh tế của khu vực Đông Nam Á nhằm mục tiêu ây dựng những mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước rong khu vực.

V. KHỐI QUÂN SỰ SEATO VÀ TỔ CHỨC ASEAN

. Khối quân sự SEATO

Ngày 8-9-1954 "Tổ chức hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á" SEATO) được thành lập gồm 8 nước Mĩ, Anh, Pháp, Ôxtrâylia, Niu Dilân, 'hilippin, Thái Lan và Pakixtan).

Đây là một liên minh chính trị – quân sự do Mĩ cầm đầu nhằm chống lại hong trào giải phóng dân tộc và ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở Đông Iam Á, đồng thời là chỗ dựa để thực hiện ý đồ chiến lược chính trị, quân sự ủa Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương (1954 – 1975).

Tháng 9-1975, do sự thất bại của Mĩ ở Đông Dương, khối SEATO đã giải hể.

. Tổ chức ASEAN và quan hệ Việt Nam - ASEAN

a. Sự thành lập ASEAN

Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á có dự định thành ập một tổ chức khu vực nhằm tạo nên sự hợp tác cùng phát triển trên các nh vực kinh tế, khoa học, kĩ thuật và văn hóa, hạn chế ảnh hưởng của các ước lớn đang tìm mọi cách nhằm biến Đông Nam Á thành "sân sau" của họ.

Tháng 8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan) Hiệp hội các nước Đông Nam Á ASEAN) được thành lập gồm 5 nước: Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái an và Philippin; tháng 1-1984 thêm Brunây.

b. Cơ cấu tổ chức

Cơ quan lãnh đạo của ASEAN là Hội nghị ngoại trưởng được tổ chức lần ượt hàng năm ở thủ đô các nước thành viên. Ủy ban thường trực của ASEAN ảm nhiệm các công việc giữa hai kì họp của Hội nghị ngoại trưởng; ngoài ra òn có các uỷ ban thường trực, phụ trách những ngành cụ thể với sự tham gia ủa các chuyên gia các nước thành viên.

c. Quá trình phát triển

Hoạt động của ASEAN trải qua hai giai đoạn chính:

+ Từ 1967 đến 1975: ASEAN còn là tổ chức khu vực non yếu, chương trình hợp tác giữa các nước thành viên còn rời rạc.

+ Từ 1976 đến nay: Được bắt đầu bằng Hội nghị cấp cao lần thứ nhất (họp ở Bali (Inđônêxia), tháng 2-1976) mở ra thời kì phát triển mới trong lịch sử các nước ASEAN.

Những năm 1976 – 1978, ASEAN nhấn mạnh hợp tác kinh tế giữa các nước thành viên và hình thành cơ cấu tổ chức chặt chẽ hơn.

Từ năm 1979, do vấn đề Campuchia, quan hệ giữa ASEAN với ba nước Đông Dương là "đối đầu". Từ cuối thập niên 1980 khi "vấn đề Campuchia" được giải quyết, mối quan hệ đó chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại", mở ra khả năng mới trong quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực ở khu vực Đông Nam Á. Giữa các nước ASEAN với Việt Nam, Lào, Campuchia đã diễn ra nhiều cuộc tiếp xúc, trao đổi và hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học... Đây cũng là thời kì kinh tế ASEAN tăng trưởng mạnh.

Ngày 28-7-1995 Việt Nam gia nhập ASEAN.

Ngày 23-7-1997, ASEAN kết nạp thêm Lào và Mianma.

Từ 30-4-1999 Campuchia là thành viên thứ 10 của tổ chức này. ASEAN đã đạt được những thành tựu to lớn và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, tạo nên những biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế – xã hội các nước thành viên. Mặc dầu có những bước thăng trầm, vai trò quốc tế ASEAN ngày càng tăng.

d. Mục tiêu hoạt động

"Hiệp ước hữu nghị và hợp tác" được kí kết tại Hội nghị cấp cao họp ở Bali (Inđônêxia, tháng 2-1976) đã nêu mục tiêu của ASEAN là: "Xây dựng những mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực và thiết lập một khu vực hoà bình, tự do trung lập ở Đông Nam Á. Như thế, ASEAN là một tổ chức liên minh chính trị – kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

e. Quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN

Quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN diễn ra phức tạp, có lúc hòa dịu, có lúc căng thẳng tuỳ theo sự biến động của quốc tế và khu vực, nhất là tình hình phức tạp ở Campuchia.

Từ cuối những năm 1980, ASEAN đã chuyển từ chính sách "đối đầu" sang "đối thoại", hợp tác với ba nước Đông Dương. Từ khi vấn đề Campuchia được giải quyết, Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại "Muốn là bạn với tất cả các nước", quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN được cải thiện.

Tháng 7-1992, Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong sự tăng cường hợp tác ở khu vực vì một "Đông Nam Á hòa bình, ổn định và phát triển".

Sau khi gia nhập ASEAN (28-7-1995) mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước trong khu vực trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, kĩ thuật ngày càng được đẩy mạnh.

V. ẤN ĐỘ – TRIỀU TIÊN VÀ KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

1. Ấn Độ

a. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của Ấn Độ (1945 – 1950).

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc dâng cao mạnh mẽ ở Ấn Độ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại do M.Gandi và Nêru đứng đầu. Ngày 19-2-1946, hai vạn thủy binh trên chiến hạm khởi nghĩa hạ cờ Anh, tổ chức biểu tình, tuần hành với các khẩu hiệu: "Đả đảo đế quốc Anh" "Cách mạng muôn năm". Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của thuỷ binh, hai mươi vạn công nhân, học sinh, sinh viên và đông đảo nhân dân BomBay đã bãi công, bãi thị, bãi khóa. Cuộc bãi công sau đó đã trở thành khởi nghĩa vũ trang của nhân dân, kéo dài trong ba ngày liền (từ 21-2 đến 23-2-1946) mới bị dập tắt. Ở nhiều thành phố khác như Cancuta, Carasi, Mađơvát, đông đảo công nhân đã bãi công hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở Bombay.

Ở nông thôn, phong trào "Têphaga" đã nổ ra ở nhiều địa phương có nơi nông dân nổi dậy cướp tài sản của các địa chủ.

Đầu năm 1947 cao trào bãi công của công nhân đã nổ ra ở nhiều thành phố lớn, như cuộc bãi công của hơn 40 vạn công nhân ở thành phố Cancuta (tháng 2-1947)

Quy mô rộng lớn của phong trào cách mạng buộc đế quốc Anh không thể thống trị theo hình thức thực dân cũ được nữa, do đó phải thương lượng với hai Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo, chia Ấn Độ thành hai quốc gia trên cơ sở tôn giáo: Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pakistan của những người theo Hồi giáo. Hai miền Ấn Độ và Pakistan được hưởng quy chế tự trị và được thành lập Chính phủ dân tộc riêng của mình. Trên cơ sở thoả thuận theo kế hoạch này (Kế hoạch Maobattơn) ngày 15-8-1947, Ấn Độ tách ra thành hai quốc gia Ấn Độ và Pakistan đã nổi dậy đấu tranh vũ trang tách khỏi Pakistan và thành lập nước Cộng hoà Bangladét.

Không thoả mãn với quy chế tự trị, Đảng Quốc đại đã lãnh đạo nhân dân Ấn Độ đấu tranh đòi thực dân Anh phải trả độc lập hoàn toàn cho Ấn Độ. Trước sức ép đấu tranh mạnh mẽ của phong trào quần chúng, thực dân Anh buộc phải công nhận hoàn toàn nền độc lập của Ấn Độ.

Ngày 26-1-1950 Ấn Độ tuyên bố độc lập và nước Cộng hoà Ấn Độ chính thức được thành lập.

b. Những thành tựu của Ấn Độ từ 1950 – 1991

Từ năm 1950 đến 1991 Ấn Độ xây dựng nền kinh tế và đạt được những thành tựu quan trọng:

Tiến hành "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp, kết quả tự túc được lương thực cho 900 triệu người.

- Công nghiệp phát triển nhanh, được xếp hàng thứ 10 trong sản xuất công nghiệp toàn thế giới.
- Có đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật đông đảo. Năm 1974, thử thành công bom nguyên tử; năm 1975, phóng vệ tinh nhân tạo bằng tên lửa của mình.

- Từ tháng 6-1991, Ấn Độ bắt đầu công cuộc cải cách kinh tế với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế.

- Theo điểm chính sách hoà bình trung lập tích cực, ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, khởi xướng phong trào "không liên kết", nhờ đó uy tín của Ấn Độ ngày càng tăng trưởng trên trường quốc tế.

2. Triều Tiên

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Triều Tiên tạm thời chia làm hai miền theo chế độ quân quản:

* Ở Bắc Triều Tiên, nhân dân đã nghiêm chỉnh thi hành những quy định của Hội nghị quốc tế về vấn đề Triều Tiên, xây dựng chính quyền nhân dân, tiến hành những cải cách dân chủ. Ở Nam Triều Tiên, Mĩ đã giúp các thế lực tay sai, tổ chức bầu cử (5-1948) lập ra chính quyền Lý Thừa Vãn, thành lập nước "Cộng hòa Triều Tiên".

Tháng 9-1948, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (Bắc Triều Tiên) ra đời, bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với những kế hoạch dài hạn, thu nhiều thành tựu to lớn: Điện khí hóa cả nước, phát triển phương tiện giao thông, sản xuất, nông cụ, văn hóa, giáo dục ngày càng đi lên.

* Ở Nam Triều (Hàn Quốc).

Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt, tình hình kinh tế – xã hội ở Hàn Quốc vô cùng khó khăn, tình hình chính trị bất ổn định. Từ 1962 Hàn Quốc tìm cách vượt qua nhiều trở ngại, thử thách để phát triển đất nước. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, có nền kinh tế tự cung, tự cấp, sau 30 năm phát triển, Hàn Quốc trở thành một "nước công nghiệp mới".

Sau 6 kế hoạch 5 năm (1962 – 1991), tổng sản phẩm quốc dân của Hàn Quốc đã tăng gần 130 lần, từ 2,3 tỷ đôla (1962) lên 294,5 tỷ (1992)... Cơ cấu kinh tế thay đổi căn bản, nông nghiệp chiếm 36,6% tổng thu nhập quốc dân (1962), chỉ kém 7,6% (1992), công nghiệp từ 14,4% tăng lên 33,6%...

Hàn Quốc có hệ thống giao thông hiện đại, hệ thống đường cao tốc ngày một hoàn chỉnh.

Trong vài năm gần đây, giữa hai miền Nam – Bắc Triều Tiên đã tiến hành những cuộc hội đàm cấp cao nhằm giải quyết những vấn đề thuộc quan hệ hai nước.

3. Khu vực Trung – Đông

Giữ vị trí chiến lược quan trọng do nằm ở cửa ngõ ba Châu: Á, Âu, Phi và đầu mối giao thông quan trọng chạy qua kênh đào Xuyê.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Anh – Pháp đã thống trị các nước khu vực này.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ tích cực xâm nhập và hất cẳng Anh – Pháp khỏi Trung – Đông. Mâu thuẫn và tranh chấp giữa Mĩ, Anh, Pháp nhằm khống chế khu vực này là nguyên nhân gây mất ổn định ở Trung Đông (chiến tranh, xung đột tôn giáo và sắc tộc, tranh chấp lãnh thổ).

Phong trào giải phóng dân tộc nổ ra mạnh mẽ: Xiri, Libăng (1946) Irắc (1958), Iran (1979).

Ở Palextin, nhờ Mĩ giúp sức bọn phục quốc Do Thái lập ra Nhà nước Ixraen (1948) liên tiếp gây chiến tranh để thôn tính lãnh thổ của người Arập, đó là nguồn gốc của cuộc xung đột kéo dài, dẫn đến tình trạng bất ổn định ở Trung Đông.

Từ năm 1948 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Tổ chức Giải phóng Palextin (PLO), được sự ủng hộ của các nước Arập và lực lượng tiến bộ thế giới, nhân dân Arập Palextin đã kiên cường đấu tranh chống Ixraen.

Tháng 12-1987, Nhà nước Palextin thành lập (đứng đầu là Yatxe Araphát – Chủ tịch PLO) được Liên Hiệp Quốc công nhận là đại diện của nhân dân Palextin tại Liên Hiệp Quốc (1988).

Ngày 4-5-1994, Chủ tịch PLO, Yatxe Araphát và thủ tướng Ixraen Ixac Rabin đã kí kết Hiệp định về quyền tự trị của người Palextin ở Gada và Gieriô.

Hơn bốn thập niên qua, hầu hết các nước Trung Đông giành được độc lập (trừ Palextin), nhiều nước trở nên giàu có (nhờ dầu lửa) song tình hình Trung Đông vẫn phức tạp, căng thẳng, điển hình là cuộc chiến tranh vùng vịnh Pecxích, để lại nhiều hậu quả nặng nề cho khu vực.

VI. CÁC NƯỚC CHÂU PHI

1. Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tiếp theo châu Á, châu Phi là một trung tâm của phong trào giải phóng dân tộc thế giới. Châu Phi trở thành "lục địa mới trỗi dậy" trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc.

Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi, trải qua 4 giai đoạn:

+ *Từ 1945 đến 1954:* Phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ sớm nhất ở Bắc Phi, với thắng lợi mở đầu là cuộc chính biến cách mạng của binh lính, sĩ quan Ai Cập (1952) lật đổ vương triều Pharúc và nền thống trị của thực dân Anh. Nước Cộng hòa Ai Cập được thành lập. Năm 1952, nhân dân Libi cũng giành được độc lập.

+ *Từ 1954 đến 1960:* Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của Pháp. Phong trào giải phóng dân tộc lên cao, mạnh mẽ ở vùng Bắc Phi, Tây Phi và châu Phi xích đạo, mở đầu bằng cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Angiêri (11-1954). Sau đó, nhiều quốc gia giành được độc lập dân tộc: Tuynidi (1956), Marốc (1956), Xudăng (1956), Gana (1957), Ghinê (1958).

+ *Từ 1960 đến 1975*: Phong trào giải phóng dân tộc phát triển rộng khắp. Năm 1960, 17 nước ở Tây Phi, Đông Phi và Trung Phi đã giành được độc lập dân tộc, được lịch sử ghi nhận là "Năm châu Phi", mở đầu giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi. Những thắng lợi có ý

nghĩa to lớn trong giai đoạn này là: Kháng chiến chống Pháp thắng lợi của nhân dân Angiêri (3-1962), cách mạng Êtiôpi (1974), cách mạng Môdămbích (1975), cách mạng Ănggôla (1975), đã đánh dấu sự sụp đổ về căn bản của chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi.

+ *Từ 1975 đến nay:* Là giai đoạn hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập dân tộc. Mốc đánh dấu là sự kiện Namibia (Tây Nam Phi) tuyên bố độc lập và thành lập nước Cộng hòa Namibia (3-1991).

Tiếp đó là cuộc bầu cử đa chủng tộc ở Nam Phi (4-1994) với thắng lợi của các lực lượng yêu nước tiến bộ mà đại diện là Đại hội dân tộc Phi (ANC). Sự kiện này chấm dứt ách thống trị trong vòng ba thế kỉ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apacthai ở lục địa này.

- Những đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc châu Phi.

+ Các nước đoàn kết đấu tranh thông qua Tổ chức Thống nhất châu Phi.

+ Lãnh đạo phong trào hầu hết thuộc về chính đảng hoặc tổ chức chính trị của giai cấp tư sản.

+ Hình thức đấu tranh chủ yếu là chính trị hợp pháp.

+ Các nước giành được độc lập ở mức độ khác nhau.

+ Sự phát triển về kinh tế – xã hội ở các nước châu Phi không đồng đều sau khi giành độc lập.

+ Ngày nay, Châu Phi đang đứng trước nhiều khó khăn nan giải: lạc hậu về kinh tế, đói rét, bệnh tật, nội chiến, không ổn định về chính trị.

2. Phong trào đấu tranh giành độc lập ở một số nước tiêu biểu

a. Angiêri

* *Nguyên nhân:* Thế kỉ XIX thực dân Pháp xâm lược Angiêri. Dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, nhân dân vô cùng khốn khổ, họ liên tiếp đứng lên đấu tranh giành lại nền độc lập dân tộc.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, được sự cổ vũ và thúc đẩy của phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Á, cuộc đấu tranh của nhân dân Angiêri phát triển mạnh mẽ chưa từng có, đặc biệt là sau chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam.

* *Diễn biến:* Năm 1954, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Angiêri được thành lập và lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập. Ngày 1-11-1954, Mặt trận phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang lan rộng khắp các thành phố và nhiều vùng nông thôn.

Năm 1956, quân đội giải phóng dân tộc Angiêri đã hình thành và phát triển ngày càng mạnh lên.

Năm 1958, Pháp đã tăng cường lực lượng quân đội viễn chinh trên đất Angiêri (80 vạn), tiến hành đàn áp cuộc khởi nghĩa. Cuộc kháng chiến của nhân dân Angiêri bước vào giai đoạn khó khăn, quyết liệt.

Nhưng lực lượng giải phóng Angiêri vẫn tiếp tục phát triển. Tháng 1-1958, Chính phủ lâm thời Cộng hòa Angiêri thành lập, đánh dấu bước trưởng thành của phong trào giải phóng dân tộc.

Từ cuối năm 1960, phong trào bước vào giai đoạn phát triển mới có sự phối hợp giữa các cuộc tấn công quân sự với cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng. Cuộc chiến đấu đã chuyển từ vùng rừng núi, nông thôn sang bao vây, cô lập các thành phố lớn.

Trước sức mạnh đấu tranh của nhân dân Angiêri, cộng với những hậu quả của chiến tranh đối với nền tài chính và chính trị ở Pháp, ngày 18-3-1962, Pháp buộc phải kí Hiệp định Êviăng, công nhận nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Angiêri.

* *Kết quả:* Tháng 9-1962 nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Angiêri thành lập. Thắng lợi của cách mạng Angiêri có ý nghĩa và ảnh hưởng to lớn ở Châu Phi. Sau khi giành độc lập, Chính phủ Angiêri thi hành nhiều chính sách đối nội, đối ngoại tiến bộ, nhân dân Angiêri đã giành được nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước.

b. Cộng hòa Nam Phi

* *Nguyên nhân:* Vốn là nước thuộc địa của Anh, từ sau năm 1961, khi nước Cộng hòa Nam Phi thành lập, những người da đen da màu chiếm 80% dân số vẫn phải sống cơ cực, tủi nhục dưới ách thống trị của chế độ phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc kéo dài (chủ nghĩa Apácthai) của người da trắng. Do đó, phong trào đấu tranh của người da đen, da màu diễn ra mạnh mẽ.

* *Diễn biến của phong trào đấu tranh:* Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi đã phát triển thành một cao trào cách mạng rộng lớn dưới sự lãnh đạo của Đại hội dân tộc Phi (ANC), liên minh với Đảng Cộng sản Nam Phi và các tổ chức dân chủ.

Từ cuối những năm 1980, được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, cuộc đấu tranh chống chế độ Apácthai của người châu Phi đã giành được những thắng lợi to lớn. Năm 1990 Tổng thống Cộng hòa Nam Phi, Đơ Cléc tuyên bố từ bỏ chính sách Apácthai, đồng thời các đảng phái chính trị ở Nam Phi được hoạt động hợp pháp. Chủ tịch (ANC), ông Nenxơn Manđêla, được tự do sau 27 năm bị cầm tù.

Tháng 11-1993, 21 đảng phái ở Nam Phi thông qua Hiến pháp mới, chấm dứt sự tồn tại trên ba thế kỉ của chế độ Apácthai ở Nam Phi. Sau cuộc bầu cử đa chủng tộc lần đầu tiên (1994) Chủ tịch (ANC) Nenxơn Manđêla tuyên thuệ nhậm chức Tổng thống. Cộng hòa Nam Phi bước sang thời kì phát triển mới: Nam Phi dân chủ không phân biệt chủng tộc.

VII. CÁC NƯỚC CHÂU MĨ LA-TINH

1. Những nét chung về lịch sử châu Mĩ La-tinh

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, về hình thức, các nước ở khu vực Mĩ La-tinh là những nước Cộng hòa độc lập nhưng trong thực tế đều là thuộc địa hoặc bị lệ thuộc về mọi mặt vào đế quốc Mĩ.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với ưu thế về kinh tế và quân sự, Mĩ đã tìm mọi cách biến châu Mĩ La-tinh thành "sân sau" của mình. Song cùng với châu Á và châu Phi, phong trào giải phóng dân tộc lên cao, sôi nổi ở hầu hết khắp các nước Mĩ La-tinh và khu vực này được mệnh danh là "Lục địa bùng cháy".

2. Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh trải qua 3 giai đoạn

- Từ 1945 đến thắng lợi của cách mạng Cu Ba (1959), cao trào đấu tranh bùng nổ ở hầu khắp các nước Mĩ La-tinh dưới hình thức bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân, khởi nghĩa vũ trang của nhân dân chống lại giới cầm quyền và cuộc đấu tranh nghị trường để lập các Chính phủ tiến bộ. Các Chính phủ dân tộc dân chủ tiến bộ được thành lập ở Goatêmala, Achentina, Vênêduêla....

- Từ năm 1959 đến cuối những năm 1980, giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh, mở đầu bằng những thắng lợi của cách mạng Cu Ba (1959). Từ đó cơn bão táp cách mạng với hình thức chủ yếu là đấu tranh vũ trang đã bùng nổ ở Mĩ La-tinh và trở thành "Lục địa bùng cháy". Đấu tranh vũ trang bùng nổ ở nhiều nước như: Bôlivia, Vênêduêla, Goatêmala, Côlombia, Pêru... Với những hình thức đấu tranh khác nhau, các nước Mĩ La-tinh đã lần lượt lật đổ các chính quyền độc tài phản động, thành lập Chính phủ dân tộc, dân chủ, giành lại chủ quyền dân tộc của mình.

- Từ cuối những 1980 đến nay, do tình hình thế giới, đặc biệt là sự tan rã của Liên Xô và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Mĩ đã tiến hành hàng loạt các hoạt động chống lại phong trào cách mạng ở Mĩ La-tinh (can thiệp vào Panama – 1990...)Phong trào cách mạng ở Mĩ La-tinh đang đứng trước nhiều khó khăn và thử thách.

Sau khi khôi phục được nền độc lập chủ quyền, các nước Mĩ La-tinh bước vào thời kì xây dựng và phát triển kinh tế xã hội. Chính phủ các nước đã tiến hành một số cải cách kinh tế, xã hội để cải thiện tình hình đất nước. Bước vào thập niên 1990, một số nước Mĩ La-tinh đã trở thành những "nước công nghiệp mới" (Achentian, Braxin, Mêhicô). Bộ mặt các nước Mĩ La-tinh, đặc biệt là những trung tâm kinh tế, thương mại đã thay đổi về căn bản.

3. Quá trình phát triển và thắng lợi của cách mạng Cu Ba từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

a. Cuộc đấu tranh của nhân dân Cu Ba lật đổ chế độ độc tài Batixta.

* *Nguyên nhân:* Từ năm 1902, Tây Ban Nha đã phải công nhận nền độc lập của Cu Ba, nhưng trên thực tế, Cu Ba lại rơi vào ách thống trị của Mĩ – Tây Ban Nha (1898).

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Cu Ba ngày càng phát triển. Để ngăn chặn phong trào đấu tranh của quần chúng, Mĩ tìm cách đàn áp phong trào và thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu Ba.

Ngày 10-3-1952, tướng Batixta làm cuộc đảo chính quân sự ở Cu Ba. Sau khi lên cầm quyền, Batixta giải tán Quốc hội, xóa bỏ Hiến pháp tiến bộ, cấm các đảng phái chính trị hoạt động và tàn sát hơn 20.000 chiến sĩ yêu nước, cầm tù hàng chục vạn người trong những năm 1952 – 1958.

Dưới ách thống trị của chế độ độc tài Batixta, nhân dân Cu Ba không thể chịu đựng được đói nghèo, khổ cực, lầm than đã nổi dậy đấu tranh.

* *Diễn biến:*

+ Phong trào đấu tranh của nhân dân Cu Ba không ngừng phát triển. Ngày 26-7-1953, 135 thanh niên yêu nước do luật sư Phiđen Caxtơrô lãnh đạo tấn công vào pháo đài Môncađa (thành phố Xanchiagô). Mục đích của nghĩa quân là cướp kho vũ khí của địch phân phát cho nhân dân nổi dậy lật đổ chế độ độc tài.

Cuộc khởi nghĩa không thành, nhiều người bị sát hại, Phiđen Caxtơrô và các đồng chí của ông bị cầm tù. Tuy thất bại, nhưng cuộc tấn công có ý nghĩa mở đầu một giai đoạn phát triển mới của cách mạng Cu Ba: Giai đoạn đấu tranh giành chính quyền dưới sự lãnh đạo của tổ chức "Phát triển 26-07".

+ Năm 1955 Phiđen Caxtơrô được trả tự do và bị trục xuất sang Mêhicô. Ở đây ông tập hợp thanh niên yêu nước, quyên góp tiền mua sắm vũ khí, luyện tập quân sự.

Ngày 25-11-1956 Phiđen cùng 81 chiến sĩ đáp tàu Grama vượt biển trở về Tổ quốc. Sau 07 ngày lênh đênh trên biển, khi lên bờ, nghĩa quân bị quân Batixta bao vây và tấn công. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, 26 người bị thiêu sống, 44 người đã hi sinh, chỉ còn 12 người sống sót trong đó có Phiđen. Họ đã vượt vòng vây của địch, rút về vùng rừng núi Xiera Maextơra, xây dựng căn cứ địa cách mạng. Từ đó được sự ủng hộ của nhân dân, phong trào chiến tranh du kích ngày càng được mở rộng.

+ Giữa 1958, sau khi đập tan cuộc vây quét của quân đội Batixta, nghĩa quân đã chuyển sang tổng tiến công trên hầu khắp các mặt trận, giải phóng được nhiều thành phố và nhiều vùng nông thôn rộng lớn.

Cuối 12-1958 nghĩa quân chiếm được pháo đài Xanta Clava, án ngữ thủ đô La Habana. Ngày 31-12-1958 tên độc tài Batixta chạy trốn ra nước ngoài.

+ Ngày 01-01-1959 phối hợp với cuộc tổng bãi công chính trị của công nhân, nhân dân La Habana, nghĩa quân tiến vào chiếm lĩnh thủ đô, chế độ phản động Batixta bị lật đổ. Ngày 01-01-1959 trở thành ngày quốc khánh của người dân Cu Ba.

** Kết quả, ý nghĩa thắng lợi của cách mạng Cu Ba:*

+ Cách mạng dân tộc dân chủ ở Cu Ba thắng lợi chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập cho đất nước.

+ Cuộc cách mạng Cu Ba đã đi vào lịch sử như "lá cờ đầu" của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh, là nguồn cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh.

b. Công cuộc xây dựng nước cộng hòa Cu Ba

- Sau cách mạng dưới sự lãnh đạo của Phiđen Caxtơrô, nhân dân Cu Ba đã hoàn thành triệt để những cải cách dân chủ: Cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa các xí nghiệp tư bản nước ngoài, thực hiện các quyền tự do dân chủ.

- Năm 1961, sau khi đánh bại cuộc đổ bộ của quân đội đánh thuê Mĩ lên bãi biển Hêrôn, Chính phủ Cu Ba tuyên bố tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Cu Ba do Phiđen Caxtơrô đứng đầu, Cộng hòa Cu Ba đã đạt nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước. Cu Ba đã xây dựng một nền công nghiệp với cơ cấu hợp lí, và một nền nông nghiệp đa dạng. Sản lượng công nghiệp đường tăng 160%, bình quân 8 triệu tấn/năm.

Trong 4 thập kỉ qua, Cu Ba luôn phải đối phó những âm mưu phá hoại và chính sách cấm vận của Mĩ. Bên cạnh đó, những biến động về chính trị, kinh tế ở Liên Xô, Đông Âu đã đặt ra nhiều khó khăn, thử thách cho Cu Ba. Trong hoàn cảnh đó Cu Ba vẫn quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Trước đây, Cu Ba luôn ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì độc lập thống nhất của nhân dân Việt Nam. Ngày nay nhân dân Việt Nam luôn luôn đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ nhân dân Cu Ba anh em.

Bài 3
MĨ – NHẬT BẢN – TÂY ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. MĨ

1. Kinh tế, khoa học – kĩ thuật

**** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng***

+ *Công nghiệp:* Sản lượng công nghiệp tăng 14% mỗi năm. Trong những năm 1945 – 1949 sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (56,1% năm 1948).

+ *Nông nghiệp:* Sản lượng nông nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh. Sản lượng nông nghiệp gấp 2 lần sản lượng của Anh + Pháp + Tây Đức + Italia + Nhật.

+ *Tài chính:* Nắm 3-4 trữ lượng vàng toàn thế giới. Là nước chủ nợ thế giới.

+ Hơn 50% tàu bè đi lại trên biển.

Trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là trung tâm kinh tế – tài chính duy nhất của thế giới.

+ Về quân sự đứng đầu thế giới về hải quân, không quân. Độc quyền về bom nguyên tử, hệ thống quân sự khắp thế giới.

**** Nguyên nhân của sự phát triển kinh tế Mĩ:***

Sở dĩ Mĩ có bước phát triển kinh tế nhanh chóng như vậy là do:

+ Dựa vào thành tựu cách mạng khoa học – kĩ thuật (Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai, đi đầu trong sản xuất máy tính, năng lượng nguyên tử, sản xuất vật liệu mới, và giao thông liên lạc... Nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới đã sang Mĩ), Mĩ đã điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất, cải tiến kĩ thuật, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm...

+ Nhờ trình độ quản lí trong sản xuất và tập trung tư bản rất cao.

+ Nhờ quân sự hóa nền kinh tế để buôn bán vũ khí thu nhiều lợi nhuận trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Nền công nghiệp chiến tranh của Mĩ thu hơn 50% tổng lợi nhuận hàng năm.

+ Ngoài ra các điều kiện như: Tài nguyên phong phú, nhân công dồi dào, đất nước không bị chiến tranh tàn phá cũng là những nguyên nhân làm cho nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng và thuận lợi hơn các nước khác.

2. Tình hình chính trị và chính sách đối nội của nhà cầm quyền Mĩ

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chính sách đối nội của Mĩ là tiếp tục duy trì những thể chế của chế độ dân chủ tư sản.

Tổng thống Tơruman của Mĩ đã ban hành nhiều đạo luật nhằm chống lại sự hoạt động của công đoàn và phá hoại phong trào bãi công của công nhân.

Ở Mĩ chính sách phân biệt chủng tộc giữa người da trắng với người da đen và da màu vẫn tiếp tục tồn tại. Sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt.

Trong nội bộ giới cầm quyền Mĩ cũng diễn ra những vụ bê bối về chính trị và kinh tế: Vụ tổng thống Kennơdi bị ám sát năm 1963, vụ tài liệu mật Lầu Năm góc, vụ Oatơghết và Iranghết trong những năm 80... Trong xã hội Mĩ luôn diễn ra tội ác và tệ nạn.

3. Chính sách đối ngoại

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ luôn theo đuổi mưu đồ bá chủ thế giới: các đời tổng thống Tơruman, Aixenhao, Kennơđi, Giônxơn, Nichxơn... đều nêu ra học thuyết hoặc đường lối của mình để thực hiện chiến lược toàn cầu.

Mục tiêu của chiến lược toàn cầu:

+ Ngăn chặn, đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

+ Đàn áp các phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân, phong trào hòa bình dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

+ Khống chế, điều khiển các nước đồng minh của Mĩ.

Biện pháp thực hiện:

+ Tlh hành "chính sách thực lực" thành lập các khối quân sự.

+ Viện trợ kinh tế, quân sự cho các nước đồng minh.

+ Tăng cường chạy đua vũ trang chuẩn bị chiến tranh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

+ Gây chiến tranh xâm lược, can thiệp sâu vào các nước khu vực và trên thế giới.

Chiến lược toàn cầu của Mĩ vấp phải những thất bại nặng nề ở Trung Quốc (1949), Triều Tiên (1953), Cu Ba (1959), Iran (1980)... Đặc biệt là thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1975). Nhưng mặt khác, Mĩ cũng đạt được một số mưu đồ của mình, đặc biệt là góp phần làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.

II. NHẬT BẢN

Sự phát triển kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai, những nguyên nhân của sự phát triển đó.

1. Kinh tế, khoa học – kĩ thuật

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, là nước chiến bại, kinh tế Nhật bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Nhật Bản bị mất hết thuộc địa, lại bị quân đội Mĩ chiếm đóng. Do vậy, từ 1945 - 1950, kinh tế Nhật bản phát triển chậm chạp và phụ thuộc chặt chẽ vào nền kinh tế Mĩ.

- Từ 1950, kinh tế Nhật Bản bắt đầu phát triển, sang những năm 1960 phát triển một cách "thần kì", đuổi kịp và vượt các nước Tây Âu, vươn lên đứng hàng thứ hai sau Mĩ trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

- Từ những năm 1970 trở đi, Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới. Dự trữ vàng và ngoại tệ của Nhật đã vượt qua Mĩ. Hàng hoá Nhật Bản len lỏi, cạnh tranh khắp các thị trường thế giới (ô tô, điện tử....).

1990 Thu nhập bình quân tính theo đầu người = 23.796 đôla, đứng thứ hai trên thế giới sau Thuỵ Sĩ (29.850 đôla).

Như vậy, từ một nước chiến bại, bị chiến tranh tàn phá, dân số đông, lương thực, thực phẩm rất thiếu thốn, nhưng chỉ sau vài ba thập kỉ. Nhật Bản đã vươn lên thành một siêu cường kinh tế và được gọi là "Thần kì Nhật Bản".

2. Nguyên nhân của sự phát triển đó:

Kinh tế Nhật Bản có bước phát triển "Nhảy vọt" là nhờ:

- Nhật Bản lợi dụng vốn của nước ngoài để tập trung vào những ngành công nghiệp then chốt nhất: Cơ khí, luyện kim, hóa chất, điện tử... Ngoài ra Nhật ít phải chi tiêu về quân sự, biên chế Nhà nước gọn nhẹ, nên có điều kiện tập trung vốn vào kinh tế.

- Nhận biết lợi dụng những thành tựu về khoa học – kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật, hạ giá thành sản phẩm.

- Nhật biết cách xâm nhập vào thị trường các nước khác, qua đó không ngừng mở rộng thị trường trên toàn thế giới. Nhật đã tiến hành nhiều cải cách dân chủ như cải cách ruộng đất, xoá bỏ những tàn tích phong kiến, điều đó tác dụng thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Nhật phát huy truyền thống "Tự lực, tự cường" vươn lên xây dựng đất nước trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn, hết sức coi trọng việc phát triển khoa học – kĩ thuật và cải cách nền giáo dục quốc dân.

3. Tình hình chính trị và chính sách đối ngoại của Nhật

a. Tình hình chính tri:

- Tháng 11 năm 1946, Nhật ban bố hiến pháp mới. Đây là hiến pháp tiến bộ

- Năm 1946- 1949, luật cải cách ruộng đất, luật Daibatxư, xử tội phạm chiến tranh làm phá vỡ chế độ quân chủ phong kiến, lập chế độ dân chủ đại nghị.

- Phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, tiến bộ lên cao.

b. Chính sách đối ngoại:

- Với "Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật" năm 1951, Nhật Bản trở thành đồng minh của Mĩ nhằm chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc vùng Viễn Đông.

- Nhật Bản trở thành căn cứ chiến lược của Mĩ, phục vụ cho chiến lược toàn cầu của Mĩ ở châu Á- Thái Bình Dương.

- Dựa vào tiềm lực kinh tế, Nhật Bản tìm cách xâm nhập để mở rộng thế lực, gây ảnh hưởng ngày càng lớn trên thế giới, đặc biệt là vùng Đông Nam Á.

- Nhật Bản là đế quốc kinh tế bành trướng và xâm nhập kinh tế ở mọi nơi.

III. PHÁP

Tình hình kinh tế chính trị của Pháp từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay.

1. Kinh tế:

- Chiến tranh thế giới thứ II và sự chiếm đóng của phát xít Đức đã gây thiệt hại nặng nền cho nền kinh tế Pháp. Do vậy, sau chiến thế giới thứ II, kinh tế Pháp phát triển chậm chạp và gặp nhiều khó khăn.

- Từ 1948 Pháp nhận viện trợ kinh tế của Mĩ theo kế hoạch Macsan, nhờ đó kinh tế Pháp phát triển nhanh chóng và vững chắc. Từ 1950 sau khi phục hồi lại nền kinh tế đạt mức trước chiến tranh, kinh tế Pháp đã có hơn 20 năm liên tục phát triển nhanh chóng với tốc độ tăng bình quân 5%- năm.

- Sau cuộc khủng hoảng năng lượng 1973, kinh tế Pháp bước vào thời kì phát triển không ổn định, thường xuyên diễn ra suy thoái, lạm phát, thất nghiệp, mức tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 2,4%/năm.

- Từ 1982 đến nay nhờ cải cách cơ cấu kinh tế và đi sâu vào cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật - công nghệ, kinh tế tiếp tục phát triển tuy không bằng thời kì 1950 – 1973.

+ *Công nghiệp:* Chiếm vị trí thứ 5 trên thế giới sau Mĩ, Nhật, Đức và Liên Xô; các ngành công nghiệp mũi nhọn của Pháp gồm công nghiệp sản xuất các mặt hàng cao cấp (Đồ trang sức, nước hoa, thời trang, đồ sứ cao cấp), công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp hàng không và vũ trụ, công nghiệp chế tạo vũ khí.

+ *Nông nghiệp được công nghiệp hóa:* Pháp được coi như vựa lúa của khối Thị trường chung Châu Âu, hàng năm cung cấp tới 55 triệu tấn lương thực.

- Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Pháp là nhờ các nguyên nhân sau:

+ Sử dụng thành tựu cách mạng khoa học - kĩ thuật, tăng năng suất lao động

+ Giá nhập nguyên liệu từ thế giới thứ ba rẻ.

+ Chính sách mở cửa của Nhà nước ra thị trường Châu Âu và thế giới.

+ Vai trò điều tiết nền kinh tế của Nhà nước có hiệu quả.

2. Chính trị:

- Từ 09-1946 Pháp thành lập nền Cộng hòa thứ 4 với chế độ tổng thống. Do những chính sách đối nội, đối ngoại phản động của giới cầm quyền, tình hình Pháp trở nên không ổn định, cao trào đấu tranh của công nhân, nông dân bùng nổ.

+ *Đối nội:* Thu hẹp các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ những cải cách tiến bộ, tăng thuế, giảm trợ cấp xã hội.

+ *Đối ngoại:* Gây chiến tranh xâm lược Đông Dương, Angiêri, tán thành tái vũ trang lại cho Tây Đức...

- Từ 06-1958 thành lập nền Cộng hòa thứ 5. Nhà cầm quyền đã thực hiện nhiều chính sách đối nội, đối ngoại tích cực nhằm tăng cường nền độc lập của nước Pháp và ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội. Nền Cộng hòa thứ 5 tồn tại cho đến ngày nay.

IV. KHỐI THỊ TRƯỜNG CHUNG CHÂU ÂU (EEC)

1. Quá trình thành lập và phát triển:

- Khối Thị trường chung châu Âu hay còn gọi là Cộng đồng Kinh tế châu Âu, viết tắt là EEC (European Economic Community) ra đời vào ngày 25-03-1957 gồm 6 nước: Cộng hòa Liên bang Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxămbua. Sau phát triển thành 12 nước có thêm: Anh, Ailen, Đan Mạch (1973), Hi Lạp (1981), Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha (1986).

- Từ ngày 01-01-1994, EEC được gọi là Liên minh châu Âu (viết tắt: EU). Từ 1995 số thành viên của EU là 15 nước có thêm (Áo, Phần Lan, Thụy Điển). Hiện nay EU đang chuẩn bị kết nạp thêm nhiều thành viên mới và đến năm 2005 đã có 25 nước tham gia.

2. Mục tiêu kinh tế – chính trị:

- Sau hơn 40 năm tồn tại, EEC đã tạo ra một cộng đồng kinh tế và một thị trường chung với sức mạnh của dân số 340 triệu người có trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Điều này cho phép EEC và các thành viên có khả năng phát triển nhanh chóng về mọi mặt, thực hiện có hiệu quả cuộc cạnh tranh về kinh tế, tài chính và thương mại với các nước ngoài khối; đặc biệt với Mĩ và Nhật Bản.

Mặt khác EEC còn thống nhất với nhau về chính sách đối nội đối ngoại. Hiệp ước Maaxtrich (Hà Lan) 02-1992, khẳng định đến năm 2000 các nước châu Âu dự định sẽ trở thành một liên bang nhằm nhất thể hóa châu Âu về kinh tế và chính trị, sử dụng một đồng tiền chung (EURO).

Hiện nay, quan hệ giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu phát triển tốt đẹp, EU là thị trường và là bạn hàng lớn của Việt Nam.

V. NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ HỆ THỐNG TBCN SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II (1945 – 1991)

1. Các giai đoạn phát triển: Từ sau Chiến tranh thế giới thứ II đến nay hệ thống tư bản chủ nghĩa đã phát triển qua các giai đoạn:

- **Từ 1945 – 1950:** Mĩ phát triển mạnh mẽ về kinh tế, các nước khác lo lắng khắc phục hậu quả chiến tranh. Thông qua viện trợ kinh tế, quân sự cùng với việc thành lập các khối quân sự, Mĩ đã khống chế chặt chẽ các nước tư bản Tây Âu, Nhật Bản về kinh tế, chính trị, quân sự.

- **Từ 1950 – 1973**: Sau khi khôi phục nền kinh tế đạt mức trước chiến tranh, các nước Tây Âu và Nhật Bản đã vươn lên mạnh mẽ về kinh tế, trở thành đối thủ cạnh tranh không thể coi thường của Mĩ. Từ đây trên thế giới hình thành 3 trung tâm kinh tế – tài chính là Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản..

- **Từ 1973 – 1991:** Để đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính chất quốc tế diễn ra trong những năm đầu của thập niên 1970, các nước tư bản chủ nghĩa đã sớm đi vào cải tổ cơ cấu kinh tế, đi sâu vào cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật. Đặc biệt là cuộc cách mạng công nghệ, tìm cách thích nghi về chính trị – xã hội, nhờ đó vượt qua cuộc khủng hoảng vào những năm đầu của thập niên 1980. Sau đó tiếp tục phát triển về kinh tế, ổn định về chính trị và nâng cao mức sống của nhân dân.

Ngoài ra, có một số nước vốn là thuộc địa và phụ thuộc, sau khi giành lại độc lập đã phát triển kinh tư bản chủ nghĩa nhanh chóng và trở thành những nước công nghiệp mới (NIC).

2. Những đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại:

- Chuyển sang tư bản chủ nghĩa lũng đoạn Nhà nước (tức là sự dung hợp giữa các tập đoàn tư bản lũng đoạn với Nhà nước thành một thế lực thống nhất, có quyền lực vô hạn, phục vụ tối đa lợi ích của tập đoàn tư bản lũng

đoạn). Những thập niên gần đây còn phát triển thành tư bản chủ nghĩa độc quyền siêu quốc gia.

- Xu hướng liên hiệp quốc tế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước còn gọi là "Nhất thể hóa quốc tế" tiêu biểu như khối EEC.

- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ở các nước tư bản phát triển làm cho đời sống vật chất và tinh thần của con người không ngừng được nâng cao. Ở các nước đó đều có sự phát triển đáng kể về các mặt văn hóa, giáo dục và văn học nghệ thuật.

- Vẫn tồn tại những mâu thuẫn và những tệ nạn xã hội không thể khắc phục được. (Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và công nhân; giữa các nước tư bản với nhau; sự phân hóa ngày càng cao giữa giàu nghèo... và tệ nạn xã hội).

Bài 4

QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. HỘI NGHỊ IANTA VÀ VIỆC HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH

1. Hoàn cảnh dẫn đến hội nghị Ianta: Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn sắp kết thúc, một số vấn đề cấp thiết đặt ra cho các nước Đồng minh:

- Kết thúc nhanh chiến tranh ở châu Âu, châu Á – Thái Bình Dương.
- Tổ chức lại trật tự thế giới mới sau chiến tranh.
- Phân chia khu vực đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng.

Trong bối cảnh đó, hội nghị cấp cao của 03 cường quốc là Liên Xô, Mĩ, Anh diễn ra tại Ianta từ ngày 04 đến 12-02-1945.

2. Những quyết định của Hội nghị (nội dung chủ yếu của Hội nghị):

Hội nghị đã đi đến những quyết định sau đây:

- Về việc kết thúc chiến tranh thế giới thứ II: Hội nghị thống nhất là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật sau khi chiến tranh đã kết thúc ở châu Âu.

- Phân chia khu vực đóng quân để giải giáp quân phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

+ Ở châu Âu: Liên Xô: Đông Đức, Đông Beclin, Đông Âu.
Mĩ, Anh, Pháp: Tây Đức, Tây Beclin, Tây Âu.
(Áo – Phần Lan: Trung lập)

+ Ở châu Á: Liên Xô: Bắc Triều Tiên, Xakhalin, Curin...
Mĩ: Nam Triều Tiên, Nhật Bản...

Những quyết định của hội nghị Ianta đã dẫn tới sự hình thành một trật tự thế giới mới, được gọi là "trật tự hai cực Ianta".

II. HOÀN CẢNH RA ĐỜI, MỤC ĐÍCH, NHỮNG NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH CỦA LIÊN HIỆP QUỐC:

1. Hoàn cảnh ra đời:

- Đầu 1945, Chiến tranh thế giới thứ II sắp bước vào giai đoạn kết thúc; Các nước Đồng minh và nhân dân thế giới có nguyện vọng gìn giữ hòa bình, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh thế giới mới.

- Tại Hội nghị Ianta (02-1945) các vị đứng đầu 03 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất thành lập một tổ chức Quốc tế mang tên Liên Hiệp Quốc để gìn giữ hòa bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh.

- Từ 25-04 đến 26-06, hội nghị đại biểu của 50 nước đã họp tại Xan Phơrăngxicô để thông qua Hiến chương Liên Hiệp Quốc, thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc. Ngày thành lập Liên Hiệp Quốc 24-10-1945 và là ngày hiến chương có hiệu lực.

2. Mục đích:

- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

- Thúc đẩy quan hệ, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc tự quyết và quyền bình đẳng giữa các quốc gia.

3. Những nguyên tắc hoạt động:

- Quyền bình đẳng giữa quốc gia và các quyền dân tộc tự quyết.

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

- Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.

- Phải có sự nhất trí giữa 05 cường quốc: Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

- Liên Hiệp Quốc không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.

4. Các cơ quan chính của Liên Hiệp Quốc:

- Đại hội đồng: Hội nghị của tất cả các nước thành viên, mỗi năm họp 01 lần.

- Hội đồng Bảo an:

+ Là cơ quan chính trị quan trọng nhất và hoạt động thường xuyên của Liên Hiệp Quốc, chịu trách nhiệm chính về duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

+ Mọi nghị quyết của Hội đồng Bảo an chỉ được thông qua khi có sự nhất trí của 05 uỷ viên thường trực là: Liên Xô (Nga), Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

- Ban thư kí: Là cơ quan hành chính của Liên Hiệp Quốc, đứng đầu có Tổng thư kí do Đại hội đồng bầu ra, nhiệm kì 05 năm (Hiện nay Tổng thư kí là Kofi Annan, người Gana). Ngoài ra Liên Hiệp Quốc còn có hàng trăm tổ chức chuyên môn khác như: Hội đồng kinh tế và xã hội, Toà án quốc tế...

- Trụ sở Liên Hiệp Quốc đặt tại New York (Mĩ). Năm 1997 Liên Hiệp Quốc có 180 thành viên.

- Từ khi thành lập đến nay, Liên Hiệp Quốc đã giữ vai trò quan trọng trong việc:

+ Gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới.

+ Góp phần giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột khu vực.

+ Phát triển các mối quan hệ giao lưu, hợp tác về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa giữa các nước thành viên.

- Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc từ 09-1977, nhiều tổ chức chuyên môn của Liên Hiệp Quốc đã và đang hoạt động tích cực tại Việt Nam.

(Chương trình lương thực: PAM; Tổ chức và lương thực: FAO; Quỹ nhi đồng Quốc tế: UNICEF; Tổ chức văn hóa, giáo dục và khoa học: UNESCO; Tổ chức y tế thế giới: WHO).

III. CUỘC "CHIẾN TRANH LẠNH" VÀ ÂM MƯU CỦA MĨ

** Vì sao Mĩ thực hiện chiến tranh lạnh?*

Sau chiến tranh thế giới thứ hai phong trào cách mạng ở các nước chiến bại và các nước chiến thắng đều phát triển mạnh mẽ.

Các nước Đông Âu và Liên Xô hợp thành hệ thống XHCN ngày càng hùng mạnh, ảnh hưởng của CNXH ngày càng to lớn.

Phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai phát triển mạnh mẽ.

Và tháng 3-1947, Tổng thống Mĩ Tơruman chính thức phát động "chiến tranh lạnh" nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN, chống phong trào giải phóng dân tộc nhằm đi đến thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.

** Cuộc "chiến tranh lạnh" được Mĩ triển khai như thế nào?*

Mĩ cho xây dựng khối quân sự và căn cứ quân sự khắp nơi trên thế giới nhằm bao vây Liên Xô và các nước XHCN: NATO (ở châu Âu), SEATO (Đông Nam Á), ANJUS (Nam Thái Bình Dương), CENTO (Trung Cận Đông)...

Mĩ và phương Tây chạy đua vũ trang với khoản chi tiêu quân sự khổng lồ, chuẩn bị phát động "chiến tranh tổng lực" chống Liên Xô và các nước XHCN: phát động hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm chống lại cách mạng thế giới (chống các nước Đông Dương - 1954-1975; can thiệp vũ trang vào Grênada - 1983, Panama - 1990; sử dụng Ixraen trong việc gây chiến tranh Trung Đông 1948).

Bao vây kinh tế, cô lập chính trị, đảo chính, lật đổ... chống các nước XHCN.

Cuộc "chiến tranh lạnh" đã dẫn tới chạy đua vũ trang, gây ra tình trạng đối đầu giữa hai khối quân sự NATO và VACSAVA làm cho quan hệ quốc tế luôn căng thẳng.

** Sự chấm dứt "Chiến tranh lạnh":*

Hai nước Xô - Mĩ đều suy giảm thế mạnh về nhiều mặt so với các cường quốc khác do chạy đua vũ trang suốt 40 năm qua, nhất là kinh tế hai nước đều giảm sút so với Nhật Bản và Tây Âu.

Xô - Mĩ muốn thoát khỏi thế đối đầu và có cục diện để vươn lên đối phó với Đức, Nhật Bản và khối Thị trường chung Châu Âu.

Hai nước Xô - Mĩ cần hợp tác để góp phần quyết định những vấn đề bức thiết của toàn cầu.

Từ những lí do đó, nên Xô - Mĩ đã chấm dứt "chiến tranh lạnh". Biểu hiện:

+ Quan hệ đối đầu giữa Xô - Mĩ chuyển sang quan hệ đối thoại qua những hội nghị cấp cao giữa những người đứng đầu hai nước.

+ Cuối năm 1989, tại đảo Manta (Inđônêxia), tổng thống Bus (Mĩ) và tổng thống Goocbachop (Liên Xô) tuyên bố chấm dứt "chiến tranh lạnh" giữa hai nước. Quan hệ quốc tế bước vào thời kì mới - thời kì sau "chiến tranh lạnh".

+ Việc chấm dứt "chiến tranh lạnh" đã dẫn đến những chuyển biến quan trọng trong quan hệ quốc tế và cục diện chính trị thế giới. Đó là:

- Năm nước lớn như: Liên Xô, Anh, Mĩ, Pháp, Trung Quốc có chuyển biến trong đường lối đối ngoại của mình.

- Sự hợp tác Xô - Mĩ dẫn tới sự giải thể của khối VACSAVA tháng 7-1991, trong khi đó khối NATO vẫn duy trì.

- Liên Xô thực hiện chính sách "không can thiệp" vào Đông Âu, chấm dứt những cam kết của mình với các nước Đồng minh trước đây.

- Sự hợp tác Xô - Mĩ góp phần giải quyết những vấn đề khu vực như: Xung đột ở vùng Nam Phi có liên quan đến Namibia và nội chiến ở Ăngôla, Ápganixtan, vấn đề Campuchia, Nicaragoa, Trung Đông...

III. SỰ SỤP ĐỔ CỦA "TRẬT TỰ 2 CỰC IANTA" VÀ MỘT TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI ĐANG DẦN HÌNH THÀNH

1. Sự sụp đổ trật tự 2 cực Ianta:

- Trải qua hơn 40 năm "Trật tự 2 cực Ianta" từng bước bị xói mòn bởi:

+ Sự phát triển và thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới làm thay đổi phạm vi ảnh hưởng của Mĩ.

+ Sự phát triển "thần kì" về kinh tế của Nhật Bản, sự vươn lên của các nước Tây Âu làm cho thế giới tư bản chủ nghĩa xuất hiện thêm hai trung tâm kinh tế – tài chính cạnh tranh với Mĩ.

- Những biến động to lớn ở Liên Xô, Đông Âu trong những năm 1988 – 1991 đã làm cho "Trật tự 2 cực Ianta" thật sự bị phá vỡ, thể hiện trên các mặt:

+ Khối Đông Âu, phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô bị tan vỡ, kéo theo sự chấm dứt hoạt động của liên minh chính trị – quân sự (Vacsava), liên minh kinh tế (SEV).

+ Do sự suy giảm về vị trí kinh tế của Mĩ và Liên Xô, thế 2 cực của 2 siêu cường Mĩ và Liên Xô trong trật tự thế giới cũ bị phá vỡ.

+ Liên Xô và Mĩ rút dần "Sự có mặt" của mình ở nhiều khu vực quan trọng trên thế giới.

+ Sự vươn lên về kinh tế và chính trị của Đức và Nhật Bản đang trở thành mối lo ngại cho Mĩ, Nga, Anh, Pháp.

2. Sự hình thành dần một trật tự thế giới mới:

- Từ đầu những năm 1990, một trật tự thế giới đang dần dần hình thành, và tuỳ thuộc vào nhiều nhân tố:

+ Sự phát triển về kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mĩ, Nga, Trung Quốc, Nhật, Pháp, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp.

Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự lớn mạnh của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh, sự phát triển của phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, sự thành bại của công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa).

+ Sự phát triển của cách mạng khoa học kĩ thuật sẽ còn tạo ra những đột phá, biến chuyển trong cục diện thế giới.

- Tuy nhiên trong quan hệ quốc tế đã xuất hiện một số đặc điểm và xu thế phát triển sau:

+ Xu thế đối thoại, hợp tác cùng tồn tại hòa bình.

+ Năm cường quốc thoả hiệp, hợp tác với nhau duy trì trật tự thế giới mới.

+ Mở ra một thời kì mới trong quan hệ quốc tế.

Bài 5
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC KĨ THUẬT SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Nguồn gốc:

- Nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng lớn trong các lĩnh vực khoa học – kĩ thuật. Đó là cuộc cách mạng công nghiệp (thế kỉ XVIII – XIX) và cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đang diễn ra từ những năm 1940 trở lại đây.

- Cũng như cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII, cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện nay diễn ra là do những đòi hỏi của cuộc sống con người, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

- Do nhu cầu phục vụ chiến tranh, cần có sự ứng dụng khoa học - kĩ thuật do nhu cầu vật chất ngày càng cao của con người, nhất là trong tình hình bùng nổ dân số, tài nguyên thiên nhiên đang cạn kiệt.

2. Nội dung:

- Nếu cách mạng công nghiệp có nội dung chủ yếu là cơ khí thì cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật ngày nay có nội dung phong phú hơn, phạm vi rộng lớn hơn nhiều, trong đó nội dung chủ yếu là tự động hóa cao độ.

- Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật ngày nay diễn ra trên mọi ngành, mọi lĩnh vực.

+ Khoa học cơ bản: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học.

+ Nhiều ngành khoa học mới: Khoa học vũ trụ, khoa học du hành vũ trụ.

+ Những ngành khoa học mới kết hợp khoa học tự nhiên với khoa học kĩ thuật như điều khiển học, sinh vật học, phân tử.

+ Hiện nay các nhà khoa học đang nghiên cứu giải quyết những vấn đề cấp bách về khoa học và kĩ thuật phục vụ cuộc sống con người như vấn đề

ıăng lượng, công cụ sản xuất, vật liệu mới, chống ô nhiễm môi trường, lương hực – thực phẩm.

}. Đặc điểm

Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay nổi bật ba đặc điểm;

- Được gọi là cách mạng khoa học kĩ thuật bởi vì mọi phát minh về kĩ huật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kĩ thuật, :hoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật... Vì vậy, khoa học đã trở thành lực ượng sản xuất trực tiếp. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật còn được gọi là ách mạng khoa học - công nghệ.

- Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng út ngắn.

- Hiệu quả kinh tế của công tác nghiên cứu khoa học ngày càng cao. Đầu ư vào khoa học cho lãi cao hơn so với đầu tư vào các lĩnh vực khác.

ı. Thành tựu

Trải qua nửa thế kỉ, đặc biệt là từ thập niên 70, cuộc cách mạng khoa ıọc kĩ thuật đã thu được nhiều thành tựu to lớn và kì diệu

- Trong lĩnh vực khoa học cơ bản: Toán, Lý, Hóa, Sinh... đã đạt những ıhững thành tựu hết sức to lớn, đánh dấu bước nhảy vọt chưa từng thấy.

Các phát minh lớn về công cụ sản xuất mới, trong đó có ý nghĩa quan rọng hàng đầu là sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động, người máy Rôbốt) và hàng loạt những công cụ mới với chức năng hết sức hiện đại được áng chế nhằm phục vụ cho sản xuất trong tất cả các ngành công nghiệp và :ây dựng.

- Tìm ra những nguồn năng lượng mới hết sức phong phú và vô tận như: ıăng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời, năng ượng thuỷ triều, năng lượng gió... Trong đó năng lượng nguyên tử và năng ượng mặt trời đang dần dần được sử dụng một cách phổ biến và tương lai :hông xa sẽ thay thế dần cho nhiệt điện, thuỷ điện.

- Sáng chế ra những vật liệu mới trong tình hình vật liệu tự nhiên đang ạn kiệt, như chất Polime đang giữ vị trí rất quan trọng trong đời sống hằng ıgày của con người cũng như trong công nghiệp.

- Cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp là thành quả tổng hợp của ıhiều ngành khoa học, đặc biệt là sinh học, hóa học, nhờ "Cách mạng xanh" ıhiều nước đã tự túc, khắc phục nạn thiếu lương thực, đói ăn...

- Nhiều tiến bộ thần kì trong các lĩnh vực giao thông vận tải, thông tin iên lạc như: Máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hoả cao tốc, vệ tinh nhân tạo...

- Những thành tựu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ: Phóng thành công ệ tinh nhân tạo (1957), con người bay vào vũ trụ (1961), đặt chân lên mặt răng (1969), tàu con thoi... Khoa học vũ trụ và du hành vũ trụ ngày càng ıhục vụ đắc lực cho cuộc sống con người.

5. Vị trí, ý nghĩa (Tác động):

- *Tích cực:*

+ Trong cách mạng khoa học - kĩ thuật dã làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động, sản xuất ra khối lượng hàng hoá đồ sộ, tiện nghi hiện dại. Vì vậy dời sống con người không ngừng dược cải thiện, mức sống ngày càng được nâng cao.

+ Đưa tới những thay đổi lớn lao về cơ cấu dân cư với xu hướng dân số lao động trong nông nghiệp giảm đi, dân số trong các ngành dịch vụ tăng lên.

+ Đưa loài người chuyển sang một nền văn minh mới: sau văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp đó là "Văn minh trí tuệ" lấy vi tính diện tử thông tin và khoa sinh hóa làm cơ sở.

+ Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học – kĩ thuật ngày càng được quốc tế hóa cao. Một thị trường thế giới đang hình thành, bao gồm tất cả các nước có chế độ xã hội khác nhau, vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau cùng chung sống hòa bình.

- Hậu quả: Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật do con người làm chủ, nên được sử dụng theo những mục đích khác nhau. Nếu được sử dụng đúng hướng sẽ mang lại nguồn lực và sức mạnh to lớn. Ngược lại, nếu bị sử dụng với mục đích trái với lợi ích phát triển của nhân loại, có thể dẫn tới những sự tàn phá không lường hết được:

+ Đã tạo ra nhiều loại vũ khí huỷ diệt có số lượng rất lớn mà chỉ cần một phần rất nhỏ trong số đó đã đủ đe doạ sự sống của cả hành tinh.

+ Tài nguyên ngày càng kiệt quệ, trái đất đang kêu cứu.

+ Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, đe doạ sự sống của loài người.

+ Sinh ra nhiều bệnh tật, tai nạn gắn liền với kĩ thuật hiện đại.

+ Đặt ra nhiều vấn đề xã hội gắn liền với kĩ thuật hiện đại.

Những hậu quả nói trên đang đặt ra trước nhân loại nhiều vấn đề cấp bách

- Phải bảo vệ tài nguyên – môi trường.
- Phải sử dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào mục đích hòa bình

GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ THI HỌC SINH GIỎI

LỊCH SỬ VIỆT NAM

)ề 1. Tình hình kinh tế, chính trị -xã hội ở Việt Nam trong cuộc khai thác huộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp? Biến đổi lớn nhất của xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp là gì?(Nêu à phân tích).

)ề 2. Tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã ảnh hưởng lến cách mạng Việt Nam như thế nào? Những mặt tích cực và hạn chế của phong trào cách mạng Việt Nam trong những 1919-1925?

)ề 3. Hãy nêu các sự kiện lớn trong phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam từ 1919 đến 1929? Phân tích một sự kiện đánh dấu bước tiến mới ủa phong trào công nhân Việt Nam?

)ề 4. Qua lịch sử Việt Nam từ 1858 đến trước 1930, hãy chứng minh:

- Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước của các bậc tiền bối.
- Công lao của Nguyễn Ái Quốc trong việc tìm ra con đường cứu nước úng đắn?

)ề 5. Hãy nêu những cống hiến của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đối với cách nạng Việt Nam? Phân tích một cống hiến theo anh (chị) là nổi bật nhất?

)ề 6. Lập bảng so sánh ba tổ chức yêu nước cách mạng (Hội Việt Nam Cách nạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng) heo yêu cầu sau:

Nội dung	*Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*	*Tân Việt Cách mạng đảng*	*Việt Nam Quốc dân đảng*
Thời gian			
Lãnh đạo			
Lực lượng tham gia			
Nhiệm vụ			
Xu hướng			

)ề 7. Trình bày các nhân tố dẫn đến sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam? Phân tích một nhân tố cơ bản nhất?

)ề 8. Nêu những nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo? Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam nêu trong Cương lĩnh đã được áp dụng như thế nào trong thời kì cách nạng 1930-1945?

Đề 9. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933:

- Những hậu quả của khủng hoảng đối với các nước tư bản chủ nghĩa nhất là nước Pháp?

- Hậu quả nặng nề của khủng hoảng đối với Việt Nam?

Đề 10. Nêu những sự kiện lịch sử tiêu biểu của phong trào cách mạng 1930 1935 và phân tích một sự kiện tiêu biểu nhất thể hiện tính chất triệt để của phong trào?

Đề 11. Nét nổi bật nhất của từng phong trào cách mạng: 1930-1931; 1932 1935; 1936-1939; 1939-1945? Bài học lớn nhất của từng phong trào đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945?

Đề 12. Hãy phân tích những điểm chung và những nét đặc thù của các phong trào cách mạng 1930-1931; 1936-1939; 1939-1945.

Đề 13. Nêu những sự kiện tiêu biểu nhất trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1930 đến 1945. Hãy phân tích một sự kiện tiêu biểu nhất có ảnh hưởng đến giai đoạn lịch sử trong những giai đoan tiếp theo.

Đề 14. Vì sao Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược trong gian đoạn cách mạng 1936-1939? Sự chuyển hướng đó có gì mâu thuẫn với nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng không? Vì sao?

Đề 15. Những Nghị quyết quan trọng của Đảng trong thời kì cách mạng 1939-1945? Phân tích một Nghị quyết có tác dụng đến việc vận động toàn quân, toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc năm 1945?

Đề 16. Lập bảng so sánh ba thời kì lịch sử: 1930-1931; 1936-1939; 1939 1945, theo yêu cầu sau:

Nội dung	1930-1931	1936-1939	1939-1945
Chủ trương của Đảng			
Nhiệm vụ cách mạng			
Hình thức đấu tranh			
Khẩu hiệu đấu tranh			
Kết quả đấu tranh			
Bài học khinh nghiệm			

Đề 17. Nêu những mốc lịch sử quan trọng trong thời kì cách mạng 1939 1945? Tác dụng của những mốc lịch sử đó đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đề 18. Công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đối với cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939-1945) như thế nào?

)ề 19. Trình bày diễn biến chính của Cao trào kháng Nhật cứu nước từ háng 3-1945 đến tháng 8-1945? Vì sao Cao trào kháng Nhật cứu nước đã tạo iền đề thúc đẩy cho thời cơ khởi nghĩa của Cách mạng tháng Tám nhanh hóng chín muồi?

)ề 20. Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảng ta đã giải quyết hai nhiệm vụ hống đế quốc và chống phong kiến như thế nào? Phân tích sự sáng tạo của)ảng ta trong việc giải quyết hai nhiệm vụ đó?

)ề 21. Hãy chứng minh rằng: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, là hắng lợi của quá trình chuẩn bị lâu dài kết hợp với việc chớp lấy thời cơ hát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

)ề 22. Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, tập hợp mọi lực lượng yêu ước xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong các Mặt trận dân tộc thống nhất, ược Đảng ta xúc tiến như thế nào trong giai đoạn cách mạng 1930-1945?

)ề 23. Con đường cách mạng bạo lực của quần chúng: kết hợp giữa đấu tranh hính trị và đấu tranh vũ trang để đi đến giành thắng lợi trong Cách mạng háng Tám 1945 như thế nào?

)ề 24. Trình bày những nguyên nhân dẫn đến sự thành công của Cách mạng háng Tám? Phân tích một nguyên nhân có tính chất quyết định nhất đối với hắng lợi của cuộc Cách mạng này?

)ề 25. Nêu những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám và phân ích những khó khăn làm cho nước ta đứng trước tình thế như "ngàn cân treo ợi tóc". Những đối sách của Đảng và Chính phủ ta trước tình thế đó?

)ề 26. Hãy làm sáng tỏ vai trò của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong uộc đấu tranh nhằm bảo vệ chính quyền, giữ vững độc lập dân tộc những ăm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám (2-9-1945 – 19-12-1946).

)ề 27. Hãy nêu những chiến thắng tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống hực dân Pháp của nhân dân ta và phân tích một chiến thắng tiêu biểu nhất?

)ề 28. Thông qua trình bày hai sự kiện cuối của cuộc kháng chiến chống háp, hãy cho biết âm mưu và hành động cuối cùng của Pháp – Mĩ đã bị ánh bại như thế nào?

Qua đó, hãy liên hệ với những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của ân tộc ta để có thể rút ra bài học truyền thống nổi bật trong việc kết thúc hiến tranh.

)ề 29. Hãy chứng minh rằng: Từ thu – đông năm 1950 đến xuân hè 1953 uân và dân ta đã giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược, liên tục ến công địch, đánh tiêu diệt với quy mô ngày càng lớn trên các chiến rường ở Đông Dương.

Đề 30. Hậu phương là một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi củ chiến tranh. Nếu không có hậu phương vững mạnh bảo đảm sự chi việ thường xuyên về lực lượng của cải và tinh thần cho tiền tuyến thì không c một quân đội nào có thể giành được thắng lợi.

Hãy phân tích vai trò của hậu phương trong cuộc kháng chiến chốn Pháp của nhân dân ta.

Đề 31. Phân tích sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa đấu tranh quân sự và đấu tranl ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ 1946 đến 1954.

Đề 32. Những nét chính về cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Phá xâm lược đã diễn ra và kết thúc như thế nào? Bài học lịch sử được rút ra t cuộc kháng chiến này?

Đề 33. Hãy lập bảng thống kê trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1946 1954), theo yêu cầu sau:

Thời gian	*Các đời tướng của Pháp*	*Âm mưu và kế hoạch của chúng*	*Những thắng lợi của ta*	*Ý nghĩa lịch sử*

Đề 34. Vì sao Pháp cử Nava sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp Đông Dương? Kế hoạch quân sự của Nava vào tháng 5-1953 có gì khác vớ tháng 11-1953? Kế hoạch đó lần lượt bị phá sản như thế nào?

Đề 35. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ:

- Vì sao Pháp cho xây dựng tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ?
- Vì sao ta quyết định đánh địch ở Điện Biên Phủ?
- Giải thích: Chiến thắng Điện Biên Phủ là "tiếng chuông báo tử của ch nghĩa thực dân"?

Đề 36. Lập niên biểu so sánh ba Hiệp định mà ta đã kí với đế quốc Pháp v Mĩ, theo yêu cầu sau:

Yêu cầu	*Hiệp định Sơ bộ*	*Hiệp định Giơnevơ*	*Hiệp định Pari*
Thời gian kí kết			
Bối cảnh lịch sử			
Nội dung cơ bản			
Kết quả đạt được			
Ý nghĩa			
Nhận xét			

Đề 37. Trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1954 đến 1975, có những sự kiện lịch sử nào quan trọng? Hãy phân tích những sự kiện đó có ảnh hưởng như thế nào đến từng giai đoạn của thời kì đó?

Đề 38. Sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao được thể hiện như thế nào trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta từ 1954 đến 1975?

Đề 39. Các giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam từ 1954 đến 1975? Những thắng lợi quân sự tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

Đề 40. Lập bảng kê về nội dung và ý nghĩa của các Nghị quyết của Đảng trong thời kì kháng chiến chống Mĩ theo yêu cầu sau:

Thời gian ra Nghị quyết, tên Nghị quyết	*Nội dung chủ yếu của Nghị quyết*	*Tác dụng trực tiếp của Nghị quyết*

Đề 41. Lập bảng so sánh ba chiến lược chiến tranh của Mĩ ở miền Nam Việt Nam:

Chiến lược chiến tranh	*Âm mưu, thủ đoạn của địch*	*Những thắng lợi quyết định của ta*	*Ý nghĩa*
Chiến tranh đặc biệt			
Chiến tranh cục bộ			
Việt Nam hóa chiến tranh			

Đề 42. Phân tích những thắng lợi trên mặt trận quân sự của ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước có tác động đến việc buộc Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Pari và chấp nhận kí kết Hiệp định Pari.

Đề 43. Hãy so sánh những điểm giống và khác nhau giữa "Chiến tranh đặc biệt" và "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam Việt Nam? Trình bày thắng lợi quyết định của quân dân ta trong việc đánh bại "Chiến tranh cục bộ". Thắng lợi đó có tác dụng như thế nào đối với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp chống Mĩ cứu nước?

Đề 44. Những thắng lợi của quân dân ta ở hai miền Nam - Bắc trong những năm 1965-1968 và 1969-1973 như thế nào?

Đề 45. Sau Hiệp định Pari, thời cơ cách mạng xuất hiện ở Việt Nam như thế nào? Đảng ta đã chớp thời cơ phát động cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 như thế nào?

Đề 46. Trình bày những sự kiện tiến công chiến lược và tổng tiến công chiến lược để đưa đến thắng lợi hoàn toàn của cách mạng miền Nam từ 1972 đến 1975.

Đề 47. Phân tích những điểm khác nhau giữa cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám Năm 1945 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975?

Đề 48. Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 2-3-1975 nêu rõ: "Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam...". Nghị quyết đó đã đưa đến thắng lợi nào trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975?

Đề 49. Trình bày những nguyên nhân đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Phân tích một nguyên nhân cơ bản nhất của những nguyên nhân đó?

Đề 50. Lập niên biểu về các Đại hội của Đảng theo yêu cầu sau:

Các Đại hội	*Thời gian*	*Địa điểm*	*Nội dung*	*Ý nghĩa*
Đại hội lần I				
Đại hội lầnII				
Đại hội lần III				
Đại hội lần VI				

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1. Những nét chính của Chiến tranh thế giới lần thứ hai (từ 1943 đến 1945)? Tác động của nó đối với tình hình cách mạng Việt Nam trong thời gian này?

Câu 2. So sánh những điểm giống và khác nhau giữa cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ và kiểu mới? Giải thích vì sao có những điểm khác nhau đó?

Câu 3. Vai trò của Lê-nin đối với Cách mạng tháng Mười Nga. Tại sao ở Nga lại có hai cuộc cách mạng tư sản và vô sản?

Câu 4. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ 1922 đến 1941: các giai đoạn, thành tựu và hạn chế?

Câu 5. Phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Á từ 1945 đến nay: các giai đoạn, đặc điểm. Vai trò của cách mạng Việt Nam đối với phong trào này?

Câu 6. Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930-1945 đã thể hiện mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới như thế nào?

Câu 7. Nêu những chuyển biến lớn của các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới II đến nay. Phân tích một chuyển biến quan trọng nhất.

Câu 8. Từ những đặc điểm của quan hệ quốc tế trong trật tự thế giới ở thế kỉ XX, anh (chị) có suy nghĩ gì về sự hình thành trật tự thế giới mới.

âu 9. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933:

- Nêu đặc điểm của cuộc khủng hoảng?
- Tác động của cuộc khủng hoảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời này?

âu 10. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã đề ra những chủ trương ? Những chủ trương đó có tác động đến tình hình Việt Nam trong thời kì ich mạng 1936-1939 như thế nào?

âu 11. Mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam, Lào, Campuchia trong ıững năm 1945-1954, 1954-1975?

âu 12. Những thành tựu và hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã)i ở Liên Xô trong những năm 1945-1970? Trong khi Liên Xô thực hiện ıng cuộc cải tổ từ năm 1985-1991 không thành, thì công cuộc đổi mới đất ước ở Việt Nam từ 1986-1991, đạt được những thành tựu như thế nào?

âu 13. Cách mạng Trung Quốc từ 1946 đến nay:

- Cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946-1949)? Tác động của cách mạng rung Quốc sau nội chiến đến cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến ıống thực dân Pháp (1946-1954)?
- Công cuộc cải cách ở Trung Quốc từ 1978 đến nay?

âu 14. Quá trình thành lập tổ chức ASEAN? Quan hệ Việt Nam ASEAN: cơ)i và thách thức?

âu 15. Các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Châu ıi? Đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi? Vì sao năm)60 gọi là "Năm Châu Phi"?. Tác dụng của phong trào cách mạng Việt Nam)i với phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi trong những năm 1954-1960?

âu 16. Quan hệ Quốc tế sau Chiến tranh thế giưới thứ hai diễn ra như thế ıo? Việt Nam trong quan hệ Quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai ·n nay?

âu 17. Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến anh thế giới thứ hai? Đảng ta đã vận dụng những thành tựu của cách mạng ıoa học kĩ thuật trong việc thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất ước như thế nào?

âu 18. Chủ nghĩa tư bản hiện đại: Các giai đoạn phát triển và đặc điểm của)?

âu 19. Vì sao Mĩ phát động chiến tranh lạnh? Quá trình tồn tại và chấm ít của chiến tranh lạnh?

âu 20. Chiến lược "Phản ứng linh hoạt" và "Ngăn đe thực tế" của Mĩ đã ứng ıng như thế nào trong chiến tranh xâm lược Việt Nam? Sự thất bại của nó?

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2002

Môn thi: **Lịch sử**

Thời gian làm bài: 180 phút

Câu 1: (ĐH: 2 điểm; CĐ: 3 điểm)

Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của Ấn Độ (1945 - 1950)?

Câu 2: (ĐH: 2 điểm; CĐ: 3 điểm)

Bằng những sự kiện lịch sử, hãy chứng minh phong trào "Đồng khở (1959 - 1960) đã chuyển cách mạng miền Nam nước ta từ thế giữ gìn lı lượng sang thế tiến công.

Câu 3: (ĐH: 3 điểm; CĐ: 4 điểm)

Diễn biến và ý nghĩa lịch sử của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy cı quân dân miền Nam tết Mậu Thân (1968)?

Câu 4: (ĐH: 3 điểm) Thí sinh chỉ thi Cao đẳng không làm câu này.

Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến việc kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiê tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam (27 - 1 - 1973). Nội dung cơ bản và nghĩa lịch sử của Hiệp định đó.

ĐÁP ÁN

Câu 1 (ĐH: 2 điểm; CĐ: 3 điểm): **Phong trào đấu tranh giành độc lậ của Ấn Độ (1945 - 1950).**

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống thực dâ Anh, giành độc lập của Ấn Độ phát triển mạnh mẽ.

1.1- Ngày 19-2-1946, *2 vạn thuỷ quân trên 20 chiến hạm ở cảng Bom Bo khởi nghĩa* với khẩu hiệu: "Đả đảo đế quốc Anh!", "Cách mạng muôn năm!".

- *20 vạn công nhân, sinh viên và nhân dân Bombay bãi công, bãi khoı bãi thị và tiến hành khởi nghĩa vũ trang (từ 21 đến 23-4-1946).* Công nhâ và nhân dân Cancutta, Carasi, Madơrat đấu tranh hưởng ứng.

- Nông dân đấu tranh đòi chỉ nộp 1-3 thu hoạch cho địa chủ (*Phong trà "Tephaga"*). Có nơi nông dân tước đoạt tài sản của địa chủ.

1.2- Thực dân Anh phải đàm phán với Đảng Quốc đại và Liên đoàn H giáo về tương lai của Ấn Độ, thoả thuận theo "Kế hoạch Maobattơn": Ấn Đ của những người theo Ấn Độ giáo và Pakixtan của những người theo H giáo. Ngày 15-8-1947, *2 quốc gia: Ấn Độ và Pakixtan được hưởng quy chế ı trị, có chính phủ dân tộc riêng.*

- Đảng Quốc đại Ấn Độ tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh buộc thı dân Anh phải công nhận nền độc lập hoàn toàn. Ngày *26 tháng 1 năm 195 Ấn Độ tuyên bố độc lập* và nước *Cộng hoà Ấn Độ* chính thức thành lập.

Câu 2: (ĐH: 2 điểm; CĐ: 3 điểm): **Bằng những sự kiện lịch sử, hãy chứng minh phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960) đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.**

2.1. Mĩ xâm lược miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ. Thực hiện chính sách "tố cộng", "diệt cộng", "Luật 10/59", "cải cách điền địa", lập "khu dinh điền", "khu trù mật"... Mĩ - Diệm đã kìm kẹp, bóc lột và đàn áp khốc liệt, phong trào cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.

Cách mạng miền Nam chuyển từ cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu *tranh chính trị chống Mĩ - Diệm để củng cố hoà bình, giữ gìn lực lượng cách mạng.* Phong trào đấu tranh của quần chúng chống "tố cộng", "diệt cộng", đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hoà bình, dân chủ..., đã đi từ đấu tranh chính trị đến kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ.

2.2- Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là *khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang.*

- Phong trào "Đồng khởi" rộng lớn, tiêu biểu là khởi nghĩa Trà Bồng và nổi dậy ở Bến Tre. Đến năm 1960 ở hàng trăm xã thôn chính quyền địch tan rã, chính quyền cách mạng được hình thành.

- Phong trào "Đồng khởi" đã đưa tới sự ra đời của *Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam* (20-1-1960), thành lập Trung ương Cục miền Nam, Quân Giải phóng miền Nam. "Đồng khởi" đã làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm và giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mĩ.

2.3. Như vậy, cách mạng miền Nam đã *từ đấu tranh chính trị giữ gìn lực lượng tiến dần lên đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa giành quyền làm chủ, phát triển thành chiến tranh cách mạng.*

Câu 3 (ĐH: 3 điểm; CĐ: 4 điểm): **Diễn biến và ý nghĩa lịch sử của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân miền Nam tết Mậu Thân (1968).**

3.1. Diễn biến:

- Sau 2 mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, tương quan lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho ta, đồng thời lợi dụng năm bầu cử Tổng thống Mĩ (1968), ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, chủ yếu vào các đô thị, *nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân Mĩ, đánh sập nguỵ quân, nguỵ quyền* và buộc Mĩ phải đàm phán, rút quân về nước.

- Quân ta đã tập kích chiến lược vào hầu hết các đô thị trong *đêm 30 rạng ngày 31-1-1968* (giao thừa tết Mậu Thân). Qua 3 đợt (đợt 1 trong tháng 1 và tháng 2, đợt 2 trong tháng 5 và tháng 6, đợt 3 trong tháng 8 và tháng 9 năm 1968) ta đã tiến công và nổi dậy ở 37 trong số 44 thị xã, 5 trên 6 thành

phố, hàng trăm thị trấn, quận lị và nhiều vùng nông thôn; ở Sài Gòn ta đ
đánh thẳng vào nhiều vị trí trung tâm đầu não của đối phương.

- Trong đợt thứ nhất, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 150.000 tên địch (tron
đó có 43.000 tên Mĩ), phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Nhưn
do lực lượng địch vẫn còn đông, cơ sở của chúng ở thành thị còn mạnh nên chún
đã nhanh chóng phản công ở cả thành thị và nông thôn.

3.2. Ý nghĩa:

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân (1968) *đã mở ra bướ
ngoặt mới* của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta; đ
đánh bại "chiến tranh cục bộ" và làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ; buộ
Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh ở miền Nam, ngừng ném bom bắ
phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (tháng 3-1968) và trên toàn bộ miền Bắ
(tháng 11-1968)).

- Cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoạ
của Mĩ, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân (1968) đã *buộc Mĩ phả
đàm phán với ta ở Pari* (tháng 5-1968) để bàn việc chấm dứt chiến tranh
xâm lược của Mĩ ở Việt Nam.

Câu 4 (ĐH: 3 điểm): **Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến việc kí kết Hiệp địnl
Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam. Nội dun
cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định đó?**

4.1. Hoàn cảnh:

- Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam Bắc, Mĩ buộc phải đàm phá
với ta ở Hội nghị Pari từ 13-5-1968 để bàn về việc chấm dứt chiến tranh, lậ
lại hoà bình ở Việt Nam. *Đến 25-1-1969, bắt đầu Hội nghị bốn bên* (Việ
Nam Dân chủ Cộng hoà, Hoa Kì, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nar
Việt Nam và Việt Nam cộng hoà).

- Hội nghị Pari diễn ra *trong bối cảnh Mĩ liên tiếp thất bại* trong chiế
lược "Việt Nam hoá chiến tranh", đặc biệt là trong cuộc tiến công chiến lượ
của ta mùa hè 1972. Ta cũng đã đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại trở lạ
của Mĩ ở miền Bắc. Phong trào đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược của M
tiếp tục diễn ra trên thế giới và cả ở Mĩ.

- Tháng 10-1972, khi nước Mĩ chuẩn bị bước vào cuộc bầu cử tổng thốn
bản dự thảo Hiệp định Pari được hoàn tất và hai bên đã thoả thuận ngày k
chính thức. Mĩ trở mặt, gây sức ép buộc ta phải nhân nhượng bằng cách mở cuộ
tập kích bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội và Hải Phòng cuối năm 197
Nhưng *chúng đã bị đánh bại, buộc phải kí Hiệp định Pari ngày 27-1-1973.*

4.2. Nội dung cơ bản của Hiệp định Pari:

- Mĩ và các nước *cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất v
toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.*

- Mĩ phải *rút hết quân Mĩ* và quân của các nước thân Mĩ, phá hết cá
căn cứ quân sự, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việ
nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Các bên để cho *nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai của mình* thông qua tổng tuyển cử tự do.

- Các bên công nhận thực tế ở miền Nam Việt Nam có *hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.*

- Các bên *ngừng bắn* tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

4.3. Ý nghĩa của Hiệp định:

- Hiệp định Pari đã *ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam* là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; Mĩ và các nước khác không được dính líu quân sự hoặc can thiệp vào nội bộ của Việt Nam.

- Hiệp định Pari mở ra *bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.* Quân Mĩ và quân đội nước ngoài phải rút toàn bộ ra khỏi miền Nam, tạo điều kiện để tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2003

Môn thi: ***Lịch sử***

Thời gian làm bài: 180 phút

Câu 1 (2 điểm).

Hãy nêu những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ tháng 9 năm 1939 đến tháng 6 năm 1941 và tác động của chúng đối với Việt Nam trong thời gian đó.

Câu 2 (2 điểm).

Chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất do Hội nghị lần thứ 6 (tháng 11 năm 1939) và Hội nghị lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra như thế nào?

Câu 3 (3 điểm).

Tại sao Tưởng và Pháp kí với nhau Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 28 tháng 2 năm 1946? Đảng và Chính phủ ta thực hiện sách lược gì trước tình thế do Hiệp ước đó đặt ra?

Câu 4 (3 điểm).

Trình bày những thành tựu và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta từ năm 1986 đến năm 1991?

ĐÁP ÁN

Câu 1: Hãy nêu những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ tháng 9 năm 1939 đến tháng 6 năm 1941 và tác động của chúng đối với Việt Nam trong thời gian đó. 2 điểm

1- + Ngày 1- 9-1939, Đức xâm chiếm Ba Lan; ngày 3-9-1939 Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Đức nhanh chóng đánh chiếm các nước Tây Âu, trong đó có nước Pháp. Tháng 6-1940,

chính phủ Pháp đầu hàng Đức. Cuối năm 1940 đầu năm 1941 Đức mở rộng chiếm đóng các nước Đông và Nam Âu cùng bán đảo Ban Căng. Tháng 6-1941 phát-xít Đức tấn công Liên Xô.

+ Ở Viễn Đông, quân phiệt Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc. Mùa thu 1940, phát-xít Nhật vào Đông Dương, từng bước biến Đông Dương thành căn cứ chiến tranh và thuộc địa của chúng.

2- + Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thi hành chính sách thời chiến, phát-xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực hiện chính sách "kinh tế chỉ huy", vơ vét của cải, huy động sức người phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

+ Thực dân Pháp đã nhanh chóng câu kết với Nhật áp bức nhân dân các nước Đông Dương. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với đế quốc phát-xít Pháp-Nhật là mâu thuẫn chủ yếu, gay gắt nhất. Giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi ách thống trị của Pháp-Nhật trở thành nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách nhất.

Câu 2: Chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất do Hội nghị lần thứ 6 (tháng 11 năm 1939) và Hội nghị lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941) Ban chấp hành Trung Ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra như thế nào? 2 điểm

1- + Để giành độc lập, phải tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, Hội nghị lần thứ 6 (11-1939) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương.

+ Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, kể cả các cá nhân yêu nước ở Đông Dương, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu trước mắt là chủ nghĩa đế quốc phát-xít, giành lại độc lập dân tộc hoàn toàn cho các dân tộc ở Đông Dương.

2- + Hội nghị lần thứ 8 (5-1941) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc, tập hợp lực lượng, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất cho từng nước ở Đông Dương. ở Việt Nam, Đảng ta thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

+ Mặt trận Việt Minh liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.

Câu 3: Tại sao Tưởng và Pháp kí với nhau Hiệp ước Hoa-Pháp ngày 28-2-1946? Đảng và Chính phủ ta thực hiện sách lược gì trước tình thế do Hiệp ước đó đặt ra? 3 điểm

1. + Sau khi chiếm đóng các đô thị ở Nam Bộ và cực nam Trung Bộ, thực dân Pháp chuẩn bị tiến quân ra Bắc để thôn tính cả nước ta. Để thực hiện mục

lích đó, chắc chắn Pháp sẽ vấp phải lực lượng kháng chiến của quân dân Việt Nam và cả sự có mặt của quân Tưởng ở miền Bắc. Vì thế, Pháp dùng thủ đoạn liều đình với chính phủ Tưởng để ra Bắc thay thế quân Tưởng giải giáp quân Nhật. Trong khi đó, Tưởng thấy cần phải rút về nước, tập trung đối phó với phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

Tưởng và Pháp đã thỏa hiệp với nhau, kí kết bản Hiệp ước Hoa-Pháp ngày 28-2-1946. Theo đó, Pháp được đưa quân ra Bắc thay thế quân Tưởng àm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Đổi lại, Tưởng được Pháp trả lại một số quyền lợi trên đất Trung Quốc, được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào Hoa Nam không phải đóng thuế.

+ Hiệp ước Hoa- Pháp buộc nhân dân ta phải chọn một trong hai con đường: hoặc là cầm vũ khí chống lại thực dân Pháp khi chúng ra miền Bắc; hoặc là cùng hòa hoãn với Pháp để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, tranh thủ thời gian hòa hoãn, xây dựng đất nước, chuẩn bị lực lượng để đối phó với cuộc chiến tranh của Pháp về sau.

2. + Trước tình thế mà Hiệp ước đó đặt ra, Đảng và Chính phủ ta đã thực hiện sách lược hoà với Pháp. Hồ Chủ tịch đã kí với Xanhtơni (Sainteny), đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ 6-3-1946. Theo đó, chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp; Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc thay quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên thực hiện ngừng bắn, tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức.

+ Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 có ý nghĩa rất lớn. Nó đã đập tan âm mưu câu kết giữa Pháp và Tưởng, loại bỏ được một kẻ thù nguy hiểm là Tưởng và tay sai; tránh được một cuộc chiến tranh chống nhiều kẻ thù khi lực lượng của ta còn yếu; tranh thủ thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu sau này.

+ Sau Hiệp định sơ bộ, ta tiếp tục đấu tranh ngoại giao, đàm phán chính thức với Pháp tại Phôngtennơblô, nhưng do Pháp ngoan cố cuối cùng hội nghị thất bại. Để tiếp tục kéo dài thời gian hòa hoãn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với đại diện chính phủ Pháp bản Tạm ước 14-9-1946, nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế -văn hóa ở Việt Nam.

+ Tranh thủ thời gian hòa hoãn, chúng ta đã củng cố và xây dựng lực lượng về mọi mặt (về chính trị, kinh tế, quân sự,...). Pháp cố ý gây chiến tranh (khiêu khích, tăng quân, đánh chiếm Lạng Sơn, Hải Phòng, gây xung đột ở Hà Nội), gửi tối hậu thư ngày 18-12-1946 đòi chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng, thực chất là Pháp bắt ta đầu hàng. Ta không thể nhân nhượng được nữa, cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu (19-12-1946).

Câu 4: Trình bày những thành tựu và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta từ năm 1986 đến năm 1991? 3 điểm

1. Thành tựu:

+ Thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã đạt được nhiều thành tựu, trước hết là trong việc thực hiện Ba chương trình kinh tế.

+ Về lương thực-thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập gạo (hơn 45 vạn tấn), đến năm 1990 ta đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất-nhập khẩu.

+ Hàng hóa, nhất là hàng tiêu dùng trên thị trường dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, tiến bộ về mẫu mã và chất lượng. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường.

+ Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập.

+ Bước đầu kiềm chế được được đà lạm phát. Chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20% đến năm 1991 là 4,4%. Các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi hơn để hạch toán kinh doanh, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

+ Thắng lợi cơ bản có ý nghĩa chiến lược lâu dài là bước đầu khẳng định chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. Điều đó đã đi vào cuộc sống, phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, tăng sản phẩm cho xã hội. Những thành tựu và ưu điểm nói trên là rất quan trọng. Nó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

2. Hạn chế:

+ Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm tăng, hiệu quả kinh tế thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

+ Chế độ tiền lương bất hợp lí, đời sống của người ăn lương, một bộ phận nông dân giảm sút, tỉ lệ tăng dân số còn cao.

+ Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp; tình trạng tham nhũng, mất dân chủ, bất công xã hội, vi phạm pháp luật và nhiều hiện tượng tiêu cực khác còn nặng nề và phổ biến.

+ Thành tựu và ưu điểm là rất quan trọng, nhưng khó khăn, yếu kém là rất lớn. Đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.

KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2004

*Môn thi: **Lịch sử***

Thời gian làm bài: 180 phút

Câu I (2 điểm)

Anh (chị) hãy phân tích những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám (1945).

Câu II (5 điểm)

Dựa vào ba sự kiện quan trọng sau đây: Chiến thắng Việt Bắc (1947), chiến thắng Biên giới (1950) và chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), anh (chị) hãy làm sáng tỏ các bước phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

Câu III (3 điểm)

Anh (chị) hãy trình bày những thành tựu (từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991) của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai của nhân loại.

ĐÁP ÁN

I. Những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám (1945). 2,0 điểm

1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp đúng đắn, sáng tạo nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đưa nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu, nhằm tập trung lực lượng để thực hiện cho kì được yêu cầu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

2. Đánh giá đúng và biết tập hợp, tổ chức lực lượng các giai cấp cách mạng, trong đó công nông là đội quân chủ lực. Trên cơ sở khối liên minh công nông, biết khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

3. Nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị; kết hợp chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn với đấu tranh chính trị và khởi nghĩa ở đô thị để khi có thời cơ thì phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền.

II. Dựa vào ba sự kiện quan trọng sau đây: Chiến thắng Việt Bắc (1947), chiến thắng Biên giới (1950) và chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), anh (chị) hãy làm sáng tỏ các bước phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta. 5,0 điểm

1. Chiến thắng Việt Bắc 1947 (1,50 điểm)

a. Sau khi quân ta rút khỏi các đô thị, thực dân Pháp, tuy đã kiểm soát được nhiều địa bàn quan trọng, nhưng vẫn chưa thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh. Cuộc chiến tranh có nguy cơ kéo dài. Thu - đông 1947, thực dân Pháp tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của

cuộc kháng chiến và phần lớn bộ đội chủ lực của ta, từ đó thúc đẩy việc thành lập chính quyền bù nhìn và nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

b. Từ ngày 7 tháng 10 năm 1947, địch huy động 12.000 quân chia thành nhiều mũi (đường thuỷ, đường bộ, nhảy dù) tiến công lên Việt Bắc.

Thực.hiện chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp", sau 75 ngày chiến đấu (từ ngày 7 tháng 10 năm 1947 đến ngày 19 tháng 12 năm 1947) chiến dịch Việt Bắc toàn thắng. Đại bộ phận quân địch đã rút khỏi địa bàn này. Trong chiến dịch, ta đã tiêu diệt một lực lượng lớn quân địch và phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh (hơn 6.000 tên bị loại khỏi vòng chiến đấu, 16 máy bay bị bắn rơi, 11 tàu chiến, ca nô bị đánh chìm...).

c. Với chiến thắng Việt Bắc, cơ quan đầu não kháng chiến của ta được bảo vệ an toàn.

Quân đội ta không những không bị tiêu diệt mà đã trưởng thành và được trang bị thêm nhiều vũ khí. Sau chiến thắng, so sánh lực lượng giữa ta và địch bắt đầu thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta.

Với chiến thắng Việt Bắc, quân dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

2. Chiến thắng Biên Giới 1950 (1,50 điểm)

a. Qua mấy năm kháng chiến, quân dân ta đã thu được nhiều thắng lợi to lớn trên tất cả các mặt trận. Từ cuối năm 1949 đến giữa năm 1950, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến quan trọng có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. Để tranh thủ những điều kiện thuận lợi, phá thế bị bao vây bên trong và bên ngoài, đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn phát triển mới, Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch Biên giới nhằm khai thông biên giới Việt - Trung để mở rộng đường liên lạc với các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc; tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

b. Đây là chiến dịch lớn nhất của quân dân ta kể từ ngày đầu kháng chiến chống Pháp đến lúc đó. Gần 3 vạn bộ đội và hơn 12 vạn dân công tham gia chiến dịch.

Sau hơn 1 tháng chiến đấu (từ ngày 16 tháng 9 năm 1950 đến ngày 22 tháng 10 năm 1950), chiến dịch Biên giới đã giành được thắng lợi to lớn: Diệt và bắt sống 8.300 tên địch, thu hàng ngàn tấn vũ khí; giải phóng tuyến biên giới dài 750 km với 35 vạn dân.

c. Trong chiến dịch Biên giới, lần đầu tiên nhiều đơn vị bộ đội phối hợp tác chiến, đánh địch trên một chiến trường rộng, diệt gọn nhiều tiểu đoàn cơ động tinh nhuệ của địch.

Tuyến biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập được khai thông; "Hành lang Đông - Tây" của địch bị chọc thủng; thế bao vây của địch cả trong và ngoài đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ. Từ đó, cách mạng Việt Nam có điều kiện mở rộng liên lạc quốc tế.

Với chiến thắng Biên giới, ta đã giành được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Từ đó về sau, quân dân ta mở nhiều chiến dịch tiến công, đánh tiêu diệt địch với quy mô ngày càng lớn.

3. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 (2,0 điểm)

a. Sau 8 năm chiến đấu, ta đã lớn mạnh về mọi mặt và có đủ điều kiện đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Ngược lại, Pháp đang sa lầy trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Cuộc chiến tranh lâu dài, tốn kém đã làm cho thực dân Pháp gặp nhiều khó khăn và ngày càng phụ thuộc vào Mĩ. Trước tình hình đó, được sự thoả thuận của Mĩ, Pháp đã đề ra kế hoạch Nava với hi vọng "chuyển bại thành thắng" trong vòng 18 tháng.

Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một pháo đài "bất khả xâm phạm", sẵn sàng "nghiền nát" bộ đội chủ lực ta. Điện Biên Phủ trở thành tâm điểm của kế hoạch Nava.

b. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân ta khẩn trương vào chiến dịch với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!". Hầu hết các đại đoàn bộ đội chủ lực và hơn 26 vạn dân công đã được huy động cho chiến dịch.

Điện Biên Phủ là một chiến dịch tiến công địch liên tục gồm 3 đợt:

Đợt 1 (từ ngày 13 đến ngày 17 tháng 3 năm 1954): Ta tiêu diệt cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu phía Bắc.

Đợt 2 (từ ngày 30 tháng 3 đến ngày 26 tháng 4 năm 1954): Ta tấn công các cứ điểm phía đông của phân khu trung tâm, khép chặt vòng vây quanh khu trung tâm Mường Thanh.

Đợt 3 (từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 5 năm 1954): Ta đánh chiếm các cao điểm còn lại phía đông và tổng công kích vào khu trung tâm. Bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm bị bắt, gần một vạn quân địch ra hàng.

c. Sau 56 ngày đêm chiến đấu, ta đã giành được thắng lợi to lớn: Tiêu diệt và bắt sống toàn bộ lực lượng địch ở tập đoàn cứ điểm gồm 16.200 tên, bắn rơi và phá huỷ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Nava, nỗ lực cuối cùng của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ ở Đông Dương. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa của thế kỉ XX.

Thắng lợi quân sự quyết định ở Điện Biên Phủ đã đưa phái đoàn chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đến hội nghị Giơnevơ với tư thế đại biểu cho một dân tộc chiến thắng. Hiệp định Giơnevơ được kí kết; các nước tham dự đã cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia.

Chiến thắng Điện Biên Phủ cùng với hiệp định Giơnevơ, đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ ở Đông Dương. Cách mạng Việt Nam bước sang thời kì mới. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

III. Anh (chị) hãy trình bày những thành tựu (từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991) của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật lần thứ hai của nhân loại. 3,0 điểm

1. Trước hết, trong lĩnh vực khoa học cơ bản, con người đã thu được những thành tựu hết sức to lớn, đánh dấu những bước nhảy vọt chưa từng có trong lịch sử toán học, vật lí học, hóa học, sinh vật học, tiêu biểu như phát minh ra sóng điện từ, tia rơnghen và hiện tượng phóng xạ, khởi thảo thuyết lượng tử và thuyết tương đối học,...

2. Thứ hai, các nhà khoa học đã có những phát minh lớn về công cụ sản xuất mới, đặc biệt là sự ra đời của máy tính, máy tự động và hệ thống máy tự động, "người máy" (rôbôt). Ngày nay rôbôt đã đảm nhiệm những công việc mà con người không thể hoặc không nên làm.

3. Thứ ba, con người đã tìm ra những nguồn năng lượng mới hết sức phong phú và vô tận như năng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời,... Năng lượng nguyên tử và năng lượng mặt trời đang được con người sử dụng ngày càng phổ biến, và trong một tương lai không xa, nó sẽ thay thế dần nhiệt điện và thủy điện.

4. Thứ tư, sáng chế ra những vật liệu mới trong tình hình vật liệu tự nhiên đang cạn kiệt dần trong thiên nhiên, tiêu biểu như chất pôlime (chất dẻo) đang có một vị trí rất quan trọng trong đời sống và sản xuất công nghiệp.

5. Thứ năm, là cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp. Nhờ tác động tổng hợp của các ngành khoa học, nhất là sinh vật học, hóa học, nông nghiệp đang tiến những bước nhảy vọt. Nhờ cuộc "cách mạng xanh" này, con người đã tìm ra những phương hướng để có thể khắc phục được nạn đói ăn, thiếu thực phẩm kéo dài nhiều thế kỉ.

6. Thứ sáu, con người đã đạt những tiến bộ thần kì trong các lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc (máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hỏa chạy tới 300km-giờ, tàu chở dầu 1 triệu tấn, vệ tinh nhân tạo, những phương tiện thông tin liên lạc và phát sóng truyền hình hiện đại,...).

7. Ngoài ra, con người còn có thành tựu kì diệu trong chinh phục vũ trụ, phục vụ cuộc sống con người (thám hiểm mặt trăng, tàu con thoi, nhận những thông tin về Sao Kim, Sao Hỏa,...).

KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2005

Môn thi: ***Lịch sử***

Thời gian làm bài: 180 phút

Câu 1: (5 điểm)

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự phát triển của cao trào kháng Nhật cứu nước. ý nghĩa của cao trào cách mạng đó đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945?

2. Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thực hiện những chủ trương gì để Việt Nam với tư cách là nước độc lập đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật?

âu 2: (3 điểm)

Những thắng lợi lớn của quân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh ống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ từ 1961 - 1965.

âu 3: (2 điểm)

Nêu những sự kiện lịch sử tiêu biểu thể hiện tính đoàn kết chiến đấu ữa hai dân tộc Việt Nam và Lào trong thời kì chống Pháp và chống Mĩ 945 - 1975)?

ĐÁP ÁN

âu 1:

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự phát triển của cao trào kháng Nhật cứu nước. ý ghĩa của cao trào cách mạng đó đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945?

a.Hoàn cảnh lịch sử của cao trào kháng Nhật cứu nước.

- Từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 -1941). Mặt trận Việt Minh phát iển mạnh, các đội Cứu quốc quân, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời.

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, phe phát-xít ứng trước nguy cơ thất bại gần kề.

- Đêm 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương nhằm nh tay đối phó với quân Đồng minh.

 kiện này đã thúc đẩy cách mạng Đông Dương bước sang thời kì mới - ời kì tiền khởi nghĩa.

- Trước tình hình đó, Thường vụ Trung ương Đảng họp tại hội nghị mở ng, đề ra chủ trương mới (Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của úng ta" ngày 12-3-1945) và phát động cao trào "Kháng Nhật cứu nước".

b. Sự phát triển của cao trào kháng Nhật cứu nước

- Cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra với quy mô lớn và nhiều hình ức đấu tranh phong phú, quyết liệt, thích ứng với thời kì tiền khởi nghĩa.

Phong trào đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần liên tục diễn ra, ính quyền nhân dân được thành lập ở nhiều địa phương (căn cứ địa Cao- ắc-Lạng, Ba Tơ).

- Hội nghị quân sự Bắc Kì (4-1945) quyết định thống nhất các lực lượng trang thành Việt Nam Giải phóng quân và phát triển hơn nữa lực lượng trang, xây dựng căn cứ địa kháng Nhật...

- Tháng 6-1945 Khu giải phóng Việt Bắc ra đời. Uỷ ban lâm thời khu giải ióng thực hiện 10 chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng trở thành căn địa chính của cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

- Phong trào phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói đã đáp ứng ợc yêu cầu bức thiết của quần chúng, thu hút hàng triệu người tham gia, o trước giờ hành động quyết định sắp tới.

c. Ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước

Qua cao trào kháng Nhật cứu nước, lực lượng chính trị, lực lượng vũ ang được củng cố, phát triển vượt bậc: kẻ thù hoang mang, suy yếu.

- Cao trào kháng Nhật cứu nước đã tập dượt cho quần chúng đấu tran sẵn sàng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

2. Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thự hiện những chủ trương gì để Việt Nam với tư cách là nước độc lậ đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật?

- Tổ chức Hội nghị toàn quốc Đảng cộng sản Đông Dương (13 đến 15-1945). Quyết địnhTổng khởi nghĩa giành hcính quyền trước khi quân Đồi minh vào giải giáp quân đội Nhật: Tổ chức Đại hội quốc dân (16 đến 17-1945) thông qua lệnh tổng khởi nghĩa, quyết định quốc kì, quốc ca, bầu U ban dân tộc giải phóng (tức Chính phủ lâm thời sau này) do Hồ Chí Mi làm Chủ tịch.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Việt Minh đã lãnh đạo nhân dân giàr chính quyền thắng lợi trên toàn quốc chỉ trong 15 ngày (14 đến 28-8-1945).

Cải tổ Uỷ ban dân tộc giải phóng thành Chính phủ lâm thời.

Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập và vào ngày 2-1945 thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trư quốc dân và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 2. Những thắng lợi lớn của quân dân miền Nam trong cuộc đấ tranh chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ từ 1961 - 1965

- Sau thắng lợi của phong trào Đồng khởi, cách mạng miền Nam chuyể sang thế tiến công.

- Từ năm 1961, Mĩ triển khai chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Na

- Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc Giải phóng mi Nam Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Quân Giải phóng miền Nam cùng v nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và tay sai, kết hợp đấu tranh chír trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lượ tiến công địch bằng cả ba mũi chính trị, quân sự và binh vận.

- Năm 1962 quân dân miền Nam đánh bại nhiều cuộc hành quân cà quét của địch vào chiến khu D, các căn cứ U Minh, Tây Ninh...

- Ngày 2-1-1963 quân dân miền Nam giành thắng lợi vang dội tror trận Ấp Bắc, đánh bại cuộc hành quân càn quét quy mô lớn của Mĩ- ngụy. Chiến thắng Ấp Bắc chứng minh khả năng quân dân miền Nam có thể đár bại hoàn toàn "Chiến tranh đặc biệt". Ngay sau đó, trên khắp miền Nam dá lên phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công".

- Cũng trong năm 1963 phong trào đấu tranh chính trị diễn ra mạr mẽ, nhất là phong trào Phật giáo ở các đô thị lớn như Huế, Đà Nẵng, S Gòn phản đối chính quyền Ngô Đình Nhiệm, làm rung chuyển chế độ ngụ Ngày 1-11-1963 Mĩ giật dây làm đảo chính lật đổ chính quyền Diệm. Phor trào tiếp tục dâng cao ở các đô thị lớn chống chính quyền Nguyễn Khán làm rối loạn thêm hậu phương của địch.

- Cuộc đấu tranh chống phá bình định diễn ra dai dẳng, quyết liệ Trong năm 1964 và đầu năm 1965, từng mảng lớn "ấp chiến lược" do Mĩ-ngụ

ập nên bị phá vỡ, nhiều ấp chiến lược của địch sau đó trở thành làng chiến đấu của ta. Vùng giải phóng này ngày càng mở rộng, trở thành hậu phương trực tiếp và vững chắc của cách mạng.

- Từ cuối năm 1964 đến giữa năm 1965. Quân Giải phóng mở chiến dịch tiến công và giành thắng lợi lớn ở Bình Giã, Ba Gia, An Lão, Đồng Xoài... Những thắng lợi lớn của quân dân miền Nam đã làm cho chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn.

Câu 3: Nêu những sự kiện lịch sử tiêu biểu thể hiện tính đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Việt Nam và Lào trong thời kì chống Pháp và chống Mĩ (1945 - 1975)?

a. Trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

- Tháng 4 - 1953, bộ đội Việt Nam kết hợp với bộ đội Pathét Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Lỳ. Căn cứ kháng chiến Lào được mở rộng và nối liền với Tây Bắc Việt Nam.

- Tháng 12 - 1953, phối hợp với bộ đội Pathét Lào, bộ đội Việt Nam mở chiến dịch Trung Lào, giải phóng thị xã Thà Khẹt và toàn bộ tỉnh Khăm Muộn, uy hiếp Sênô.

- Đầu năm 1954, phối hợp với một số đơn vị bộ đội Pathét Lào, bộ đội Việt Nam mở chiến dịch Thượng Lào, mở rộng căn cứ kháng chiến cho nước bạn Lào.

- Những thắng lợi của quân dân Việt - Lào trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp đã buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954), công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

b. Trong kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975)

- Sau khi Mĩ giúp bọn tay sai làm đảo chính, xoá bỏ nền trung lập ở Campuchia, ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia họp Hội nghị cấp cao (24 - 25 - 4 1970) để biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

- Nửa đầu năm 1970, quân tình nguyện Việt Nam ở Lào cùng quân dân Lào đập tan cuộc hành quân lấn chiếm Cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng, giải phóng một vùng rộng lớn ở Nam Lào.

- Tháng 2 và tháng 3 - 1971, quân dân Việt Nam phối hợp với quân dân Lào đập tan cuộc hành quân Lam Sơn "719" nhằm chiếm giữ Đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân ngụy Sài Gòn, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

- Thắng lợi của cách mạng Việt Nam buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari (21-1-1973), sau đó Mĩ phải kí Hiệp định Viêng Chăn với Lào (21-2-1973). Chiến thắng 30-4-1975 của Việt Nam đã cổ vũ và tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến chống Mĩ ở Lào giành thắng lợi hoàn toàn, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào ra đời (2-12-1975).

Tình đoàn kết, phối hợp chiến đấu giữa hai dân tộc Việt - Lào đã trở thành yếu tố thúc đẩy sự phát triển và thắng lợi của cuộc kháng chiến ở mỗi nước.

KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2006

*Môn thi: **Lịch sử***

Thời gian làm bài: 180 phút

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC THÍ SINH

Câu 1 (2 điểm)

Những thắng lợi của quân đồng minh trong việc tiêu diệt phát xít Nh và tác động của những thắng lợi đó đối với Việt Nam năm 1945?

Câu 2 (2,5 điểm)

Trình bày những thuận lợi cơ bản của Việt Nam sau Cách mạng thán Tám 1945. Nhiệm vụ củng cố chính quyền dân chủ nhân dân được thực hiệ như thế nào trong năm 1946?

Câu 3 (2,5 điểm)

Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc giải quyết mối quan hệ Việt – Pháp bằn con đường hoà bình từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946?

PHẦN TỰ CHỌN: Thí sinh chọn câu IV.a hoặc IV. b

Câu IV.a. Theo chương trình THPT không chuyên ban (3 điểm)

Hoàn cảnh kí kết, nội dung và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơ-ne- về Đông Dương ngày 21-7-1954?

Câu IV.b. Theo chương trình THPT phân ban thí điểm (3 điểm)

Khái quát tình hình hai miền Bắc, Nam Việt Nam từ khi Hiệp định P ri được kí kết (tháng 1-1973) đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975?

ĐÁP ÁN

Câu 1 (2 điểm)

Những thắng lợi của quân Đồng minh...

+ Cuối năm 1944 đầu năm 1945, quân Đồng minh phản công thắng lợ Anh vào Miến Điện, Mĩ chiếm Phi-líp-pin và ném bom Nhật Bản, cắt đ đường biển của Nhật...

+ Tình thế đó buộc Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945) độc chiếm Đôn Dương, thi hành chính sách cai trị mới; mâu thuẫn dân tộc ta với Nhật trở nê gay gắt. Đảng Cộng sản Đông Dương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước

+ Sau khi tiêu diệt phát xít Đức, Liên Xô tuyên chiến và tiêu diệt quâ Quan Đông của Nhật. Mĩ ném bom nguyên tử xuống đất Nhật. Nhật tuyên b đầu hàng Đồng minh không điều kiện (14-8-1945).

+ Chính quyền và quân đội Nhật ở Đông Dương bị tê liệt, chính phủ ta sai do Trần Trọng Kim cầm đầu hoang mang cực độ. Quân Đồng minh chuẩ bị vào Đông Dương giải giáp Nhật. Ta chớp thời cơ quyết định Tổng kh nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

âu 2 (2,5 điểm)

Trình bày những thuận lợi cơ bản..........

+ Những thuận lợi cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau ách mạng tháng Tám:

* Có chính quyền cách mạng của nhân dân.

* Nhân dân làm chủ vận mệnh của mình, phấn khởi, tin tưởng, quyết m bao vệ chế độ mới.

* Có sự lãnh đạo sáng suốt, dày dạn kinh nghiệm của Đảng Cộng sản ông Dương và Lãnh tụ Hồ Chí Minh.

* Phong trào cách mạng thế gới phát triển mạnh.

+ Nhiệm vụ củng cố chính quyền dân chủ nhân dân là nhiệm vụ cấp ích trước mắt:

* Ngày 6-1-1946, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước, hơn 90% cử i đi bầu, 333 đại biểu trúng cử...

* Ngày 2-3-1946, kì họp thứ nhất của Quốc hội, thành lập Chính phủ ính thức do Hồ Chí Minh đứng đầu, lập Ban dự thảo Hiến pháp.

* Các địa phương bầu Hội đồng nhân dân, thành lập uỷ ban hành chính các p; bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân bước đầu được củng cố, kiện toàn.

* Tháng 11-1946, kì họp thứ hai của Quốc hội thông qua Hiến pháp đầu ên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

* Xây dựng toà án cách mạng và lực lượng vũ trang cách mạng (dân ân tự vệ, bộ đội tập trung, chuyển Vệ quốc quân thành Quân đội quốc gia ệt Nam 5-1946...), Chính phủ ra một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản ch mạng.

Kết luận: Thực hiện nhiệm vụ củng cố chính quyền đã nâng uy tín nước ệt Nam Dân chủ Cộng hoà trên trường quốc tế, khơi dậy và phát huy tinh ần làm chủ, ý chí sắt đá của khối đoàn kết toàn dân, tạo cơ sở pháp lí vững ắc cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

âu 3 (2,5 điểm)

Chủ tịch Hồ Chí Minh giải quyết mối quan hệ.......

+ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời mong muốn được công nhận uyền tự do độc lập. Pháp âm mưu chia cắt và thôn tính Việt Nam một lần nữa.

+ Pháp kí hiệp ước với Tưởng (28-2-1946) đặt Việt Nam trước một cuộc iến tranh với Pháp trên quy mô cả nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khai thác ọi khả năng, chủ động đàm phán để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, tiếp tục át triển thực lực cách mạng mọi mặt làm cơ sở cho đấu tranh ngoại giao.

+ Ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp Hiệp định sơ bộ. heo đó, Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia tự do có ính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp áp, Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc

thay thế cho quân Tưởng; hai bên thực hiện ngừng bắn, tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức ở Pari.

+ Tiếp tục hoà hoãn, Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu cử đoàn đại biểu tham gia đàm phán Việt- Pháp tại Phông-ten-nơ-blô; do Pháp ngoan cố nên đàm phán thất bại. Quan hệ Việt -Pháp trở nên căng thẳng, chiến tranh có thể xảy ra.

+ Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang ở thăm nước Pháp, đàm phán và kí với đại diện chính phủ Pháp Tạm ước 14-9-1946, tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá, nhằm kéo dài thời gian hoà hoãn.

+ Sau khi kí các Hiệp định và Tạm ước nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi, thậm chí chấp nhận tham gia khối Liên hiệp Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ tiếp tục lãnh đạo nhân dân kiên trì đấu tranh, tích cực chuẩn bị lực lượng, đề phòng tình thế bất trắc do Pháp gây ra.

+ Kiên trì giải quyết quan hệ Việt – Pháp bằng biện pháp đàm phán, thương lượng của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện thiện chí hoà bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam; đẩy nhanh quân Tưởng về nước và phá tan âm mưu Pháp cấu kết với Tưởng chống lại nhân dân ta; kéo dài thời gian hoà bình để củng cố xây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mà ta biết trước là không thể tránh khỏi.

Câu IVa. Hoàn cảnh kí kết, nội dung, ý nghĩa.....

+ Hoàn cảnh kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ:

* Lập trường trước sau như một của ta là sẵn sàng thương lượng để giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

* Đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, do thất bại nặng nề trên chiến trường và gặp nhiều khó khăn, Pháp mới thay đổi thái độ, chấp nhận đàm phán với ta.

* Tháng 1-1954, Hội nghị ngoại trưởng các nước Liên Xô, Anh, Mĩ, Pháp thoả thuận mở Hội nghị tại Giơ-ne-vơ (Thuỵ Sĩ) để giải quyết tình hình bán đảo Triều Tiên, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

* Ngày 26-4-1954, giữa lúc ta đang chuẩn bị mở cuộc tấn công đợt 3 ở Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc. Ngày 8-5-11954, Hội nghị bàn về Đông Dương, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu tham dự hội nghị. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

+ Nội dung văn bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ:

* Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, không can thiệp vào nội bộ của ba nước đó.

* Ngừng bắn và chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình. Ở Việt Nam lấy ĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời để chuyển quân tập kết... Các ước Đông Dương không tham gia bất cứ liên minh quân sự nào và các nước goài không được được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương.

* Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất đất nước bằng cuộc tổng tuyển cử tự ɔ trong cả nước vào tháng 7- 1956.

* Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí kết và hững người kế tiếp nhiệm vụ của họ.

+ Ý nghĩa lịch sử:

* Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt am, Lào và Campuchia.

* Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ kết thúc cuộc kháng chiến, chấm ứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có Mĩ giúp sức ở Đông Dương.

* Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu uẫn cho cách mạng miền Nam.

âu IVb. Khái quát tình hình hai miền Bắc, Nam....

+ Miền Bắc:

* Trở lại hoà bình, khắc phục hậu quả chiến tranh (khẩn trương tháo gỡ ɔm, mìn, thuỷ lôi, khai thông các tuyến giao thông chiến lược)

* Tập trung khôi phục và phát triển kinh tế: Cuối năm 1974 sản xuất ɔng, nông nghiệp căn bản vượt mức so với năm 1964 và 1971.

* Ra sức chi viện sức người, sức của cho miền Nam: năm 1973-1974 đưa ào các chiến trường 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cùng ang vạn tấn vật chất...

+ Miền Nam:

* Mĩ, ngụy phá hoại Hiệp định Pari (Mĩ rút quân nhưng vẫn để lại cố ín vấ toàn bộ thiết bị chiến tranh, viện trợ cho chính quyền Thiệu, tiếp tục ực hiện Việt Nam hoá chiến tranh...)

* Quân dân ta đấu tranh chống địch "bịnh định lấn chiếm"; nhưng do hông đánh giá hết âm mưu địch phá hoại Hiệp định, nên một số nơi mất ít, mất dân.

* Từ cuối năm 1973, thực hiện Nghị quyết 21 của BCHTƯ Đảng, quân ìn miền Nam đẩy mạnh đấu tranh trên cả 3 mặt trận quân sự, chính trị, goại giao giành thắng lợi to lớn (chiến dịch Đường 14 – Phước Long...)

* Tình hình thay đổi mau lẹ, so sánh lực lượng ngày càng chuyển biến có i cho ta. Trên cơ sở đó, Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

PHẦN MỘT
LỊCH SỬ VIỆT NAM

Chương I. **VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT**

Bài 1. NHỮNG BIẾN CHUYỂN VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1930 5

Bài 2 . PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT 11

Bài 3. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI (1925 – 1930) 19

Chương II. **CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM**

Bài 4. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI 31

NIÊN BIỂU – SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919-1930) 41

Bài 5. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG 42

Bài 6. CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936 – 1939 52

Bài 7. CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 – 1945) 59

NIÊN BIỂU - SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1930 - 1945) 92

Chương III. **CUỘC ĐẤU TRANH ĐỂ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945-1946)**

Bài 8. CUỘC ĐẤU TRANH ĐỂ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946) 94

Chương IV. **CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ CAN THIỆP MĨ (1946-1954)**

Bài 9. NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946-1950) 106

Bài 10. BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TRONG NHỮNG NĂM 1951 – 1953 123

Bài 11. CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI 131

NIÊN ĐẠI - SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1945 – 1954) 141

Chương V. **CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)**

Bài 12. TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI (1954-1975) 143

Bài 13. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG

DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM (1954-1965) 143
Bài 14. NHÂN DÂN HAI MIỀN NAM BẮC TRỰC TIẾP ĐƯƠNG ĐẦU VỚI ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC (1965-1973) 169
Bài 15. CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐI ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1973-1975) 186

Chương VI. **CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 – 1991)**
Bài 16. HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ VỀ MẶT NHÀ NƯỚC (1975 – 1976) 208
Bài 17. VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1976 – 1991) 211
NIÊN BIỂU – SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1954 – 1995) 217

PHẦN HAI
LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Bài 1. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THỨ HAI 219
Bài 2. CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ, LA TINH SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 225
Bài 3. MĨ – NHẬT BẢN – TÂY ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 240
Bài 4. QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 246
Bài 5. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC KĨ THUẬT SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 250
GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ THI HỌC SINH GIỎI 253
LỊCH SỬ VIỆT NAM 253
LỊCH SỬ THẾ GIỚI 258

MỘT SỐ ĐỀ THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG 260
KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2002 260
KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2003 263
KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2004 267
KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2006 274

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (04) 9714896; (04) 9724770; Fax: (04) 9714899
E-mail: nxb@vnu.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Biên tập: TUẤN PHONG - THANH NGA
Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN
Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

HƯỚNG DẪN HỌC VÀ LUYỆN THI LỊCH SỬ

Mã số: 2L- 12 ĐH2006
In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Xưởng in Công ty Phát triển Công nghệ Truyền hình Tp. HCM
Số xuất bản: 639 - 2006/CXB/6 - 120/ĐHQGHN, ngày 17/08/2006
Quyết định xuất bản số: 263 LK/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2006.